

TIÊU TẠNG THANH VĂN



TĂNG NHẤT A-HÀM

增壹阿含經

*

Hán dịch:

Tam tạng Cù-đàm Tăng-già-đề-bà

三藏瞿曇僧伽提婆

Việt dịch:

Thích Đức Thắng

Hiệu chỉnh & chú thích:

Thích Tuệ Sỹ

NHÀ XUẤT BẢN PHƯƠNG ĐÔNG

■ **TẶNG NHẤT A HÀM**

Chịu trách nhiệm xuất bản: Quang Thắng

Biên tập nội dung: Xuân Lưu

Sửa bản in: Trung Hiếu

Bìa: Hạnh Việt

In 1.000 bản, khổ 14x20.5cm

tại Xí nghiệp in Fahasa

774 Trường Chinh, Q.Tân Bình, TP.Hồ Chí Minh

Số đăng ký kế hoạch xuất bản:

639-2011/CXB/13-260/PĐ

Cục xuất bản ký ngày 20 tháng 06 năm 2011

In xong và nộp lưu chiểu tháng 07 năm 2011

MỤC LỤC

1. Phẩm tựa.....	13
Thiên một pháp.....	35
2. Phẩm thập niệm	35
kinh số 1.....	35
kinh số 2.....	35
kinh số 3.....	36
kinh số 4.....	37
kinh số 5.....	37
kinh số 6.....	38
kinh số 7.....	38
kinh số 8.....	39
kinh số 9.....	40
kinh số 10.....	40
3. Phẩm quảng diễn.....	42
kinh số 1.....	42
kinh số 2.....	44
kinh số 3.....	45
kinh số 4.....	47
kinh số 5.....	49
kinh số 6.....	51
kinh số 7.....	52
kinh số 8.....	54
kinh số 9.....	56
kinh số 10.....	58
4. Phẩm đệ tử.....	60
kinh số 1.....	60
kinh số 2.....	61
kinh số 3.....	63
kinh số 4.....	65

kinh số 5.....	67
kinh số 6.....	68
kinh số 7.....	70
kinh số 8.....	72
kinh số 9.....	74
kinh số 10.....	76
5. Phạm tỳ-kheo-ni	78
kinh số 1.....	78
kinh số 2.....	79
kinh số 3.....	81
kinh số 4.....	83
kinh số 5.....	84
6. Phạm thanh tín sĩ	87
kinh số 1.....	87
kinh số 2.....	88
kinh số 3.....	89
kinh số 4.....	91
7. Phạm thanh tín nữ.....	93
kinh số 1.....	93
kinh số 2.....	94
kinh số 3.....	95
8. Phạm a-tu-la	98
kinh số 1.....	98
kinh số 2.....	99
kinh số 3.....	100
kinh số 4.....	101
kinh số 5.....	102
kinh số 6.....	102
kinh số 7.....	103
kinh số 8.....	104
kinh số 9.....	104
kinh số 10.....	105

9. Phẩm con một.....	107
kinh số 1.....	107
kinh số 2.....	108
kinh số 3.....	110
kinh số 4.....	111
kinh số 5.....	111
kinh số 6.....	112
kinh số 7.....	113
kinh số 8.....	114
kinh số 9.....	115
kinh số 10.....	116
10. Phẩm hộ tâm.....	119
kinh số 1.....	119
kinh số 2.....	120
kinh số 3.....	121
kinh số 4.....	123
kinh số 5.....	127
kinh số 6.....	128
kinh số 7.....	129
kinh số 8.....	131
kinh số 9.....	132
kinh số 10.....	133
11. Phẩm bất hoàn.....	135
kinh số 1.....	135
kinh số 2.....	135
kinh số 3.....	136
kinh số 4.....	137
kinh số 5.....	137
kinh số 6.....	138
kinh số 7.....	138
kinh số 8.....	139
kinh số 9.....	139
kinh số 10.....	140

12. Phẩm nhập đạo.....	145
kinh số 1.....	145
kinh số 2.....	155
kinh số 3.....	155
kinh số 4.....	156
kinh số 5.....	157
kinh số 6.....	160
kinh số 7.....	162
kinh số 8.....	163
kinh số 9.....	164
kinh số 10.....	165
13. Phẩm lợi dưỡng.....	167
kinh số 1.....	167
kinh số 2.....	168
kinh số 3.....	169
kinh số 4.....	178
kinh số 5.....	182
kinh số 6.....	189
kinh số 7.....	191
14. Phẩm ngũ giới.....	196
kinh số 1.....	196
kinh số 2.....	196
kinh số 3.....	197
kinh số 4.....	198
kinh số 5.....	198
kinh số 6.....	199
kinh số 7.....	200
kinh số 8.....	201
kinh số 9.....	202
kinh số 10.....	202
Thiên hai pháp.....	205
15. Phẩm hữu vô.....	205
kinh số 1.....	205

kinh số 2.....	206
kinh số 3.....	207
kinh số 4.....	207
kinh số 5.....	208
kinh số 6.....	208
kinh số 7.....	209
kinh số 8.....	210
kinh số 9.....	210
kinh số 10.....	211
16. Phẩm hóa diệt.....	213
kinh số 1.....	213
kinh số 2.....	218
kinh số 3.....	219
kinh số 4.....	221
kinh số 5.....	223
kinh số 6.....	224
kinh số 7.....	225
kinh số 8.....	226
kinh số 9.....	227
kinh số 10.....	232
17. Phẩm an-ban.....	234
kinh số 1.....	234
kinh số 2.....	241
kinh số 3.....	241
kinh số 4.....	242
kinh số 5.....	242
kinh số 6.....	243
kinh số 7.....	244
kinh số 8.....	250
kinh số 9.....	252
kinh số 10.....	255
kinh số 11.....	261
18. Phẩm tầm quý.....	265

Tăng nhất A-hàm

kinh số 1.....	265
kinh số 2.....	265
kinh số 3.....	268
kinh số 4.....	275
kinh số 5.....	281
kinh số 6.....	285
kinh số 7.....	287
kinh số 8.....	295
kinh số 9.....	297
kinh số 10.....	297
19. Phẩm khuyến thỉnh	299
kinh số 1.....	299
kinh số 2.....	301
kinh số 3.....	302
kinh số 4.....	308
kinh số 5.....	309
kinh số 6.....	309
kinh số 7.....	310
kinh số 8.....	310
kinh số 9.....	312
kinh số 10.....	315
kinh số 11.....	316
20. Phẩm thiện tri thức.....	323
kinh số 1.....	323
kinh số 2.....	323
kinh số 3.....	325
kinh số 4.....	337
kinh số 5.....	339
kinh số 6.....	340
kinh số 7.....	340
kinh số 8.....	342
kinh số 9.....	342
kinh số 10.....	344

kinh số 11.....	345
kinh số 12.....	345
kinh v 13.....	348
Thiên ba pháp.....	351
21. Phẩm tam bảo.....	351
kinh số 1.....	351
kinh số 2.....	354
kinh số 3.....	356
kinh số 4.....	358
kinh số 5.....	359
kinh số 6.....	362
kinh số 7.....	365
kinh số 8.....	366
kinh số 9.....	368
kinh số 10.....	379
22. Phẩm ba cúng dường.....	382
kinh số 1.....	382
kinh số 2.....	383
kinh số 3.....	384
kinh số 4.....	385
kinh số 5.....	386
kinh số 6.....	387
kinh số 7.....	390
kinh số 8.....	390
kinh số 9.....	391
kinh số 10.....	393
23. Phẩm địa chủ.....	394
kinh số 1.....	394
kinh số 2.....	406
kinh số 3.....	409
kinh số 4.....	413
kinh số 5.....	417

Tăng nhất A-hàm

kinh số 6.....	420
kinh số 7.....	421
kinh số 8.....	423
kinh số 9.....	424
kinh số 10.....	425
24. Phẩm cao tràng	428
kinh số 1.....	428
kinh số 2.....	429
kinh số 3.....	438
kinh số 4.....	440
kinh số 5.....	445
kinh số 6.....	483
kinh số 7.....	492
kinh số 8.....	493
kinh số 9.....	513
kinh số 10.....	514

1. PHẨM TỰA

[549b13]

*Kính lạy Năng Nhân Đệ Thất Tiên,¹
Diễn thuyết Pháp² Thánh Hiền vô thượng.
Thế Tôn nay độ chúng quần sinh
Vốn đã từ lâu trôi sinh tử.*

*Tôn trưởng Ca-diếp và Thánh chúng,
Hiền triết A-nan văn quảng bác,
Cúng dường xá-lợi Phật Niết-bàn,
Từ nước Câu-di³ đến Ma-kiệt.*

*Ca-diếp tư duy hành bốn đẳng,⁴
Thương xót chúng sanh đọa năm đường;
Chánh giác dẫn đường nay cách xa,
Nhớ lời dạy khéo, lòng thương khóc.*

*Ca-diếp nghĩ suy: Gốc Chánh pháp,
Làm sao lưu bố mãi thế gian?
Lời dạy từ kim khẩu Tối Tôn,*

¹ Năng Nhân Đệ Thất Tiên 能仁第七仙, Phật Thích-ca Mâu-ni (Pāli: Sakka-muni) được gọi là vị Tiên thứ bảy (*isi-sattama*). Vị thứ nhất là Phật Tì-bà-thi (Pāli: Vipassin). Xem *Trường*, No 1(1); Pāli, D.14. Mahāpadāna.

² Hán: quỹ 軌; dịch nghĩa khác của *pháp*; Pāli *dhamma*.

³ Câu-di 拘夷; xem *Trường*, No 1(2): Câu-thi, hay Câu-thi-na-kiệt 拘尸那竭. Pl.: Kusinagara, nơi Phật nhập Niết-bàn. Xem *Ngũ phần 30* (T22 tr. 190b17 tt); *Tứ phần 54* (T22 tr. 966a19 tt).

⁴ Hán: Tứ đẳng 四等, hay tứ đẳng tâm, tức bốn vô lượng tâm (Pāli: *cattasso appamaññayo*).

Ghi giữ trong lòng không để mất.

*Ai có sức này, tập các pháp,
Nói rõ nhân duyên, gốc từ đâu?
Người trí hiện nay trong chúng này,
A-nan hiền thiện, nghe vô lượng.*

*Liên giống kiền chùy hợp bốn chúng;
Tỳ-kheo tám vạn bốn nghìn người,
Thấy đều La-hán tâm giải thoát,
Giải thoát trói buộc, làm phước điền.*

*Ca-diếp bởi vì thương thế gian,
Báo ân quá khứ, nhớ Tôn đức.
Thế Tôn phú pháp, trao A-nan,
Nguyện pháp lưu bố mãi ở đời.*

*Làm sao thuận tự, không mất mỗi,
Kết tập Pháp bảo ba tạng-kỳ;⁵
Để sau bốn chúng được nghe pháp,
Nghe rồi liền được lìa các khổ.*

*A-nan từ chối: “Sức không kham.
“Các pháp thậm thâm ngàn ấy thứ,
[549c01] “Há dám phân biệt lời Như Lai?
“Phẩm đức Phật pháp, vô lượng trí.
“Tôn giả Ca-diếp nay kham nhiệm,
“Đấng Thế Hùng đem pháp phú cho;
“Nay vì mọi người, Đại Ca-diếp,
“Tùng được Như Lai chia nửa tòa.⁶”*

⁵ 三阿僧祇集法寶: Chánh pháp do đức Thích Tôn tích tập trải qua ba a-tăng-kì; khái niệm mang tính Đại thừa.

⁶ Phật nhường cho Đại Ca-diếp nửa chỗ ngồi; xem *Tạp 41* (tr. 302a2).

Ca-diếp đáp rằng: “Tuy có vậy;
“Nhưng tuổi già yếu, đã quên nhiều.
“Sự nghiệp trí tuệ, Ông giữ hết,
“Hãy khiến gốc pháp còn mãi đời.
“Nay tôi có ba mắt thanh tịnh,
“Cũng có thể biết tâm tri người;
“Biết rõ tất cả hàng chúng sanh,
“Không ai hơn Tôn giả A-nan.”

Từ Phạm Thiên xuống đến Đế Thích,
Hộ thể Tứ vương cùng chư thiên;
Di-lặc Đâu-suất⁷ cũng đến họp.
Hàng ức Bồ-tát không kể hết.

Di-lặc, Phạm, Thích cùng Tứ vương,
Thầy đều chấp tay mà bạch hỏi:
“Tất cả các pháp, Phật ẩn chứng:
“A-nan là pháp khí của Ta.
“Nếu ai không muốn pháp tồn tại,
“Người ấy phá hoại lời Như Lai.
“Nguyện lưu pháp yếu, vì chúng sanh,
“Vượt qua nguy ách, thoát các nạn.
“Thích Tôn ra đời, sống rất ngắn.
“Tuy nhục thể mắt, Pháp thân còn.
“Để mong pháp yếu không đoạn tuyệt,
“A-nan, chớ chối từ thuyết pháp!”

⁷ Đề bản: 兜術; các nơi khác: 兜率 兜率 đầu-suất. Truyền thuyết Bồ-tát Di-lặc ngự trên cung trời Đâu-suất không được biết đến trong truyền thống Pāli; xem D.iii. tr.75-76: (...) *metteyyo nāma bhagavā loke uppajjissati*, “Đức Thế Tôn hiệu Di-lặc sẽ xuất hiện trong thế gian.”

Tôi tôn Ca-diếp cùng Thánh chúng,
Di-lặc, Phạm, Thích cùng Tứ vương;
Cần thỉnh A-nan mở lời cho,
Khiến lời Như Lai không diệt tận.

A-nan từ hòa, tâm bốn đẳng,
Ý chuyển vi tế sư tử hống;
Liếc nhìn bốn chúng, ngó hư không,
Khóc thương rung lệ không ngăn được.

Nhan sắc chợt bừng ánh sáng chói,
Tỏa khắp chúng sanh như hừng đông.
Di-lặc, Phạm, Thích nhìn ánh sáng,
Chấp tay chờ⁸ nghe Pháp vô thượng.

Bốn bộ chúng lặng lẽ, tâm chuyên nhất,
Muốn được nghe pháp, ý không loạn.
Tôn trưởng Ca-diếp cùng Thánh chúng,
Nhìn thẳng tôn nhan, mắt không chớp.

Rồi A-nan nói: “Kinh vô lượng,
“Làm sao tập đủ thành một tụ?
“Nay tôi sẽ chia làm ba phần,
“Tóm thâu mười kinh thành một kệ.
“Phần một Khế kinh, phần hai Luật,
“Phần ba lại là A-tỳ-đàm.
“Chư Phật⁹ quá khứ đều phân ba,
“Khế kinh, Luật, Pháp, làm ba tạng.
“Khế kinh nay hãy phân bốn đoạn;
“Trước hết Tăng nhất, hai là Trung,

⁸ Đê bản: 收拾遲; Tông-Nguyên: 又十希.

⁹ Nguyên Hán: Tam-phật 三佛, phiên âm Skt. Pāli: *Sambuddha*, Phật chánh giác. Cũng có thể hiểu là ba Phật quá khứ: Câu-lưu-tôn, Câu-na-hàm Mâu-ni, Ca-diếp.

“Ba gọi là Trường, nhiều chuỗi ngọc;
“Sau cùng phần bốn gọi Tạp kinh.”

[550a01] Tôn giả A-nan lại suy nghĩ:
“Pháp thân Như Lai không diệt mất,
“Còn mãi thế gian không đoạn tuyệt.
“Trời Người được nghe, thành đạo quả.
“Hoặc có Một pháp mà nghĩa sâu;
“Khó trì, khó tụng, không thể nhớ,
“Nay tôi kết tập nghĩa Một pháp;
“Một, Một, nối nhau, không mất mối.
“Cũng có Hai pháp, tập thành Hai;
“Ba pháp thành Ba, như xâu chuỗi.
“Bốn pháp thành Bốn, Năm cũng vậy.
“Năm pháp tiếp đến Sáu, Bảy pháp,
“Nghĩa Tám pháp rộng cho đến Chín.
“Mười pháp, từ mười đến Mười một.
“Pháp bảo như vậy trọn không mất;
“Hằng ở thế gian, tồn tại lâu.”

Ở giữa đại chúng tập pháp này,
A-nan tức thì thăng pháp tọa.
Di-lặc tán thán: “Khéo thuyết thay!
“Hãy nên phối hợp nghĩa các Pháp.
“Lại có các pháp nên phân bộ;
“Lời dạy Thế Tôn, mỗi mỗi khác.
“Bồ-tát phát ý¹⁰ hướng Đại thừa,
“Như Lai nói riêng cho pháp này:
“Thế Tôn¹¹ dạy sáu độ vô cực¹²:

¹⁰ Phát ý = phát tâm, tức phát bồ-đề tâm. Ý niệm chưa có trong nguyên thủy.

¹¹ Nguyên Hán: 人尊 Nhân Tôn, đáng Tôn quý trong loài người.

“Bồ thí, trì giới, nhẫn, tinh tấn,
“Sức thiền, trí tuệ như trăng non;
“Vượt qua vô cực thấy các pháp.
“Những ai dừng mãnh thí đầu mắt;
“Thân thể máu thịt không thương tiếc;
“Thê thiếp, quốc thành, cùng nam nữ;
“Đó là đàn độ¹³ không nên bỏ.
“Giới độ vô cực như kim cương,
“Không hủy, không phạm không thủng mắt;
“Giữ tâm hộ giới như bình lu.
“Đó gọi giới độ không nên bỏ.
“Hoặc có người đến chặt tay chân,
“Không khởi sân hận, sức nhẫn mạnh;
“Như biển dung chứa không tăng giảm,
“Đó là nhẫn độ không nên bỏ.
“Những ai tạo tác hành thiện ác,
“Cả thân, khẩu, ý không chán đui;
“Cản trở người, không đi đến đạo,
“Đó gọi tán độ không nên bỏ.
“Những ai thiên tọa đếm hơi thở,
“Tâm ý kiên cố, không loạn niệm;
“Vì có động đất, thân không nghiêng,
“Đó gọi thiên độ, không nên bỏ.
“Bằng sức trí tuệ, biết số bụi,
“Trải triệu số kiếp không kể xiết;
“Thư số, toán thuật,¹⁴ ý không loạn.

Pāli: *naruttama*.

¹² 六度無極 lục độ vô cực: sáu ba-la-mật.

¹³ Đàn độ 檀度, tức đàn ba-la-mật, hay bồ thí ba-la-mật (Skt. Pl.: *dāna-pāramitā*).

¹⁴ 書疏業聚 *thư số nghiệp tụ*, bản Thánh: 書疏數業 *thư số số nghiệp*. Đoạn sau, kinh 3 phẩm 20: 書疏文字 *thư số văn tự*. Đây

“Đó gọi trí độ, không nên bỏ.
“Các pháp thậm thâm, luận Lý Không,
“Khó sáng, khó tỏ, không thể quán;
“Tương lai đời sau lòng hồ nghi,
“Đức Bồ-tát này không nên bỏ.”

A-nan tự trình bày ý nghĩ:

“Người ngu không tin Bồ-tát hành;
[550b01] “Trừ các La-hán tín giải thoát¹⁵
Mới có tín tâm không do dự.
“Bốn chúng đệ tử, phát đạo ý,¹⁶
“Cùng tất cả mọi loài chúng sanh;
“Có lòng tin vững không hồ nghi;
“Kết tập pháp này thành một phân.”

Di-lặc tán thán: “Khéo thuyết thay!
“Phát tâm Đại thừa, ý quảng đại.”
“Hoặc có các pháp, đoạn kết sử;
“Hoặc có các pháp, thành quả đạo.”

A-nan nói rằng: “Đây thế nào?
“Tôi thấy Như Lai tuyên pháp này.
“Có người không nghe từ Như Lai
“Pháp này, há chẳng có hồ nghi?
“Nếu tôi nói nghĩa này không đúng,

muốn nói đến sự tinh thông các nghề nghiệp: thư pháp, toán số, và các nghề khác. Có lẽ muốn nói đến việc Bồ tát tinh thông ngữ minh.

¹⁵ 羅漢信解脫 tín giải thoát. Đây không phải là hạng tín giải thoát trong bảy hạng Thánh giả Thanh văn, thuộc hạng độn căn (Pāli: *saddhāvimutti*). Theo ngữ cảnh, có thể là tín thắng giải, chỉ hạng A-la-hán có tín giải Đại thừa.

¹⁶ Phát đạo ý 發道意, phát bồ-đề tâm.

“Nhu vậy hư dối đời tương lai.
“Nay các kinh xưng: Nghe như vậy¹⁷,
“Phật trú thành nào, quốc thổ nào?
“Lần đầu nói pháp: Ba-la-nại.
“Độ ba Ca-diếp: Ma-kiệt-đà.
“Câu-tát, Ca-thi, giữa Thích tộc,
“Chiêm-ba, Câu-lưu, Tỳ-xá-ly,
“Cung Trời, cung Rồng, A-tu-la,
“Cung Kiên-đạp-hòa¹⁸, thành Câu-thi;
“Giả sử không rõ nơi nói kinh,
“Thì nói nguyên gốc tại Xá-vệ.
“Việc ấy, một thời tôi đã nghe,
“Phật tại Xá-vệ cùng đệ tử;
“Tinh xá Kỳ-hoàn, trong khu vườn
“Trưởng giả Cô Độc tu thiện cúng.
“Khi Phật ở đây, bảo Tỳ-kheo:
“Nên chuyên tâm tu tập một pháp,
“Tư duy một pháp, không buông lung,
“Sao gọi một pháp? Là niệm Phật;
“Niệm Pháp, niệm Tăng cùng niệm giới,
“Niệm thí, niệm Thiên, trừ loạn tướng.
“Đình chỉ,¹⁹ an-ban, và niệm thân,
“Niệm chết trừ loạn, tổng mười niệm.²⁰

¹⁷ 聞如是 𣎵 như thị, hay 如是我聞 như thị 𣎵 𣎵, những từ mở đầu của các kinh.

¹⁸ 乾沓和; phiên âm phổ thông: 乾闥婆 càn-thát-bà. Pāli: *gandhabba*.

¹⁹ 息念 tức niệm; các kinh sau (Phẩm 40, kinh số 5): 念休息 niệm hư tức, suy niệm về sự tịch tĩnh. Pāli: *upasamānussati*. Xem kinh số 7.

²⁰ Mười niệm theo Pāli, A. i. tr. 42: *buddhānussati*, *dhammānussati*, *saṅghānussati*, *silānussati*, *cāgānussati*, *devatānussati*, *ānāpānassati*, *marānassati*, *kāyagāsati*,

“Đó pháp mười niệm, có thêm mười,
 “Tiếp theo, lại nói Thánh đệ tử²¹:
 “Trước độ Câu-lân²² con trưởng Phật,
 “Người nhỏ cuối cùng là Tu-bạt.²³
 “Dùng phương tiện này hiểu một pháp.
 “Hai từ hai pháp, ba từ ba.
 “Bốn, năm, sáu, bảy, tám, chín, mười,
 “Mười một, không pháp nào không rõ.
 “Từ một tăng một đến các pháp,
 “Nghĩa nhiều, huệ rộng không thể tận.
 “Mỗi một Khế kinh nghĩa cũng sâu,
 “Cho nên gọi là Tăng nhất hàm.
 “Nay tìm một pháp khó rõ ràng,
 “Khó trì, khó hiểu, không thể tỏ.
 “Tỳ-kheo tự nói nghiệp công đức,
 “Nay phải gọi là Thánh đệ tử*;
 “Giống như thợ gốm làm đồ dùng,
 “Theo ý mà làm không nghi ngại.
 “A-hàm Tăng nhất pháp cũng vậy,
 “Ba thừa giáo hóa không sai khác.
 [550c01] “Vi diệu Phật kinh rất thâm sâu,
 “Hay trừ kiết sử như dòng chảy.
 “Tuy nhiên, Tăng nhất ở trên hết,
 “Làm sạch ba nhãn²⁴ trừ ba cấu.²⁵

upasamānussati.

²¹ 尊弟子: 聖弟子 Thánh đệ tử. Pāli: *ariyasāvaka.*

²² Câu-lân 拘鄰: 橋陳如 Kiêu-trần-như. Pāli: *Koṇḍañña.*

²³ Tu-bạt 須拔. Pl.: *Subhadaparibbājaka*, ngoại đạo xuất gia Subhada. Vị đệ tử cuối cùng. Xem *Trường*, No 1(2).

²⁴ *Trường* 8, kinh Chúng tập: ba loại mắt: 肉眼、天眼、慧眼
 mắt thịt, mắt trời, mắt huệ. Xem *Tập dị môn* 5, T26 tr. 388a15: —
 肉眼。二天眼。三聖慧眼

“Người nào chuyên tâm trì Tăng nhất,
“Là người tống trì tạng Như Lai.
“Cho dù thân này còn kết sử,
“Đời sau liền được trí tài cao.
“Nếu ai chép viết thành kinh quyển,
“Hoa lọng, lụa là đem cúng dâng;
“Phước này vô lượng không kể xiết.
“Vi Pháp bảo này, rất khó gặp.”

Khi nói lời này, đất rung động,
Trời mưa hoa thom ngập đến gối.
Trên không chư thiên khen: “Lành thay!
Tôn giả nói lời đều thuận nghĩa.
Khế kinh tạng một, Luật tạng hai,
Kinh A-tỳ-đàm²⁶ là tạng ba.
Phương đẳng, Đại thừa nghĩa thâm thúy,
Cùng các khế kinh là Tạp tạng.
Ổn định lời Phật quyết không đổi.
Nhân duyên sự tích đều phù hợp.”

Di-lặc, chư thiên cũng khen tốt:
Kinh điển Thích-ca tồn tại mãi.
Di-lặc đứng lên tay cầm hoa,
Vui mừng đem rải lên A-nan:
Kinh này chân thật Như Lai nói.
Cầu mong A-nan quả đạo thành.”

Bảy giờ Tôn giả A-nan, cùng Phạm thiên dẫn các trời Phạm-ca-di²⁷ đều đến hội họp. Trời Hóa tự tại²⁸ dẫn đoàn

²⁵ Ba câu, hay ba độc: tham, sân, si.

²⁶ 阿毘曇經.

²⁷ 梵迦夷天, Phạm-ca-di: Phạm chúng thiên hay Phạm thân

tùy từng đều đến tụ hội. Trời Tha hóa tự tại dẫn đoàn tùy từng đều đến tụ hội. Trời Đâu-suất Thiên vương dẫn chúng chư thiên đều đến tụ hội. Trời Diêm thiên²⁹ dẫn đoàn tùy từng đều đến tụ hội. Thích Đề-hoàn Nhân dẫn chúng chư thiên Tam thập tam đều đến tụ hội. Đề-đâu-lại-tra Thiên vương dẫn chúng Càn-thát-bà đều đến tụ hội. Tỳ-lưu-lặc-xoa Thiên vương dẫn các Yém quý³⁰ đều đến tụ hội. Tỳ-lưu-bá-xoa Thiên vương dẫn các long chúng đều đến tụ hội. Tỳ-sa-môn Thiên vương dẫn chúng Duyệt-xoa, La-sát đều đến tụ hội.

Bấy giờ, Di-lặc Đại sĩ nói với các Bồ-tát trong Hiền kiếp³¹:

“Các ngài hãy khuyến khích các tộc tánh nam, tộc tánh nữ trong Hiền kiếp phúng tụng, thọ trì Tôn pháp Tăng nhất; quảng diễn, phổ biến, khiến trời, người đều phụng hành.”

Sau khi nói những lời này, chư thiên, loài người, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lưu-la, Ma-hầu-lặc, Chân-đà-la, v.v..., đều bạch rằng:

“Hết thảy chúng tôi đều ủng hộ người thiện nam, thiện nữ mà phúng tụng, thọ trì Tôn pháp Tăng nhất ấy, quảng diễn, phổ biến, trọn không bao giờ để dứt tuyệt.”

thiên; chỉ dân chúng trong cõi trời Phạm thiên. Pāli:

brahmakāyika.

²⁸ 化自在天 Hóa tự tại thiên, hay 化樂天 Hóa lạc thiên, chư thiên trong Dục giới; Pāli: Nimmānarattī devā.

²⁹ 熾天 Diêm thiên, hay 夜摩天 Dạ-ma thiên. Pāli: Yāmā devā.

³⁰ 厭鬼, Tống-Nguyên: 魔鬼 = 鳩槃荼 cưu-bàn-trà. Pāli: Kuvera.

³¹ 賢劫. Kiếp hiện tại. Pāli: Bhaddakappa.

Tăng nhất A-hàm

Lúc ấy, Tôn giả A-nan [551a1] bảo Ưu-đa-la³²:

“Nay tôi đem Tăng nhất A-hàm này phó chúc cho ông. Hãy khéo phúng tụng, đọc thuộc, chớ để sai sót. Vì sao? Vì nếu ai khinh mạn Tôn Kinh này sẽ đọa lạc xuống hàng phàm phu. Vì sao? Nay Ưu-đa-la, Tăng nhất A-hàm này xuất giáo nghĩa của ba mươi bảy phẩm đạo,³³ và các pháp cũng từ đây mà phát sinh.”

Bấy giờ, Đại Ca-diếp hỏi A-nan:

“Thế nào, A-nan, Tăng nhất A-hàm này xuất giáo nghĩa của ba mươi bảy phẩm đạo, và các pháp cũng từ đây mà phát sinh?”

A-nan bạch:

“Thật vậy, thật vậy, Tôn giả Ca-diếp! Tăng nhất A-hàm này xuất giáo nghĩa của ba mươi bảy phẩm đạo, và các pháp cũng từ đây mà phát sinh; điều này hãy gác lại. Chỉ một bài kệ trong Tăng nhất A-hàm cũng xuất sinh ba mươi bảy phẩm và các pháp.”

Ca-diếp hỏi:

“Trong bài kệ nào mà xuất sinh ba mươi bảy phẩm và các pháp?”

Bấy giờ, Tôn giả A-nan liền nói kệ này:

*Chớ làm các điều ác.
Vâng làm các điều thiện.
Tự thanh tịnh tâm ý.
Là lời Chư Phật dạy.*

³² Ưu-đa-la 優多羅; xem phẩm 4, Đệ tử. Có thể đồng nhất với Pāli: Uttara, đệ tử và thị giả của ngài Xá-lợi-phất.

³³ Tam thập thất đạo phẩm 三十七道品: 37 phần bồ-đề, giác phần. Pāli: *bodhipakkhiyā dhammā*.

“Sở dĩ như vậy là vì, chớ làm các điều ác, đó là gốc rễ của các pháp, từ đó xuất sinh tất cả các pháp thiện. Do sinh pháp thiện, nên tâm ý thanh tịnh. Cho nên, bạch Ca-diếp, thân, khẩu, ý hành của chư Phật Thế Tôn thường tu thanh tịnh.”

Ca-diếp hỏi:

“Thế nào, A-nan, chỉ có Tăng nhất A-hàm mới xuất sinh ba mươi bảy phẩm và các pháp, hay là bốn A-hàm khác cũng xuất sinh?”

A-nan đáp:

“Hãy gác lại điều đó, bạch Ca-diếp. Nghĩa của bốn A-hàm, trong bài kệ đã tóm thâu đầy đủ giáo nghĩa của chư Phật, và giáo nghĩa của Thanh văn, Bích-chi-phật. Sở dĩ như vậy là vì, chớ làm các điều ác, đó là sự cấm chỉ đầy đủ giới, là hành thanh bạch. Vâng làm các điều thiện, đó là tâm ý thanh tịnh. Tự thanh tịnh tâm ý, là trừ tà điên đảo. Đó là lời chư Phật dạy, trừ khử tướng mê lầm.

“Thế nào, bạch Ca-diếp, giới thanh tịnh, há ý không thanh tịnh sao? Ý thanh tịnh thì không điên đảo. Vì không điên đảo nên tướng mê hoặc bị diệt, và các quả do ba mươi bảy phẩm đạo được thành tựu. Đạo quả đã thành tựu, há đó chẳng phải là các pháp sao?”

Ca-diếp hỏi:

“Thế nào, A-nan, sao đem Tăng nhất này mà trao cho Ưu-đa-la, chứ không trao cho Tỳ-kheo khác, và tất cả các pháp khác nữa?”

A-nan đáp:

“Tăng nhất A-hàm chính là các pháp, các pháp chính là [551b1] Tăng nhất A-hàm, chỉ là một, không có hai.”

Ca-diếp hỏi:

“Vì những nguyên nhân nào mà đem Tăng nhất A-hàm này trao cho Ưu-đa-la, chứ không trao cho Tỳ-kheo khác?”

A-nan đáp:

“Bạch Ca-diếp, nên biết, chín mươi một kiếp trước, Tỳ-bà-thi³⁴ Như Lai, Chí chơn, Đẳng chánh giác xuất hiện ở thế gian, lúc ấy Tỳ-kheo Ưu-đa-la này có tên là Y-câu Ưu-đa-la.³⁵ Bảy giờ, đức Phật kia đem pháp Tăng nhất trao cho người này, khiến phúng tụng, đọc thuộc. Từ đó cho đến ba mươi một kiếp về sau, tiếp theo lại có đức Phật tên là Thức-cật³⁶ Như Lai, Chí chơn, Đẳng chánh giác ra đời. Lúc đó Tỳ-kheo Ưu-đa-la này tên là Mục-già Ưu-đa-la,³⁷ được Như Lai Thức-cật lại đem pháp này trao cho người này, khiến phúng tụng, đọc thuộc. Rồi trong ba mươi một kiếp ấy, Tỳ-xá-bà³⁸ Như Lai, Chí chơn, Đẳng chánh giác lại xuất hiện ở thế gian. Lúc đó Tỳ-kheo Ưu-đa-la này tên là Long Ưu-đa-la,³⁹ lại đem pháp này trao cho người này, khiến phúng tụng, đọc thuộc.

“Bạch Ca-diếp, nên biết, trong Hiền kiếp này có Câu-lưu-tôn⁴⁰ Như Lai, Chí chơn Đẳng chánh giác xuất hiện ở thế

³⁴ Tỳ-bà-thi 毘婆尸, xem *Trường 1* (kinh 1). Pl.: *Vipassin*.

³⁵ Y-câu Ưu-đa-la 伊俱優多羅.

³⁶ Thức-cật 式詰; xem *Trường 1*(1): Thi-khí 尸棄. Pl.: *Sikkhin*.

³⁷ Mục-già Ưu-đa-la 目伽優多羅.

³⁸ Tỳ-xá-bà 毗舍婆. No 2: Tỳ-xá-phù 毗舍浮. No 4: Tỳ-diệp 隨葉. Pl.: *Vessabhū*. Xem *Trường 1*(1).

³⁹ Long Ưu-đa-la 龍優多羅.

⁴⁰ Câu-lâu-tôn 拘樓孫. No 2: hay Câu-lưu-tôn 俱留孫. No 4: Câu-lâu-tần 拘樓秦. Pl.: *Kakusandha*. Xem *Trường 1* (kinh 1).

gian. Lúc đó Tỳ-kheo Ưu-đa-la này tên là Điện Lôì Ưu-đa-la,⁴¹ lại đem pháp này trao cho người này, khiến phúng tụng, đọc thuộc. Trong Hiền kiếp này, tiếp theo, lại có Phật, hiệu là Câu-na-hàm⁴² Như Lai, Chí chơn, Đẳng chánh giác xuất hiện ở thế gian. Lúc đó Tỳ-kheo Ưu-đa-la này tên là Thiên Ưu-đa-la.⁴³ Ngài lại đem pháp này chúc lụy cho người này, khiến phúng tụng, tập đọc. Trong Hiền kiếp này, tiếp theo, lại có Phật, hiệu là Ca-diếp Như Lai, Chí chơn, Đẳng chánh giác xuất hiện ở thế gian. Lúc đó Tỳ-kheo Ưu-đa-la này tên là Phạm Ưu-đa-la, lại đem pháp này trao cho người này, khiến phúng tụng, đọc thuộc.

“Bạch Ca-diếp, nên biết, nay Thích-ca Văn Như Lai, Chí chơn, Đẳng chánh giác xuất hiện ở thế gian. Tỳ-kheo này nay tên là Ưu-đa-la. Phật Thích-ca Văn tuy đã vào Bát-niết-bàn, nhưng Tỳ-kheo A-nan vẫn còn ở thế gian. Thế Tôn đã đem pháp phỏ chúc hết cho tôi. Nay tôi lại đem pháp này trao lại cho Ưu-đa-la. Vì sao? Hãy xem đồ dùng, xét kỹ nguyên gốc, rồi sau mới trao pháp. Vì sao vậy? Vì vào thời quá khứ, ở trong Hiền kiếp này, đức Câu-lưu-tôn Như Lai, Chí chơn, Đẳng chánh giác, Minh hạnh túc⁴⁴, Thiện thế, Thế gian giải, Vô thượng sĩ, Điều ngự trượng phu⁴⁵, Thiên nhân sư, hiệu Phật Thế Tôn⁴⁶,

⁴¹ Điện Lôì Ưu-đa-la 雷電優多羅.

⁴² Câu-na-hàm 拘那含. No 2: Câu-na-hàm Mâu-ni 俱那含牟尼. No 4: Câu-na-hàm Mâu-ni 拘那含牟尼. Pl. *Konāgamana*. Xem *Trường 1* (kinh 1).

⁴³ Thiên Ưu-đa-la 天優多羅.

⁴⁴ Nguyên trong bản: Minh Hành thành vi 明行成為.

⁴⁵ Nguyên trong bản: Đạo pháp ngự 道法御.

⁴⁶ Nguyên trong bản: Chúng hựu 眾祐.

xuất hiện ở thế gian. Lúc đó có vua tên Ma-ha Đề-bà⁴⁷ [551c1] dùng pháp trị, giáo hóa chưa từng bị sai lệch; tuổi thọ rất dài, đoan chánh vô song, ít có trong đời. Trong tám vạn bốn nghìn năm, thân làm đồng tử, tự mình vui chơi. Trong tám vạn bốn nghìn năm, thân làm Thái tử mà trị hóa bằng pháp. Trong tám vạn bốn nghìn năm, lại trị hóa thiên hạ bằng vương pháp.

“Bạch Ca-diếp, nên biết, bảy giờ Thế Tôn trú trong vườn cam lê.⁴⁸ Như pháp thường từ xưa, sau khi ăn xong, Ngài kinh hành ở sân trước, tôi làm thị giả. Lúc đó, Thế Tôn cười, miệng phát ra ánh sáng năm sắc. Tôi thấy vậy, liền quỳ trước Thế Tôn, bạch: ‘Phật không cười vô cớ. Con xin được nghe gốc gác ngọn ngành, Như Lai Chí chơn Đẳng chánh giác không cười vô cớ.’ Bảy giờ, bạch Ca-diếp, Phật bảo tôi: ‘Vào thời quá khứ, ở trong Hiền kiếp này, có Như Lai danh hiệu Câu-lưu-tôn, Chí chơn, Đẳng chánh giác xuất hiện ở thế gian, cũng tại chỗ này thuyết pháp rộng rãi cho các đệ tử. Kế đến, cũng ở trong Hiền kiếp này, lại có Như Lai Câu-na-hàm, Chí chơn, Đẳng chánh giác xuất hiện ở thế gian. Bảy giờ đức Phật kia cũng tại chỗ này thuyết pháp rộng rãi. Tiếp đến, cũng trong Hiền kiếp này, Như Lai Ca-diếp, Chí chơn, Đẳng chánh giác xuất hiện ở thế gian. Như Lai Ca-diếp cũng tại chỗ này thuyết pháp rộng rãi.’

“Bạch Ca-diếp, lúc ấy tôi quỳ trước đức Phật, bạch rằng: ‘Con nguyện sau này⁴⁹ đức Thích-ca Văn Phật cũng tại

⁴⁷ Ma-ha-đề-bà 摩訶提婆. Xem *Trung* kinh 27: Đại thiên nại lâm 大天柰林. Pāli: *Makkhādeva-ambavana*.

⁴⁸ Cam lê viên 甘梨園. Đây chỉ khu vườn xoài tại Di-tát-la (Pāli: *Mithilā*). Xem *Trung* No 26(67): Đại thiên nại lâm 大天柰林. Pāli: *Makkhādeva-ambavana*.

⁴⁹ 後 hậu, trong đề bản. Các bản Tống-Nguyên-Minh không có.

chỗ này thuyết pháp đầy đủ cho các đệ tử. Chỗ này đã là tòa kim cương của bốn đức Như Lai, hằng không gián đoạn.’

“Bạch Ca-diếp, lúc ấy Thích-ca Văn Phật ngay tại chỗ ngồi ấy bảo tôi: ‘Này A-nan, thừa xưa, tại chỗ này, trong Hiền kiếp, có vị vua sinh ra ở đời tên là Ma-ha Đề-bà, (...) *cho đến*, trong tám vạn bốn nghìn năm dùng vương pháp giáo hóa, lấy đức mà huấn thị, trải qua nhiều năm. Một hôm vua bảo Kiếp-ti⁵⁰ rằng: ‘Nếu khi nào thấy đầu ta có tóc bạc, hãy báo cho ta.’ Bấy giờ, người kia nghe giáo lệnh của vua, và phải trải qua nhiều năm mới thấy trên đầu vua có tóc bạc xuất hiện, liền quỳ trước vua tâu: ‘Tâu Đại vương, nên biết, trên đầu đã xuất hiện tóc bạc.’ Lúc ấy, vua bảo người kia: ‘Lấy nhíp vàng, nhổ tóc bạc của ta, rồi đặt vào tay ta.’ Người kia vâng lệnh của vua, liền cầm nhíp vàng nhổ tóc bạc. Bấy giờ, Đại vương thấy tóc bạc rồi, liền nói bài kệ này:

*Hôm nay trên đầu ta
Đã sinh tóc suy hao.
[552a1]⁵¹ Thiên sứ đã đến rồi.
Nên xuất gia kịp lúc.*

“Hiện tại ta đã hưởng phước nhân gian rồi, phải tự nỗ lực để có đức lên trời. Ta hãy cạo bỏ râu tóc, mặc ba pháp y; với lòng tin kiên cố xuất gia học đạo, lia bỏ các khổ.”

Nghi chép dư.

⁵⁰ *Kiếp-ti* 劫比. Có lẽ là người hớt tóc, nên đọc là *kiếp bắc* 劫北, phiên âm tương đương Pāli *kappaka*.

⁵¹ Từ đây trở xuống cho đến bài kệ tiếp theo, xem phần chép thêm của đề bản, cuối quyển 1, đoạn cuối Phẩm Tựa này.

“Bấy giờ, vua Ma-ha Đề-bà bảo thái tử thứ nhất tên là Trường Thọ: ‘Nay con biết không, đầu ta đã sinh tóc bạc! Ý ta muốn cạo bỏ râu tóc, mặc ba pháp y, với lòng tin kiên cố xuất gia học đạo, lia bỏ các khổ. Con hãy nói ngôi ta, dùng pháp mà trị hóa, chớ làm trái lại lời ta dạy mà làm việc phạm phư. Sở dĩ như vậy, là vì nếu có người nào trái lại lời ta, người đó làm việc phạm phư. Kẻ phạm phư thì ở mãi trong ba đường, tám nạn.’

“Bấy giờ, vua Ma-ha Đề-bà đem ngôi vua trao cho thái tử rồi, lại đem của báu ban cho Kiếp-tỉ, rồi đi đến chỗ kia cạo bỏ râu tóc, mặc ba pháp y, với lòng tin kiên cố xuất gia học đạo, lia bỏ các khổ; khéo tu phạm hạnh trong tám vạn bốn nghìn năm, thực hành bốn đẳng tâm⁵² là từ, bi, hỷ, xả⁵³; thân hoại mạng chung sinh lên Phạm thiên.

“Bấy giờ, vua Trường Thọ nhớ những lời vua cha dạy, chưa bao giờ tạm quên, dùng pháp mà trị hóa, không hề sai lệch; không đầy tuần liền được làm Chuyển luân Thánh vương, bảy báu đầy đủ. Bảy báu đó là: xe báu, voi báu, ngựa báu, châu báu, ngọc nữ báu, điện tạng báu, điện binh báu. Đó gọi là bảy báu. Lại có một nghìn người con trí tuệ đồng mãnh, thống lãnh bốn phương, hay trừ các khổ. Bấy giờ, vua Trường Thọ, bằng vương pháp như trên, làm bài kệ:

*Kính pháp, vâng lời Tôn,
Không quên báo ân xưa.
Lại hay trọng ba nghiệp,
Điều kẻ trí quý trọng.*

⁵² Tứ đẳng tâm 四等心, tức tứ vô lượng tâm.

⁵³ Nguyên Hán: Hộ 護, một cách hiểu khác từ Skt. *upekṣā* (Pal. *upekkā*).

“Tôi, sau khi quán sát nghĩa này, đem Tăng nhất A-hàm này trao cho Tỳ-kheo Ưu-đa-la. Vì sao? Vì tất cả các pháp đều có nguyên do.”

Bảy giờ, Tôn giả A-nan bảo Ưu-đa-la:

“Thầy trước đây khi làm Chuyển luân Thánh vương không quên lời dạy vua cha. Nay tôi lại đem pháp này phó chúc, mong Thầy không để sai sót chánh giáo, chớ tạo hạnh phạm phu. Nay Thầy nên biết, nếu có ai trái mất thiện giáo của Như Lai, thì sẽ đọa vào trong hàng phạm phu. Vì sao? Vì lúc bảy giờ vua Ma-ha Đề-bà không đến được địa vị giải thoát cứu cánh, chưa giải thoát đến [552b1] nơi an ổn. Tuy được phước hưởng Phạm thiên, nhưng vẫn còn chưa đến được cứu cánh thiện nghiệp của Như Lai; đến đây mới gọi là nơi cứu cánh an ổn, khoái lạc cùng cực, được trời người cung kính, tất được Niết-bàn. Vì vậy cho nên, này Ưu-đa-la, hãy phụng trì pháp này, phụng tụng, đọc, niệm chớ để cho thiếu sót.”

Rồi thì, A-nan liền nói kệ:

*Hãy đương niệm nơi pháp,
Như Lai từ đây sinh.
Pháp hiện, thành chánh giác,
Đạo Bích-chi, La-hán.*

*Pháp hay trừ các khổ,
Cũng hay thành quả chắc.
Niệm pháp, tâm không rời;
Hưởng báo nay, đời sau.*

*Nếu người muốn thành Phật,
Giống như Thích-ca Vãng,
Thọ trì pháp ba tạng,
Câu cú không loạn sai.*

Ba tạng tuy khó trì,
Nghĩa lý không thể cùng.
Hãy tụng bốn A-hàm,
Cắt đứt đường nhân thiên.

A-hàm tuy khó tụng,
Nghĩa kinh không thể tận.
Chớ để mất giới luật,
Đây là báu Như Lai.

Cấm luật cũng khó trì,
A-hàm cũng như vậy.
Giới trì A-tỳ-đàm,
Hàng phục thuật ngoại đạo.

Tuyên dương A-tỳ-đàm,
Nghĩa ấy cũng khó trì.
Hãy tụng ba A-hàm,
Không mất câu cú kinh.

Khế kinh, A-tỳ-đàm,
Giới luật, truyền khắp đời;
Trời người được phụng hành,
Liên sinh nơi an ổn.

Vì không pháp Khế kinh,
Cũng lại không giới luật;
Như mù vào trong tối,
Bao giờ mới thấy sáng?

Vì vậy phó chúc Thầy,
Cùng với bốn bộ chúng;
Hãy trì, chớ khinh mạn,
Trước Phật Thích-ca Văn.

Khi Tôn giả A-nan nói những lời này, trời đất sáu lần rung động. Chư thiên tôn thần ở giữa hư không, tay cầm

hoa trời rải lên người Tôn giả A-nan cùng chúng bốn bộ. Tất cả trời, rồng, quỷ, thần, càn-đạp-hòa, a-tu-la, ca-lu-la, khẩn-na-la, ma-hầu-la-già v.v... đều hoan hỷ [552c1] và tán thán:

“Lành thay, lành thay, Tôn giả A-nan. Những lời nói mà khoảng đầu, khoảng giữa và khoảng cuối, không có điều nào là không khéo léo. Hãy cung kính Pháp, thật đúng như lời. Chư thiên và người đời không ai không do Pháp mà thành tựu. Nếu ai làm ác sẽ đọa địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh.”

Lúc bấy giờ, Tôn giả A-nan, ở giữa bốn bộ chúng, cất tiếng rồng của sư tử, khuyên tất cả mọi người phụng hành pháp này.

Bấy giờ, ngay tại chỗ, ba vạn trời người được mắt pháp thanh tịnh.

Bấy giờ, bốn bộ chúng, chư thiên, người đời, nghe Tôn giả thuyết xong, hoan hỷ phụng hành.

Đoạn chép phụ cuối quyển 1 trong đễ bản, gồm 299 chữ (Hán). So sánh đoạn văn [552a1] ở trên.

*Hôm nay trên đầu ta
Đã sinh tóc suy hao.
Thiên sứ đã đến rồi.
Nên xuất gia kịp lúc.*

“Hiện tại ta đã hưởng phước nhân gian rồi, phải tự nỗ lực để có đức lên trời. Ta hãy cạo bỏ râu tóc, mặc ba pháp y; với lòng tin kiên cố xuất gia học đạo, lia bỏ các khổ.

“Bấy giờ, vua *Trường Thọ* bảo thái tử thứ nhất tên là *Thiện Quán*: ‘Nay, con biết không! Đầu ta đã sinh tóc

bạc. Ý ta muốn cạo bỏ râu tóc, mặc ba pháp y, với lòng tin kiên cố xuất gia học đạo, lìa bỏ các khổ. Con hãy noi ngói ta, dùng pháp mà trị hóa, chớ làm trái lại lời ta dạy mà làm việc phàm phu. Sở dĩ như vậy, là vì nếu có người nào trái lại lời ta, người đó làm việc phàm phu. Kẻ phàm phu thì ở mãi trong ba đường, tám nạn.’

“Bây giờ, vua Ma-ha Đề-bà đem ngói vua trao cho thái tử rồi, lại đem của báu ban cho Kiếp-tỉ, rồi tại nơi khác cạo bỏ râu tóc, mặc ba pháp y, với lòng tin kiên cố xuất gia học đạo, lìa bỏ các khổ; khéo tu phạm hạnh trong tám vạn bốn nghìn năm, thực hành bốn đẳng tâm là từ, bi, hỷ, xả; thân hoại mạng chung sinh lên Phạm thiên.

“Bây giờ, vua *Thiện Quán* nhớ những lời vua cha dạy, chưa bao giờ tạm quên, dùng pháp mà trị hóa, không để sai lệch. Bạch Ca-diếp, ngài biết không, Ma-ha Đề-bà bây giờ há là ai khác chăng? Chớ có quan sát như vậy. Vua bây giờ là đức Thích-ca Văn nay vậy. Trường Thọ vương khi đó bây giờ là thân A-nan vậy. Thiện Quán khi ấy, nay là Tỳ-kheo Ưu-đa-la vậy, hằng thọ vương pháp chưa từng bỏ quên, cũng không để bị cắt đứt. Bây giờ, vua Thiện Quán lại tuân hành sắc chỉ của vua cha, bằng pháp mà trị hóa, không làm đứt vương giáo. Sở dĩ như vậy, vì khó có thể làm trái giáo huấn của vua cha.

Bây giờ Tôn giả A-nan bèn nói kệ: (*trở lại văn bản trên.*)

THIÊN MỘT PHÁP

2. PHẨM THẬP NIỆM¹

KINH SỐ 1

Tôi nghe như vậy²:

Một thời, đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Hãy tu hành một pháp. Hãy quảng bá một pháp. Các người sẽ thành tựu thân thông, loại bỏ các loạn tưởng, đạt được quả Sa-môn, tự thân đạt đến Niết-bàn. Một pháp ấy là gì? Đó là niệm Phật.³ Hãy khéo tu hành. Hãy quảng bá. Các người sẽ thành tựu thân thông, loại bỏ các loạn tưởng, đạt được quả Sa-môn, tự thân đạt đến Niết-bàn. Cho nên, các Tỳ-kheo, hãy tu hành một pháp, hãy quảng bá một pháp. Vì vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này.”

Bấy giờ, các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 2

Tôi nghe như vậy:

¹ Pāli tương đương, A. 1.16 *Ekadhamma*. Cf. *Đại trí độ* 42 (T25 tr.364a14): 念佛,念法,念僧,念戒,念捨,念天,念善,念入出息,念身,念死; *Quang tán Bát-nhã* 7, T8 n. 222, tr.195a12: 念佛,念法,念聖眾,念戒,念布施,念天,念怕念無所起念觀身,念當終亡.

² Nguyên Hán: 聞如是 “Nghe như vậy”, không có chủ từ “tôi”. Đây theo quy tắc phổ biến, thêm vào cho đủ nghĩa. Tất cả các kinh trong đây đều như vậy.

³ Pāli: *buddhānussati*.

Một thời, đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Hãy tu hành một pháp. Hãy quảng bá một pháp. Các người sẽ thành tựu thần thông, loại bỏ các loạn tướng, đạt được quả Sa-môn, tự thân đạt đến Niết-bàn. Một pháp ấy là gì? Đó là niệm Pháp.⁴ Hãy khéo tu hành. Hãy quảng bá. Các người sẽ thành tựu thần thông, loại bỏ các loạn tướng, đạt được quả Sa-môn, tự thân đạt đến Niết-bàn. Cho nên, các Tỳ-kheo, hãy tu hành một pháp, hãy quảng bá một pháp. Vì vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này.”

Bấy giờ, các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 3

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Hãy tu hành một pháp. Hãy quảng bá một pháp. Các người sẽ thành tựu thần thông, loại bỏ các loạn tướng, đạt được quả Sa-môn, tự thân đạt đến Niết-bàn. Một pháp ấy là gì? Đó là niệm Chúng.⁵ Hãy khéo tu hành. Hãy quảng bá. Các người sẽ thành tựu thần thông, loại bỏ các loạn tướng, đạt được [553a1] quả Sa-môn, tự thân đạt đến Niết-bàn. Cho nên, các Tỳ-kheo, hãy tu hành một pháp, hãy quảng bá một pháp. Vì vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này.”

⁴ Pāli: *dhammānussati*.

⁵ 念眾 niệm chúng, tức niệm tăng. Pāli: *saṅghānussati*.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 4

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá Vệ. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Hãy tu hành một pháp. Hãy quảng bá một pháp. Các người sẽ thành tựu thân thông, loại bỏ các loạn tướng, đạt được quả Sa-môn, tự thân đạt đến Niết-bàn. Một pháp ấy là gì? Đó là niệm Giới.⁶ Hãy khéo tu hành. Hãy quảng bá. Các người sẽ thành tựu thân thông, loại bỏ các loạn tướng, đạt được quả Sa-môn, tự thân đạt đến Niết-bàn. Cho nên, các Tỳ-kheo, hãy tu hành một pháp, hãy quảng bá một pháp. Vì vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này.”

Bấy giờ, các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 5

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Hãy tu hành một pháp. Hãy quảng bá một pháp. Các người sẽ thành tựu thân thông, loại bỏ các loạn tướng, đạt được quả Sa-môn, tự thân đạt đến Niết-bàn. Một pháp ấy là gì? Đó là niệm Thí.⁷ Hãy khéo tu hành. Hãy quảng bá.

⁶ Pāli: *sīlānussati*.

⁷ Pāli: *cāgānussati*.

Các người sẽ thành tựu thần thông, loại bỏ các loạn tướng, đạt được quả Sa-môn, tự thân đạt đến Niết-bàn. Cho nên, các Tỳ-kheo, hãy tu hành một pháp, hãy quảng bá một pháp. Vì vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này.”

Bấy giờ, các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 6

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Hãy tu hành một pháp. Hãy quảng bá một pháp. Các người sẽ thành tựu thần thông, loại bỏ các loạn tướng, đạt được quả Sa-môn, tự thân đạt đến Niết-bàn. Một pháp ấy là gì? Đó là niệm Thiên.⁸ Hãy khéo tu hành. Hãy quảng bá. Các người sẽ thành tựu thần thông, loại bỏ các loạn tướng, đạt được quả Sa-môn, tự thân đạt đến Niết-bàn. Cho nên, các Tỳ-kheo, hãy tu hành một pháp, hãy quảng bá một pháp. Vì vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này.”

Bấy giờ, các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 7

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

⁸ Pāli: *devānussati*.

“Hãy tu hành một pháp. Hãy quảng bá một pháp. Các người sẽ thành tựu thân thông, loại bỏ các loạn tưởng, đạt được quả Sa-môn, tự thân đạt đến Niết-bàn. Một pháp ấy là gì? Đó là niệm tịch tĩnh.⁹ Hãy khéo tu hành. Hãy quảng bá. Các người sẽ thành tựu thân thông, loại bỏ các loạn tưởng, đạt được quả Sa-môn, tự thân đạt đến Niết-bàn. Cho nên, các Tỳ-kheo, hãy tu hành một pháp, hãy quảng bá một pháp. Vì vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này.”

Bấy giờ, các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 8

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá Vệ. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Hãy tu hành một pháp. Hãy quảng bá một pháp. Các người sẽ thành tựu thân thông, loại bỏ các loạn tưởng, đạt được quả Sa-môn, tự thân đạt đến Niết-bàn. Một pháp ấy là gì? Đó là niệm an-ban.¹⁰ Hãy khéo tu hành. Hãy quảng bá. Các người sẽ thành tựu thân thông, loại bỏ các loạn tưởng, đạt được quả Sa-môn, tự thân đạt đến Niết-bàn. Cho nên, các Tỳ-kheo, hãy tu hành một pháp, hãy quảng bá một pháp. Vì vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này.”

Bấy giờ, các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

⁹ Nguyên Hán: 念休息. niệm hưu tức. Pāli: *upasamānussati*, niệm tịch tĩnh (của Niết-bàn). Xem phẩm iii kinh số 7.

¹⁰ Pāli: *anāpānasati*, niệm hơi thở ra vào.

KINH SỐ 9

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá Vệ. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Hãy tu hành một pháp. Hãy quảng bá một pháp. Các người sẽ thành tựu thân thông, loại bỏ các loạn tướng, đạt được quả Sa-môn, tự thân đạt đến Niết-bàn. Một pháp ấy là gì? Đó là niệm thân vô thường.¹¹ Hãy khéo tu hành. Hãy quảng bá. Các người sẽ thành tựu thân thông, loại bỏ các loạn tướng, đạt được quả Sa-môn, tự thân đạt đến Niết-bàn. Cho nên, các Tỳ-kheo, hãy tu hành một pháp, hãy quảng bá một pháp. Vì vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này.”

Bấy giờ, các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 10

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Hãy tu hành một pháp. Hãy quảng bá một pháp. Các người sẽ thành tựu thân thông, loại bỏ các loạn tướng, đạt được quả Sa-môn, tự thân đạt đến Niết-bàn. Một pháp ấy là gì? Đó là niệm sự chết.¹² Hãy khéo tu hành. Hãy quảng bá. Các người sẽ thành tựu thân thông, loại bỏ các loạn tướng, đạt được quả Sa-môn, tự thân đạt đến Niết-bàn. Cho nên, các Tỳ-kheo, hãy tu hành một pháp, hãy quảng

¹¹ Pāli: *kāyagatāsati*, niệm thân hành.

¹² Pāli: *marañassati*.

bá một pháp. Vì vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này.”

Bấy [553c1] giờ, các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Kệ tóm tắt:

*Niệm Phật, Pháp, Thánh chúng,
Niệm giới, thí và thiên,
Niệm tịch tĩnh*, an-ban,
Niệm thân, chết cuối cùng.¹³*

¹³ Bản Hán, hết quyển 1.

3. PHẨM QUẢNG DIỄN

KINH SỐ 1

[554a07] Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Hãy tu hành một pháp. Hãy quảng bá một pháp. Đã tu hành một pháp rồi, liền có danh dự, thành tựu quả báo lớn, các điều thiện đủ cả, được vị cam lồ, đến chỗ vô vi, liền được thần thông, trừ các loạn tướng, được quả Sa-môn, tự đến Niết-bàn. Một pháp ấy là gì? Đó là niệm Phật.”

Phật bảo các Tỳ-kheo:

“Thế nào là tu hành niệm Phật, liền có danh dự, thành tựu quả báo lớn, các điều thiện đủ cả, được vị cam lồ, đến chỗ vô vi, liền được thần thông, trừ các loạn tướng, được quả Sa-môn, tự đến Niết-bàn?”

Bấy giờ, các Tỳ-kheo bạch Thế Tôn rằng:

“Gốc rễ của Pháp do Thế Tôn nói.¹ Nguyên xin Thế Tôn vì các Tỳ-kheo nói diệu nghĩa này. Các Tỳ-kheo sau khi nghe từ Như Lai rồi sẽ thọ trì.”

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

¹ Nguyên Hán: 諸法之本。如來所說。 Cùng ý nghĩa, như trong các đoạn sau, Hán dịch khác: 世尊是諸法之本。如來所陳。 Xem Phẩm 9, kinh 1. Tham chiếu *Trung*, văn chuẩn: 世尊為法本，世尊為法主，法由世尊: Thế Tôn là gốc của pháp. Thế Tôn là chủ của pháp. Pháp do Thế Tôn.”

“Hãy lắng nghe, lắng nghe và, suy nghĩ kỹ. Ta sẽ phân biệt rộng rãi cho các người.”

Các Tỳ-kheo bạch rằng:

“Kính vâng, bạch Thế Tôn.”

Sau khi các Tỳ-kheo thọ giáo rồi, Thế Tôn bảo rằng:

“Tỳ-kheo chánh thân, chánh ý, ngồi bắt chéo chân, buộc niệm ở trước, chuyên tinh niệm Phật, không có niệm tưởng nào khác. Quán hình của Như Lai, mắt không hề rời. Trong khi mắt không rời, niệm tưởng công đức Như Lai.

“Thê của Như Lai được thành tựu từ kim cương, đầy đủ mười lực, bốn vô sở úy, đồng mãn giữa đại chúng. Gương mặt của Như Lai đoan chánh vô song, nhìn không chán mắt. Giới đức thành tựu giống như kim cương không thể phá hoại, trong sạch không tỳ vết cũng như lưu ly. Tam-muội của Như Lai chưa từng sút giảm, đã tinh chỉ, vĩnh viễn tịch tĩnh, không có niệm khác. Các thứ tình kiêu mạn, ngang bướng đã vắng im, ý tham dục, tưởng sân hận, tâm ngu hoặc, mạn kết², do dự, tất đều tận trừ. Huệ thân của Như Lai, trí không bờ đáy, không bị chướng ngại. [554b01] Thân Như Lai, được thành tựu từ giải thoát, các cõi³ đã hết, không còn sinh phần để nói ‘Ta sẽ đọa nơi sinh tử.’ Thân Như Lai được vượt qua thành trì của tri kiến, biết căn cơ người khác đáng được độ hay không đáng được độ, chết đây sinh kia, xoay vần

² Đề bản: vông kết 網結. TNM: 慢結 mạn kết. Pāli: *māna-saññojana*.

³ Nguyên Hán: 諸趣已盡 chư thú dĩ tận, chỉ các cõi thọ sinh, tức tái sinh. Pāli: *gati*. Nhưng định ngữ thường gặp: *khīṇajāti*, sanh dĩ tận, sự tái sinh đã dứt hết. Có lẽ bản Hán dịch đọc là *khīṇa-gati*.

qua lại trong ngăn mé sinh tử, có người giải thoát, người không giải thoát; Như Lai thấy đều biết tất cả.

“Đó là tu hành niệm Phật, liền có danh dự, thành tựu quả báo lớn, các điều thiện đủ cả, được vị cam lồ, đến chỗ vô vi, liền được thần thông, trừ các loạn tướng, được quả Sa-môn, tự đến Niết-bàn. Cho nên, này các Tỳ-kheo, luôn phải tư duy không rời niệm Phật, liền sẽ được những thứ công đức thiện này. Như vậy, các Tỳ-kheo, hãy học điều này.”

Các Tỳ-kheo, sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 2

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Hãy tu hành một pháp. Hãy quảng bá một pháp. Đã tu hành một pháp rồi, liền có danh dự, thành tựu quả báo lớn, các điều thiện đủ cả, được vị cam lồ, đến chỗ vô vi, liền được thần thông, trừ các loạn tướng, được quả Sa-môn, tự đến Niết-bàn. Những gì là một pháp? Là niệm Pháp.”

Phật bảo các Tỳ-kheo:

“Thế nào là tu hành niệm Pháp, liền có danh dự, thành tựu quả báo lớn, các điều thiện đủ cả, được vị cam lồ, đến chỗ vô vi, liền được thần thông, trừ các loạn tướng được quả Sa-môn, tự đến Niết-bàn?”

Bấy giờ, các Tỳ-kheo bạch Thế Tôn rằng:

“Gốc rễ của Pháp do Thế Tôn nói. Nguyên xin Thế Tôn vì các Tỳ-kheo nói diệu nghĩa này. Các Tỳ-kheo sau khi nghe từ Như Lai rồi sẽ thọ trì.”

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Hãy lắng nghe, lắng nghe, và suy nghĩ kỹ. Ta sẽ phân biệt rộng rãi cho các người.”

Các Tỳ-kheo bạch rằng:

“Kính vâng, bạch Thế Tôn.”

Sau khi các Tỳ-kheo thọ giáo rồi, Thế Tôn bảo rằng:

“Tỳ-kheo chánh thân, chánh ý, ngồi bất tréo chân, buộc niệm ở trước, không có tư tưởng nào khác, chuyên tinh niệm Pháp, trừ các dục ái, không còn trần lao, tâm khát ái vĩnh viễn không nổi lên nữa.

“Phàm Chánh pháp là ở nơi dục mà đạt đến vô dục, lia các kết phược và các bệnh của triền cái. Pháp này giống như mùi các loại hương, không có tỳ vết của niệm loạn tưởng.

“Đó gọi là, Tỳ-kheo tu hành niệm Pháp, liền có danh [554c01] dự, thành tựu quả báo lớn, các điều thiện đủ cả, được vị cam lồ, đến chỗ vô vi, liền được thân thông, trừ các loạn tưởng, được quả Sa-môn, tự đến Niết-bàn. Cho nên, này các Tỳ-kheo, luôn phải tư duy không rời niệm Pháp, liền sẽ được những thứ công đức thiện này. Như vậy, các Tỳ-kheo, hãy học điều này.”

Các Tỳ-kheo, sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 3

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Hãy tu hành một pháp. Hãy quảng bá một pháp. Đã tu hành một pháp rồi, liền có danh dự, thành tựu quả báo lớn, các điều thiện đủ cả, được vị cam lồ, đến chỗ vô vi, liền được thần thông, trừ các loạn tướng, được quả Sa-môn, tự đến Niết-bàn. Một pháp ấy là gì? Là niệm Tăng.”

Phật bảo các Tỳ-kheo:

“Thế nào là tu hành niệm Tăng, liền có danh dự, thành tựu quả báo lớn, các điều thiện đủ cả, được vị cam lồ, đến chỗ vô vi, liền được thần thông, trừ các loạn tướng, được quả Sa-môn, tự đến Niết-bàn?”

Bấy giờ, các Tỳ-kheo bạch Thế Tôn rằng:

“Gốc rễ của Pháp do Thế Tôn nói. Nguyên xin Thế Tôn vì các Tỳ-kheo nói diệu nghĩa này. Các Tỳ-kheo sau khi nghe từ Như Lai rồi sẽ thọ trì.”

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Hãy lắng nghe, lắng nghe và, suy nghĩ kỹ. Ta sẽ phân biệt rộng rãi cho các ngươi.”

Các Tỳ-kheo bạch rằng:

“Kính vâng, bạch Thế Tôn.”

Sau khi các Tỳ-kheo thọ giáo rồi, Thế Tôn bảo rằng:

“Tỳ-kheo chánh thân, chánh ý, ngồi bắt chéo chân, buộc niệm ở trước, không có tư tưởng nào khác, chuyên tinh niệm Tăng. Thánh chúng của Như Lai thành tựu từ nghiệp lành, chất trực, thuận nghĩa, không có nghiệp tà, trên dưới hòa mục, pháp pháp thành tựu.⁴ Thánh chúng

⁴ Pháp pháp thành tựu 法法成就, nên hiểu là pháp tùy pháp hành

của Như Lai thành tựu giới, thành tựu tam-muội, thành tựu trí tuệ, thành tựu giải thoát, thành tựu tri kiến giải thoát. Thánh chúng ấy gồm có bốn đôi, tám hạng. Đó là Thánh chúng của Như Lai, xứng đáng được tùy thuận cung kính, thừa sự, lễ bái. Sở dĩ vậy là vì đó là ruộng phước của thế gian. Ở trong Chúng này đều cùng là pháp khí, cũng vì tự độ lại độ người khác đến đạo ba thừa. Nghiệp như vậy gọi là Thánh chúng.

“Đó gọi là, này các Tỳ-kheo, nếu ai niệm Tăng, liền có danh dự, thành tựu quả báo lớn, các điều thiện đủ cả, được vị cam lồ, đến chỗ vô vi, liền được thần thông, trừ các loạn [555a01] tưởng, được quả Sa-môn, tự đến Niết-bàn. Cho nên, này các Tỳ-kheo, luôn phải tư duy không rời niệm Tăng, liền sẽ được những thứ công đức thiện này. Như vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này.”

Các Tỳ-kheo, sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 4

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bảy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Hãy tu hành một pháp. Hãy quảng bá một pháp. Đã tu hành một pháp rồi, liền có danh dự, thành tựu quả báo lớn, các điều thiện đủ cả, được vị cam lồ, đến chỗ vô vi, liền được thần thông, trừ các loạn tưởng, được quả Sa-

(Pāli: *dhammānudhamma-paṭipanna*), hành theo tùy pháp của pháp, tức thực hành theo thuận thứ của pháp.

môn, tự đến Niết-bàn. Những gì là một pháp? Là niệm Giới.”

Phật bảo các Tỳ-kheo:

“Thế nào là tu hành niệm Giới, liền có danh dự, thành tựu quả báo lớn, các điều thiện đủ cả, được vị cam lồ, đến chỗ vô vi, liền được thần thông, trừ các loạn tướng, được quả Sa-môn, tự đến Niết-bàn?”

Bấy giờ, các Tỳ-kheo bạch Thế Tôn rằng:

“Gốc rễ của Pháp do Thế Tôn nói. Nguyên xin Thế Tôn vì các Tỳ-kheo nói diệu nghĩa này. Các Tỳ-kheo sau khi nghe từ Như Lai rồi sẽ thọ trì.”

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Hãy lắng nghe, lắng nghe, và suy nghĩ kỹ. Ta sẽ phân biệt rộng rãi cho các người.”

Các Tỳ-kheo bạch rằng:

“Kính vâng, bạch Thế Tôn.”

Sau khi các Tỳ-kheo thọ giáo rồi, Thế Tôn bảo rằng:

“Tỳ-kheo chánh thân, chánh ý, ngồi bất tréo chân, buộc niệm ở trước, không có tư tưởng nào khác, chuyên tinh niệm Giới. Giới có nghĩa là dừng các điều ác. Giới khiến thành tựu đạo, khiến người hoan hỷ. Giới là anh lạc đeo thân, hiện những vẻ đẹp.

“Phàm cấm giới, giống như bình cát tường,⁵ mọi sở nguyện liền đạt được. Mọi pháp đạo phẩm đều do giới mà thành tựu.

⁵ Cát tường bình 吉祥瓶, tức đức bình 德瓶. *Đại trí độ 13* (154a07): “Trời có một cái bình gọi là đức bình, từ trong đó sản

“Nhu vậy, Tỳ-kheo thực hành cấm giới sẽ thành tựu quả báo lớn, các điều thiện đủ cả, được vị cam lồ, đến chỗ vô vi, liền được thần thông, trừ các loạn tướng, được quả Sa-môn, tự đến Niết-bàn. Cho nên, này các Tỳ-kheo, luôn phải tư duy không rời niệm Giới, liền sẽ được những thứ công đức thiện này. Như vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này.”

Các Tỳ-kheo, sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 5

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. [555b01] Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Hãy tu hành một pháp. Hãy quảng bá một pháp. Đã tu hành một pháp rồi, liền có danh dự, thành tựu quả báo lớn, các điều thiện đủ cả, được vị cam lồ, đến chỗ vô vi, liền được thần thông, trừ các loạn tướng, được quả Sa-môn, tự đến Niết-bàn. Những gì là một pháp? Là niệm Thí.”

Phật bảo các Tỳ-kheo:

“Thế nào là tu hành niệm Thí, liền có danh dự, thành tựu quả báo lớn, các điều thiện đủ cả, được vị cam lồ, đến chỗ vô vi, liền được thần thông, trừ các loạn tướng, được quả Sa-môn, tự đến Niết-bàn?”

xuất những vật cần yếu. Ai có bình này, muốn gì đều được.” Skt. *maṅgalapātra/ maṅgalapūrṇa-kumbha*. Không tìm thấy Pāli tương đương.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo bạch Thế Tôn rằng:

“Gốc rễ của Pháp do Thế Tôn nói. Nguyên xin Thế Tôn vì các Tỳ-kheo nói diệu nghĩa này. Các Tỳ-kheo, nghe từ Như Lai rồi sẽ thọ trì.”

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Hãy lắng nghe, lắng nghe, và suy nghĩ kỹ. Ta sẽ phân biệt rộng rãi cho các người.”

Các Tỳ-kheo bạch rằng:

“Kính vâng, bạch Thế Tôn.”

Sau khi các Tỳ-kheo thọ giáo rồi, Thế Tôn bảo rằng:

“Tỳ-kheo chánh thân, chánh ý, ngồi bắt chéo chân, buộc niệm ở trước, không có tư tưởng nào khác, chuyên tinh niệm Thí. Những gì tôi bố thí hôm nay, là tối thượng trong các sự thí, vĩnh viễn không có tâm hối hận, không mong đền đáp để mong được thiện lợi. Nếu người nào mắng tôi, tôi quyết không mắng trả. Dù người hại tôi, dùng tay đánh, dao gậy đập, gạch đá ném, tôi cũng sẽ khởi lòng từ, không nổi sân hận. Những gì tôi bố thí, ý muốn cho sẽ không dứt tuyệt.

“Đó gọi là, này Tỳ-kheo, đại thí, sẽ thành tựu quả báo lớn, các điều thiện đủ cả, được vị cam lồ, đến chỗ vô vi, liền được thân thông, trừ các loạn tướng, được quả Sa-môn, tự đến Niết-bàn. Cho nên, này các Tỳ-kheo, luôn phải tu duy không rời niệm Thí, liền sẽ được những thứ công đức thiện này. Như vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này.”

Các Tỳ-kheo, sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 6

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Hãy tu hành một pháp. Hãy quảng bá một pháp. Đã tu hành một pháp rồi, thì liền có danh dự, thành tựu quả báo lớn, các điều thiện đủ cả, được vị cam lồ, đến chỗ vô vi, liền được thần thông, trừ các loạn tướng, được quả Sa-môn, tự đến Niết-bàn. Những gì [555c01] là một pháp? Là niệm Thiên.”

Phật bảo các Tỳ-kheo:

“Thế nào là tu hành niệm Thiên, liền có danh dự, thành tựu quả báo lớn, các điều thiện đủ cả, được vị cam lồ, đến chỗ vô vi, liền được thần thông, trừ các loạn tướng, được quả Sa-môn, tự đến Niết-bàn?”

Bấy giờ, các Tỳ-kheo bạch Thế Tôn rằng:

“Gốc rễ của Pháp do Thế Tôn nói. Nguyện xin Thế Tôn vì các Tỳ-kheo nói diệu nghĩa này. Các Tỳ-kheo sau khi nghe từ Như Lai rồi sẽ thọ trì.”

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Hãy lắng nghe, lắng nghe, và suy nghĩ kỹ. Ta sẽ phân biệt rộng rãi cho các người.”

Các Tỳ-kheo bạch rằng:

“Kính vâng, bạch Thế Tôn.”

Sau khi các Tỳ-kheo thọ giáo rồi, Thế Tôn bảo rằng:

“Tỳ-kheo chánh thân, chánh ý, ngồi bắt chéo chân, buộc niệm ở trước, không có tư tưởng nào khác, chuyên tinh niệm Thiên.

“Thân, miệng, ý trong sạch, không tạo hành vi ô uế; thực hành giới thành tựu thân. Thân phóng ánh sáng tỏa khắp mọi nơi, thành tựu thân trời kia. Quả báo lành thành tựu thân trời kia. Các hành đầy đủ mới thành thân trời.

“Như vậy, các Tỳ-kheo, đó gọi là niệm Thiên, liền được thành tựu đầy đủ quả báo lớn, các điều thiện đủ cả, được vị cam lồ, đến chỗ vô vi, liền được thần thông, trừ các loạn tưởng, được quả Sa-môn, tự đến Niết-bàn. Cho nên, này các Tỳ-kheo, luôn phải tư duy không rời niệm Thiên, liền sẽ được những thứ công đức thiện này. Như vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này.”

Các Tỳ-kheo, sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 7

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Hãy tu hành một pháp. Hãy quảng bá một pháp. Đã tu hành một pháp rồi, liền có danh dự, thành tựu quả báo lớn, các điều thiện đủ cả, được vị cam lồ, đến chỗ vô vi, liền được thần thông, trừ các loạn tưởng, được quả Sa-môn, tự đến Niết-bàn. Những gì là một pháp? Là niệm tịch tĩnh*.”

Phật bảo các Tỳ-kheo:

“Thế nào là tu hành niệm tịch tĩnh*, liền có danh dự, thành tựu quả báo lớn, các điều thiện đủ cả, được vị cam

lò, đến chỗ vô vi, liền được thần thông, trừ các loạn tưởng, được quả Sa-môn, tự đến Niết-bàn?”

Bấy giờ, các Tỳ-kheo bạch Thế Tôn rằng:

“Gốc rễ của Pháp do Thế Tôn nói. Nguyên xin Thế Tôn vì các Tỳ-kheo nói [556a01] diệu nghĩa này. Các Tỳ-kheo sau khi nghe từ Như Lai rồi sẽ thọ trì.”

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Hãy lắng nghe, lắng nghe, và suy nghĩ kỹ. Ta sẽ phân biệt rộng rãi cho các người.”

Các Tỳ-kheo bạch rằng:

“Kính vâng, bạch Thế Tôn.”

Sau khi các Tỳ-kheo thọ giáo rồi, Thế Tôn bảo rằng:

“Tỳ-kheo chánh thân, chánh ý, ngồi bất tréo chân, buộc niệm ở trước, không có tư tưởng nào khác, chuyên tinh niệm tịch tĩnh*. Tịch tĩnh là tâm ý tưởng lắng đọng, chỉ tánh an nhàn, mà không nóng nảy; tâm hằng chuyên nhất, thích nơi vắng vẻ, thường tìm phương tiện⁶ nhập định tam-muội, thường niệm tưởng không tham, tối thắng, tối thượng⁷.

⁶ 常求方便 *thường cầu phương tiện*, nên hiểu là thường xuyên nỗ lực tinh tấn.

⁷ 勝光上達 *thắng quang* [TNM: 勝先 *thắng tiên*] *thượng đạt*; nghĩa không rõ. Tham chiếu đoạn văn dẫn bởi Visuddhimagga i. 294: *upasamānusatiṃ bhāvetukāmena [...] virāgo tesāṃ aggamakkhāyati, yadidaṃ madanimmadano pipāsavinayo* (Cf. A.ii.34). tu tập tịch tĩnh tùy niệm... trong các pháp ấy (hữu vi và vô vi) ly tham là tối thắng, đó là sự diệt trừ kiêu mạn, chế ngự khát vọng. Cf. *Tap* 31 tr. 225c28: 如是一切法，有為、無為，離貪欲法最為第一。

“Nhu vậy, này các Tỳ-kheo, đó gọi là niệm tịch tĩnh, liền được thành tựu đầy đủ quả báo lớn, các điều thiện đủ cả, được vị cam lồ, đến chỗ vô vi, liền được thần thông, trừ các loạn tưởng được quả Sa-môn, tự đến Niết-bàn. Cho nên, này các Tỳ-kheo, luôn phải tư duy không rời niệm tịch tĩnh, liền sẽ được những thứ công đức thiện này. Như vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này.”

Các Tỳ-kheo, sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 8

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Hãy tu hành một pháp. Hãy quảng bá một pháp. Đã tu hành một pháp rồi, liền có danh dự, thành tựu quả báo lớn, các điều thiện đủ cả, được vị cam lồ, đến chỗ vô vi, liền được thần thông, trừ các loạn tưởng, được quả Sa-môn, tự đến Niết-bàn. Những gì là một pháp? Là niệm an-ban.”⁸

Phật bảo các Tỳ-kheo:

“Thế nào là tu hành niệm an-ban, liền có danh dự, thành tựu quả báo lớn, các điều thiện đủ cả, được vị cam lồ, đến chỗ vô vi, liền được thần thông, trừ các loạn tưởng được quả Sa-môn, tự đến Niết-bàn?”

Bấy giờ, các Tỳ-kheo bạch Thế Tôn rằng:

⁸ An-ban niệm 安般念, sô tức niệm, niệm hơi thở ra vào. Pāli: *ānāpānasati*.

“Gốc rễ của Pháp do Thế Tôn nói. Nguyên xin Thế Tôn vì các Tỳ-kheo mà nói diệu nghĩa này. Các Tỳ-kheo sau khi nghe từ Như Lai rồi sẽ thọ trì.”

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Hãy lắng nghe, lắng nghe và, suy nghĩ kỹ. Ta sẽ phân biệt rộng rãi cho các người.”

Các Tỳ-kheo bạch rằng:

“Kính vâng, bạch Thế Tôn.”

Sau khi các Tỳ-kheo thọ giáo rồi, Thế Tôn bảo rằng:

“Tỳ-kheo chánh thân, chánh ý, ngồi bất tréo chân kiết già, buộc niệm ở trước, không có [556b01] tư tưởng nào khác, chuyên tinh niệm an-ban. Nói an-ban, tức là khi hơi thở dài, hãy quán biết ta đang thở dài; nếu hơi thở lại ngắn, hãy quán biết ta đang thở ngắn; nếu hơi thở rất lạnh, hãy quán biết hơi ta đang thở lạnh; nếu hơi thở lại nóng, hãy quán biết hơi ta đang thở nóng. Quán khắp thân thể từ đầu đến chân, tất cả đều nên quán biết. Nếu hơi thở lại có dài, ngắn, cũng hãy quán hơi thở có dài, ngắn. Dụng tâm đặt nơi toàn thân,⁹ biết hơi thở dài, ngắn, tất cả đều biết rõ, cho đến khi hơi thở ra vào được phân biệt rõ ràng. Nếu tâm đặt nơi thân*, biết hơi thở dài, ngắn, cũng lại biết rõ, đếm hơi thở dài, ngắn cũng phân biệt rõ ràng.

“Như vậy, các Tỳ-kheo, đó gọi là niệm an-ban, liền được thành tựu đầy đủ quả báo lớn, các điều thiện đủ cả, được vị cam lồ, đến chỗ vô vi, liền được thần thông, trừ các loạn tưởng, được quả Sa-môn, tự đến Niết-bàn. Cho nên,

⁹ Dụng tâm trì thân 用心持身; chính xác nên hiểu: cảm giác toàn thân khi thở vô... khi thở ra. Pāli: *sabbakāyapaṭisaṃvedī passasissāmīti sikkhati*.

này các Tỳ-kheo, luôn phải tư duy không rời niệm an-ban, liền sẽ được những thứ công đức thiện này. Như vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này.”

Các Tỳ-kheo, sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 9

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Hãy tu hành một pháp. Hãy quảng bá một pháp. Đã tu hành một pháp rồi, liền có danh dự, thành tựu quả báo lớn, các điều thiện đủ cả, được vị cam lồ, đến chỗ vô vi, liền được thần thông, trừ các loạn tướng được quả Sa-môn, tự đến Niết-bàn. Những gì là một pháp? Là niệm thân.”

Phật bảo các Tỳ-kheo:

“Thế nào là tu hành niệm thân, liền có danh dự, thành tựu quả báo lớn, các điều thiện đủ cả, được vị cam lồ, đến chỗ vô vi, liền được thần thông, trừ các loạn tướng được quả Sa-môn, tự đến Niết-bàn?”

Bấy giờ, các Tỳ-kheo bạch Thế Tôn rằng:

“Gốc rễ của Pháp do Thế Tôn nói. Nguyện xin Thế Tôn vì các Tỳ-kheo mà nói diệu nghĩa này. Các Tỳ-kheo sau khi nghe từ Như Lai rồi sẽ thọ trì.”

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Hãy lắng nghe, lắng nghe và, suy nghĩ kỹ. Ta sẽ phân biệt rộng rãi cho các người.”

Các Tỳ-kheo bạch rằng:

“Kính vâng, bạch Thế Tôn.”

Sau khi các Tỳ-kheo thọ giáo rồi, Thế Tôn bảo rằng:

“Tỳ-kheo chánh thân, chánh ý, ngồi bắt chéo chân, buộc niệm ở trước, không có tư tưởng nào khác, [556c01] chuyên tinh niệm thân. Niệm thân là tóc, lông, móng, răng, da, thịt, gân, xương, mật, gan, phổi, tim, lá lách, thận, ruột già, ruột non, bạch chức¹⁰, bàng quang, phần, tiểu, dạ dày¹¹, thương đặng,¹² dịch vị,¹³ nước mắt, đờm dãi, mũi, máu, mỡ, nước miếng, đầu lâu, não.¹⁴ Cái nào là thân? Đó là đại chủng đất? Đó là đại chủng nước? Đó là đại chủng lửa? Đó là đại chủng gió? Được tạo ra bởi giống của cha, giống của mẹ chăng? Nó từ đâu đến? Do ai tạo ra? Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, tâm, chết ở đây sẽ sinh về nơi nào?

“Như vậy, các Tỳ-kheo, đó gọi là niệm thân, liền được thành tựu đầy đủ quả báo lớn, các điều thiện đủ cả, được vị cam lồ, đến chỗ vô vi, liền được thần thông, trừ các loạn tưởng, được quả Sa-môn, tự đến Niết-bàn. Cho nên, này các Tỳ-kheo, luôn phải tư duy không rời niệm thân,

¹⁰ Bạch chức 白臟 (?) Khang Hy: “Thịt khô (脯 phủ) dài 1 thước 2 tấc gọi là chức.” Có lẽ đây nên đọc là bạch mô 白膜. Nhưng cũng không biết chỉ thứ gì.

¹¹ Hán: Bách diệp 百葉, nguyên chỉ dạ dày của bò dê.

¹² Thương đặng 滄蕩 (?)

¹³ Nguyên: Tì bào 脾泡, bong bóng hay bọt nơi lá lách (?).

¹⁴ Đại thể, gồm 36 vật trong thân, cf. *Tạp* 43, T2n99, tr. 311a28.

Đại Bát-nhã 53, T5n220, tr. 298b26: 髮毛爪齒皮革血肉筋脈骨髓心肝肺腎脾膽胞胃大腸小腸屎尿涕唾涎淚垢[汗痰膿肪[月*冊]腦膜[月*蚩]瞤. Cf. Pāli, M.iii. 90.

liên sẽ được những thứ công đức thiện này. Như vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này.”

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 10

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Hãy tu hành một pháp. Hãy quảng bá một pháp. Đã tu hành một pháp rồi, liền có danh dự, thành tựu quả báo lớn, các điều thiện đủ cả, được vị cam lồ, đến chỗ vô vi, liền được thân thông, trừ các loạn tưởng được quả Sa-môn, tự đến Niết-bàn. Những gì là một pháp? Là niệm sự chết.”

Phật bảo các Tỳ-kheo:

“Thế nào là tu hành niệm sự chết, thì liền có danh dự, thành tựu quả báo lớn, các điều thiện đủ cả, được vị cam lồ, đến chỗ vô vi, liền được thân thông, trừ các loạn tưởng được quả Sa-môn, tự đến Niết-bàn?”

Bấy giờ, các Tỳ-kheo bạch Thế Tôn rằng:

“Gốc rễ của Pháp do Thế Tôn nói. Nguyên xin Thế Tôn vì các Tỳ-kheo mà nói diệu nghĩa này. Các Tỳ-kheo sau khi nghe từ Như Lai rồi sẽ thọ trì.”

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Hãy lắng nghe, lắng nghe và, suy nghĩ kỹ. Ta sẽ phân biệt rộng rãi cho các người.”

Các Tỳ-kheo bạch rằng:

“Kính vâng, bạch Thế Tôn.”

Sau khi các Tỳ-kheo thọ giáo rồi, Thế Tôn bảo rằng:

“Tỳ-kheo chánh thân, chánh ý, ngồi bắt chéo chân, buộc niệm ở trước, không có tư tưởng nào khác, chuyên tinh niệm sự chết. Chết là mất ở đây, sinh bên kia; qua lại các đường, sinh mạng trôi đi không dừng, các căn tan hoại, như khúc gỗ mục nát; mạng căn đoạn tuyệt, dòng họ chia [557a01] lìa, không hình không tiếng, cũng không tướng mạo.

“Nhu vậy, này các Tỳ-kheo, đó gọi là niệm sự chết, liền được thành tựu đầy đủ quả báo lớn, các điều thiện đủ cả, được vị cam lồ, đến chỗ vô vi, liền được thần thông, trừ các loạn tưởng, được quả Sa-môn, tự đến Niết-bàn. Cho nên, này các Tỳ-kheo, luôn phải tư duy không rời niệm sự chết, liền sẽ được những thứ công đức thiện này. Như vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này.”

Các Tỳ-kheo, sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Kệ tóm tắt:

*Phật, Pháp, cùng Thánh chúng,
Cuối cùng là niệm chết;
Dù cùng trên đồng tên,
Nhưng nghĩa chúng mỗi khác.¹⁵*

¹⁵ Bản Hán, hết quyển 2.

4. PHẨM ĐỆ TỬ¹

KINH SỐ 1

[557a17] Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Tỳ-kheo đệ nhất trong hàng Thanh văn của Ta, người có lòng nhân rộng rãi, hiểu biết rộng, hay khéo khuyên hóa, nuôi dưỡng Thánh chúng không mất oai nghi, đó là Tỳ-kheo A-nhã-câu-lân.² Nhận pháp vị đầu tiên, tư duy về tứ đế cũng là Tỳ-kheo A-nhã-câu-lân.

“Hay khéo khuyên bảo, hướng dẫn tạo phước và độ mọi người, chính là Tỳ-kheo Ưu-đà-di.³

“Trong hàng chóng thành tựu thân thông, nửa chừng không thối chuyển, đó chính là Tỳ-kheo Ma-ha-nam.⁴

“Thường bay giữa hư không, chân không đạp đất, chính là Tỳ-kheo Thiện Trừu.⁵

“Gặp dịp thì giáo hóa, ý không cầu vinh, đó chính là Tỳ-kheo Bà-phá.⁶

“Sống vui trên trời, không ở trong loài người, chính là Tỳ-kheo Ngưu Tích.⁷

¹ Tham chiếu Pāli, A. 1. 14. Etadaggavaggo.

² A-nhã Câu-lân 阿若拘鄰. Pāli: Aññakoṇḍañña (A-nhã Kiêu-trần-như),

³ Ưu-đà-di 優陀夷. Pāli: Udāyī.

⁴ Ma-ha-nam 摩訶男. Pāli: Mahānāma.

⁵ Thiện Trừu (Châu) 善肘. Pāli: Subāhu.

⁶ Bà-phá 婆破. Pāli: Vappa.

“Hằng quán tưởng bất tịnh ghê tởm, đó chính là Tỳ-kheo Thiện Thắng.⁸

“Nuôi dưỡng Thánh chúng, tứ sự cúng dường, chính là Tỳ-kheo Ưu-lưu-tỳ Ca-diếp.⁹

“Tâm ý lặng lẽ, hàng phục các kết, chính là Tỳ-kheo Giang Ca-diếp.¹⁰

“Quán rõ các pháp, không bị đả trước, chính là Tỳ-kheo Tượng Ca-diếp.¹¹

[557b01]

Kệ tóm tắt:

*Câu-lân, Đà-di, Nam,
Thiện Trụu, Bà thứ năm;
Ngưu Tích cùng Thiện Thắng,
Ba anh em Ca-diếp.*

KINH SỐ 2

“Tỳ-kheo đệ nhất trong hàng Thành văn của Ta, có oai nghi đoan chánh, bước đi khoan thai, chính là Tỳ-kheo Mã Sư.¹²

“Trí tuệ không cùng, giải tòa các nghi, chính là Tỳ-kheo Xá-lợi-phất.¹³

⁷ Ngưu Tích 牛跡. Pāli: Gavampati (Kiều-phạm-bà-đê).

⁸ Thiện Thắng 善勝. Pāli: Uttara.

⁹ Ưu-lưu-tỳ-Ca-diếp 優留毘迦葉. (Ưu-lâu-tần-loa-Ca-diếp). Pāli: Uruvela-Kassapa.

¹⁰ Giang Ca-diếp 江迦葉. Pāli: Nadī-Kassapa (Na-đê Ca-diếp).

¹¹ Tượng Ca-diếp 象迦葉. Pāli: Gayā-Kassapa (Già-da Ca-diếp).

¹² Mã Sư 馬師. Pāli: Assajit.

“Thần túc nhẹ bay đến tận mười phương, chính là Tỳ-kheo Đại Mục-kiền-liên.¹⁴

“Đồng mãnh tinh tấn, cam chịu khổ hạnh, chính là Tỳ-kheo Nhị Thập Úc Nhĩ.¹⁵

“Thực hành mười hai đầu-đà khó hành, chính là Tỳ-kheo Đại Ca-diếp.¹⁶

“Đệ nhất thiên nhân, thảy tận cõi mười phương, chính là Tỳ-kheo A-na-luật.¹⁷

“Ngồi thiền nhập định, tâm không tán loạn, chính là Tỳ-kheo Ly-viết.¹⁸

“Thường khuyên mọi người làm gương bố thí, thiết lập trai giảng,¹⁹ chính là Tỳ-kheo Đà-la-bà-ma-la.²⁰

“Tạo lập phòng ốc, nhà cửa cho Tăng mười phương, chính là Tỳ-kheo Tiểu Đà-la-bà-ma-la.²¹

“Giòng họ tôn quý xuất gia học đạo, chính là Tỳ-kheo La-tra-bà-la.²²

¹³ Xá-lợi-phát 舍利弗. Pāli: Sāriputta.

¹⁴ Đại Mục-kiền-liên 大目犍連. Pāli: Mahā-Moggallāna.

¹⁵ Nhị Thập Úc Nhĩ 二十億耳. Pāli: Soṇakolivīsa.

¹⁶ Đại Ca-diếp 大迦葉. Pāli: Mahā-Kassapa.

¹⁷ A-na-luật 阿那律. Pāli: Aniruddha.

¹⁸ Ly-viết 離曰. Pāli: Revata.

¹⁹ So sánh Pāli: *senāsanapaññapakānam*, người phân phối chỗ nằm cho Tăng. Xem *Tứ phần* 1 (T22n1428, tr. 587a25tt).

²⁰ Đà-la-bà-ma-la 陀羅婆摩羅. Pāli: Dabba-Mallaputta.

²¹ Tiểu Đà-la-bà-ma-la 小陀羅婆摩羅. Xem cht. 20 trên.

²² La-tra-bà-la 羅吒婆羅. Pāli: Raṭṭhapāla. Nhưng A.1. 24 nói, quý tộc xuất gia (*uccākulikānam*) là Bhaddhiya

“Khéo phân biệt nghĩa, phô diễn đạo giáo, chính là Tỳ-kheo Đại Ca-chiên-diên.²³

Kệ tóm tắt:

*Mã Sư, Xá-lợi-phát,
Câu-luật,²⁴ Nhĩ, Ca-diếp;
A-na-luật, Ly Viết,
Ma-la, Tra, Chiên-diên.*

KINH SỐ 3²⁵

“Tỳ-kheo đệ nhất trong hàng Thanh văn của Ta xứng đáng nhận thẻ,²⁶ không trái phép cấm, chính là Tỳ-kheo Quân-đầu-bà-hán.²⁷

“Hàng phục ngoại đạo, thực hành chánh pháp, chính là Tỳ-kheo Tân-đầu-lô.²⁸

Kāligodhāyaputta. Còn Raṭṭhapāla là đệ nhất trong những Tỳ-kheo xuất gia bởi tín tâm kiên định (*saddhāpabbajitānaṃ yadidaṃ raṭṭhapālo*).

²³ Đại Ca-chiên-diên 大迦旃延. Pāli: Mahā-Kaccāna.

²⁴ Câu-luật, hiệu của Đại Mục-kiền-liên, gọi theo sinh quán; Pāli: Koliṭagāma.

²⁵ Tham chiếu *Phân biệt công đức luận 4*, T25 No 1507.

²⁶ Hán: thọ trụ 受籌 (Pāli: *salāka*), đây chỉ thẻ chia phần ăn cho các Tỳ-kheo.

²⁷ Đề bản chép 漢 *mạc*, nên sửa lại 漢 *hán*; Quân-đầu-bà-hán 軍頭漢. Pāli: Kuṇḍadhāna. AA. i. 146 giải thích: Kuṇḍadhāna là người nhận thẻ số 1 trong buổi cúng dường của Mahā-Subhaddā, con gái trưởng của Ông Cấp Cô Độc, trong ngày cưới chồng. Xem Phẩm 30, kinh số 3.

²⁸ Tân-đầu-lô 賓頭盧. Pāli: Piṇḍola-Bhāradvāja. A.i. 24: Đệ nhất sư tử hồng (*sīhanādikṇaṃ*).

“Chăm sóc bệnh tật, cung cấp thuốc thang, chính là Tỳ-kheo Sám.²⁹ Tứ sự cúng dường, y phục đồ ăn thức uống, cũng là Tỳ-kheo Sám*.

“Hay làm kệ tụng, tán thán đức của Như Lai, chính là Tỳ-kheo Bằng-kỳ-xá.³⁰ Lời lẽ biện luận rõ ràng trôi chảy, cũng là Tỳ-kheo Bằng-kỳ-xá.

“Được bốn biện tài, trả lời khi bị vấn nạn, chính là Tỳ-kheo Ma-ha Câu-hy-la.³¹

“Sống nơi vắng vẻ thanh tịnh, không thích sống giữa đông người, chính là Tỳ-kheo Kiên Lao.³²

“Khất thực nhẫn nại, không tránh nóng lạnh, chính là Tỳ-kheo Nan-đề.³³

“Tĩnh tọa một nơi, chuyên tâm niệm đạo, chính là Tỳ-kheo Kim-tỳ-la.³⁴

“Ngồi một lần ăn một bữa,³⁵ không di chuyển chỗ, chính là Tỳ-kheo Thi-la.³⁶

“Giữ gìn ba y, không rời khi ăn khi nghỉ, chính là Tỳ-kheo Phù-di.³⁷

²⁹ Sám 識; đề bản: Thức 識. Có lẽ Pāli: Khema, được nói đến trong S.iii. 126.

³⁰ Bằng-kỳ-xá 鵬耆舍. Pāli: Vaṅgīsa.

³¹ Ma-ha Câu-hy-la 摩訶拘絺羅. Mahā-Koṭṭhika.

³² Kiên Lao 堅牢.

³³ Nan-đề 難提. Pāli: Nandiya.

³⁴ Kim-tỳ-la. Pāli: Kimbila.

³⁵ Chỉ hành đầu đà nhất tọa thực. Pāli: ekāsanika.

³⁶ Thi-la 施羅.

³⁷ Phù-di 浮彌.

Kệ tóm tắt: [557c01]

*Quân-đầu, Tân-đầu-lô,
Thức, Bằng, Câu-hy-la;
Kiên Lao, cùng Nan-đề,
Kim-tỳ, Thí-la, Di.*

KINH SỐ 4

“Tỳ-kheo đệ nhất trong hàng Thanh văn của Ta, tọa thiền dưới bóng cây, ý không di chuyển, chính là Tỳ-kheo Hồ nghi Ly-viết.³⁸

“Khô thân ngồi giữa trời, không tránh nắng mưa, chính là Tỳ-kheo Bà-ta.³⁹

“Vui một mình nơi vắng vẻ, chuyên tâm tư duy, chính là Tỳ-kheo Đà-tố.⁴⁰

“Khoác y năm mảnh⁴¹, không mặc đồ tốt đẹp, chính là Tỳ-kheo Ni-bà.⁴²

“Thường thích nơi gò mả, không ở nơi gần người, chính là Tỳ-kheo Ưu-đa-la.⁴³

³⁸ Hồ nghi Ly-viết 狐疑離. Pāli: Kaṅkhā-Revata.

³⁹ Bà-ta 婆嗟.

⁴⁰ Đà-tố 陀素.

⁴¹ Ngũ nạp y 五納衣, y năm mảnh; cơ bản chỉ y năm điều, tức năm mảnh ghép lại; nhưng cũng chỉ chung tất cả loại y cắt rọc; hoặc gọi tắt là nạp y.

⁴² Ni-bà 尼婆.

⁴³ Ưu-đa-la 優多羅. Pāli: Uttara?

“Thường ngồi nệm cỏ, rằng phước độ người⁴⁴, chính là Tỳ-kheo Lô-hê-ninh.⁴⁵

“Không nói chuyện với người, nhìn xuống đất mà đi, chính là Tỳ-kheo Ưu-kiêm-ma-ni-giang.⁴⁶

“Ngồi dậy, bước đi thường ở trong tam-muội, chính là Tỳ-kheo San-đề.⁴⁷

“Thích du hành nước xa, dạy dỗ mọi người, chính là Tỳ-kheo Đàm-ma-lưu-chi.⁴⁸

“Ưa họp Thánh chúng, bàn luận pháp vi, chính là Tỳ-kheo Ca-cừ⁴⁹.”

Kệ tóm tắt:

*Hô-nghi, Bà-ta, Ly,
Đà-tô, Bà, Ưu-đa;
Lô-hê, Ưu-ca-ma,
Tức, Đàm-ma-lưu, Lệ.*

⁴⁴ 日福度人 *nhật phước độ nhân*, không rõ nghĩa. Có lẽ 日 *nhật* đọc là 日 *viết*: “Nói rằng, đệm cỏ là phước độ người.” *Phân biệt công đức luận 4* (T25 tr. 45a14): Tỳ-kheo Lô-hê-ninh, đệ nhất trong những người ngồi đệm cỏ, khi được người cho đệm cỏ thì lay đệm cỏ, nói rằng, “Tôi nhờ đệm cỏ mà trừ sạch kết sử.”

⁴⁵ Lô-hê-ninh 盧醯甯.

⁴⁶ Ưu-kiêm-ma-ni-giang 優鉗摩尼江.

⁴⁷ San-đề 刪提; bản Tống: Na-đề 那提. Trong kệ tóm tắt, gọi là Tức, cho thấy Pāli: Sānti. Nhưng chưa tìm thấy đâu trong tư liệu nào Pāli. *Phân biệt công đức luận 4*, T25, tr. 45b3: 一心比丘 Tỳ-kheo Nhất Tâm, tam-muội đệ nhất.

⁴⁸ Đàm-ma-lưu-chi 曇摩留支; Pāli: Dhammaruci.

⁴⁹ Đê bản chép 迦淚 Ca-lệ. *Phân biệt công đức luận*, dẫn trên: Tỳ-kheo Ca-cừ 迦渠 đệ nhất tập họp chúng đệ thuyết pháp.

KINH SỐ 5

“Tỳ-kheo đệ nhất trong hàng Thanh văn của Ta có thọ mạng lâu dài, quyết không chết yểu, chính là Tỳ-kheo Bà-câu-la.⁵⁰

“Thường thích chỗ nhàn cư, không thích ở giữa đám đông, cũng chính là Tỳ-kheo Bà-câu-la.

“Hay nói pháp rộng rãi, phân biệt nghĩa lý, chính là Tỳ-kheo Mãn Nguyệt Tử.⁵¹

“Vâng giữ giới luật, không điều trái phạm, chính là Tỳ-kheo Ưu-ba-ly.⁵²

“Được tín giải thoát, ý không do dự, chính là Tỳ-kheo Bà-ca-lợi.⁵³

“Thân thể to lớn, đẹp đẽ khác hẳn thể gian, chính là Tỳ-kheo Nan-đà.⁵⁴ Các căn tịch tĩnh, tâm không biến dịch, cũng chính là Tỳ-kheo Nan-đà.

“Biện tài nhạy bén, giải thông nghi trệ cho người, [558a01] chính là Tỳ-kheo Bà-đà.⁵⁵

⁵⁰ Bà-câu-la 婆拘羅. Pāli: Bakkula.

⁵¹ Mãn Nguyệt Tử 滿願子. Pāli: Punṇa Mantāniputta.

⁵² Ưu-ba-ly 優波離. Pāli: Upāli.

⁵³ Bà-ca-lợi 婆迦利. Pāli: Vakkalī. Nhân duyên, xem đoạn sau, phẩm 26 kinh số 10. Tham chiếu, *Tap* 47, Hán kinh số 1265; Việt kinh số 925; Pāli S. 22. 87. Vakkali; *Phân biệt công đức luận* 4, dẫn trên, tr. 46c23.

⁵⁴ Nan-đà 難陀. Pāli: Nanda.

⁵⁵ Bà-đà 婆陀.

Tăng nhất A-hàm

“Hay nói rộng nghĩa lý, không có trái nghịch, chính là Tỳ-kheo Tu-ni.⁵⁶

“Thích vận y đẹp, hành vốn thanh tịnh, chính là Tỳ-kheo Thiên Tu-bồ-đề.⁵⁷

“Thường thích dạy dỗ những kẻ hậu học, chính là Tỳ-kheo Nan-đà-ca.⁵⁸

“Khéo dạy cấm giới cho Tỳ-kheo-ni, chính là Tỳ-kheo Tu-ma-na.⁵⁹

Kệ tóm tắt:

*Bà-câu, Mãn, Ba-ly,
Bà-ca-lợi, Nan-đà,
Đà, Ni, Tu-bồ-đề,
Nan-đà, Tu-ma-na.*

KINH SỐ 6

“Tỳ-kheo đệ nhất trong hàng Thanh văn của Ta có công đức tràn đầy, nhu yếu không thiếu, chính là Tỳ-kheo Thi-bà-la.⁶⁰

⁵⁶ Tu-ni 斯尼.

⁵⁷ Thiên Tu-bồ-đề 天須菩提. *Phân biệt công đức luận*, đã dẫn: có hai vị cùng tên Tu-bồ-đề, một xuất thân vương tộc, một trường giả. Tu-bồ-đề vương tộc đệ nhất mặc đẹp. Vị này hình như không có trong Pāli.

⁵⁸ Nan-đà-ca 難陀迦. Pāli: Nandaka. A.i. 25: Đệ nhất giáo thọ Tỳ-kheo-ni (*bhikkunovādakānaṃ*) là Nandaka.

⁵⁹ Tu-ma-na 須摩那.

“Đầy đủ các hành pháp đạo phẩm, chính là Tỳ-kheo Ưu-ba-tiên Ca-lan-đà Tử.⁶¹

“Mọi điều nói ra đều vui hòa, không làm thương tổn ý người, chính là Tỳ-kheo Bà-đà-tiên.⁶²

“Tu tập an-ban, tư duy bất tịnh ghê tởm, chính là Tỳ-kheo Ma-ha Ca-diên-na.⁶³

“Chấp ngã vô thường, tâm không có tướng, chính là Tỳ-kheo Ưu-đầu-bàn.⁶⁴

“Hay luận bàn về mọi thứ, làm vui tâm thức, chính là Tỳ-kheo Câu-ma-la Ca-diếp.⁶⁵

“Mặc áo xấu tệ, mà không gì hổ thẹn, chính là Tỳ-kheo Diện Vương.⁶⁶

“Không hủy phạm cấm giới, đọa tụng không lười, chính là Tỳ-kheo La- vân.⁶⁷

⁶⁰ Thi-bà-la 尸婆羅. Pāli, A.1. 24: Sīvala, lợi dưỡng đệ nhất (*lābhīnaṃ*).

⁶¹ Ưu-ba-tiên Ca-lan-đà Tử 優波先迦蘭陀子. Có lẽ Pāli, Upasena Vaṅgantaputta, em trai ngài Xá-lợi-phất, hành giả đầu-đà. A.i. 24 nói, Upasena này là đệ nhất trong các Tỳ-kheo oai nghiêm (*samantapāsādikānaṃ*).

⁶² Bà-đà-tiên 婆陀先.

⁶³ Ma-ha Ca-diên-na 摩訶迦延那.

⁶⁴ Ưu-đầu-bàn 優頭槃.

⁶⁵ Câu-ma-la Ca-diếp 拘摩羅迦葉. A.i. 24: Đệ nhất có lời nói làm đẹp lòng người (*cittakathikānaṃ*) là Kumārakassapa. Xem Trường 7, kinh số 7 Tệ-tú.

⁶⁶ Diện Vương 面王. Tham chiếu, A.i.25: Thọ trì y phục thô xấu (*lūkhacīvaradhārānaṃ*) là Mogharājāti.

⁶⁷ A.i. 24: Rāhula, đệ nhất siêng học (*sikkhākāmānaṃ*).

Tăng nhất A-hàm

“Dùng sức thân túc, hay tự ẩn mình, chính là Tỳ-kheo Bàn-đặc⁶⁸.

“Hay thay hình đổi dạng, tạo mọi thứ biến hóa, chính là Tỳ-kheo Châu-lợi Bàn-đặc.⁶⁹

Kệ tóm tắt:

*Thi-bà, Ưu-ba-tiên,
Bà-đà, Ca-diên-na,
Ưu-đầu, Vương, Ca-diếp,
La-hầu-la, hai Bàn-đặc.*

KINH SỐ 7

“Tỳ-kheo đệ nhất trong hàng Thanh văn của Ta thuộc hào tộc phú quý, thiên tánh nhu hòa, chính là Tỳ-kheo Thích Vương.⁷⁰

“Khất thực không chán đủ, giáo hóa không cùng, chính là Tỳ-kheo Bà-đề-bà-la.⁷¹

“Khí lực cường thịnh, không gì sợ khó, cũng là Tỳ-kheo Bà-đề-bà-la.

⁶⁸ Đê bản: Ban-thố 般兔. TNM: Bàn-đặc 槃特. Tham chiếu, A.i. 24: Mahā-Panthaka, thiện xảo hồi chuyển các tướng (*saññāvivattaṅkusalānam*).

⁶⁹ Châu-lợi Bàn-thố (đặc) 周利般兔. Pāli: Cūḷa-Panthaka, A.i.24: đệ nhất biến hóa ý thành thân (*manomayaṃ kāyaṃ abhinimmiantānaṃ*).

⁷⁰ Thích Vương 釋王. Có lẽ chi Pāli Bhaddhiya Kāligodhāputta, nguyên là ông hoàng họ Thích.

⁷¹ Bà-đề-bà-la 婆提婆羅.

“Âm thanh trong suốt vang đến Phạm thiên, chính là Tỳ-kheo La-bà-na-bà-đê.⁷²

“Thân thể thơm tinh khiết tỏa ra bốn phía, chính là Tỳ-kheo Ương-ca-xà.⁷³

“Tỳ-kheo đệ nhất trong hàng Thanh văn của Ta, biết thời, rõ vật, chỗ đến không nghi, điều được nhớ không quên, nghe nhiều xa rộng, khả năng phụng sự bậc trên, chính là Tỳ-kheo A-nan.⁷⁴

“Phục sức trang nghiêm, nhìn bóng bước đi, chính là Tỳ-kheo Ca-trì-lợi.⁷⁵

“Các vua kính hầu, quân thần cung kính, chính là Tỳ-kheo Nguyệt Quang.⁷⁶

“Trời, người phụng sự, [558b01] thường đến châu hầu, chính là Tỳ-kheo Thâu-đê.⁷⁷

“Đã bỏ hình người, tướng mạo giống trời, cũng là Tỳ-kheo Thâu-đê.

“Bậc Thầy hướng dẫn chư thiên, chỉ trao chánh pháp, chính là Tỳ-kheo Thiên.⁷⁸

“Tự nhớ mọi việc vô số kiếp đời trước, chính là Tỳ-kheo Quả Y.⁷⁹

⁷² La-bà-na-bà-đê 羅婆那婆提. Tham chiếu, A.i.23: Đệ nhất có âm thanh dịu dàng (*mañjussarām*) là Lakunṭaka Bhaddiya.

⁷³ Ương-ca-xà 鶯迦闍.

⁷⁴ A-nan 阿難.

⁷⁵ Ca-trì-lợi 迦持利.

⁷⁶ Nguyệt Quang 月光. Pāli: Jotika (Jotiya).

⁷⁷ Thâu-đê 輸提.

⁷⁸ Thiên 天.

Kệ tóm tắt:

*Thích Vương, Bà-đề-ba,
La-bà, Ương-ca-xà;
A-nan, Ca, Nguyệt Quang,
Thâu-đề, Thiên, Bà-hê.⁸⁰*

KINH SỐ 8

“Tỳ-kheo đệ nhất trong hàng Thanh văn của Ta có thể tánh lợi căn, trí tuệ sâu xa, chính là Tỳ-kheo Ương-quật-ma.⁸¹

“Thường hàng tà nghiệp, phục ma, ngoại đạo, chính là Tỳ-kheo Tăng-ca-ma.⁸²

“Nhập thủy tam-muội không lấy làm khó, chính là Tỳ-kheo Chát-đa Xá-lợi-phất.⁸³

“Những hiểu biết rộng rãi, được mọi người kính nhớ, cũng là Tỳ-kheo Chát-đa Xá-lợi-phất.

⁷⁹ Quả Y 果衣. Có lẽ Pāli: Bāhiya-Dārucīriya, người lấy vỏ cây làm áo. Nhưng, A.i. 24 nói ngài là đệ nhất thần thông nhanh chóng. (*khippābhiññānam*), trong khi đó, đệ nhất nhớ nhiều đời trước (*pubbenivāsaṃ anussarantānam*) là Sobhita.

⁸⁰ Bà-hê, phiên âm Bāhiya 婆醯, tức Quả Y ở trên.

⁸¹ Ương-quật-ma 鶉掘魔. Pāli: Aṅgulimāla.

⁸² Tăng-ca-ma 僧迦摩. Pāli: Saṅgāmaji. Xem đoạn sau, phẩm 35 kinh số 10.

⁸³ Chát-đa Xá-lợi-phất 質多舍利弗. Caitta (Hatthirohaputta = Hatthisāriputta).

“Nhập hóa tam-muội chiếu khắp mười phương, chính là Tỳ-kheo Thiện Lai.⁸⁴

“Hay hàng phục rồng khiến phụng sự tam bảo, chính là Tỳ-kheo Na-la-đà.⁸⁵

“Hàng phục quý thân cải ác tu thiện, chính là Tỳ-kheo Quý-đà.⁸⁶

“Hàng phục Càn-đạp-hòa khiến cần thực hành hạnh lành, chính là Tỳ-kheo Tỳ-lô-giá.⁸⁷

“Thường vui với định Không, phân biệt nghĩa Không, chính là Tỳ-kheo Tu-bồ-đề.⁸⁸

“Chí ở nơi không vắng, nghiệp đức vi diệu, cũng là Tỳ-kheo Tu-bồ-đề.⁸⁹

“Thực hành định vô tướng, trừ bỏ các niệm, chính là Tỳ-kheo Kỳ-lợi-ma-nan.⁹⁰

⁸⁴ Thiện Lai 善來. Pāli, A.i. 25: Đệ nhất thiện xảo với hóa giới tam-muội là Sāgata (*tejodhātukusalānaṃ yadidaṃ sāgato*). Bản Hán đọc là Sugāta. Tỳ-kheo này hàng phục được con độc long bằng hóa quang tam muội. Xem *Tứ phần*, tr. 671c. Vin. iv. 108.

⁸⁵ Có thể đồng nhất với Trưởng lão Nārada của Pāli, được kể trong các sơ giải của Petavatthu (Ngạ quý sự) và Vimāvatthu (Thiên cung sự).

⁸⁶ Có thể đồng nhất với Trưởng lão Bhūta của Pāli, người mà tất cả các anh chị đều bị một con quý dạ-xoa ăn thịt.

⁸⁷ Tỳ-lô-giá 毘盧遮.

⁸⁸ Tu-bồ-đề 須菩提. Pāli: Subhūti.

⁸⁹ A.i. 24: Đệ nhất lâm trụ (A-lan-nhã hạnh hay vô tránh hạnh), và đệ nhất ứng cúng, là Tu-bồ-đề (*araṇavihārināṃ, dakkhiṇeyyaṃ, Subhūti*).

⁹⁰ Kỳ-lợi-ma-nan 耆利摩難. Đồng nhất với Girimānanda của Pāli.

“Nhập định vô nguyên, ý không tán loạn, chính là Tỳ-kheo Diệm Thạnh.⁹¹

Kệ tóm tắt:

*Ương-quật, Tăng-ca-ma,
Chát-đa, Bà,⁹² Na-la,
Duyệt-xoa,⁹³ Phù-lô-giá,⁹⁴
Thiện nghiệp⁹⁵ Ma-nan, Diệm.⁹⁶*

KINH SỐ 9

“Tỳ-kheo đệ nhất trong hàng Thanh văn của Ta, nhập từ tam-muội, tâm không phẫn nộ, chính là Tỳ-kheo Phạm-ma-đạt.⁹⁷

“Nhập bi tam-muội, thành tựu bốn nghiệp, chính là Tỳ-kheo Tu-thâm.⁹⁸

“Được đức của thiện hành⁹⁹, không có các thứ tướng, chính là Tỳ-kheo Sa-di-đà.¹⁰⁰

⁹¹ Diệm Thạnh 焰盛.

⁹² Đề bản: Bà 婆. TNM: Thiện 善 (lai), tức Thiện Lai nói trên.

⁹³ Âm khác của dạ-xoa (Pāli: Yakkha, Skt. Yakṣa), liên hệ đến Quý-đa, xem cht. 86 trên.

⁹⁴ Phù-lô-giá 浮盧遮, tức Tỳ-lô-giá nói trên.

⁹⁵ Thiện Nghiệp 善業, tức Tu-bồ-đề nói trên.

⁹⁶ Đề bản: Cật Ma-nan 及摩難, thiếu Diệm Thạnh.

⁹⁷ Có thể đồng nhất với Trưởng lão Brahmadata của Pāli.

⁹⁸ Pāli. Susīma, nguyên là xuất gia ngoại đạo, được đề cập nhiều chỗ trong Tương ưng bộ. Xem *Tạp*, các kinh 346, 373, 1220.

⁹⁹ Đề bản: Hỷ hành 喜行. TNM: Thiện hành 善行.

“Thường giữ gìn tâm, ý không xả ly, chính là Tỳ-kheo Dục-ba-ca.¹⁰¹

“Hành diệm thanh tam-muội, trọn không giải đãi, chính là Tỳ-kheo Đàm-di.¹⁰²

“Ngôn ngữ thô lỗ, không kể bậc tôn quý, chính là Tỳ-kheo Ti-lợi-đà-bà-giá.¹⁰³

“Nhập kim quang tam-muội, cũng là Tỳ-kheo Ti-lợi-đà-bà-giá.

“Nhập kim cương tam-muội, không thể bị phá hoại, [558c01] chính là Tỳ-kheo Vô Úy.¹⁰⁴

“Những gì nói ra dứt khoát rõ ràng, trong lòng không khiếm nhược, chính là Tỳ-kheo Tu-nê-đa.¹⁰⁵

“Thường thích nơi tịch tĩnh, ý không trú nơi loạn động, chính là Tỳ-kheo Đà-ma.¹⁰⁶

“Nghĩa thì không ai thắng, không hề bị khuất phục, chính là Tỳ-kheo Tu-la-đa.¹⁰⁷

Kệ tóm tắt:

Phạm-đạt, Tu-thâm-ma,

¹⁰⁰ Sa-di-đà 娑彌陀.

¹⁰¹ Dục-ba-ca 躍波迦.

¹⁰² Đàm-di 曇彌.

¹⁰³ Ti-lợi-đà-bà-giá 比利陀婆遮.

¹⁰⁴ Vô Úy 無畏.

¹⁰⁵ Tu-nê-đa 須泥多.

¹⁰⁶ Đà-ma 陀摩.

¹⁰⁷ Tu-la-đa 須羅陀.

*Sa-di, Dược, Đàm-di,
Tỳ¹⁰⁸-lợi-đà, Vô Úy,
Tu-nê-đà, Tu-la.*

KINH SỐ 10

“Tỳ-kheo đệ nhất trong hàng Thanh văn của Ta, hiểu rõ tinh tú, biết trước cát hung, chính là Tỳ-kheo Na-già-ba-la.¹⁰⁹

“Thường vui tam-muội, thiền duyệt làm thức ăn, chính là Tỳ-kheo Bà-tư-tra.¹¹⁰

“Thường lấy hỷ làm thức ăn, chính là Tỳ-kheo Tu-đạ-xa.¹¹¹

“Thường hành nhẫn nhục, vật đối đến tâm không khởi, chính là Tỳ-kheo Mãn Nguyên Thạnh Minh.¹¹²

“Tu tập nhật quang tam-muội, chính là Tỳ-kheo Di-hề.¹¹³

“Rõ phép toán thuật, không có sai lầm, chính là Tỳ-kheo Ni-câu-lưu.¹¹⁴

¹⁰⁸ Tỳ 毘, trên kia chép là tỷ 比.

¹⁰⁹ Na-già-ba-la 那伽波羅. Có thể đồng nhất Na-già-ba-la trong Tạp, kinh 1232, một thời làm thị giả Phật ban đêm giả làm quý Ma-cưu-la để nhất Phật.

¹¹⁰ Bà-tư-tra 婆私吒. Có thể đồng nhất với Bà-tát-tra 婆悉吒, Trường kinh 5, Trung kinh 154; Pāli: Vāseṭṭha, D. 27. Aggañña.

¹¹¹ Tu-đạ-xa 須夜奢.

¹¹² Mãn Nguyên Thạnh Minh 滿願盛明.

¹¹³ Di-hề 彌奚.

“Trí tuệ bình đẳng phân biệt, thường không quên mất, chính là Tỳ-kheo Lộc-đầu.¹¹⁵

“Đặc diện lôi tam-muội, lòng không sợ hãi, chính là Tỳ-kheo Địa.¹¹⁶

“Quán rõ gốc rễ của thân, chính là Tỳ-kheo Đầu-na.¹¹⁷

“Thủ chứng được lậu tận thông tối hậu, chính là Tỳ-kheo Tu-bạt.¹¹⁸

Kệ tóm tắt:

Na-ca,¹¹⁹ Tra, Xá Na,¹²⁰

Di-hê, Ni-câu-lưu;

Lộc-đầu, Địa, Đầu-na,

Tu-bạt ở sau cùng.

Một trăm vị Hiền thánh này cần được quảng diễn (ở nơi khác).

¹¹⁴ Ni-câu-lưu 尼拘留.

¹¹⁵ Lộc-đầu 鹿頭.

¹¹⁶ Địa 地.

¹¹⁷ Đầu-na 頭那. Pāli: Doṇa?

¹¹⁸ Pāli: Subhadda, được hóa độ cuối cùng trước khi Phật nhập niết-bàn.

¹¹⁹ Na-ca 那迦, tức Na-già-ba-la.

¹²⁰ Xá-na 舍那, trong này có thể gồm hai tên, nhưng không thấy liên hệ tên đã nêu trên.

5. PHẨM TỖ-KHEO-NI¹

KINH SỐ 1

“Tỳ-kheo-ni đệ nhất trong hàng Thanh văn của Ta, xuất gia học đạo lâu, được quốc vương cung kính, chính là Tỳ-kheo-ni Đại Ái Đạo Kiền-đàm-di.²

“Trí tuệ thông minh, chính là Tỳ-kheo-ni Sám-ma³.

“Thần túc đệ nhất, cảm đến các thần, chính là Tỳ-kheo-ni Ưu-bát Hoa Sắc⁴.

“Thực hành pháp đầu đà với mười một điều hạn ngại, chính là Tỳ-kheo-ni Cơ-lê-xá Cù-đàm-di.⁵

“Thiên nhãn đệ nhất, [559a01] nhìn khắp không trở ngại, chính là Tỳ-kheo-ni Xa-câu-lê.⁶

“Tọa thiền nhập định, ý không phân tán, chính là Tỳ-kheo-ni Xa-ma.⁷

“Phân biệt nghĩa thú, diễn rộng đạo giáo, chính là Tỳ-kheo-ni Ba-đầu-lan-xà-na.⁸

¹ Cf. A. 1. 14. 5.

² Đại Ái Đạo Kiền-đàm-di 大愛道瞿曇彌; xem kinh 1 phẩm 52.

³ Đệ bản: Thức-ma 識摩. TNM: Sám-ma. Pāli: Khemā 識摩.

⁴ Ưu-bát Hoa Sắc 優鉢華色. Pāli: Uppalavaṇṇā (Liên Hoa Sắc).

⁵ Cơ-lê-xá Cù-đàm-di 機梨舍瞿曇彌. Pāli: Kisā-Gotamī, đệ nhất thọ trì y thô xấu (*lūkhacīvaradharāṇaṃ*). Xem *Tạp* 45 kinh số 1200 (tr. 326b16): 吉離舍瞿曇彌 Cát-li-xá Cù-đàm-di.

⁶ Xa-câu-lê 奢拘梨. Pāli: Sakulā.

⁷ Xa-ma 奢摩. A.i.25: Đệ nhất tọa thiền là Nandā.

⁸ Ba-đầu-lan-xà-na 波頭蘭那.

“Vâng giữ luật giáo không hề trái phạm, chính là Tỳ-kheo-ni Ba-la-giá-na.⁹

“Đạt tín giải thoát, không thối lui trở lại, chính là Tỳ-kheo-ni Ca-chiên-diên.¹⁰

“Đạt bốn biện tài, trong lòng không khiếp sợ, chính là Tỳ-kheo-ni Tối Thắng.¹¹

Kệ tóm tắt:

Đại Ái cùng Sâm-ma,
Ưu-bát, Cơ-đàm-di;
Câu-lợi, Xa, Lan-xà,
Ba-la,¹² Ca-chiên, Thắng.*

KINH SỐ 2

“Tỳ-kheo-ni đệ nhất trong hàng Thanh văn của Ta, tự biết mọi việc vô số kiếp đời trước, chính là Tỳ-kheo-ni Bạt-đà Ca-tỳ-ly¹³.

“Nhan sắc xinh đẹp, được mọi người yêu kính, chính là Tỳ-kheo-ni Hê-ma-xà.¹⁴

⁹ Ba-la-giá-na 波羅遮那. Ba-la-giá-na; Pāli: Đệ nhất trì luật, Paṭācāra.

¹⁰ Ca-chiên-diên 迦旃延. Xem Phẩm 23 kinh 1. A.i. 25: Đệ nhất tín giải thoát (*saddhāvimuttānaṃ*) là Siṅgālakamātā.

¹¹ Tối Thắng 最勝. Pāli: Uttarā?

¹² Để bản chép là 那羅 *na-la*.

¹³ Bạt-đà Ca-tỳ-ly 拔陀迦毘離. Pāli: Bhaddā Kāpilānī.

¹⁴ Hê-ma-xà 醯摩闍.

“Hàng phục ngoại đạo để lập chánh giáo, chính là Tỳ-kheo-ni Thâu-na.¹⁵

“Phân biệt nghĩa thú, nói rộng từng bộ, chính là Tỳ-kheo-ni Đàm-ma-đề-na.¹⁶

“Mình mặc áo thô, không lấy làm hổ, chính là Tỳ-kheo-ni Ưu-đa-la.¹⁷

“Các căn tịch tĩnh, thường thuận nhất tâm, chính là Tỳ-kheo-ni Quang Minh.¹⁸

“Y phục tề chỉnh, đúng theo pháp giáo, chính là Tỳ-kheo-ni Thiên Đầu.¹⁹

“Luận biện nhiều đề tài, không nghi ngờ do dự, chính là Tỳ-kheo-ni Đàn-đa.²⁰

“Khả năng sáng tác kệ, khen ngợi đức của Như Lai, chính là Tỳ-kheo-ni Thiên Dữ.²¹

“Nghe nhiều biết rộng, ân huệ tiếp đãi người dưới, chính là Tỳ-kheo-ni Cù-ty.²²

Kệ tóm tắt:

Bạt-dà, Xà, Thâu-na,

¹⁵ Thâu-na 輸那. Pāli: Soṇā, đệ nhất tinh cần.

¹⁶ Đàm-ma-đề-na 曇摩提那. Pāli: Dhammadinnā (Pháp Dữ).

¹⁷ Ưu-đa-la 優多羅. Pāli: Uttarā. Xem cht. 11 trên.

¹⁸ Quang Minh 光明.

¹⁹ Thiên Đầu 禪頭.

²⁰ Đàn-đa 檀多.

²¹ Thiên Dữ 天與.

²² Cù-ty 瞿卑.

*Đàm-ma-na, Ưu-đa,
Quang Minh, Thiên, Đản-đa,
Thiên Dữ cùng Đàm-ty.*

KINH SỐ 3

“Tỳ-kheo-ni đệ nhất trong hàng Thanh văn của Ta, thường ở nơi vắng vẻ, không sống giữa nhân gian, chính là Tỳ-kheo-ni Vô Úy.²³

“Khổ thân khát thực, không lựa sang hèn, chính là Tỳ-kheo-ni Tỳ-xá-khur.²⁴

“Chỉ ngồi một chỗ, ăn một lần,²⁵ quyết không xê dịch, chính là Tỳ-kheo-ni Bạt-đa-bà-la.²⁶

“Đi khắp cầu xin, rộng độ mọi người, chính là Tỳ-kheo-ni Ma-nộ-ha-lợi.²⁷

“Chóng thành đạo quả, trung gian không bị vướng mắc, chính là Tỳ-kheo-ni Đà-ma.²⁸

“Thọ trì ba y, quyết không lìa bỏ, chính là Tỳ-kheo-ni Tu-đa-ma.²⁹

²³ Vô Úy 無畏.

²⁴ Tỳ-xá-khur 毘舍佉. Pāli: Visakhā.

²⁵ Nhất tọa thực, một hạnh tu đầu-đà. Xem đoạn trên, phẩm 4 kinh số 3, cht. 36.

²⁶ Bạt-đa-bà-la 拔陀婆羅.

²⁷ Ma-nộ-ha-lợi 摩怒呵利.

²⁸ Đà-ma 陀摩.

²⁹ Tu-đa-ma 須陀摩.

“Thường ngồi [559b01] dưới bóng cây, ý không dòi dỏi, chính là Tỳ-kheo-ni Lệ-tu-na.³⁰

“Thường ở nơi đất trống, không cần nghĩ đến mái che, chính là Tỳ-kheo-ni Xà-đà.³¹

“Thích nơi vắng vẻ, không sống giữa nhân gian, chính là Tỳ-kheo-ni Ưu-ca-la.³²

“Ngồi mãi nệm cỏ, không cần trang sức, chính là Tỳ-kheo-ni Ly-na.³³

“Khoác y năm mảnh,³⁴ tuân tự khát thực³⁵, chính là Tỳ-kheo-ni A-nô-ba-ma.³⁶

Kệ tóm tắt:

Vô Úy, và³⁷ Tỳ-xá,
Bà-đà,³⁸ Ma-nô-kha,³⁹
Đàn, Tu-đàn, Lệ-na,⁴⁰
Ưu-ca, Ly, A-nô.

³⁰ Lệ-tu-na [王*荔]須那. TNM: Lệ-na [王*荔]那. Từ điển không thấy từ này, 王*荔, không rõ đọc *hiếp* hay *lệ*.

³¹ Xà-đà 奢陀.

³² Ưu-ca-la 優迦羅.

³³ Ly-na 離那.

³⁴ 五納衣 ngũ nạp y. Xem Tứ phần 41 T22 tr.864a6.

³⁵ Đề bản: Phân-việt 分越, TNM: Phân-vệ, Pāli: *piṇḍapāta*, hành khát thực.

³⁶ A-nô-ba-ma 阿奴波摩.

³⁷ Đề bản: Đa 多, chữ *cáp* 及 chép nhầm.

³⁸ Bà-đà: Tức Bạt-đà-bà-la nêu trên.

³⁹ Đề bản chép nhầm là A-nô-ba. TNM: Ma-nô-kha.

⁴⁰ Lệ-na tức Lệ-tu-na ở trên. Đề bản chép nhầm là Xa-đa 奢多.

TNM: Lệ-xa [王*荔]奢.

KINH SỐ 4

“Tỳ-kheo-ni đệ nhất trong hàng Thanh văn của Ta, thích nơi gò má vắng, chính là Tỳ-kheo-ni Ưu-ca-ma.⁴¹

“Thường xuyên an trú tâm từ, thương tưởng chúng sanh, chính là Tỳ-kheo-ni Thanh Minh.⁴²

“Buồn khóc chúng sanh không đến được với đạo, chính là Tỳ-kheo-ni Tố-ma.⁴³

“Hoan hỷ vì đắc đạo, nguyện phổ cập cho tất cả, chính là Tỳ-kheo-ni Ma-đà-lợi.⁴⁴

“Thủ hộ các hành, ý không lìa xa, chính là Tỳ-kheo-ni Ca-la-già.⁴⁵

“Giữ không chấp hư,⁴⁶ biết rõ không có gì tồn tại, chính là Tỳ-kheo-ni Đề-bà-tu.⁴⁷

“Tâm vui với vô tướng,⁴⁸ trừ bỏ các chấp, chính là Tỳ-kheo-ni Nhật Quang.⁴⁹

⁴¹ Ưu-ca-ma 優迦摩.

⁴² Thanh Minh 清明.

⁴³ Tố-ma 素摩. Pāli: Somā Therī. Nhưng Pāli không đề cập sự kiện này.

⁴⁴ Ma-đà-lợi 摩陀利.

⁴⁵ Ca-la-già 迦羅伽.

⁴⁶ Đây chỉ Không giải thoát (Pāli: *suñña-vimokkha*).

⁴⁷ Đề-bà-tu 提婆修.

⁴⁸ Đây chỉ Vô tướng giải thoát (Pāli: *animitta-vimokkha*).

⁴⁹ Nhật Quang 日光.

Tăng nhất A-hàm

“Tu tập vô nguyện,⁵⁰ tâm thường giúp khắp, chính là Tỳ-kheo-ni Mạt-na-bà.

“Không nghi các pháp, độ người không hạn, chính là Tỳ-kheo-ni Tỳ-ma-đạt.⁵¹

“Thường nói nghĩa rộng, phân biệt pháp sâu, chính là Tỳ-kheo-ni Phổ Chiếu.⁵²

Kệ tóm tắt:

*Ưu-ca, Minh, Tổ-ma,
Ma-đà, Ca, Đề-bà,
Nhật Quang, Ma-na-bà,
Tỳ-ma-đạt, Phổ Chiếu.*

KINH SỐ 5

“Tỳ-kheo-ni đệ nhất trong hàng Thanh văn của Ta, tâm hằng nhẫn nhục như đất bao dung, chính là Tỳ-kheo-ni Đàm-ma-đề⁵³.

“Hay dạy bảo mọi người, khiến lập hội bố thí, chính là Tỳ-kheo-ni Tu-dạ-ma.⁵⁴

“Phân bố chỗ ngồi chỗ nằm, cũng là Tỳ-kheo-ni Tu-dạ-ma.

“Tâm đã vĩnh viễn lắng đọng, không còn khởi loạn tưởng, chính là Tỳ-kheo-ni Nhân-đà-xà.⁵⁵

⁵⁰ Đây chi Vô nguyện giải thoát (Pāli: *appañihita-vimokkha*)

⁵¹ Tỳ-ma-đạt 毘摩達.

⁵² Phổ Chiếu 普照.

⁵³ Đề bản: Đàm-ma-đề 曇摩提. TNM: Đàm-ma-ma-đề 曇摩摩提.

⁵⁴ Tu-dạ-ma 須夜摩.

“Quán rõ các pháp mà không bao giờ chán, chính là Tỳ-kheo-ni Long.⁵⁶

“Ý chí kiên cường, dũng mãnh, không bị nhiễm đắm, chính là Tỳ-kheo-ni Câu-na-la.⁵⁷

“Nhập thủy tam-muội, thấm nhuần khắp tất cả, chính là Tỳ-kheo-ni Bà-tu.⁵⁸

“Nhập diệm quang tam-muội, tắt chiếu khắp cả [559c] mọi loài, chính là Tỳ-kheo-ni Hàng-đề.⁵⁹

“Quán bất tịnh ghê tởm, phân biệt duyên khởi, chính là Tỳ-kheo-ni Giá-ba-la.⁶⁰

“Nuôi dạy mọi người, cung cấp mọi thiếu thốn, chính là Tỳ-kheo-ni Thủ-ca.⁶¹

“Tỳ-kheo-ni đệ nhất cuối cùng trong hàng Thanh văn của Ta, chính là Tỳ-kheo-ni Bạt-đà Quân-đà-la⁶² nước Câu-di.

Kệ tóm tắt:

Đàm-ma, Tu-dạ-ma,

⁵⁵ Nhân-đà-xà 因陀闍.

⁵⁶ Long 龍.

⁵⁷ Câu-na-la 拘那羅.

⁵⁸ Bà-tu 婆須.

⁵⁹ Hàng-đề 降提.

⁶⁰ Giá-ba-la 遮波羅.

⁶¹ Thủ-ca 守迦.

⁶² Bạt-đà Quân-đà-la 拔陀軍陀羅. Pāli (A.i. 25): Bhaddā Kuṇḍalakesā (người Rājagaha), đệ nhất thần thông nhanh nhẹn (*khippābhiññānam*).

Tăng nhất A-hàm

*Nhân-đề, Long, Câu-na;
Bà-tu, Hàng, Giá-ba,
Thủ-ca, Bạt-đà-la.*

Năm mươi Tỳ-kheo-ni này, cần được nói rộng như trên.

6. PHẨM THANH TÍN SĨ¹

KINH SỐ 1

“Ưu-bà-tắc đệ nhất trong hàng đệ tử của Ta, người đầu tiên nghe pháp dược² mà chứng thành Hiền thánh, chính là thương khách Tam Quả.³

“Trí tuệ đệ nhất, chính là Gia chủ Chất-đa.⁴

“Thần đức đệ nhất, chính là Kiên-đề A-lam.⁵

“Hàng phục ngoại đạo, chính là Gia chủ Quật-đa.⁶

“Thường nói pháp sâu, chính là Gia chủ Ưu-ba-quật.⁷

“Thường tọa thiền tư duy, chính là Ha-Xi A-la-bà.⁸

“Hàng phục bọn ma⁹, chính là Gia chủ Dũng Kiện.¹⁰

“Phước đức sung mãn, chính là Gia chủ Xà-lợi.¹¹

¹ Về các Ưu-bà-tắc đệ nhất. Tham chiếu Pāli A.1. 14. 6 (R. i. 26).

² 法藥 thuốc là pháp.

³ Tam Quả 三果. Pāli, hai thương khách Tapussa-Bhallika, hình như bản Hán đọc là Ta(ya?)pussa-Phalika.

⁴ Chất-đa 質多. Pāli: Citta-gahapati. Nhưng A.i. 26 nói là đệ nhất thuyết pháp. (*dhammakathikānaṃ*).

⁵ Kiên-đề A-lam 鞮提阿藍.

⁶ Quật-đa 掘多.

⁷ Ưu-ba-quật 優波掘.

⁸ Ha-Xi A-la-bà 呵侈阿羅婆. Pāli: Haṭṭhaka (Haṭṭhi theo bản Hán) Āḷavaka; A.i. 26: Đệ nhất hành bốn nhiếp sự để đoàn kết đại chúng.

⁹ Đề bản: Ma cung 魔宮. TNM: Ma hoạn.

¹⁰ Dũng Kiện 勇健.

“Chủ đại đàn thí, chính là Gia chủ Tu-đạt.¹²

“Thành tựu môn tộc, chính là Gia chủ Mãn-dật¹³.

Kệ tóm tắt:

*Tam Quả, Chát, Kiên-đề,
Quạt, Ba cùng La-bà;
Dũng, Đồ-lợi, Tu-đạt,
Mãn-thố gọi là mười.*

KINH SỐ 2

“Ưu-bà-tắc đệ nhất trong hàng đệ tử của Ta, ưa hỏi nghĩa thú, chính là Bà-la-môn Sanh Lậu¹⁴.

“Lợi căn thông minh, chính là Phạm-ma-du.¹⁵

“Tín sứ của chư Phật, chính là Ngự Mã Ma-nạp.¹⁶

“Xét thân vô ngã, chính là Bà-la-môn Hỷ Văn Cầm.¹⁷

“Bàn luận không ai hơn, chính là Bà-la-môn Tỳ-cừ.¹⁸

“Hay sáng tác kệ tụng, chính là Gia chủ Ưu-bà-ly¹⁹.

¹¹ Xả-lợi 闍利.

¹² Tu-đạt 須達. Pāli: Sudatta, tên thật của Cấp Cô Độc.

¹³ Đê bản: Mãn- thố 泯兔. TNM: Mãn dật.

¹⁴ Sanh Lậu 生漏. Sanh Lậu 生漏, bản Minh chép là Sanh Mãn. Có lẽ là Bà-la-môn Sanh Văn được thấy trong *Tạp*, kinh 737, 739, 757. Pāli: Jāṇussoṇi. Bản Hán đọc là Jānāsava.

¹⁵ Phạm-ma-du 梵摩俞. Pāli: Brahmāyu, cf. M.iii.133.

¹⁶ Ngự Mã Ma-nạp 御馬摩納, người huấn luyện ngựa?

¹⁷ Hỷ Văn Cầm 喜聞岑.

¹⁸ Tỳ-cừ 毘裘.

“Nói năng nhanh lẹ, cũng là Gia chủ Ưu-bà-ly.

“Thích bỏ thí của báu tốt, không có lòng tiếc, chính là Gia chủ Thù-đề.²⁰

“Kiến lập gốc thiện, chính là Ưu-ca Tỳ-xá-ly.²¹

[560a01] “Hay nói pháp vi diệu, chính là Ưu-bà-tắc Tối Thượng Vô Úy.²²

“Những điều nói ra không sợ, khéo xem xét căn cơ mọi người, chính là đại tướng lãnh Đâu-ma²³ thành Tỳ-xá-ly.

Kệ tóm tắt:

*Sanh Lậu, Phạm-ma-du,
Ngự-mã cùng Văn Cầm,
Tỳ-cừu, Ưu-ba-ly,
Thù-đề, Ưu, Úy, Ma.*

KINH SỐ 3

“Ưu-bà-tắc đệ nhất trong hàng đệ tử của Ta, vui ban ân huệ, chính là vua Bình-sa.²⁴

“Sở thí ít ỏi, chính là vua Quang Minh.²⁵

“Kiến lập gốc lành, chính là vua Ba-tư-nặc.²⁶

¹⁹ Ưu-bà-ly 優婆離. Pāli: Upāli-gahapati. Cf. M.i. 371.

²⁰ Thù-đề 殊提.

²¹ Ưu-ca Tỳ-xá-ly 優迦毘舍離. Pāli: Ugga-Vesālika, đệ nhất bố thí vật thích ý (*mānapadāyakānam*).

²² Vô Úy 無畏.

²³ Đâu-ma 頭摩.

²⁴ Tỳ-sa vương 毘沙王. Pāli: Bimbisāra.

²⁵ Quang Minh 光明.

“Được tín tâm thiện vô căn²⁷, khởi lòng hoan hỷ, chính là vua A-xà-thế.²⁸

“Chí tâm hướng về Phật, ý không biến dịch, chính là vua Ưu-điền.²⁹

“Thừa sự chánh pháp, chính là Vương tử Nguyệt Quang.³⁰

“Cung phụng Thánh chúng, ý luôn bình đẳng, chính là vương tử Tọa Kỳ-hoàn³¹.

“Thường thích giúp người, hơn là tự vì mình, chính là vương tử Sư Tử.³²

“Khéo phụng kính người, không phân cao thấp, chính là vương tử Vô Úy³³.

“Tướng mạo đoan chánh, đẹp đẽ hơn người, chính là vương tử Kê-đầu.³⁴

Kệ tóm tắt:

Bình-sa vương, Quang Minh,

²⁶ Ba-tư-nặc 波斯匿. Pāli: Pasenadī.

²⁷ A-xà-thế 阿闍世. Do giết cha, đã đoạn thiện căn, nhưng về sau tin Phật nên nói là thiện vô căn. Xem, *Trương A-hàm* 17, T1n1, tr. 109b26. Cf. Pāli, D.i. 49.

²⁸ Pāli: Ajātasatta.

²⁹ Ưu-điền 優填. Pāli: Udena.

³⁰ Nguyệt Quang 月光.

³¹ Tọa Kỳ-hoàn Vương tử 造祇洹. Pāli: Jeta.

³² Sư Tử 師子.

³³ Vô Úy 無畏. Pāli: Abhaya-kumāra.

³⁴ Kê-đầu 雞頭.

*Ba-tu-nặc, Xà vương,
Nguyệt, Kỳ-hoàn, Ưu-điền,
Sư Tử, Úy, Kê-đâu.*

KINH SỐ 4

“Ưu-bà-tắc đệ nhất trong hàng đệ tử của Ta, thường hành tâm từ, chính là Gia chủ Bất-ni.³⁵

“Tâm thường bi niệm tất cả các loài, chính là Thích chủng Ma-ha-nạp³⁶.

“Thường hành tâm hoan hỷ, chính là Thích chủng Bạt-đà.³⁷

“Thường giữ tâm không mất thiện hành, chính là Ưu-bà-tắc Tỳ-xà-tiên.³⁸

“Khả năng hành nhẫn nhục, chính là Đại tướng Sư Tử.³⁹

“Luận biện nhiều đề tài, chính là Ưu-bà-tắc Tỳ-xá-ngự.⁴⁰

“Im lặng như Hiền thánh, chính là Ưu-bà-tắc Nan-đề-bà-la⁴¹.

³⁵ Bất-ni 不尼.

³⁶ Ma-ha-nạp (Ma-ha-nam) Thích chủng 摩訶納釋種. Pāli: Mahānāma-Sakka.

³⁷ Bạt-đà 拔陀.

³⁸ Tỳ-xà-tiên 毘闍先.

³⁹ Sư Tử Đại tướng 師子大將. Pāli: Sīha-senapati.

⁴⁰ Tỳ-xá-ngự 毘舍御. Pāli: Visākha, cf. M.i.299.

⁴¹ Nan-đề-bà-la 難提婆羅.

Tăng nhất A-hàm

“Siêng tu hạnh lành không dừng nghỉ, chính là Ưu-bà-tắc Ưu-đa-la.

“Các căn tịch tĩnh, chính là Ưu-bà-tắc Thiên-ma.⁴²

“Người chứng quả cuối cùng trong hàng đệ tử của Ta, chính “là Câu-di-na Ma-la.⁴³

Kệ tóm tắt:

*Bất-ni, Ma-ha-nạp,
Bạt-đà, Ưu-đa-la,
Sư Tử, Tỳ-xá, Ly,
Ưu-đa, Thiên, Ma-la.*

Bốn mươi Ưu-bà-tắc này, đều nên nói rộng như trên.

⁴² Thiên-ma 天摩.

⁴³ Câu-di-na Ma-la 拘夷那摩羅, có lẽ chỉ một người Mạt-la ở Câu-thi-na. Pāli: Kusināgara-Malla.

7. PHẨM THANH TÍN NỮ¹

KINH SỐ 1

“Ưu-bà-di đệ nhất trong hàng đệ tử của Ta, người đầu tiên thọ trì đạo mà chúng quả, chính là Ưu-bà-di² [560b01] Nan-đà Nan-đà-bà-la.³

“Trí tuệ đệ nhất, chính là Ưu-bà-di* Cừu-thọ-đa-la.⁴

“Thường thích tọa thiền, chính là Ưu-bà-di Tu-tỳ-da Nữ.⁵

“Huệ căn tỏ rõ, chính là Ưu-bà-di Tỳ-phù.⁶

“Kham năng nói pháp, chính là Ưu-bà-di Ương-kiệt-xà.⁷

“Khéo diễn nghĩa kinh, chính là Ưu-bà-di Bạt-đà-sa-la Tu-diệm-ma.⁸

“Hàng phục ngoại đạo, chính là Ưu-bà-di Bà-tu-đà.⁹

¹ Về các Ưu-bà-di đệ nhất. A. 1. 14. 7.

² Nguyên trong bản: Ưu-bà-tư 優婆斯.

³ Nan-đà Nan-đà-bà-la 難陀難陀婆羅. Không rõ tiểu sử. Pāli, A.i. 25: Nữ quy y đầu tiên là Sujātā Seniyadhita.

⁴ Cừu-thọ-đa-la 久壽多羅. Pāli: Khujjuttarrā, đa văn đệ nhất (*bahussutānam*).

⁵ Tu-tỳ-da Nữ 須毘耶女. A.i.26: Đệ nhất tọa thiền, Uttarā Nandamātā. Hán có thể đồng nhất với Suppiyā của Pāli, cf. Vin. 1. 216, Xem *Tứ phần* 42, T22n1428, tr. 868c7.

⁶ Tỳ-phù 毘浮.

⁷ Ương-kiệt-xà 鶯竭闍.

⁸ Bạt-đà-sa-la Tu-diệm-ma 跋陀娑羅須焰摩.

“Âm vang trong suốt, chính là Ưu-bà-di Vô Ưu.¹⁰

“Hay luận giải nhiều đề tài, chính là Ưu-bà-di Bà-la-đà.¹¹

“Dũng mãnh tinh tấn, chính là Ưu-bà-di Tu-đầu.¹²

Kệ tóm tắt:

*Nan-đà-đà, Cừu-thọ,
Tu-tỳ, Ương-kiệt-xà;
Tu-diệm cùng Vô Ưu,
Bà-la-đà, Tu-đầu.*

KINH SỐ 2

“Ưu-bà-di đệ nhất trong hàng đệ tử của Ta, cúng dường Như Lai, chính là Phu nhân Ma-lợi.¹³

“Thừa sự chánh pháp, chính là Phu nhân Tu-lại-bà.¹⁴

“Cúng dường Thánh chúng, chính là Phu nhân Xả-di.¹⁵

“Chiêm ngưỡng Hiền sĩ quá khứ tương lai, chính là Phu nhân Nguyệt Quang.¹⁶

⁹ Bà-tu-đà 婆修陀.

¹⁰ Vô Ưu 無優.

¹¹ Bà-la-đà 婆羅陀.

¹² Tu-đầu 須頭.

¹³ Ma-lợi 摩利. Pāli: Mallikā.

¹⁴ Tu-lại-bà 須賴婆.

¹⁵ Xả-di 捨彌.

¹⁶ Nguyệt Quang 月光.

“Đàn việt đệ nhất, chính là Phu nhân Lôi Điện.¹⁷

“Luôn hành từ tam-muội, chính là Ưu-bà-di Ma-ha Quang.¹⁸

“Hành bi tâm, hằng thương xót, chính là Ưu-bà-di Tỳ-đề.¹⁹

“Tâm hỷ không dứt tuyệt, chính là Ưu-bà-di Bạt-đề.²⁰

“Hành nghiệp thủ hộ, chính là Ưu-bà-di Nan-đà Mẫu.²¹

“Được tín giải thoát, chính là Ưu-bà-di Chiếu Diệu.²²

Kệ tóm tắt:

*Ma-lợi, Tu-lại-bà,
Xả-di, Quang Nguyệt, Lôi;
Đại Quang, Tỳ-đề, Đà,
Nan-đà cùng Chiếu Diệu.*

KINH SỐ 3

“Ưu-bà-di đệ nhất trong hàng đệ tử của Ta, thường hành nhẫn nhục, chính là Ưu-bà-di Vô Ưu.²³

¹⁷ Lôi Điện 雷電. A.i. 26: Đệ nhất bố thí, Visākhā.

¹⁸ Đệ bản: Ma-ha Quang 摩訶光. TNM: Ma-ha tiên. Pāli, A.i. 26:

Đệ nhất hành từ vô lượng, Sāmāvatī. (*mettāvihārinam*).

¹⁹ Tỳ-đề 毘提.

²⁰ Bạt-đề 拔提.

²¹ Nan-đà Mẫu 難陀母. Pāli: (Uttarā) Nandmātā.

²² Chiếu Diệu 照曜.

²³ Vô Ưu 無優.

“Hành Không tam-muội, chính là Ưu-bà-di Tỳ-thù-tiên.²⁴

“Hành Vô tướng tam-muội,²⁵ chính là Ưu-bà-di Ưu-na-đà.²⁶

“Hành Vô nguyện tam-muội, chính là Ưu-bà-di Vô Cầu.²⁷

“Thích dạy dỗ người, chính là Ưu-bà-di Phu nhân Thi-lợi.²⁸

“Khéo hay trì giới, chính là Ưu-bà-di Ương-kiệt-ma.²⁹

“Dung mạo đoan chánh, chính là Ưu-bà-di Lôi Diệm.³⁰

“Các căn tịch tĩnh, chính là Ưu-bà-di Tỏi Thắng.³¹

“Nghe nhiều, biết rộng, chính là Ưu-bà-di Nê-la.³²

“Thường sáng tác kệ tụng, chính là Ưu-bà-di Tu-ma-ca-đê Tu-đạt Nữ.³³

“Không chỗ khiếp nhược, cũng là Ưu-bà-di Tu-đạt Nữ.³⁴

²⁴ Tỳ-thù-tiên 毘讎先.

²⁵ 無想三昧 vô tướng tam-muội, tức vô tướng tam-muội, Pāli: *animittasamādhī*.

²⁶ Ưu-na-đà 優那陀.

²⁷ Vô Cầu 無垢.

²⁸ Thi-lợi 尸利.

²⁹ Ương-kiệt-ma 鶯竭摩.

³⁰ Lôi Diệm 雷焰.

³¹ Tỏi Thắng 最勝.

³² Nê-la 泥羅.

³³ Tu-ma-ca-đê Tu-đạt Nữ 脩摩迦提須達女.

“Ưu-bà-di thù chúng cuối cùng trong hàng Thanh văn của Ta, [560c01] chính là Ưu-bà-di Lam.³⁵

Kệ tóm tắt:

*Vô Ưu, Tỳ-thù-tiên,
Ưu-na, Vô Cầu, Thi,
Ương-kiệt, Lô Diệm, Thắng,
Nê, Tu, Lam-ma Nữ.*

Ba mươi Ưu-bà-di này, nói rộng như trên.

³⁴ Tu-đạt Nữ 須達女.

³⁵ Lam 藍.

8. PHẨM A-TU-LA

KINH SỐ 1

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Thọ thân hình to lớn không ai hơn vua A-tu-la¹. Tỳ-kheo, nên biết, thân hình A-tu-la lớn cao tám vạn bốn nghìn do tuần. Miệng rộng nghìn do tuần.

“Tỳ-kheo nên biết, có lúc vua A-tu-la muốn xúc phạm đến mặt trời, liền hóa thân cao gấp bội đến mười sáu vạn tám nghìn do tuần, đến trước mặt trời, mặt trăng. Vua mặt trời, mặt trăng thấy vậy, trong lòng sợ hãi cho nơi ở của mình không an ninh. Vì sao vậy? Vì thân hình A-tu-la rất đáng sợ. Vua mặt trời, mặt trăng kia vì trong lòng sợ hãi, nên ánh sáng không còn nữa. Nhưng A-tu-la không dám đến trước bắt mặt trời mặt trăng. Vì sao? Vì oai đức mặt trời, mặt trăng có thân lực lớn, thọ mạng rất dài, nhan sắc đoan chánh, hương lạc vô cùng. Muốn biết thọ mạng dài ngắn, đó là tuổi thọ trụ một kiếp. Lại nữa, do phước báo của chúng sinh cõi này, nên vua mặt trời, mặt trăng không bị xúc phạm bởi sự thấy của A-tu-la. Bấy giờ, A-tu-la trong lòng ưu sầu liền biến mất.

“Cũng vậy, này các Tỳ-kheo, ác ma Ba-tuần luôn ở sau các người, tìm cầu phương tiện làm bại hoại thiện căn. Ba-tuần liền hóa ra sắc, thanh, hương, vị, xúc, và pháp mịn màng, láng mượt, cực kỳ vi diệu lạ lùng, muốn làm

¹ Nguyên âm Hán 阿須倫 *a-tu-luân*; theo phiên âm phổ thông nên đọc là *a-tu-la*.

mê loạn ý các Tỳ-kheo. Ba-tuần tự nghĩ: ‘Ta sẽ rình cơ hội nơi mắt Tỳ-kheo, và cũng rình cơ hội nơi tai, mũi, lưỡi, thân, và ý.’

“Lúc ấy, Tỳ-kheo tuy thấy pháp sáu tình cực kỳ vi diệu, nhưng tâm không nhiếp đảm. Bấy giờ, ác ma Ba-tuần trong lòng ưu sầu liền rút lui. Vì sao vậy? Vì những ảnh hưởng oai lực của Như Lai, A-la-hán² mà như vậy. Vì sao? Vì các Tỳ-kheo không gần sắc, thanh, hương, vị, xúc, và pháp mịn màng, láng mượt.

“Bấy giờ, Tỳ-kheo thường xuyên [561a01] học như vậy: Thật là khó khăn khi nhận đồ hiến cúng của người. Nếu không thể tiêu hóa được thì sẽ rơi vào năm đường; không thể đến được đạo chánh chơn vô thượng. Cho nên cần phải chuyên tâm, để đạt được cái chưa đạt được, vượt qua cái chưa được vượt qua, chưa chứng đắc khiến cho chứng. Cho nên, này các Tỳ-kheo, chưa được tín thí, không khởi tưởng niệm, đã có tín thí thì hãy làm cho tiêu hóa, không khởi nhiếp đảm. Như vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học như vậy.”

Các Tỳ-kheo, sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 2³

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

² Trong nguyên bản: Đa-tát-a-kiệt a-la-ha 多薩阿竭 阿羅呵.

³ Tham chiếu Pāli, A.1. 13.1 (Ekapuggalavaggo, R.i. 22).

“Có một con người⁴ xuất hiện ở thế gian, đem nhiều lợi ích cho người, an ổn chúng sanh, thương đời ngu tối, muốn khiến trời, người có được phước hựu. Một con người đó là ai? Đó là đức Như Lai, A-la-hán, Chánh đẳng giác.⁵ Đó gọi là có một con người xuất hiện ở thế gian đem nhiều lợi ích cho người, an ổn chúng sanh, thương đời ngu tối, muốn khiến trời, người có được phước hựu.

“Cho nên, này các Tỳ-kheo, nên khởi lòng cung kính đối với Như Lai. Vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này.”

Các Tỳ-kheo, sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 3⁶

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có một con người* mà xuất hiện ở thế gian, liền có một người nhập đạo⁷ ở tại thế gian, và cũng đồng thời xuất hiện hai đế⁸, ba giải thoát môn, pháp chân thật bốn đế, năm căn; sáu tà kiến diệt;⁹ bảy giác chi, tám đạo phẩm

⁴ Pāli: *ekapuggalo*.

⁵ Trong nguyên bản: Đa-tát-a-kiệt a-la-ha tam-da-tam-phật 多薩阿竭·阿羅呵·三耶三佛。

⁶ Tham chiếu Pāli, A. 1. 13. 6. (R.i. 22).

⁷ 入道 *nhập đạo*, đây chỉ sự chứng đắc bồ-đề.

⁸ 二諦 *nhị đế*, có lẽ chỉ tục đế và chân đế hay thắng nghĩa đế, khái niệm ít thấy trong các kinh điển nguyên thủy.

⁹ Pāli: Xuất hiện sáu vô thượng (*channaṃ anuttariyaṃ nam pātubhāvo hoti*).

Hiền thánh, chín cõi cư trú của chúng sanh, mười lực của Như Lai, mười một từ tâm giải thoát.

“Một con người ấy là ai? Đó là đức Như Lai, A-la-hán, Chánh đẳng giác*. Đó gọi là có một con người xuất hiện ở thế gian, liền có một người nhập đạo ở tại thế gian, và cũng xuất hiện ở thế gian có hai chân đế, ba giải thoát môn, pháp chân thật bốn đế, năm căn; sáu tà kiến diệt; bảy giác chi, tám đạo phẩm Hiền thánh, chín cõi cư trú của chúng sanh, mười lực của Như Lai, mười một từ tâm giải thoát.

“Cho nên, này các Tỳ-kheo, nên khởi lòng cung kính đối với Như Lai. Vì vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này.”

Các Tỳ-kheo, sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 4¹⁰

[561b01] Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có một con người mà xuất hiện ở thế gian, liền có ánh sáng trí tuệ xuất hiện ở thế gian. Một con người ấy là ai? Đó là đức Như Lai, A-la-hán, Chánh đẳng giác*. Đó gọi là một người xuất hiện ở thế gian, liền có ánh sáng trí tuệ xuất hiện ở thế gian.

“Cho nên các Tỳ-kheo, hãy có tín tâm hướng đến Phật, chớ có nghiêng tà. Vì vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này.”

¹⁰ Tham chiếu Pāli, như trên.

Các Tỳ-kheo, sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 5

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có một con người mà xuất hiện ở thế gian, thì vô minh tối tăm liền tự tiêu diệt. Bấy giờ, những kẻ phàm ngu bị kết sử trói buộc bởi vô minh sở kiến này, nên không biết như thật về con đường sinh tử, luân hồi qua lại từ đời này qua đời sau, từ kiếp này qua kiếp nọ, không cởi trói được. Nếu lúc đó có Như Lai, A-la-hán, Chánh đẳng Chánh giác xuất hiện ở thế gian, thì vô minh tối tăm liền tự tiêu diệt.

“Cho nên các Tỳ-kheo, nên nhớ thừa sự chư Phật. Vì vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này.”

Các Tỳ-kheo, sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 6

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có một con người mà xuất hiện ở thế gian, liền có ba mươi bảy phẩm xuất hiện ở thế gian. Những gì là ba

mười bảy phẩm đạo? Đó là bốn niệm xứ¹¹, bốn chánh đoạn,¹² bốn thần túc, năm căn, năm lực, bảy giác chi, tám Thánh đạo,¹³ liền xuất hiện ở thế gian.

Một con người ấy là ai? Đó là đức Như Lai, A-la-hán, Chánh đẳng giác*.

“Cho nên các Tỳ-kheo, thường nên thừa sự Phật. Vì vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này.”

Các Tỳ-kheo, sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 7¹⁴

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bảy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có một con người mà mất hẳn ở thế gian, thì nhiều người sẽ ôm lòng sầu lo; khắp trời, người mất cả bóng che. Một con người ấy là ai? Đó là đức Như Lai, A-la-hán, [561c01] Chánh đẳng giác*. Đó gọi là có một con người mà mất hẳn ở thế gian, nhân loại phần nhiều ôm lòng sầu lo; khắp trời, người mất cả bóng che. Vì sao vậy? Vì nếu đức Như Lai diệt tận ở đời, thì ba mươi bảy phẩm cũng lại diệt tận.

“Cho nên các Tỳ-kheo, thường nên cung kính đối với Phật. Vì vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này.”

¹¹ Nguyên Hán: 四意止 bốn ý chi.

¹² Nguyên Hán: 四意斷 bốn ý đoạn, tức bốn chánh căn.

¹³ Nguyên Hán: 八真行 bát chơn hành.

¹⁴ A. 1. 13. 4.

Tăng nhất A-hàm

Các Tỳ-kheo, sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 8

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có một con người mà xuất hiện ở thế gian, thì bấy giờ trời, người liền được thấm nhuần ánh sáng, liền có tín tâm nơi giới, văn, thí, tuệ. Giống như ánh trăng tròn mùa thu vằng vặc chiếu khắp mọi nơi, thì ở đây cũng vậy. Nếu Như Lai, A-la-hán, Chánh đẳng Chánh giác, xuất hiện thế gian, thì trời, người liền được thấm nhuần ánh sáng, liền có lòng tin đối với giới, văn, thí, tuệ, như trăng tròn chiếu khắp tất cả.

“Cho nên các Tỳ-kheo, nên khởi lòng cung kính đối với Như Lai. Vì vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này.”

Các Tỳ-kheo, sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 9

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có một con người mà xuất hiện ở thế gian, thì bấy giờ tất cả trời, người đều đồng đức, chúng sanh ba đường ác liền tự giám thiểu. Giống như đất nước lúc có Thánh

vuông cai trị giáo hóa, thì nhân dân trong thành này đông mạnh, nước láng giềng sức yếu hơn. Ở đây cũng vậy. Nếu lúc Như Lai, xuất hiện thế gian, thì ba đường ác liền tự giảm thiểu.

“Cho nên các Tỳ-kheo, nên khởi lòng tin đối với Phật. Vì vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này.”

Các Tỳ-kheo, sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 10¹⁵

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có một con người xuất hiện ở thế gian mà không có một ai bắt kịp, không thể bắt chước, đi một mình, không bạn lữ, không ai sánh ngang; chư thiên cùng loài người không ai có thể sánh kịp; nơi tín, giới, vãng, thí, tuệ cũng không ai sánh kịp.

“Một con người ấy là ai? Đó là đức Như Lai, A-la-hán, Chánh đẳng giác*.

“Đó gọi là một con người xuất hiện ở thế gian mà không có một ai bắt kịp, không thể [562a01] bắt chước, đi một mình, không bạn lữ, không ai sánh ngang; chư thiên cùng loài người không ai có thể sánh kịp; người mà tín, giới, vãng, thí, tuệ thầy đều đầy đủ.

“Cho nên các Tỳ-kheo, nên khởi lòng tin cung kính đối với Phật. Vì vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này.”

¹⁵ Pāli, A.1. 16. 5.

Tăng nhất A-hàm

Các Tỳ-kheo, sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Kệ tóm tắt:

*Tu-luân, ích, một đường,
Ánh sáng cùng tối tăm;
Đạo phẩm, mất hẳn, tin,
Đông đức, không ai bằng.¹⁶*

¹⁶ Bản Hán, hết quyển 3.

9. PHẨM CON MỘT

KINH SỐ 1

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Giống như người mẹ có một người con duy nhất, trong lòng chí tín, hằng nghĩ như vậy: ‘Phải dạy dỗ làm sao cho nó trở thành người?’”

Bấy giờ, các Tỳ-kheo bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, chúng con không hiểu nghĩa này. Thế Tôn là gốc các pháp, những điều Như Lai diễn giải, không ai là không vâng lãnh.¹ Cúi xin Thế Tôn, vì các Tỳ-kheo mà nói nghĩa sâu này. Nghe rồi, chúng con phụng hành.”

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Hãy lắng nghe, lắng nghe, hãy suy nghĩ kỹ, Ta sẽ phân biệt nghĩa này cho các người.”

Các Tỳ-kheo thưa:

“Kính vâng, bạch Thế Tôn.”

Các Tỳ-kheo vâng lời Phật dạy. Thế Tôn bảo:

“Giống như ưu-bà-di kia, trong lòng chí tín, dạy dỗ con như vậy: ‘Nay con nếu sống tại gia phải như gia chủ Chất-đa² và như đồng tử Tượng.³ Sờ dĩ như vậy, vì đây

¹ Xem Phẩm 3, kinh 1, cht. 1.

² Chất-đa Gia chủ 質多長者. Pāli: Citta-gahapati; tham chiếu A.

II. 12. 3.

là khuôn phép, đây là mẫu mực.⁴ Những đệ tử (tại gia) của Thế Tôn mà đã được chứng ngộ, đó là gia chủ Chát-đa và đồng tử Tượng. Còn nếu con trẻ muôn cạo bỏ râu tóc, mặc ba pháp y, xuất gia học đạo, thì phải như Tỳ-kheo Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên.⁵ Sở dĩ như vậy, vì đây là khuôn phép, đây là mẫu mực. Nghĩa là Tỳ-kheo Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên thích học Chánh pháp, không tạo nghiệp tà [562b01] để dấy lên phi pháp. Nếu con có sinh tư tưởng nhiễm đấm này, con sẽ rơi vào trong ba đường ác.’

“Do đó, các người nên chuyên tâm khéo suy niệm: Hãy đạt được cái chưa đạt được. Hãy thu hoạch cái chưa thu hoạch. Hãy chứng cái chưa chứng. Sở dĩ như vậy, này các Tỳ-kheo, vì sức nặng của tín thí thật khó có thể tiêu được, khiến cho con người không đến được đạo. Cho nên, này các Tỳ-kheo, chớ sinh ý tưởng nhiễm đấm. Nó đã sinh rồi thì hãy diệt. Như vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này.”

Các Tỳ-kheo, sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 2⁶

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

³ Tham chiếu, A. ii. 12. 3 (R i. 89): Hatthaka người Ālavī (Thủ Gia chủ, bản Hán đọc là Hatthika): Đệ nhất trong những vị hành bốn nhiếp sự.

⁴ Hán: 此是其限。此是其量 *thử thị kỳ hạn, thử thị kỳ lượng*.

Pāli. *ibid.*, *esā tulā etam pamāṇam*.

⁵ Tham chiếu Pāli, A. II. 12.1 (R i. 88)

⁶ A. I. 13. 1.

“Có ưu-bà-di chí tín, có một người con gái duy nhất, phải dạy dỗ làm sao cho nó thành tựu?”

Bấy giờ, các Tỳ-kheo bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, chúng con không hiểu nghĩa này. Thế Tôn là gốc các pháp, những điều Như Lai diễn giải, không ai là không vâng lãnh. Cúi xin Thế Tôn, vì các Tỳ-kheo mà nói nghĩa sâu này. Nghe rồi, chúng con phụng hành.”

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Hãy lắng nghe, lắng nghe, hãy suy nghĩ kỹ, Ta sẽ phân biệt nghĩa này cho các ngươi.”

Các Tỳ-kheo thưa:

“Kính vâng, bạch Thế Tôn.”

Các Tỳ-kheo vâng lời Phật dạy. Thế Tôn bảo:

“Giống như ưu-bà-di chí tín kia dạy dỗ con gái như vậy: ‘Nay con nếu sống tại gia phải như ưu-bà-di Câu-thù-đa-la và mẹ Nan-đà.⁷ Sở dĩ như vậy, vì đây là khuôn phép, đây là mẫu mực*. Các đệ tử (tại gia) của Thế Tôn mà đã được chứng ngộ, đó chính là ưu-bà-di Câu-thù-đa-la và mẹ Nan-đà. Còn nếu ý con gái muốn cạo tóc,⁸ mặc ba pháp y, xuất gia học đạo, thì phải như Tỳ-kheo-ni Sám*-ma, Tỳ-kheo-ni Ưu-bát Hoa Sắc. Sở dĩ như vậy, vì đây là khuôn phép, đây là mẫu mực. Nghĩa là Tỳ-kheo-ni Sám*-ma,⁹ Tỳ-kheo-ni Ưu-bát Hoa Sắc thích học chánh pháp,

⁷ Tham chiếu Pāli, *ibid.*: Ưu-bà-di Khujjuttarā, và Nandāmātā người Veḷukaṇṭha.

⁸ Nguyên Hán: Thế trừ tu phát 剃除鬚髮, cạo bỏ râu tóc, nói theo quán tính.

⁹ Pāli, *ibid.*: Khemā và Uppalavaṇṇā.

không tạo nghiệp tà để dấy lên phi pháp. Nếu con có sinh tư tưởng nhiễm đấm này, con sẽ rơi vào trong ba đường ác.’

Do đó, các người nên chuyên tâm khéo suy niệm: Hãy đạt được cái chưa đạt được. Hãy thu hoạch cái chưa thu hoạch. Hãy chứng cái chưa chứng. Sở dĩ như vậy, này các Tỳ-kheo, vì sức nặng của tín thí thật khó có thể tiêu được, khiến cho con người không đến được đạo. Cho nên, này các Tỳ-kheo, chớ sinh ý tưởng nhiễm đấm. Đã sinh rồi thì hãy diệt. Như vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này.”

Các Tỳ-kheo, sau khi nghe những gì Phật dạy, [562c01] hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 3

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Ta không thấy một pháp nào nhanh nhạy hơn tâm, không thể thí dụ được. Giống như vượn khi, tâm không chuyên định, buông cái này, chụp lấy cái kia. Tâm cũng như vậy, tưởng trước và tưởng sau bất đồng, không có phương tiện nào để có thể mô tả được sự nhanh nhạy của tâm.

“Cho nên, này các Tỳ-kheo, người phạm phu không thể quán sát tâm ý. Vì vậy, này các Tỳ-kheo, hãy luôn luôn hàng phục tâm ý khiến hướng theo đường thiện. Các người hãy học điều này.”

Các Tỳ-kheo, sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 4

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Ta không thấy một pháp nào nhanh nhạy hơn tâm, không thể thí dụ được. Giống như vượn khi, tâm không chuyên định, buông cái này, chụp lấy cái kia. Tâm cũng như vậy, tương trước và tương sau bất đồng, không có phương tiện nào để có thể mô tả được sự nhanh nhạy của tâm.

“Cho nên, này các Tỳ-kheo, người phạm phu không thể quán sát tâm ý. Vì vậy, này các Tỳ-kheo, hãy luôn luôn hàng phục tâm ý khiến hướng theo đường thiện. Các người hãy học điều này.”

Các Tỳ-kheo, sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 5

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Ta hằng quán sát thấy những điều niệm tương trong tâm của một người. Người này như trong khoảnh khắc co duỗi cánh tay, đọa vào trong địa ngục. Sở dĩ như vậy, là do tâm ác. Tâm mà sinh bệnh, nó rơi rớt xuống địa ngục.”

Bấy giờ, Thế Tôn, liền nói kệ:

*Giống như có một người,
Tâm ôm tưởng sân hận;
Nay bảo các Tỳ-kheo,
Diễn rộng nghĩa thú này.
Nay chính lúc thích hợp:
Nếu có người mạng chung,
Giả sử vào địa ngục,
Do tâm hành ô uế.*

“Cho nên, này các Tỳ-kheo, hãy hàng phục tâm, chớ để sinh các hành ô uế. Như vậy, các người hãy học điều này.”

Các Tỳ-kheo, sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 6

[562c10] Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Ta thường quán sát thấy những điều niệm tưởng trong tâm một người. Người này như trong khoảnh khắc co duỗi cánh tay mà sinh lên trời. Sở dĩ như vậy, do tâm thiện. Đã sinh tâm thiện, liền sinh lên trời.”

Bấy giờ, Thế Tôn, liền nói kệ:

*Nếu lại có một người,
Mà sinh tâm thiện diêu;
Nay bảo các Tỳ-kheo,
Diễn rộng nghĩa thú này.
Nay là lúc thích hợp:
Nếu có người mạng chung,*

*Liên được sinh lên trời;
Là do tâm hành thiện.*

“Cho nên, các Tỳ-kheo, hãy phát tâm ý trong sạch, chớ để sinh các hành ô uế. Như vậy, các người hãy học điều này.”

Các Tỳ-kheo, sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 7

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Ta ở trong chúng này không thấy một pháp nào tối thắng, tối diệu, nó huyễn hoặc người đời khiến không đi đến nơi vĩnh viễn tịch tĩnh, mà trói buộc vào lao ngục không giải thoát được; đó là, người nam thấy sắc của người nữ,¹⁰ liền khởi tưởng đắm trước, tâm ý hết mực yêu thương, khiến không đi đến nơi vĩnh viễn tịch tĩnh, mà trói buộc vào lao ngục không giải thoát được, ý không lìa bỏ, xoay vần qua lại đời này đời sau, luân chuyển năm đường, trải qua bao kiếp.”

Bấy giờ, Thế Tôn, liền nói kệ:

*Tiếng Phạm thiên êm dịu,
Như Lai nói, khó thấy.*

¹⁰ Cf. A. i. 2: *nāhaṃ ekarūpaṃ samanupassāmi yaṃ evaṃ purisassa cittaṃ pariyādāya tiṭṭhati yathayidaṃ itthirūpaṃ*: Ta không thấy có một loại sắc nào nắm giữ chặt tâm người nam như là sắc của người nữ.

*Nếu có lúc nào thấy,
Hãy buộc niệm trước mắt.
Cũng chớ cùng người nữ,
Qua lại chuyện trò nhau.
Hằng giăng lưới bắt người,
Không đến vô vi được.*

“Cho nên, này các Tỳ-kheo, hãy trừ các sắc, chớ khởi ý tưởng đắm trước. Như vậy, này các Tỳ-kheo, các người hãy học điều này.”

Các Tỳ-kheo, sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 8

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Ta ở trong chúng này không thấy một pháp nào tối thắng, tối diệu, nó huyền hoặc người đời khiến không đi đến nơi vĩnh viễn tịch tĩnh, mà trói buộc vào [563b] lao ngục không giải thoát được; đó là, người nữ thấy sắc của người nam, liền khởi tưởng đắm trước, tâm ý hết mực yêu thương, khiến không đi đến nơi vĩnh viễn tịch tĩnh, mà trói buộc vào lao ngục không giải thoát được, ý không lìa bỏ, xoay vần qua lại đời này đời sau, luân chuyển năm đường, trải qua bao kiếp.”

Bấy giờ, Thế Tôn, liền nói kệ:

*Nếu sinh tưởng điên đảo,
Khởi niệm, tâm ân ái.
Hãy trừ tâm mê đắm,
Liền không cấu uế này.*

“Cho nên, này các Tỳ-kheo, hãy trừ các sắc, chớ khởi ý tưởng đắm trước. Như vậy, này các Tỳ-kheo, các người hãy học điều này.”

Các Tỳ-kheo, sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 9

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Ta ở trong chúng này không thấy một pháp nào, mà không có tướng dục nó khiến khởi dục tướng; tướng dục đã khởi khiến tăng trưởng; không có tướng sân nhuế nó khiến khởi sân nhuế, sân nhuế đã khởi nó khiến tăng trưởng; không có tướng thụy miên nó khiến khởi thụy miên, thụy miên đã khởi khiến tăng trưởng; không có tướng trạo cử,¹¹ nó khiến khởi trạo cử; trạo cử đã khởi khiến tăng trưởng; không có tướng nghi, nó khiến khởi tướng nghi; tướng nghi đã khởi, khiến tăng trưởng; đó là tướng về tịnh tướng.¹² Vậy nên, hãy quán ác bất tịnh tướng ghê tởm.¹³ Nếu có loạn tướng, thì không có tướng dục liền khởi dục tướng; tướng dục đã khởi liền tăng trưởng; không có tướng sân nhuế liền khởi sân nhuế, sân nhuế đã khởi liền tăng trưởng; không có tướng thụy miên

¹¹ Nguyên Hán: 調戲 調戲.

¹² Bản Hán thiếu câu này, cần thêm vào cho đủ ý, theo văn mạch. Cf. A. I. 2. 1 (R. i. tr. 3): *nāhaṃ aññaṃ ekadhammampi samanupassāmi yena anuppanno vā kāmacchando uppajjati... yathayidaṃ subhanimittam*, Ta không thấy có một pháp nào mà tham dục (triền cái) chưa sinh liền khiến sinh... đó là tịnh tướng.

¹³ Hán: 惡露不淨想 惡露不淨想 惡露不淨想. Pāli: *asubhanimittam*.

liền khởi thụ miên, thụ miên đã khởi liền tăng trưởng; không có tướng trạo cử, liền khởi trạo cử; trạo cử đã khởi liền tăng trưởng; không có tướng nghi, liền khởi tướng nghi; tướng nghi đã khởi, liền tăng trưởng.

“Cho nên, này các Tỳ-kheo, chớ khởi loạn tướng. Hãy thường chuyên ý. Như vậy, này các Tỳ-kheo, các người hãy học điều này.”

Các Tỳ-kheo, sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 10

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Ta ở trong chúng này không thấy một pháp nào, mà tướng dục chưa sinh thì nó khiến tướng dục không sinh; tướng dục đã sinh thì khiến cho diệt; tướng sân nhuế chưa sinh thì nó khiến không sinh, tướng sân nhuế đã sinh thì khiến cho diệt; tướng thụ miên chưa sinh thì nó khiến không sinh; tướng thụ miên đã sinh thì khiến cho diệt; tướng trạo cử chưa sinh thì nó khiến không sinh, tướng trạo cử đã sinh thì khiến cho diệt; tướng nghi chưa sinh thì nó khiến không sinh, tướng nghi đã sinh thì khiến cho diệt; đó là bất tịnh tướng.¹⁴ Vậy hãy nên quán bất tịnh ghê tởm. Đã quán bất tịnh ghê tởm, tướng dục chưa sinh liền không sinh; đã sinh thì sẽ bị diệt; sân nhuế chưa sinh thì không sinh, sân nhuế đã sinh thì sẽ bị diệt;... cho

¹⁴ Bản Hán thiếu câu này, cần thêm vào cho đủ ý, theo văn mạch.

đến tướng nghi chưa sinh thì không sinh, [563c01] tướng nghi đã sinh thì sẽ bị diệt.”¹⁵

“Cho nên, này các Tỳ-kheo, thường phải chuyên tâm, quán bất tịnh tướng. Như vậy, này các Tỳ-kheo, các người hãy học điều này.”

Các Tỳ-kheo, sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

*Hai điều đó, hai tâm,
Một đọa, một sinh thiên;
Nam, nữ tướng thọ lạc;
Hai dục tướng sau cùng.*

¹⁵ Cf. Pāli, A. *ibid.*: Quán bất tịnh (*asubhanimittam*) để trừ dục tham (triền cái); tu từ tâm giải thoát (*mettā cetovimutti*) để trừ sân; tu tịnh cần giới (*ārambhadhātu*) để trừ hôn trầm thụy miên; tu tâm tịch tĩnh (*cetaso vūpasamo*) để trừ trạo cử; tu như lý tác ý (*yonisomanasikāro*) để trừ nghi.

10. PHÂM HỘ TÂM

KINH SỐ 1

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Hãy tu hành một pháp. Hãy quảng bá¹ một pháp. Khi đã tu hành một pháp, quảng bá một pháp rồi, liền được thân thông, các hành tịch tĩnh, được quả Sa-môn, đến Niết-bàn giới. Một pháp đó là gì? Đó là hành không phóng dật. Thế nào là hành không phóng dật? Là phòng hộ tâm. Thế nào là phòng hộ tâm? Ở đây, Tỳ-kheo thường thủ hộ tâm khỏi pháp hữu lậu. Khi Tỳ-kheo thủ hộ tâm khỏi pháp hữu lậu, vị ấy liền ở nơi pháp hữu lậu mà được an vui, cũng có tín lạc, an trụ không di dịch, hằng chuyên tâm ý, luôn tự lực cố gắng. Như vậy, này Tỳ-kheo, vị kia hành không phóng dật, hằng tự cẩn thận, nếu dục lậu chưa sinh thì khiến không sinh; dục lậu đã sinh, thì có thể khiến nó diệt. Hữu lậu chưa sinh thì khiến không sinh, hữu lậu đã sinh, thì có thể khiến nó diệt. Vô minh lậu chưa sinh thì khiến không sinh; vô minh lậu đã sinh, thì có thể khiến nó diệt. Tỳ-kheo ở đó hành không phóng dật, ở một nơi vắng vẻ, thường tự giác tri, an trú, liền được giải thoát khỏi tâm dục lậu; liền được giải thoát khỏi tâm hữu lậu, vô minh lậu. Khi đã được giải thoát, liền được giải thoát trí, biết rằng: “Sinh tử đã hết, phạm hạnh đã lập, những gì cần làm đã làm xong, không còn tái sinh nữa.”

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ này:

¹ 廣布 được hiểu là phát triển, so sánh thành cú Pāli: *bhāvita bahulīkata*.

*Không mạn², dẫu cam lồ³.
Phóng dật, con đường chết;
Không mạn, thì không chết,
Ai mạn, tức là chết.⁴*

[564a01] “Cho nên, này các Tỳ-kheo, hãy niệm tu hành hạnh không phóng dật. Như vậy, này các Tỳ-kheo, các người hãy học điều này.”

Các Tỳ-kheo, sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 2

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Hãy tu hành một pháp. Hãy quảng bá một pháp. Khi đã tu hành một pháp, quảng bá một pháp rồi, liền được thân thông, các hành tịch tĩnh, được quả Sa-môn, đến Niết-bàn giới. Một pháp đó là gì? Đó là hành không phóng dật trong các thiện pháp⁵. Thế nào là hành không phóng dật? Không gây nhiều tất cả chúng sanh, không gây hại tất cả chúng sanh, không não hại tất cả chúng sanh. Đó là hành không phóng dật. Kia sao gọi là thiện pháp? Đó là tám

² Đế bản: Kiêu 橋. TNM: Mạn.

³ Chỉ cảnh giới bất tử. So sánh Pāli: *amatapada*, bất tử cú, chỉ cảnh giới Niết-bàn. Xem cht. 4 tiếp theo.

⁴ Tham chiếu, Dh. 21: *Appamādo amatapadam pamādo maccuno padam, appamattā na mīyanti, ye pamattā yathā matā*, “Không phóng dật, con đường dẫn đến bất tử. Phóng dật, con đường dẫn đến cõi chết. Những ai không phóng dật thì không chết. Những ai phóng dật, chúng như đã chết.”

⁵ Không xao lãng trong các pháp thiện.

đạo phẩm Hiền thánh: chánh kiến,⁶ chánh tinh tấn,⁷ chánh ngữ, chánh nghiệp,⁸ chánh mạng, chánh tư duy,⁹ chánh niệm, chánh định. Đó gọi là thiện pháp.”

Bây giờ, Thế Tôn liền nói kệ:

*Thí tất cả chúng sanh,
Không bằng người thí pháp.
Thí chúng sanh tuy phước,
Pháp thí một người hơn.*

“Cho nên, này các Tỳ-kheo, hãy tu hành thiện pháp. Như vậy, này các Tỳ-kheo, các ngươi hãy học điều này.”

Các Tỳ-kheo, sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 3

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bây giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Các ngươi quán đàn-việt thí chủ như thế nào?”

Lúc ấy, các Tỳ-kheo bạch Thế Tôn:

“Thế Tôn là chủ¹⁰ các pháp.¹¹ Nguyên xin Thế Tôn nói nghĩa này cho các Tỳ-kheo. Sau khi nghe, chúng con sẽ thọ trì.”

⁶ 正見 等見; phổ thông nói là chánh kiến. Xem đoạn sau, Kinh 1 phẩm 12.

⁷ 正勤 等方便. Phổ thông: Chánh tinh tấn. Thứ tự có đảo lộn.

⁸ 正行 等行. Phổ thông: Chánh nghiệp.

⁹ 正治 等治. Phổ thông: Chánh tư duy. Thứ tự có đảo lộn.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Hãy lắng nghe, lắng nghe, hãy suy nghĩ kỹ. Ta sẽ phân biệt nghĩa này cho các người.”

Các Tỳ-kheo bạch:

“Kính vâng, bạch Thế Tôn.”

Bấy giờ các Tỳ-kheo vâng lời Phật dạy. Thế Tôn bảo:

“Đàn-việt thí chủ đối với các người cung kính như là con hiếu thuận mẹ cha, nuôi dưỡng, hầu hạ, khiến cho năm uẩn được tăng ích, để ở nơi cõi Diêm-phù-lợi mà hiện các thứ nghĩa.¹² Quán đàn-việt thí chủ là người hay thành tựu giới¹³, văn, tam-muội, trí tuệ; làm nhiều lợi ích cho các Tỳ-kheo, ở trong Tam bảo không có điều gì quái ngại.

“Thí chủ là người hay cho các người áo chăn, ẩm thực, khăn trải giường, chõng, thuốc thang cho bệnh tật. Cho nên, này các Tỳ-kheo, hãy có [564b01] tâm từ đối với đàn-việt. Ân nhỏ thường không quên, huống chi ân lớn. Hằng đem tâm từ mà nói cho đàn-việt kia về hành vi thanh tịnh của thân, khẩu, ý, không thể tính đếm, không thể hạn lượng. Hãy với thân hành từ, khẩu hành từ, ý hành từ, khiến cho vật sở thí của đàn-việt kia trọn không bị phế bỏ, được quả lớn, thành tựu phước hựu lớn, có danh xưng lớn, truyền khắp thế gian, pháp vị cam lồ. Như vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này.”

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ:

¹⁰ Đề bản: Vương 王. TNM: Chủ 主.

¹¹ Xem Phẩm 3, kinh 1, cht. 1.

¹² Dịch sát ý nghĩa: Đạt được các mục đích trong cõi Diêm-phù.

¹³ Nguyên Hán: 能成人戒 *năng thành nhân giới*, văn cú đảo trang, cần đảo ngược chủ từ lại.

*Thí, để thành của lớn,
Sở nguyện cũng thành tựu.
Vua cùng các đạo tặc,
Không thể đoạt vật này.*

*Thí, để được vương vị,
Nói tiếp ngôi chuyển luân;
Thành bảy báu đầy đủ,
Đạt được nhờ bố thí.*

*Bố thí, thành thân trời,
Đầu đội mũ đa bảo;
Cùng kỹ nữ dạo chơi,
Báo này nhờ bố thí.*

*Thí, được Thiên đế Thích,
Vua trời oai lực thanh;
Nghìn mắt thân trang nghiêm,
Báo này nhờ bố thí.*

*Bố thí thành Phật đạo,
Đủ ba mươi hai tướng;
Chuyển pháp luân vô thượng,
Báo này cũng nhờ thí.*

Các Tỳ-kheo, sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 4

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn báo các Tỳ-kheo:

“Đàn-việt thí chủ thừa sự, cúng dường các bậc Hiền thánh tinh tấn trì giới như thế nào?”

Bấy giờ, các Tỳ-kheo bạch Thế Tôn:

“Thế Tôn là chủ* các pháp. Xin nguyện Thế Tôn nói nghĩa này cho các Tỳ-kheo. Nghe rồi, chúng con sẽ thọ trì.”

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Hãy lắng nghe, lắng nghe, hãy suy nghĩ kỹ, Ta phân biệt nghĩa này cho các người.”

Các Tỳ-kheo bạch:

“Kính vâng, bạch Thế Tôn.”

Các Tỳ-kheo vâng nghe những lời Phật dạy như vậy. Thế Tôn bảo:

“Đàn-việt thí chủ mà thừa sự, cúng dường các bậc đa văn, tinh tấn trì giới, cũng giống như người lạc lối được chỉ đường, người thiếu thốn lương thực được cung cấp thức ăn, người sợ hãi được khiến không ưu phiền, người kinh sợ được chỉ bảo không kinh sợ, người không nơi nương tựa được che chở, người mù [564c01] được có mắt, y vương cho người bệnh; giống như nông phu ở quê làm ruộng, trừ khử cỏ dại để có thể phát triển cây lúa. Tỳ-kheo hãy thường nên trừ khử bệnh của năm thủ uẩn,¹⁴ cầu mong vào thành Niết-bàn, chỗ không có sợ hãi. Như vậy, này các Tỳ-kheo, đàn-việt thí chủ thừa sự cúng dường các bậc đa văn tinh tấn trì giới là như vậy.”

Lúc bấy giờ, gia chủ Cấp Cô Độc¹⁵ đang ở trong chúng. Gia chủ Cấp Cô Độc bạch Thế Tôn:

¹⁴ Nguyên Hán: Ngũ thịnh âm 五盛陰.

¹⁵ Hán phiên âm: A-na-bân-tri 阿那邠持 (Pāli: Anāthapimḍika): phiên âm của Cấp Cô Độc.

“Thật vậy, bạch Thế Tôn. Thật vậy, bạch Như Lai. Tất cả thí chủ đến với người nhận, giống như bình cát tường.¹⁶ Người nhận bố thí như vua Bình-sa. Khuyên người hành bố thí như cha mẹ thân; người nhận thí là phước lành đời sau. Tất cả mọi thí chủ đến với người nhận giống như cư sĩ.”

Thế Tôn bảo:

“Thật vậy, Gia chủ. Như những gì ông đã nói.”

Gia chủ Cấp Cô Độc bạch Thế Tôn:

“Từ nay về sau, cửa nhà con không đóng kín, cũng không cự tuyệt Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di, cùng những người đi đường thiếu lương thực.”

Bấy giờ, gia chủ Cấp Cô Độc bạch Thế Tôn:

“Nguyện xin Thế Tôn cùng chúng Tỳ-kheo nhận lời thỉnh của đệ tử.”

Thế Tôn im lặng nhận lời thỉnh của gia chủ. Gia chủ thấy Thế Tôn im lặng nhận lời, liền lễ Phật, nhiễu quanh ba vòng, rồi trở về chỗ ở. Đến nhà rồi, ngay trong đêm đó ông bày biện thịnh soạn đủ các loại đồ ăn, thức uống ngon ngọt, trải tọa cụ rộng rãi xong, tự đến báo giờ:

“Thức ăn đã dọn xong. Cúi xin Thế Tôn kịp thời quang lâm chiêu cố.”

Bấy giờ, Thế Tôn dẫn chúng Tỳ-kheo, khoác y ôm bát đến nhà gia chủ tại thành Xá-vệ. Đến nơi, mọi người ngồi vào chỗ của mình, và các Tỳ-kheo Tăng cũng theo thứ tự mà ngồi.

¹⁶ Xem Phẩm 3, Quảng diễn, kinh 4, cht. 5.

Gia chủ thấy Phật và chúng Tỳ-kheo ngồi đã an định rồi, tự tay đi dâng các thứ đồ ăn thức uống. Sau khi ăn xong, thu dọn bát, ông trải chỗ ngồi khiêm nhường trước Như Lai, để nghe pháp. Gia chủ bấy giờ bạch Thế Tôn:

“Lành thay, Như Lai cho phép các Tỳ-kheo tùy theo những vật cần như ba y, bình bát, ống đựng kim, ni-sur-đàn, áo xiêm¹⁷, bình nước rửa,¹⁸ cùng tất cả những vật khác của Sa-môn, được phép đến nhận hết tại nhà đệ tử.”

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Nếu các người cần y áo, bình bát, ni-sur-đàn, bình nước rửa cùng tất cả những vật dụng khác của Sa-môn, thì cho phép đến đó nhận, chớ có nghi ngờ, chớ khởi tưởng tâm đắm trước.”

Bấy giờ, Thế Tôn nói pháp vi diệu cho gia chủ Cấp Cô Độc. [565a01] Nói pháp vi diệu xong, Phật rời chỗ ngồi đứng dậy ra về.

Lúc bấy giờ, Cấp Cô Độc nơi bốn cửa thành lại bố thí rộng rãi. Lần thứ năm ở trong chợ, lần thứ sáu ở tại nhà. Ai cần đồ ăn thì cho đồ ăn, cần thức uống thì cho thức uống, cần xe cộ, kỹ nhạc, hương xông, anh lạc, đều cho tất cả.

Thế Tôn nghe gia chủ Cấp Cô Độc bố thí rộng rãi trong bốn cửa thành, và nơi chợ lớn; bố thí cho kẻ nghèo thiếu.

¹⁷ Đề bản: 衣帶 y đai, giải buộc y. TNM: 衣裳 y thường, áo xiêm, chi nội y.

¹⁸ Pháp táo quán 法澡罐, Pāli: *kamaṇḍalu*, loại bình đựng nước thanh tẩy mà các sa-môn đạo sĩ ngoại đạo thường mang có ý nghĩa tôn giáo. Bình đựng nước của tỳ kheo mà Phật cho phép cất chứa chi để rửa tay và tẩy tịnh thường dùng.

Nơi nhà lại bố thí vô lượng. Bảy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Trong hàng đệ tử của Ta, ưu-bà-tắc ưa thích bố thí bậc nhất đó là gia chủ Tu-đạt.”

Các Tỳ-kheo, sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 5

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bảy giờ, gia chủ Cấp Cô Độc đi đến chỗ Thế Tôn, đánh lễ sát chân Phật, rồi ngồi qua một bên. Thế Tôn bảo:

“Thế nào Gia chủ, quý gia chủ thường bố thí cho những người nghèo thiếu phải không?”

Gia chủ thưa:

“Thật vậy, bạch Thế Tôn. Con thường bố thí cho những người nghèo thiếu. Nơi bốn cửa thành thì bố thí rộng rãi. Tại nhà thì cung cấp những gì cần dùng. Bạch Thế Tôn, có lúc con tự nghĩ muốn bố thí cho các loài cầm thú như chim chóc, heo, chó. Con cũng không nghĩ là đây nên cho, đây không nên cho; cũng lại không nghĩ là đây nên cho nhiều, đây nên cho ít. Con thường tự nghĩ tất cả chúng sanh đều do ăn uống mà sinh mạng tồn tại; có ăn thì sống, không ăn thì chết.”

Thế Tôn bảo:

“Lành thay, lành thay, Gia chủ. Ông đã bằng tâm Bò-tát, chuyên tinh nhất ý mà huệ thí rộng rãi. Thật vậy, chúng sanh nhờ ăn uống mà được cứu sống, không ăn uống thì

liền chết. Nay Gia chủ, Ông sẽ được quả lớn, được tiếng tăm nhiều; được quả báo lớn mà tiếng đồn thấu mười phương; được pháp vị cam lồ. Vì sao vậy? Vì hàng Bồ-tát thường đem tâm bình đẳng để bố thí, lúc nào cũng một lòng mà nhớ nghĩ đến các loài chúng sanh, nhờ ăn uống mà tồn tại, có ăn uống tức được cứu sống, không ăn uống tức chết. Nay Gia chủ, đó là tâm Bồ-tát ở tại chỗ yên ổn mà bố thí rộng rãi.”

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ:

*Nên bố thí khắp cả,
Quyết không lòng hối tiếc;
Át sẽ gặp bạn lành,
Được giúp đến bờ kia.*

[565b01] “Cho nên Gia chủ, hãy dùng tâm bình đẳng mà bố thí rộng rãi. Như vậy, Gia chủ hãy học điều này.”

Gia chủ, sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 6

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Nhu Ta ngày nay biết rõ căn nguyên chỗ đến của chúng sanh, cũng biết quả báo của việc bố thí một nắm cơm dư cuối cùng, mình đã không ăn mà đem bố thí cho người khác. Lúc ấy, tuy không khởi tâm ghen ghét dù bằng lông tóc, nhưng vì chúng sanh này không biết quả báo của việc bố thí. Còn như Ta thì biết rõ điều đó. Quả báo của bố thí, báo bình đẳng, tâm không đổi khác. Cho nên,

chúng sanh vì không thể bỏ thí bình đẳng mà tự thân đọa lạc, hằng bị tâm keo kiệt, ganh tị trói buộc tâm ý.”

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ:

*Chúng sanh không tự giác,
Lời dạy của Như Lai:
Thường nên bố thí khắp,
Chuyên hướng đến chơn nhân,¹⁹
Chỉ tánh đã thanh tịnh,
Được phước nhiều gấp bội;
Bình đẳng chia phước đó,
Sau được quả báo lớn.*

*Nay lành thay bố thí,
Tâm hướng ruộng phước lớn;
Chết ở cõi người này,
Ất sinh lên trên trời.
Cho đến thiện xứ kia,
Khoái lạc tự vui sướng;
Cát tường rất hoan vui,
Tất cả không thiếu thốn.
Do nghiệp trời oai đức,
Ngọc nữ theo chung quanh;
Báo bố thí bình đẳng,
Nên được phước đức này.*

Các Tỳ-kheo, Sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 7

Tôi nghe như vậy:

¹⁹ Chân nhân 真人: Thánh giả A-la-hán.

Một thời đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Các người chớ sợ phước báo. Vì sao vậy? Vì đây là sự báo ứng của việc thọ lạc rất đáng yêu kính. Sở dĩ gọi là phước vì có báo lớn này. Các người nên sợ không phước. Vì sao vậy? Vì đây là nguồn gốc của khổ, sầu lo, khổ não, không thể kể hết, không được yêu thích. Đây gọi là không phước.

“Này Tỳ-kheo, Ta tự nhớ xưa kia bảy năm hành từ tâm. Lại trải qua bảy kiếp Ta không đến cõi này. Lại trong bảy kiếp [565c01] Ta sinh về trời Quang âm, bảy kiếp sinh vào chốn Không Phạm thiên²⁰ làm Đại Phạm thiên không ai sánh bằng, thống lĩnh trăm nghìn thế giới. Ba mươi sáu lần Ta làm thân Thiên đế Thích, vô số đời làm vua Chuyển luân.

“Cho nên, này các Tỳ-kheo, hãy tạo phước chớ mệt mỏi. Vì sao vậy? Vì đây gọi là sự báo ứng của thọ lạc rất đáng yêu kính, đó gọi là phước. Các người nên sợ không phước. Vì sao vậy? Vì là nguồn gốc của khổ, sầu lo, khổ não, không thể kể hết, đó gọi là không phước.”

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ này:

*Vui thay, phước báo,
Sở nguyện tựu thành;
Chóng đến diệt tận,
Đến chỗ vô vi.*

*Vì dù số ức,
Thiên ma Ba-tuần*

²⁰ Không Phạm thiên xứ 空梵天處, hay Không Phạm thiên cung, thiên cung trống không của Phạm thiên. Xem, *Trường* 14, T1n1, tr. 90b10. Cf. Brahmajālasutta, D.i. 16: *suññaṃ brahmavimānaṃ*.

*Cũng không thể quấy
Người tạo nghiệp phước.*

*Kia thường tự cầu,
Đạo của Hiền thánh;
Liên trừ hết khổ,
Sau cùng không lo.*

“Cho nên, này các Tỳ-kheo, hãy tạo phước chớ chán nản. Như vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này.”

Các Tỳ-kheo, sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 8

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Nếu có người thuận theo một pháp, không lìa một pháp, thì Thiên ma Ba-tuần không thể có được cơ hội, cũng không thể đến để quấy nhiễu người. Những gì là một pháp? Là công đức phước nghiệp. Vì sao vậy? Vì Ta nhớ xưa kia, dưới cây bồ-đề, cùng các Bồ-tát hội họp về một chỗ. Ác ma Ba-tuần đem hàng nghìn vạn ức binh chúng, đủ các loại tướng mạo, hình người đầu thú, không thể kể hết: Trời, rồng, quý thần, a-tu-la, ca-lưu-la, ma-hưu-lặc v.v... đều đến tụ hội.

“Lúc ấy Ma Ba-tuần nói với Ta rằng:

“Sa-môn, mau gọt mình sát đất.

“Phật dùng sức lớn phước đức hàng phục ma oán, mọi trần cấu đều tiêu, không uế nhiễm, liền thành đạo vô thượng chánh chơn.

“Các Tỳ-kheo nên quán sát nghĩa này. Tỳ-kheo đầy đủ công đức, Ác ma Ba-tuần không thể có được cơ hội để phá hoại công đức kia.”

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ này:

*Có phước khoai lạc,
Vô phước thì khổ;
Đời này, đời sau,
Tạo phước thọ lạc.*

“Cho nên các Tỳ-kheo, tạo phước chớ mệt mỏi.”

Các Tỳ-kheo, sau khi nghe những gì [566a01] Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 9

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Tỳ-kheo tu hành một pháp thì không thể làm bại hoại các nẻo dữ. Một pháp thì hướng đến các nẻo lành. Một pháp thì hướng đến Niết-bàn.

“Thế nào là tu hành một pháp thì không thể làm bại hoại các nẻo dữ? Là tâm không chí tín. Đó gọi là tu một pháp này thì không thể làm hoại các nẻo ác.

“Thế nào là tu hành một pháp thì hướng đến các nẻo thiện? Là tâm hành chí tín. Đó gọi là tu một pháp thì hướng đến các nẻo lành.

“Thế nào là tu hành một pháp thì hướng đến Niết-bàn? Là thường chuyên tâm niệm. Đó gọi là tu hành pháp này được đến Niết-bàn.

“Cho nên, này các Tỳ-kheo, hãy chuyên tinh tâm ý niệm tưởng đến các gốc lành. Như vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này.”

Các Tỳ-kheo, sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 10

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, Phật bảo các Tỳ-kheo:

“Nếu có một người mà xuất hiện ở thế gian, thì chúng sanh ở đây liền tăng ích tuổi thọ, nhan sắc tươi nhuận, khí lực sung mãn, khoái lạc vô cùng, âm thanh hòa nhã. Một người ấy là ai? Là Như Lai Chí chơn, Đấng chánh giác. Đây gọi là một người mà xuất hiện ở thế gian, khiến chúng sanh ở đây liền tăng ích, tuổi thọ, nhan sắc tươi nhuận, khí lực sung mãn, khoái lạc vô cùng, âm thanh hòa nhã.”

“Cho nên, này các Tỳ-kheo, hãy thường chuyên tinh nhất tâm niệm Phật. Như vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này.”

Các Tỳ-kheo, sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Tăng nhất A-hàm

Kệ tóm tắt:

*Không mạn, hai niêm, đàn,
Hai thí, keo ²¹ không chán;
Thí phước, ma Ba-tuần,
Nẻo ác, và một người.²²*

²¹ Đê bản: Kiên 堅. TNM: Khan 慳.

²² Bản Hán, hết quyển 4.

11. PHẨM BÁT HOÀN¹

KINH SỐ 1

[566b06] Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Hãy diệt một pháp, Ta sẽ xác chứng các người thành A-na-hàm. Một pháp gì? Tham dục. Nay các Tỳ-kheo, hãy diệt tham dục, Ta sẽ xác chứng các người đắc A-na-hàm.”

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ này:

*Bị nhiễm bởi tham dục,
Chúng sanh rơi đường dữ;
Siêng tu bỏ tham dục,
Liền thành A-na-hàm.*

Các Tỳ-kheo, sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 2

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

¹ Đề bản chép 不逮 *bát đãi*. Tống-Nguyên-Minh: 不還 *bát hoàn*; phẩm này nói về Thánh quả Bất hoàn tức A-na-hàm (Pāli: *anāgamin*)

Tăng nhất A-hàm

“Hãy diệt một pháp, Ta sẽ xác chứng các người thành A-na-hàm. Một pháp gì? Sân nhuế. Này, các Tỳ-kheo, hãy diệt sân nhuế, Ta sẽ xác chứng các người đắc A-na-hàm.”

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ này:

*Bị nhiễm bởi sân nhuế,
Chúng sanh rơi đường dữ;
Siêng tu bỏ sân nhuế,
Liền thành A-na-hàm.*

Các Tỳ-kheo, sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 3

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Hãy diệt một pháp, xa lìa một pháp, Ta sẽ xác chứng các người thành A-na-hàm. Một pháp gì? Ngu si. Cho nên, này các Tỳ-kheo, hãy diệt ngu si, Ta sẽ xác chứng các người đắc A-na-hàm.”

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ này:

*Bị nhiễm bởi ngu si,
Chúng sanh rơi đường dữ;
Siêng tu bỏ ngu si,
Liền thành A-na-hàm.*

Các Tỳ-kheo, sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 4

[566c01]Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Hãy diệt một pháp, xa lìa một pháp, Ta sẽ xác chứng các người thành A-na-hàm. Một pháp gì? Xan tham. Cho nên, này các Tỳ-kheo, hãy diệt xan tham, Ta sẽ xác chứng các người đắc A-na-hàm.”

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ này:

*Bị nhiễm bởi xan tham,
Chúng sanh rơi đường dữ;
Siêng tu bỏ xan tham,
Liền thành A-na-hàm.*

Các Tỳ-kheo, sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 5

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Ta ở trong chúng này, ban đầu không thấy một pháp không thể hàng phục, khó có được thời cơ thích nghi, chịu các báo khổ, như là tâm. Này các Tỳ-kheo, tâm này không thể hàng phục, khó có được thời cơ thích nghi, chịu các báo khổ. Cho nên, này các Tỳ-kheo, hãy phân biệt tâm, hãy tư duy tâm; hãy khéo niệm tưởng các gốc rễ thiện. Như vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này.”

Các Tỳ-kheo, sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 6

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Ta ở trong chúng này, ban đầu không thấy một pháp dễ hàng phục, dễ có được thời cơ thích nghi, nhận các báo thiện, như là tâm. Cho nên, này các Tỳ-kheo, hãy phân biệt tâm, hãy tư duy tâm; hãy khéo niệm tưởng các gốc rễ thiện. Như vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này.”

Các Tỳ-kheo, sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 7

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Ở trong chúng này, nếu có một người nào nghĩ điều gì, Ta tất biết rõ. Sau đó người này ở trong chúng không vì sự ăn uống mà nói lời hư dối. Nhưng vào một lúc khác, Ta xem thấy người này sinh tâm đắm nhiễm, niệm tưởng tài vật, nên ở trong đại chúng nói hư dối. Vì sao vậy? Này các Tỳ-kheo, sự đắm nhiễm tài vật thật là khó bỏ, khiến người rơi vào trong ba đường dữ, không đến được chỗ vô vi. Cho nên, này các Tỳ-kheo, đã sinh tâm này rồi, thì hãy [567a01] xả ly. Giả sử chưa sinh, chớ để khởi tâm nhiễm đắm tài vật. Như vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này.”

Các Tỳ-kheo, sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 8

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bảy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Ở trong chúng này, có người tự nghĩ, thà bị đoạn mạng chứ không nói dối ở trong chúng. Nhưng vào một lúc khác, Ta xem thấy người này sinh tâm đắm nhiễm niệm tướng tài vật, nên ở trong đại chúng nói lời hư dối. Sở dĩ như vậy, này các Tỳ-kheo, sự đắm nhiễm vào tài vật thật là khó bỏ, khiến người rơi vào trong ba đường dữ, không đến được chỗ vô vi. Cho nên, này các Tỳ-kheo, đã sinh tâm này rồi, thì hãy xả ly. Giả sử chưa sinh, chớ để khởi tâm nhiễm đắm tài vật. Như vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này.”

Các Tỳ-kheo, sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 9

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật trú tại tại Ca-lan-đà trong Trúc viên, tại thành La-duyet-kỳ, cùng với năm trăm vị đại Tỳ-kheo. Bảy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Thế nào, các Tỳ-kheo, có ai thấy pháp thanh bạch của Đề-bà-đạt-đà² không? Nhưng Đề-bà-đạt-đà lại tạo ác sâu nặng, sẽ trải qua một kiếp chịu tội, không thể chữa trị. Ta không thấy Đề-bà-đạt-đà có một mảy may pháp thiện nào trong pháp của Ta để có thể ghi nhận. Vì vậy cho nên,

² Đề-bà-đạt-đâu 提婆達兜, thường quen đọc là Đề-bà-đạt-đà.

Pāli: Devadatta.

nay Ta nói Đê-bà-đạt-đa đứng đầu mọi tội ác, không thể chữa trị được. Giống như có người rơi vào hồ phần sâu, thân thể chìm ngập, không có chỗ nào là sạch. Có người muốn đến cứu mạng nó đặt lên chỗ sạch, nhìn quanh hồ phần và thân người kia, có chỗ nào sạch để dùng tay kéo vớt lên; nhưng nhìn kỹ không một chỗ nào sạch để mà nắm, nên bỏ mà đi.

“Cũng vậy, này các Tỳ-kheo, Ta xem nơi kẻ ngu si Đê-bà-đạt-đa không thấy mây may pháp thiện³ nào đáng ghi nhận, và sẽ trải qua một kiếp chịu tội, không thể chữa trị. Sở dĩ như vậy, vì Đê-bà-đạt-đa chỉ có ngu si, chuyên đắm lợi dưỡng; sau khi tạo tội ngũ nghịch, thân hoại mạng chung sẽ sinh vào đường dữ.

“Như vậy, này các Tỳ-kheo, sâu nặng về lợi dưỡng khiến người không đến được nơi an ổn. Cho nên, này các Tỳ-kheo, [567b01] đã sinh tâm lợi dưỡng thì hãy lia bỏ. Nếu nó chưa sinh thì chớ để khởi tâm đắm nhiễm. Như vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này.”

Các Tỳ-kheo, sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 10

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật trú tại Ca-lan-đa trong Trúc viên, thành La-duyệt-kỳ, cùng với năm trăm vị đại Tỳ-kheo.

Bấy giờ, có một Tỳ-kheo nghe Như Lai đã có thọ ký Điều-đạt,⁴ sẽ chịu tội một kiếp, không thể chữa trị. Lúc

³ Để bản nhảy chữ *thiện* có trong TNM.

⁴ Điều-đạt 調達, trên kia nói là Đê-bà-đạt-đâu. Xem cht. 1 trên.

ấy, Tỳ-kheo kia đến chỗ Tôn giả A-nan, sau khi thăm hỏi xong, ngồi qua một bên.

Tỳ-kheo kia hỏi A-nan rằng:

“Thế nào, Tôn giả A-nan, Như Lai đã quán sát tận cùng căn nguyên của Đề-bà-đạt-đa rồi, sau đó mới thọ ký là sẽ chịu tội một kiếp không thể chữa liệu chẳng? Có nguyên do để có thể được thọ ký chẳng?”

Lúc ấy, A-nan bảo:

“Những gì Như Lai nói ra không bao giờ hư dối. Những gì được hành bởi thân, khẩu của Ngài không có sai khác. Như Lai đã chắc thật thọ ký Đề-bà-đạt-đa sẽ chịu tội sâu nặng trải qua một kiếp không thể chữa trị.”

Bấy giờ, Tôn giả A-nan rời chỗ ngồi đứng dậy, đến chỗ Thế Tôn, cúi đầu lễ sát chân, rồi đứng qua một bên, bạch Thế Tôn:

“Có một Tỳ-kheo đi đến chỗ con nói: ‘Thế nào, Tôn giả A-nan, Như Lai đã quán sát tận cùng căn nguyên của Đề-bà-đạt-đa rồi, sau đó mới thọ ký là sẽ chịu tội một kiếp không thể chữa liệu chẳng? Có nguyên do để có thể được thọ ký chẳng?’ Nói xong những lời này rồi tự bỏ đi.”

Thế Tôn bảo:

“Tỳ-kheo kia chắc là người xuất gia tu học trẻ muộn, hay mới đi đến trong pháp của Ta chưa bao lâu chẳng? Những gì Như Lai đã nói ra không bao giờ hư dối, sao lại ở trong đó mà khởi lên do dự?”

Bấy giờ, Thế Tôn bảo A-nan:

“Ngươi hãy đến đó, bảo Tỳ-kheo kia rằng: ‘Như Lai cho gọi ông.’”

Tăng nhất A-hàm

A-nan đáp :

“Kính vâng, bạch Thế Tôn.”

Sau khi vâng lời Thế Tôn dạy, A-nan liền đến chỗ Tỳ-kheo kia; đến rồi bảo Tỳ-kheo kia rằng:

“N hư Lai cho gọi thầy.”

Tỳ-kheo kia đáp:

“Xin vâng, Tôn giả.”

Bấy giờ, Tỳ-kheo kia sửa lại y phục, cùng A-nan đến chỗ Thế Tôn. Đến rồi, lễ sát chân Thế Tôn, rồi ngồi qua một bên.

Thế Tôn bảo Tỳ-kheo kia:

“Này kẻ ngu kia, sao người không tin những gì Như Lai đã nói ra? Những gì Như Lai dạy là không hư dối, mà nay người muốn tìm điều hư dối nơi Như Lai?”

Lúc ấy Tỳ-kheo kia [567c01] bạch Thế Tôn:

“Tỳ-kheo Đê-bà-đạt-đa có thần lực lớn, có oai thế lớn, vì sao Thế Tôn lại thọ ký ông ấy chịu sâu tội nặng một kiếp?”

Phật bảo Tỳ-kheo:

“Hãy giữ gìn lời nói của người, chớ để phải lâu dài chịu khổ vô lượng.”

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ này:

*Trụ thiên, thần thông tục,⁵
Rốt lại, không giải thoát;
Không tạo đường diệt tận,*

⁵ Đê-bà-đạt-đa đắc tứ thiên và có thần thông, thuộc loại thế tục.

Lại trở vào địa ngục.

“Giả sử nếu Ta thấy Đê-bà-đạt-đa tự thân có chút ít pháp thiện nào, Ta không bao giờ thọ ký Đê-bà-đạt-đa kia phải chịu tội một kiếp không thể chữa trị. Cho nên, này kẻ ngu kia, vì Ta không thấy Đê-bà-đạt-đa có một chút pháp thiện nào cho nên mới thọ ký Đê-bà-đạt-đa kia chịu tội một kiếp không thể chữa trị. Sở dĩ như vậy, vì Đê-bà-đạt-đa ngu si tham đắm nơi lợi dưỡng, khởi tâm nhiễm trước, tạo ác ngữ nghịch, thân hoại mạng chung sẽ đọa vào trong địa ngục. Vì sao vậy? Vì tâm lợi dưỡng nặng thì sẽ làm bại hoại gốc rễ thiện của con người, khiến con người không đến được nơi an ổn.

“Cho nên, này các Tỳ-kheo, nếu có tâm lợi dưỡng khởi lên thì hãy tìm cách diệt, nếu không có tâm thì chớ khởi tưởng đắm vào. Như vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này.”

Bấy giờ, Tỳ-kheo kia từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa lại y phục, lễ sát chân Thế Tôn, bạch Thế Tôn:

“Nay con tự hối lỗi, nguyện xin Thế Tôn rủ lòng tha thứ, vì ngu si nên con đã tạo hành bất thiện. Những gì Như Lai đã nói ra không có hai lời, nhưng vì con ngu si nên khởi tưởng do dự. Nguyện xin Thế Tôn nhận sự hối lỗi của con, sửa đổi cái đã qua, tu tập cái sẽ đến.”

Tác bạch cho đến ba lần như vậy.

Thế Tôn bảo:

“Lành thay, Tỳ-kheo. Đã biết hối những điều mình đã nghĩ. Ta tha thứ cho những bất cập của ngươi. Chớ đối với Như Lai mà khởi tưởng do dự. Nay Ta nhận sự hối lỗi của ngươi. Sau này chớ gây nữa.”

Tăng nhất A-hàm

Cho đến ba⁶ lần như vậy.

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ này:

*Dù có tạo tội nặng,
Hối lỗi, không tái phạm;
Người này hợp giới cấm,
Nhỏ căn nguyên tội này.*

Bấy giờ, Tỳ-kheo kia cùng bốn bộ chúng nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Kệ tóm tắt:

*Bốn loại A-na-hàm,
Hai tâm, và hai thực,
Bà-đạt hai khế kinh,
Người trí nên giác tri.*

⁶ Để bản chép dư chữ *tứ* 四.

12. PHẨM NHẬP ĐẠO

KINH SỐ 1¹

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ.² Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có con đường chỉ một lối vào,³ làm thanh tịnh các hành của chúng sanh, trừ bỏ sâu ưu, không còn mọi bức não, được trí tuệ lớn, thành tựu sự chứng đắc Niết-bàn. Đó là hãy diệt trừ năm triền cái, tư duy bốn niệm xứ⁴.

“Thế nào là một lối vào? Tâm chuyên nhất, đó là một lối vào. Thế nào là đạo? Tám phẩm đạo Hiền thánh: 1. chánh kiến, 2. chánh tư duy,⁵ 3. chánh nghiệp, 4. chánh mạng, 5. chánh tinh tấn, 6. chánh ngữ,⁶ 7. chánh niệm, 8. chánh định. Đó gọi là đạo. Đó gọi là con đường chỉ một lối vào.

“Thế nào là hãy diệt trừ năm triền cái? Tham dục cái, sân nhuế cái, trạo cử⁷ cái, thụy miên cái, nghi cái. Đó gọi là năm triền cái phải diệt.

“Thế nào là tư duy bốn niệm xứ? Ở đây, này Tỳ-kheo, quán thân nơi nội thân⁸ trừ bỏ niệm ác, không có sâu ưu;

¹ Tham chiếu, Pāli, M. 10 *Mahāsatipatṭhāna* (R i. 55 ff)

² Pāli: Phật trú tại thôn Kammāsadhamma, xứ Kuru.

³ Hán: Nhất nhập đạo. Pāli: *ekāyano maggo*, con đường có một lối đi duy nhất.

⁴ 四意止 tứ ý chi: Bốn chỗ y chi của ý. Thường nói là bốn niệm xứ, hay bốn niệm trụ. Pāli: *cattāro satipatṭhānā*.

⁵ Xem kinh 3, phẩm 10.

⁶ Thứ tự có đảo lộn.

⁷ 調戲 điệu hý, thường nói là trạo cử.

quán thân nơi ngoại thân,⁹ trừ bỏ ác niệm, không có sầu ưu; quán thân nơi nội ngoại thân,¹⁰ thân trừ bỏ ác niệm, không có sầu ưu. Quán thọ nơi nội thọ¹¹, quán thọ nơi ngoại thọ, quán thọ nơi nội ngoại thọ mà tự an trú¹². Quán nội tâm, quán ngoại tâm, quán nội ngoại tâm mà tự an trú. Quán nội pháp, quán ngoại pháp, quán nội ngoại pháp mà tự an trú.

“Thế nào là Tỳ-kheo quán thân nơi nội thân mà tự an trú*? Ở đây, Tỳ-kheo quán thân này tùy theo tánh hành của nó: từ đầu đến chân, từ chân đến đầu; quán trong thân này tất cả đều bất tịnh, không có gì đáng tham.

“Lại quán thân này có các thứ lông, tóc, móng, răng, da, thịt, gân, xương, tủy, não, mỡ cao¹³, ruột, bao tử, tim, gan, tỳ, thận; thấy đều quán biết hết. Phần, tiểu, sanh tạng, thực tạng, nước mắt, đờm dãi, huyết mạch, mỡ¹⁴, mật; đều nên quán biết, không có gì đáng tham đắm. Như vậy, này các Tỳ-kheo, hãy quán thân mà tự an trú, trừ bỏ niệm ác, không có sầu ưu.

⁸ Hán: Nội tự quán thân 內自觀身. Pāli: *bhikkhu kāye kāyānupassī vaharati*, Tỳ-kheo an trú (sống) với sự quán thân trên (trong, nơi) thân.

⁹ Hán: Ngoại tự quán thân 外自觀身.

¹⁰ Hán: Nội ngoại quán thân 內外觀身.

¹¹ Nguyên Hán: Quán thống thống. Pāli: *vedanāsu vedanānupassī* quán thọ trên (nơi) các thọ.

¹² Hán: Tự ngu lạc 自娛樂. Pāli: *viharati*, (vị ấy) an trú.

¹³ Hán: Chi cao 脂膏, phân biệt với phương 肪, cũng là mỡ, kể sau.

¹⁴ Hán: Phương 肪, phân biệt với chi cao 脂膏 kể trên; đều chỉ mỡ.

“Lại nữa Tỳ-kheo quán thân này có đại chủng đất chẳng? Có đại chủng nước, lửa, gió chẳng? Tỳ-kheo quán sát thân này như vậy.

“Lại nữa, Tỳ-kheo quán thân này, phân biệt các giới; thân này có bốn đại chủng. Giống như người khéo mổ bò, hoặc học trò người mổ bò, xẻ con bò từng phần để tự xem xét: đây là chân, đây là tim, đây là đốt xương, đây là đầu. Cũng vậy, Tỳ-kheo kia phân biệt giới này mà tự quán sát: thân này có các đại chủng đất, nước, lửa, gió. Tỳ-kheo quán sát [568b01] thân như vậy mà tự an trú.

“Lại nữa, Tỳ-kheo quán thân này có các lỗ rỉ chảy không sạch. Giống như người kia quán sát vườn trúc hay quán sát bụi lau. Cũng vậy Tỳ-kheo quán thân này có các lỗ chảy ra các thứ bất tịnh.

“Lại nữa, Tỳ-kheo quán tử thi,¹⁵ hoặc chết đã một ngày, hoặc hai ngày, hoặc ba ngày, hoặc bốn ngày, hoặc năm ngày, sáu ngày, bảy ngày; thân thể sinh trưởng, hôi thối không sạch. Tỳ-kheo lại tự quán thân mình cùng với thân kia không khác,¹⁶ thân ta không thoát khỏi hoạn này.

“Hoặc Tỳ-kheo quán tử thi bị quạ, se sẻ, kên kên ăn nuốt, hoặc bị hổ lang, chó sói, các loài trùng thú trông thấy ăn thịt. Tỳ-kheo lại tự quán thân mình cùng kia không khác, thân ta không tránh khỏi hoạn này. Đó là Tỳ-kheo tự quán thân mà an trú.

“Lại nữa, Tỳ-kheo quán tử thi hoặc bị ăn một nửa, rơi vãi trên đất, hôi thối không sạch. Tỳ-kheo lại tự quán thân mình cùng kia không khác, thân ta không tránh khỏi pháp này.

¹⁵ Nói về quán thân nơi ngoại thân.

¹⁶ Quán nội ngoại thân.

“Lại nữa, quán tử thi đã hết thịt, chỉ còn có xương bê bết máu. Tỳ-kheo lại đem thân mình quán sát như thân kia cũng không khác. Tỳ-kheo quán thân này như vậy.

“Lại nữa, Tỳ-kheo quán tử thi, gân rành rịt như bó củi. Tỳ-kheo lại quán thân mình cùng kia không khác. Tỳ-kheo quán thân này như vậy.

“Lại nữa, Tỳ-kheo quán tử thi, từng đốt xương phân tán rơi vãi khắp nơi. Hoặc xương tay, xương chân mỗi thứ một nơi, hoặc xương đùi, xương hông, hoặc xương cùi, hoặc xương tay, hoặc xương vai, hoặc xương sườn, hoặc xương sống, hoặc xương cổ, hoặc đầu lâu. Lại nữa, thân này cùng kia không khác. Ta không thoát khỏi pháp này. Thân ta cũng sẽ bại hoại. Như vậy Tỳ-kheo quán thân này mà tự an trú.

“Lại nữa, Tỳ-kheo quán tử thi màu trắng, màu ngọc trắng¹⁷. Tỳ-kheo lại tự quán thân cùng kia không khác, ta không lia khỏi pháp này. Đó là Tỳ-kheo tự quán thân.

“Lại nữa, nếu Tỳ-kheo thấy tử thi, tướng xương xanh bầm, không có gì đáng tham đắm, hoặc cùng màu tro đất không thể phân biệt. Như vậy, Tỳ-kheo tự quán thân, trừ bỏ niệm ác, không có sầu lo. Thân này vô thường, là pháp phân tán. Như vậy Tỳ-kheo quán nội tự thân, quán ngoại thân, quán nội ngoại thân, phân rã, không có gì.

“Thế nào là Tỳ-kheo quán thọ nơi nội thọ? Ở đây, Tỳ-kheo khi có cảm thọ lạc, tức thì tự giác tri rằng ta có cảm thọ lạc. Khi có cảm thọ khổ, tức thì tự giác tri rằng ta có cảm thọ khổ. Khi có cảm thọ không lạc không khổ, [568c01] tự giác tri rằng ta có cảm thọ không lạc không

¹⁷ Hán: Bạch kha 白珂, trắng như mã não.

khô. Nếu khi được cảm thọ lạc bởi vật dục¹⁸, liền tự giác tri ta được cảm thọ lạc bởi vật dục*. Nếu khi được cảm thọ khô bởi vật dục*, liền tự giác tri ta được cảm thọ khô bởi vật dục*. Nếu khi được cảm thọ không lạc không khô bởi vật dục*, liền tự giác tri ta được cảm thọ không lạc không khô bởi vật dục*. Nếu khi được cảm thọ lạc phi vật dục¹⁹, liền tự giác tri ta được cảm thọ lạc phi vật dục. Nếu được cảm thọ khô phi vật dục, liền tự giác tri ta được cảm thọ khô phi vật dục. Nếu khi được cảm thọ không lạc không khô phi vật dục, liền tự giác tri ta được cảm thọ không lạc không khô phi vật dục. Tỳ-kheo tự quán nội thọ như vậy.

“Lại nữa, nếu Tỳ-kheo lúc được cảm thọ lạc, lúc ấy không có cảm thọ khô, bấy giờ tự giác tri ta đang cảm thọ lạc. Nếu lúc được cảm thọ khô, lúc ấy không có cảm thọ lạc, bấy giờ tự giác tri ta đang cảm thọ khô. Nếu khi được cảm thọ không lạc không khô, lúc đó không có lạc, không có khô, thì tự giác tri ta đang cảm thọ không lạc không khô.

“Vị đó quán pháp tập khởi²⁰ mà tự an trú*, cũng quán pháp diệt tận,²¹ lại quán pháp tập diệt²². Hoặc lại có thọ

¹⁸ Hán: Thực lạc thống 食樂痛, cảm thọ lạc thuộc vật chất, nhục thể. Pāli: *sāmisam vā sukham vedanam*.

¹⁹ Hán: Bất thực lạc thống 不食樂痛, cảm thọ lạc không thuộc vật chất, phi nhục thể. Pāli: *nirāmisam vedanam*.

²⁰ Để bản chép 習 tập (tu tập); nên hiểu là 集 tập (tập khởi).

Theo văn mạch dưới, nên hiểu là quán pháp tập khởi nơi các thọ, tức quán tập khởi hay nguyên nhân sinh khởi của các thọ. Pāli: *samudaya-dhammānupassī vā vedanāsu vi harati*, (Tỳ-kheo ấy) an trú (sống), quán sát pháp tập khởi nơi các thọ.

²¹ Hán: Quán tận pháp 觀盡法. Pāli: *vayadhammānupassī vā vedanāsu viharati*, vị ấy an trú, quán sát pháp bại hoại nơi các

hiện hiện tiền mà có thể biết, có thể thấy; vị ấy tư duy nguồn gốc của nó, không nương tựa vào đâu mà tự an trú, không khởi niệm tưởng về thế gian²³. Ở trong đó cũng không kinh sợ. Do không kinh sợ mà đạt đến Niết-bàn, như thật biết rằng: “Sinh²⁴ đã dứt, phạm hạnh đã lập, việc phải làm đã làm xong, không còn tái sinh đời sau nữa.” Tỳ-kheo tự quán nội thọ như vậy, trừ bỏ loạn niệm không có sầu lo. Tự quán ngoại thọ²⁵, quán nội ngoại thọ, trừ bỏ loạn niệm không có sầu lo. Như vậy Tỳ-kheo nội ngoại quán thọ.

“Thế nào là quán tâm nơi tâm²⁶ mà tự an trú*? Ở đây, Tỳ-kheo có tâm ái dục, liền tự giác tri có tâm ái dục; không có tâm ái dục cũng tự giác tri không có tâm ái dục. Có tâm sân nhuế, liền tự giác tri có tâm sân nhuế; không có tâm sân nhuế, cũng tự giác tri không có tâm sân nhuế. Nếu có tâm ngu si, liền tự giác tri có tâm ngu si; không có tâm ngu si, liền tự giác tri ta không có tâm ngu si. Nếu có tâm ái niệm, liền tự giác tri có tâm ái niệm; không có tâm ái niệm, cũng tự giác tri không có tâm ái niệm. Có tâm thọ nhập²⁷, thì tự giác tri có tâm thọ nhập; không tâm

thọ.

²² Hán: Quán tập tận chi pháp 觀習盡之法. Pāli: *samudayavaya-dhammānupassī vā vedanāsu viharati*, vị ấy an trú, quán sát pháp khởi diệt nơi các thọ.

²³ Pāli: *yāvadeva nānamattāya paṭissatimattāya anissito ca viharati na ca kiñci loke upādayati*, cho đến như vậy, vị ấy an trú (sống) không nương tựa cái gì, không chấp thủ bất cứ cái gì trên đời, chỉ hướng đến huệ, chỉ hướng đến niệm.

²⁴ Đề bản: Sinh tử 生死; có thể chép dư chữ tử 死.

²⁵ Ý nghĩa: Quán thọ nơi người khác.

²⁶ Hán: Quán tâm tâm pháp. Pāli: *citte cittānupassī* quán tâm nơi tâm.

²⁷ Hán: Thọ nhập tâm 受人心, chỉ tâm được thâm rút lại (Pāli:

thọ nhập, thì tự giác tri không tâm thọ nhập. Nếu có tâm loạn²⁸, thì tự giác tri có tâm loạn; không có tâm loạn niệm, cũng tự giác tri không [569a01] có tâm loạn niệm. Có tâm tán lạc,²⁹ liền tự giác tri có tâm tán lạc; không có tâm tán lạc, liền tự giác tri không có tâm tán lạc. Có tâm phổ biến, liền tự giác tri có tâm phổ biến; không có tâm phổ biến, cũng tự giác tri không có tâm phổ biến. Có tâm lớn, liền tự giác tri có tâm lớn; không có tâm lớn cũng tự giác tri không có tâm lớn. Có tâm vô lượng, liền tự giác tri có tâm vô lượng; không có tâm vô lượng, cũng tự giác tri không có tâm vô lượng. Có tâm tam-muội, liền giác tri có tâm tam-muội³⁰; không có tâm tam-muội, cũng giác tri không có tâm tam-muội. Tâm chưa giải thoát, liền tự giác tri tâm chưa giải thoát; tâm đã giải thoát, cũng tự giác tri tâm đã giải thoát.”

“Như vậy, Tỳ-kheo tu niệm xứ với sự quán sát tướng của tâm³¹; quán tập pháp, quán diệt pháp, cùng quán pháp tập diệt*; tư duy quán pháp mà tự an trú. Những gì mà³² có thể biết, có thể thấy, có thể tư duy, không thể tư duy, không nương tựa cái gì, không khởi lên niệm tưởng thể

samkhittam vā cittaṃ); đối lại với tâm loạn và tâm tán lạc kể sau (Pāli: *vikhittam vā cittaṃ*).

²⁸ Đề bản: Loạn niệm tâm 亂念心; tiếp theo dưới: Loạn tâm 亂心. TNM: Loạn tâm 亂心.

²⁹ Hán: Tán lạc tâm 散落心, “tâm rơi vãi,” đồng nghĩa với tâm loạn kể trên. Pāli: (*vikkhittam cittaṃ*).

³⁰ Hán: Tam-muội tâm 三昧心. Pāli: *samāhitam cittaṃ*, tâm định, tập trung.

³¹ Đề bản: Tâm tướng quán ý chỉ 心相觀意止. Y theo đoạn dưới thêm một chữ tâm: Tâm tâm tướng quán ý chỉ 心心相觀意止.

³² Theo ngữ cảnh, ở đây hình như thiếu một đoạn nói trong quán về các thọ ở trên, và quán pháp ở sau: “(những cái đó, các thọ hay các trạng thái của tâm) mà đang hiện tại trước mắt, có thể biết...”

gian.³³ Đã không khởi tưởng liền không sợ hãi. Đã không sợ hãi liền được vô dư. Đã được vô dư liền được Niết-bàn, như thật biết rằng: ‘Sinh* đã dứt. phạm hạnh đã vững, việc phải làm đã làm xong, không còn thọ thân đời sau nữa.’

“Như vậy, Tỳ-kheo tu tập niệm xứ, tự quán tâm nơi nội tâm, trừ bỏ loạn tưởng, không có sâu lo; tu tập niệm xứ, tự quán ngoại tâm, quán nội ngoại tâm, trừ bỏ loạn niệm, không có sâu lo. Như vậy, Tỳ-kheo tu tập niệm xứ quán tưởng của tâm nơi tâm*.”

“Thế nào là Tỳ-kheo tu tập niệm xứ, quán tưởng của pháp nơi pháp? Ở đây, Tỳ-kheo tu tập niệm giác chi,³⁴ y quán, y vô dục, y diệt tận, trừ bỏ các pháp ác.³⁵ Tu trạch pháp giác chi,³⁶ tu tinh tấn giác chi, tu hỷ giác chi,³⁷ tu khinh an giác chi³⁸, tu định giác chi³⁹, tu xả giác chi,⁴⁰ y quán, y

³³ Văn mạch, như đoạn trên về quán thọ. Văn dịch ở đây có chỗ thêm bớt. Xem cht. 23 trên.

³⁴ Niệm giác ý 念覺意, hay niệm giác chi (Pāli: *satisambojjhaṅga*). Tham chiếu Pāli: *puna caparam, bhikkhave, bhikkhu dhammesu dhammānupassī viharati sattasu bojjhaṅgesu*, “Lại nữa, Tỳ-kheo sống quán pháp trong các pháp trong bảy giác chi.”

³⁵ Xem *Trung*, kinh 10: Lậu tận: y ly, y vô dục, y ư diệt tận, thú chí xuất yếu 依離依無欲依於滅盡趣至出要. Pl. thành cú: *vivekanissitam virāganissitam nirodhanissitam vossaggapariṇāmiṃ*, y viễn ly, y ly dục, y diệt tận, hướng đến xả ly

³⁶ Pháp giác ý 法覺意, hay trạch pháp giác chi. Pāli:

dhammavicayasambojjhaṅga.

³⁷ Nguyên Hán: Niệm giác ý 念覺意; đây phải kể là hỷ giác chi, không đồng nhất với niệm đã kể trên. Pāli: *pītisambojjhaṅga*.

³⁸ Ý giác ý 猗覺意, hay khinh an giác chi. Pāli:

passaddhisambojjhaṅga.

³⁹ Tam-muội giác ý 三昧覺意.

vô dục, y diệt tận, trừ bỏ các pháp ác. Như vậy, Tỳ-kheo tu niệm xứ, quán tướng của pháp nơi pháp.

“Lại nữa, Tỳ-kheo đã giải thoát khỏi ái dục⁴¹, trừ pháp ác bất thiện, có tâm, có tứ,⁴² có hỷ và lạc do viễn ly sinh⁴³, chứng nhập và an trú sơ thiên. Như vậy, Tỳ-kheo tu niệm xứ, quán tướng của pháp nơi pháp.

“Lại nữa, Tỳ-kheo xả tầm và tứ⁴⁴, nội tâm tịch tĩnh⁴⁵, chuyên nhất ý⁴⁶, không tầm, không tứ, có hỷ lạc do định sinh⁴⁷, chứng nhập và an trú nhị thiên. Như vậy, Tỳ-kheo tu niệm xứ, quán tướng của pháp nơi pháp.

“Lại nữa, Tỳ-kheo ly hỷ, an trú xả,⁴⁸ hằng tự giác tri,⁴⁹ [69b01] thân có tri giác lạc, điều mà các hiền thánh mong

⁴⁰ Hộ giác ý 護覺意, tức xả giác chi. Pāli: *upekkhāsambojjhaṅga*.

⁴¹ Hán: u ái dục giải thoát 於愛欲解脫, chỉ trạng thái ly dục, không còn ham muốn nơi ngũ dục, của người nhập sơ thiên. Pāli: *vivicceva kāmehi*, viễn ly các dục.

⁴² Hữu giác hữu quán 有覺有觀, tức có tâm, có tứ. Pāli: *savitakkaṃ savicāraṃ*.

⁴³ Hữu ý niệm lạc 有猗念樂, tức có hỷ và lạc phát sinh do sự viễn ly (Pāli: *vivekaḥ pītisukhaṃ*).

⁴⁴ Xả hữu giác, hữu quán 捨有覺, 有觀 捨 hữu giác hữu quán. Pāli: *vitakkavicārānaṃ vūpasamā*, tâm tứ tịch tĩnh, tâm và tứ đã diệt.

⁴⁵ Nội phát歡喜 內發歡喜 內發 hoan hỷ. Xem *Pháp uẩn* 5 (tr. 482b3, 484a18): Nội đẳng tịnh 內等淨 trạng thái trừng tịnh và quân bình nội tâm. Pāli: *ajjhattaṃ sampasādanaṃ*, nội tâm tịch tĩnh.

⁴⁶ *Pháp uẩn*, dẫn trên: Tâm nhất thú tính 心一趣性, tâm tập trung trên một điểm. Pāli: *cetaso ekodibhāvaṃ*.

⁴⁷ Hán: Niệm ý hỷ an 念猗喜安. Cf. *Pháp uẩn*, dẫn trên: Định sinh hỷ lạc 定生喜樂, có hỷ lạc phát sinh do định. Pāli: *samādhijaṃ pītisukhaṃ*.

⁴⁸ Nguyên Hán: Xả u niệm, tu u hộ 捨於念, 修於護, xả nơi niệm tu nơi hộ; Hán dịch này sai; trong trạng thái thiền thứ ba, không

cầu⁵⁰ là có xả, có niệm, an trú lạc⁵¹, chứng nhập và an trú tam thiên. Như vậy, Tỳ-kheo tu niệm xứ, quán tướng của pháp nơi pháp.

“Lại nữa, Tỳ-kheo xả tâm lạc khổ, ưu và hỷ từ trước đã trừ, không lạc không khổ, xả, niệm thanh tịnh,⁵² an trú nơi tứ thiên. Như vậy, Tỳ-kheo tu niệm xứ, quán tướng của pháp nơi pháp.

“Vị ấy, hành pháp tập, hành pháp diệt tận, cùng hành pháp tập diệt mà tự an trú, liền được niệm xứ nơi pháp hiện tiền,⁵³ có thể biết, có thể thấy, trừ bỏ loạn tướng, không nương tựa cái gì, không khởi tướng thế gian*. Đã không khởi tướng liền không sợ hãi. Đã không sợ hãi thì như thật biết rằng, ‘Sinh* đã dứt. phạm hạnh đã vững, việc phải làm đã làm xong, không còn thọ thân nữa.

“Này các Tỳ-kheo, y chỉ trên con đường một lối vào mà chúng sanh được thanh tịnh, xa lìa sầu ưu, lại không có

còn hỷ. Cf. *Pháp uẩn*, đã dẫn: ly hỷ, trụ xả 離喜住捨. Pāli: *pītiyā ca virāgā upekkako ca viharati*.

⁴⁹ Cf. *Pháp uẩn*, đã dẫn: chánh niệm chánh tri 正念正知. Pāli: *upekkhako satimā sukhavihārī*, (vị ấy) an trú lạc với chánh niệm và xả.

⁵⁰ Chư Hiền Thánh sở cầu 諸賢聖所求. Pāli: *yam tam ariyā ācikkhanti*, điều mà các Thánh già nói.

⁵¹ Nguyên Hán: Hộ niệm thanh tịnh 護念清淨, hai chữ thanh tịnh 清淨, nghi dư. Vì nó chỉ trạng thái thiền thứ tư, được nói sau đó.

⁵² Hán: Hộ niệm thanh tịnh 護念清淨. Pāli: *upekkhā sati parisuddham catutthajjhānam*, thiền thứ tư thanh tịnh với xả và niệm.

⁵³ Xem cht. 32 trên.

tướng ưu⁵⁴ hỷ, đạt được trí tuệ, chứng ngộ Niết-bàn⁵⁵. Đó là diệt năm triền cái, tu bốn niệm xứ.”

Các Tỳ-kheo, sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 2

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bảy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Ta ở trong đây không thấy một pháp nào đưa đến hoại diệt nhanh như ganh ghét, đố kỵ đối với đồng phạm hạnh. Cho nên, các Tỳ-kheo nên tu hành từ nhĩn, thân hành từ, khẩu hành từ, ý hành từ. Như vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này.”

Các Tỳ-kheo, sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 3

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bảy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có một người mà khi xuất hiện ở thế gian, thì tối tôn, tối thượng trên cả chư thiên, loài người, Ma, cùng Ma thiên, sa-môn, bà-la-môn, tối tôn không ai sánh bằng; đó là ruộng phước, bậc nhất đáng thừa sự, đáng tôn kính. Thế một người ấy là ai? Là Như Lai, bậc A-la-hán Chánh

⁵⁴ Để bản: Phục hỷ 復喜. TNM: ưu hỷ 憂喜.

⁵⁵ Hán: Niết-bàn chứng 涅槃證. Pāli: *nibbānassa sacchikiriyā*.

đăng Chánh giác. Đó gọi là một người mà khi xuất hiện ở thế gian, thì tối tôn, tối thượng, vượt qua chư thiên, loài người, a-tu-la, Ma cùng Ma thiên, sa-môn, bà-la-môn không ai sánh bằng; đó là ruộng phước bậc nhất, đáng thừa sự, đáng tôn kính. Cho nên, này các Tỳ-kheo, nên thường cúng dường Như Lai. Như vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này.”

Các Tỳ-kheo, sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 4

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ.

[569c01] Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Ai chăm sóc bệnh nhân, là người ấy đã chăm sóc Ta. Ai khản hộ bệnh nhân, là người ấy đã khản hộ Ta. Vì sao vậy? Ta nay muốn đích thân khản hộ người tật bệnh.

“Này các Tỳ-kheo, Ta không thấy một người nào mà bố thí cho vị ấy thì sự bố thí này không gì vượt qua, tối thượng trên cả sự bố thí cho chư thiên, thế gian, sa-môn, bà-la-môn. Hành thí này mới đích thật là thí, được quả báo lớn, được công đức lớn, tiếng đồn vang khắp, được pháp vị cam lồ. Nghĩa là bố thí đến Như Lai, Chí chơn, Đẳng chánh giác. Nên biết, đó là bố thí tối thượng trong sự bố thí, không có gì vượt qua. Hành thí này mới đích thật là thí, được quả báo lớn, được công đức lớn.”

“Nay Ta vì nhân duyên này mà nói ra như vậy: Chăm sóc bệnh nhân, tức là đã chăm sóc Ta không khác. Các người

lâu dài được phước lợi lớn. Như vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này.”

Các Tỳ-kheo, sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 5

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Ai tán thán a-lan-nhã⁵⁶ tức là đã tán thán Ta. Vì sao vậy? Vì hiện tại lúc nào Ta cũng tự tán thán hạnh a-lan-nhã. Ai bài báng a-lan-nhã tức là đã bài báng Ta.

“Ai tán thán khát thực⁵⁷ tức là đã tán thán Ta. Vì sao vậy? Vì lúc nào Ta cũng tán thán người hay khát thực. Ai hủy báng khát thực tức là đã hủy báng Ta.

“Ai tán thán người ngồi một mình⁵⁸ tức là đã tán thán Ta. Vì sao vậy? Vì Ta thường tán thán người hay ngồi một mình. Ai hủy báng người ngồi một mình tức là đã hủy báng Ta.

“Ai tán thán người một nhà một lần ăn⁵⁹ tức là đã tán thán Ta. Vì sao vậy? Vì Ta thường tán thán người một

⁵⁶ A-luyện-nhã 阿練若; Pāli: *arañña*, núi rừng nhàn tĩnh. Đây chỉ Tỳ-kheo a-lan-nhã (Pāli: *āraññaka*: lâm trụ giả), một trong 12 hạnh đầu-đà (Pāli: 13), suốt đời chỉ sống trong rừng.

⁵⁷ Khát thực 乞食, đây chỉ Tỳ-kheo đầu-đà, suốt đời chỉ khát thực, không ăn tại nhà tín thí mời. Pāli: *piṇḍapātika*.

⁵⁸ Độc tọa 獨坐. Chưa rõ hành thế nào. Có thể là *nhất tọa*, Pāli: *ekāsanika*, một lần ngồi, nghĩa là một ngày chỉ ăn trong một lần ngồi (Visuddhimagga: *ekāsane bhogaṇaṃ ekāsaṇaṃ*).

⁵⁹ Nhất tọa nhất thực 一坐一食. Có thể Hán nhầm lẫn. Đây chỉ

lần ngồi một lần ăn. Ai hủy báng người một lần ngồi một lần ăn tức là đã hủy báng Ta.

“Ai tán thán người ngồi dưới bóng cây,⁶⁰ tức là đã tán thán thân Ta không khác. Vì sao vậy? Vì Ta thường tán thán người ngồi dưới bóng cây. Ai hủy báng người ngồi dưới bóng cây, tức là đã hủy báng Ta.

“Ai tán thán người ngồi ngoài trời⁶¹ tức là đã tán thán Ta. Vì sao vậy? Vì Ta thường tán thán người ngồi ngoài trời. Ai hủy nhục người ngồi ngoài trời, tức là đã hủy nhục Ta.

“Ai tán thán người ở nơi trống vắng,⁶² tức là đã [570a01] tán thán Ta. Vì sao vậy? Vì Ta thường tán thán người ở nơi trống vắng. Ai hủy nhục người ở nơi trống vắng, tức là đã hủy nhục Ta.

“Ai tán thán người khoác y năm mảnh,⁶³ tức là đã tán thán Ta. Vì sao vậy? Vì Ta thường tán thán người khoác y năm mảnh. Ai hủy nhục người khoác y năm mảnh tức là đã hủy nhục Ta.

Tỳ-kheo khát thực theo thứ tự từng nhà, nghĩa là chỉ nhận thức ăn khát thực từ một nhà duy nhất cho một ngày. Pāli:

sapadānacārika.

⁶⁰ Tọa thọ hạ 坐樹下, suốt đời sống dưới bóng cây. Pāli:

rukhamūlika

⁶¹ Lộ tọa 露坐, suốt đời sống giữa trời trống. Pāli: *abbhokāsika*.

⁶² Không nhân xứ 空閑處, từ Hán thường dùng dịch từ a-lan-nhã (Pāli: *ārañṇaka*), đã nói trên kia.

⁶³ Ngũ nạp y 五納衣, đây chỉ Tỳ-kheo trì y phần tảo, suốt đời chỉ lượm vải từ đồng rác làm y. Pāli: *pamsukūlika*.

“Ai tán thán người trì ba y⁶⁴ tức là đã tán thán Ta. Vì sao vậy? Vì lúc nào Ta cũng tán thán người trì ba y. Ai hủy nhục người trì ba y tức là đã hủy nhục Ta.

“Ai tán thán người ngồi nơi gò mả⁶⁵ tức là đã tán thán Ta. Vì sao vậy? Vì Ta thường tán thán người ngồi nơi gò mả. Ai hủy nhục người ngồi nơi gò mả tức là đã hủy nhục Ta.

“Ai tán thán người ăn một bát⁶⁶ tức là đã tán thán Ta. Vì sao vậy? Vì Ta thường tán thán người ăn một bát. Ai hủy nhục người ăn một lần tức là đã hủy nhục Ta.

“Ai tán thán người ăn đúng giữa ngày,⁶⁷ tức là đã tán thán thân Ta. Vì sao vậy? Vì Ta thường tán thán người ăn đúng giữa ngày. Ai hủy nhục người ăn đúng giữa ngày, tức là đã hủy nhục Ta.

⁶⁴ Trì tam y 持三衣. Pāli: *tecīvarika*. Tỳ-kheo hành đầu-đà, suốt đời chỉ thọ trì ba y.

⁶⁵ Trùng gian tọa 塚間坐, Tỳ-kheo suốt đời chỉ sống tại các bãi tha ma. Pāli: *sosānika*.

⁶⁶ Nhất thực 一食, trùng với nhất tọa nhất thực nói trên. Có sự nhầm lẫn trong bản Hán. Có lẽ tương đương Pāli: (*eka*)*pattapiṇḍika*, ăn chỉ lượng một bát, tức tiết chế sự ăn (tiết lượng thực). Bản Hán đọc là *ekabhatta* (nhất thực) thay vì *ekapatta* (nhất bát).

⁶⁷ Chánh trung thực 正中食; điều này có thể trùng với ăn ngày một bữa duy nhất. Có lẽ Pāli: *khalupacchābhattika*, không ăn thêm cái gì sau khi ăn xong. Được hiểu là Tỳ-kheo khi có dấu hiệu ăn xong, dù chưa no, vẫn không ăn thêm nếu ai mang thêm đồ ăn. Tỳ-kheo nào cần ăn thêm, phải làm pháp dư thực hay tàn thực; *Tứ phần*, Ba-dật-đề 33; *Ngũ phần*, 35; *Tăng-kỳ*, 33; *Thập tụng*, 34; Pāli, *pācittiyā* 35.

“Ai tán thán hạnh đầu đà⁶⁸ tức là đã tán thán Ta. Vì sao vậy? Vì Ta thường tán thán các hạnh đầu đà. Ai hủy nhục hạnh đầu đà, tức là đã hủy nhục Ta.⁶⁹”

“Nay Ta dạy các Tỳ-kheo nên như sở hành của đại Ca-diếp,⁷⁰ không để có điều rơi rớt mất. Vì sao vậy? Vì Tỳ-kheo Ca-diếp có các hạnh này. Cho nên sở học của các Tỳ-kheo thường nên như Ca-diếp. Như vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này.”

Các Tỳ-kheo, sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 6

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật trú Ca-lan-đà Trúc viên, tại thành La-duyệt, cùng với năm trăm vị đại Tỳ-kheo.

Bấy giờ, Tôn giả Đại Ca-diếp sống ở a-lan-nhã, đến giờ khất thực thì không phân biệt giàu nghèo; tại một chỗ

⁶⁸ Đầu-đà hành 頭陀行. Pāli: *dhutaṅga*.

⁶⁹ Đoạn trên, 12 đầu-đà hành, theo các kinh luận Đại thừa. *Hữu bộ Tỳ-nại-da, Giải thoát đạo luận*, và Luật tạng Pāli, liệt kê 13 hạnh. Liệt kê theo Pāli, Vin. v. 131, 193: 1. *āraññika*, lâm trụ, chỉ sống trong rừng. 2. *piṇḍapātika*, thường hành khất thực. 3. *pamsukūlika*, phân tảo y. 4. *rukhamūlika*, chỉ ngồi tại gốc cây. 5. *sosānika*, chỉ nghỉ tại các bãi tha ma. 6. *abbhokāsika*, chỉ ngồi giữa trời trống. 7. *tecīvarika*, chỉ thọ tri ba y. 8. *sapadānacārika*, khất thực tuần tự. 9. *nesajjika*, thường ngồi không nằm. 10. *yathāsanthatika*, tùy ngộ cụ, không chọn lựa. 11. *ekāsānika*, nhất tọa thực, ăn một bữa, nếu đứng dậy, không ngồi ăn trở lại. 12. *khalupacchābhattika*, sau khi đã ăn, không ăn thêm (dù chưa quá trưa). 13. *pattapiṇḍika*, nhất bát thực.

⁷⁰ Xem *Tạp* (bản Việt), 41. Tương ưng Đại Ca-diếp.

ngồi một lần không bao giờ di dịch;⁷¹ ngồi dưới bóng cây, hay ngoài trời, hoặc nơi trống vắng; khoác y năm mảnh, hoặc trì ba y, hoặc ở gò mả, hoặc ăn một bữa, hoặc ăn đúng ngộ, hoặc hành đầu đà dù tuổi cao già cả.

Bấy giờ, Tôn giả Đại Ca-diếp sau khi ăn xong, liền đến một góc cây mà thiền định. Thiền định xong, từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa y [570b01] phục, đến chỗ Thế Tôn. Lúc ấy, Thế Tôn từ xa nhìn thấy Ca-diếp đi đến. Thế Tôn bảo rằng:

“Thiện lai, Ca-diếp.”

Ca-diếp đến chỗ Thế Tôn, đánh lễ sát chân, rồi ngồi qua một bên.

Thế Tôn bảo:

“Ca-diếp! Nay Thầy tuổi đã cao già cả, chí kém, suy nhược. Nay Thầy nên bỏ khát thực, cho đến các hạnh đầu đà; cũng nên nhận lời mời của các gia chủ, và nhận xiêm y.”

Ca-diếp thưa:

“Hôm nay, con không dám theo lời dạy của Như Lai. Vì sao vậy? Vì nếu Như Lai không thành tựu đạo vô thượng chánh chơn, thì con sẽ thành Bích-chi Phật. Nhưng Bích-chi Phật kia thấy đều hành a-lan-nhã, đến giờ khát thực thì không phân biệt giàu nghèo; tại một nơi ngồi một lần* không bao giờ di dịch; ngồi dưới bóng cây, hay ngoài trời trống, hoặc nơi trống vắng; khoác y năm mảnh, hoặc trì ba y, hoặc ở gò mả, hoặc ăn một bữa, hoặc ăn đúng ngộ, hoặc hành đầu đà. Thật hôm nay, con không dám bỏ thói quen gốc cũ, mà học hạnh khác.”

Thế Tôn bảo:

⁷¹ Nhất xứ nhất tọa 一處一坐..., có lẽ nhất tọa (thực), nhưng Hán dịch diễn giải thêm để lạc mất nghĩa chính. Xem kinh số 5 trên.

“Lành thay, lành thay, Ca-diếp! Đã làm nhiều lợi ích và độ người vô lượng; rộng đến tất cả trời người được độ. Vì sao vậy? Vì này Ca-diếp, nếu hành đầu đà này còn ở thế gian, thì pháp của Ta cũng sẽ tồn tại lâu ở thế gian. Nếu pháp mà tồn tại ở đời thì thiên đạo sẽ tăng, ba đường dữ liền giảm, cũng thành tựu Tu-đà-hoàn, Tu-đà-hàm, A-na-hàm, và đạo ba thừa đều còn ở đời.

“Này các Tỳ-kheo, phải học như những gì Ca-diếp đã tu tập. Như vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này.”

Các Tỳ-kheo, sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 7

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Lợi dưỡng rất nặng, làm cho con người không đến được đạo vô thượng chánh chơn. Vì sao vậy? Này các Tỳ-kheo, vì Đề-bà-đạt-đa ngu si kia nhận lấy năm trăm chỗ thức ăn cúng dường của Vương tử Bà-la-lu-chi⁷² kia. Nếu ông ấy không cúng dường, thì Đề-bà-đạt-đa ngu si không bao giờ làm việc ác này. Vì Vương tử Bà-la-lu-chi ngày nào cũng đem năm trăm chỗ thức ăn đến cúng dường, nên

⁷² Bà-la-lu-chi 婆羅留支, Skt. Vāraluci (?), Hán dịch: Chiết Chi 折指, Vô Chi 無指; tên hiệu của A-xà-thế (Pāli: Ajātasattu), theo truyền thuyết phương Bắc. Xem *Pháp hoa Văn cú* 4 (T34n1718, tr. 25c21). Pāli không thấy nói đến tên hiệu này. Xem *Tạp* (Việt), kinh 968: A-xà-thế con bà Tì-đê-hi, vua nước Ma-kiệt-đà, hằng ngày cùng đoàn thị tòng với 500 cỗ xe đến chỗ Đề-bà-đạt-đa; hằng ngày đem 500 chỗ đồ ăn cúng dường Đề-bà-đạt-đa.

Đề-bà-đạt-đa mới khởi lên ác ngũ nghịch, thân hoại mạng chung sẽ sinh vào trong địa ngục Ma-ha A-tỳ. Vì phương tiện này, nên biết, lợi dưỡng là rất nặng sẽ làm cho con người không đến được đạo vô thượng chánh chơn. Nếu tâm chưa sinh lợi dưỡng thì chớ để nó sinh, đã sinh thì hãy diệt nó. Như vậy, này các Tỳ-kheo, hãy [570c01] học điều này.”

Các Tỳ-kheo, sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 8

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật trú tại núi Kỳ-xà-quật, thành Vương-xá, cùng với năm trăm vị đại Tỳ-kheo.

Bấy giờ, Đề-bà-đạt-đa loạn phá Tăng, đả thương chân Như Lai, xúi A-xà-thế sát hại phụ vương, lại giết Tỳ-kheo-ni A-la-hán. Ở trong chúng, ông lại nói như vậy: “Chỗ nào có ác? Ác sinh ra từ đâu? Ai làm ác này để chịu báo đó? Ta cũng không làm ác này để mà chịu báo đó.”⁷³

Bấy giờ, có các Tỳ-kheo vào thành La-duyệt khát thực mà nghe những lời này: “Kẻ ngu Đề-bà-đạt-đa, ở trong đại chúng tuyên bố rằng: ‘Chỗ nào có ác? Ác sinh ra từ đâu? Ai làm ác này để chịu báo đó? Ta cũng không làm ác này để mà chịu báo đó.’” Sau khi các Tỳ-kheo ăn xong, cầm lấy y bát, vắt ni-sur-đàn lên vai phải, liền đến chỗ Thế Tôn, đánh lễ sát chân, rồi ngồi lui qua một bên. Bấy giờ, các Tỳ-kheo bạch Thế Tôn:

⁷³ Đoạn văn nói về tà kiến, nhưng Hán dịch không rõ. Đại ý: Không nhân, không quả, không tội, không phước, không có người gây nghiệp, không có người thọ báo...

“Kẻ ngu Đề-bà-đạt-đa ở trong đại chúng tuyên bố rằng: ‘Tại sao làm ác không có tai ương, làm phước không có báo? Không có ai nhận báo thiện ác cả.’”⁷⁴

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có ác nghiệp, có tội báo. Thiện hành, ác hành đều có báo ứng cả. Nếu kẻ ngu Đề-bà-đạt-đa kia biết có báo ứng của thiện và ác, thì sẽ sầu lo khô héo không vui, sẽ ói ra máu sôi. Vì kẻ ngu Đề-bà-đạt-đa kia không biết có báo ứng của thiện và ác, cho nên ở trong đại chúng mới tuyên bố là không có báo thiện ác; làm ác không tai ương, làm phước không có phước.”

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ này:

*Người ngu tự cho rằng,
Làm ác không có báo.
Nay Ta biết rõ trước,
Báo ứng của thiện ác.*

“Cho nên, các Tỳ-kheo, hãy lìa xa ác, làm phước chớ mệt mỏi. Như vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này.”

Các Tỳ-kheo, sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 9

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Nhận lợi dưỡng người rất nặng, không dễ; nó khiến con người không đến được nơi vô vi. Vì sao vậy? Vì báo lợi

⁷⁴ Đại ý lặp lại tả kiến phát biểu trên, chỉ khác văn tương thuật.

dưỡng cắt vào da người. Đã cắt da rồi cắt thịt. Đã cắt [571a01] thịt rồi cắt xương. Đã cắt xương liền thấu tủy.

“Cho nên các Tỳ-kheo, nhờ phương tiện này mà biết lợi dưỡng rất là nặng. Nếu tâm lợi dưỡng chưa sinh thì chớ để nó sinh, đã sinh thì tìm cách diệt nó. Như vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này.”

Các Tỳ-kheo, sau nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 10

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bảy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Nhận lợi dưỡng người thật là không dễ; nó khiến con người không đến được nơi vô vi. Vì sao vậy? Vì nếu Tỳ-kheo Sur-lợi-la⁷⁵ kia không tham lợi dưỡng, thì sẽ không tạo ra việc sát sinh vô lượng như vậy, để thân hoại mạng chung sinh vào trong địa ngục.”

Bảy giờ, Thế Tôn liền nói kệ này:

*Nhận nhiều lợi dưỡng người,
Phá hạnh thanh bạch người.
Cho nên phải giữ tâm,
Chớ tham đắm vào vị.
Sur-lợi nhờ đắc định,
Cho đến cung Thiên đế;*

⁷⁵ Để bản: Sur-lợi-la 師利羅. NTM: Lợi-sur-la. Không biết đọc thế nào là đúng. Đoạn sau, kệ tóm tắt sau kinh 7 phẩm 13 đọc là Lợi-sur-la.

Tăng nhất A-hàm

*Liên sút giảm thân thông,
Roi vào lò sát sinh.*

“Cho nên các Tỳ-kheo, nhờ vào phương tiện này mà biết việc nhận lợi dưỡng người thật là không dễ. Tâm lợi dưỡng chưa sinh, chế ngự nó đừng cho sinh. Tâm này đã sinh tìm cách diệt. Như vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này.”

Các Tỳ-kheo, sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.⁷⁶

⁷⁶ Bản Hán, hết quyển 5.

13. PHẨM LỢI DƯỠNG

KINH SỐ 1

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Nhận lợi dưỡng người thật là không dễ. Nó làm con người không đến được nơi vô vi. Vì sao vậy? Nếu [571b01] Tỳ-kheo Tu-la-đà¹ không tham lợi dưỡng, thì không bao giờ ở trong pháp của Ta mà bỏ ba pháp y làm người cư gia. Tỳ-kheo Tu-la-đà vốn tu hạnh a-lan-nhã, đến giờ thì khát thực,² tại một nơi ngồi một lần,³ hoặc ăn đúng ngọ, ngồi dưới bóng cây, ngoài trời, thích nơi trống vắng, khoác y năm mảnh, hoặc trì ba y, hoặc thích nơi gò má, cần thân khổ hạnh, hành hạnh đầu đà này. Rồi khi ấy, Tỳ-kheo Tu-la-đà thường nhận sự cúng dường thức ăn trăm vị cung cấp hằng ngày của Quốc vương Bô-hô⁴.”

Bấy giờ, Tỳ-kheo kia nhiễm ý nơi thức ăn này, dần dần bỏ hạnh a-lan-nhã, như đến giờ thì khát thực, tại một nơi ngồi một lần, hoặc ăn đúng ngọ, ngồi dưới bóng cây, ngoài trời, thích nơi trống vắng, khoác y năm mảnh, hoặc trì ba y, hoặc thích nơi gò má, cần thân khổ hạnh. Đã bỏ hết hạnh này rồi, bỏ ba y, trở về làm bạch y, ông giết bò,

¹ Tu-la-đà 修羅陀. Pāli: Surādha (?); nhưng chắc không phải Trưởng lão A-la-hán Surādha được nói trong S. iii. 80.

² Đáo thời khát thực 到時乞食, chỉ thường hành khát thực. Pāli: *piṇḍapātika*. Xem phẩm 12 kinh 5, cht. 57.

³ Xem phẩm 12 kinh 5.

⁴ Bô-hô 蒲呼.

sát sinh không thể kể hết; khi thân hoại mạng chung, sinh vào địa ngục.

“Cho nên, này các Tỳ-kheo, nhờ phương tiện này mà biết lợi dưỡng thật là nặng, làm cho con người không đến được đạo vô thượng chánh chơn. Nếu lợi dưỡng chưa sinh, hãy chế ngự chớ để nó sinh; đã sinh rồi tìm cách khiến diệt. Như vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này.”

Các Tỳ-kheo, sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 2

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Hãy diệt một pháp. Ta xác chứng các người thành quả thần thông, các lậu diệt tận. Một pháp gì? Ném vị dục. Cho nên, này các Tỳ-kheo, hãy diệt vị ngọt của dục này. Ta xác chứng các người thành quả thần thông, các lậu diệt tận.”

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ này:

*Chúng sanh đắm vị này,
Chết đọa vào đường ác.
Nay nên bỏ dục này,
Liên thành A-la-hán.*

“Cho nên, này các Tỳ-kheo, thường nên bỏ tướng đắm vị này. Như vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này.”

Các Tỳ-kheo, sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 3⁵

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ.

Bấy giờ, trong thành Xá-vệ có một gia chủ vừa mất một người con trai [571c01] mà ông rất yêu mến, thương nhớ, chưa từng lia xa. Ông thấy con chết, liền phát cuồng điên; đi lang thang qua lại khắp nơi. Gặp ai, ông cũng hỏi: “Có gặp con tôi không?”

Rồi thì, người kia đi lần đến tinh xá Kỳ-hoàn. Đi đến chỗ Thế Tôn, đứng qua một bên, người kia bạch Thế Tôn rằng:

“Sa-môn Cù-đàm, thấy con tôi không?”

Thế Tôn hỏi gia chủ:

“Tại sao mặt mũi ông không vui, các căn thác loạn vậy?”

Gia chủ thưa rằng:

“Cù-đàm, không vậy sao được? Vì sao vậy? Hiện tại tôi chỉ có một đứa con trai, vì vô thường mà nó đã bỏ tôi. Tôi rất yêu mến, thương nhớ nó, chưa từng rời khỏi mắt. Vì thương mến đứa con kia nên khiến tôi phát cuồng. Nay tôi hỏi Sa-môn, thấy con tôi không?”

Thế Tôn bảo:

“Thật vậy, gia chủ, như những gì ông đã hỏi. Sinh, già, bệnh, chết là pháp thường của thế gian. Ân ái biệt ly là

⁵ Nội dung liên hệ, xem *Trung*, kinh 216: Ái sinh. Cf. M. ii. 106.

khổ, oán ghét gặp nhau là khổ. Người con vì vô thường mà bỏ ông, há không nhớ nghĩ được sao?”⁶

Lúc đó, người kia nghe những gì Thế Tôn nói mà không để vào lòng, liền bỏ đi. Trên đường gặp người, ông lại nói như vậy: “Sa-môn Cù-đàm nói rằng: ‘Ân ái mà phân ly là khổ. Thầy đều do ái lạc.’⁷ Những gì mà Sa-môn đã nói, xét thật ra có đúng không?”

Người trên đường đáp:

“Ân ái biệt ly, có gì là khoái lạc?”

Lúc đó, cách thành Xá-vệ không xa, có nhiều người đang cùng nhau chơi bạc. Người kia tự nghĩ: “Những người đàn ông này, thông minh trí tuệ, không việc gì không biết. Bây giờ ta đem nghĩa này hỏi những người kia.” Nghĩ xong ông liền đến chỗ chơi cờ bạc, hỏi mọi người rằng:

“Sa-môn Cù-đàm nói với tôi rằng: ‘Ân ái biệt ly khổ, oán ghét gặp nhau khổ. Thầy đều do ái lạc.* Nay theo ý mọi người thì thế nào?’”

Lúc đó những người chơi bạc đáp người này rằng:

“Ân ái biệt ly khổ sao lại do ái lạc? Nói do ái lạc, nghĩa này không đúng.”⁸

⁶ Cf. *Trung kinh* 216: Khi ái sanh thì cũng phát sanh những sầu bi, khóc than, ưu khổ, phiền muộn, ảo não. M 87 (R. ii. 106): *piyajātikā sokaparidevadukkhadomanassupāyāsā*, sầu bi khổ ưu não phát sanh từ luyến ái.

⁷ Nguyên Hán: Ân ái phân biệt tiện hữu khoái lạc 恩愛分別。便有快樂: “Phân biệt ái, bèn có khoái lạc”; nghĩa không rõ. Có thể có sự nhầm lẫn trong bản dịch Hán. Theo văn mạch đoạn trên và những đoạn sau, và dựa theo bản Pāli thêm vào cho rõ nghĩa. Xem cht. 6 trên.

⁸ Xem *Trung kinh* 216: Phật nói ái sinh là khổ. Nhưng những con

Lúc đó, người kia liền tự nghĩ: “Xét lời Như Lai thì không bao giờ hư vọng. Ân ái mà biệt ly sẽ có khoái lạc chẳng? Nghĩa này không đúng.”

Rồi người kia vào thành Xá-vệ; đến bên ngoài cửa cung nói lên:

“Sa-môn Cù-đàm dạy như vậy: ‘Ân ái biệt ly khổ*, oán ghét gặp nhau khổ. Thầy đều do ái lạc’.”*

Bấy giờ, cả thành Xá-vệ và trong cung đều rao truyền lời này; khắp mọi nơi không đâu là không truyền tới. Ngay lúc đó, Đại vương Ba-tư-nặc cùng Ma-lợi Phu nhân ở trên lầu cao đang vui đùa với nhau. Khi ấy, Vua Ba-tư-nặc [572a01] nói với Ma-lợi Phu nhân rằng:

“Chắc là Sa-môn Cù-đàm có nói những lời này chẳng: ‘Ân ái biệt ly, oán ghét gặp nhau, thầy đều do ái lạc’?”

Phu nhân đáp:

“Tôi không được nghe những lời dạy này từ nơi Như Lai. Nhưng nếu Như Lai có dạy những lời này, thì điều này cũng không phải là hư dối.”

Vua Ba-tư-nặc bảo rằng:

“Giống như thầy dạy đệ tử: ‘Nên làm điều này, nên bỏ điều này.’ Thì đệ tử thưa rằng: ‘Xin vâng, Đại sư.’ Nay Ma-lợi, bà cũng lại như vậy. Sa-môn Cù-đàm kia tuy có nói như vậy, nhưng bà ưng theo nên bảo rằng: Thật vậy không sai khác, không có hư vọng. Bà hãy đi nhanh đi, không cần đứng trước mặt ta nữa.”⁹

bạc này nói: Ái sinh thì sung sướng. Pāli: *piyajātikā hi ānandasomanassā*, ân ái sinh thì có hỷ lạc (M.ii. 107).

⁹ Cả Trung và Pāli đều không có chi tiết xua đuổi này. Có thể bản Hán này diễn dịch thêm tình tiết.

Bấy giờ, Ma-lợi Phu nhân bảo Bà-la-môn Trúc Bác¹⁰ rằng:

“Bây giờ, ông đến tinh xá Kỳ-hoàn, đến chỗ Như Lai, nhân danh ta, quỳ gối sát chân Như Lai, lại đem nghĩa này bạch đầy đủ lên Thế Tôn rằng: ‘Người trong thành Xá-vệ, và trong cung đang bàn luận về những lời mà Sa-môn Cù-đàm đã nói: Ân ái biệt ly, oán ghét gặp nhau, đây thấy là do ái lạc. Không rõ Thế Tôn có dạy điều này không?’ Nếu Thế Tôn có dạy điều gì, thì ông hãy khéo ghi nhận trở về nói lại cho ta.”

Bà-la-môn Trúc Bác vâng theo lời dạy của phu nhân, tìm đến tinh xá Kỳ-hoàn, đến chỗ Thế Tôn, trao đổi chào hỏi. Sau khi chào hỏi xong, ngồi lui qua một bên, bà-la-môn¹¹ kia bạch Thế Tôn:

“Ma-lợi phu nhân xin lễ sát chân Thế Tôn, thăm hỏi Như Lai đi đứng có nhẹ nhàng, thoải mái, khí lực có mạnh khỏe không? Giáo hóa kẻ mê mờ ngu muội có mệt lắm không? Lại thưa như vậy: ‘Khắp nơi trong thành Xá-vệ này rao truyền về những lời dạy của Sa-môn Cù-đàm như vậy: ‘Ân ái biệt ly, oán ghét gặp nhau, đó thấy là do ái lạc.’ Không rõ Thế Tôn có dạy những lời này không?’”

Bấy giờ, Thế Tôn bảo Bà-la-môn Trúc Bác rằng:

“Ở trong thành Xá-vệ này, có một gia chủ mất một người con trai. Ông ta nhớ người con này đến độ cuồng điên mất tánh, chạy lang thang khắp nơi, gặp người liền hỏi:

¹⁰ Trúc Bác 竹膊; T26: Na-lợi-ương-già 那利耆伽. Pāli:

Nālijjaṅga.

¹¹ Nguyên trong bản: Phạm chí 梵志. Thông thường, từ bà-la-môn, phiên âm từ *brahmāṇa*, chỉ giai cấp; từ phạm chí, phiên âm từ *paribbajika*, chỉ ngoại đạo xuất gia. Bản Hán này không phân biệt hai từ khác nhau, mà dùng lẫn lộn.

‘Ai thấy con tôi?’ Như vậy, thì này Bà-la-môn, ân ái biệt ly khổ, oán ghét gặp nhau khổ. Đó thấy đều không có gì là hoan lạc.

“Ngày xưa trong thành Xá-vệ này, có một người vì vô thường mà mất mẹ già, cũng lại cuồng điên không biết đông tây là gì. Lại có một người vì vô thường mà mất cha già, cũng lại vì vô thường mà anh em, chị em đều mất cả. Người ấy nhận thấy sự biến đổi của vô thường này nên phát cuồng điên, mất tánh, không còn biết đông tây là gì.

“Này Bà-la-môn, ngày xưa trong thành Xá-vệ này có một người mới rước về một người vợ xinh đẹp vô song. [572b01] Sau đó một thời gian không lâu, người kia tự nhiên nghèo túng. Lúc ấy cha mẹ của người vợ thấy người này nghèo, liền nảy sinh ý nghĩ này: ‘Ta hãy đoạt con gái lại gả cho người khác.’

“Người kia, sau đó rình nghe được chuyện cha mẹ nhà vợ muốn đoạt lại vợ mình để gả cho người khác. Một hôm, nó dắt dao bén trong áo, đến nhà vợ. Trong lúc đó, người vợ đang dệt ở ngoài vách. Nó bước đến chỗ cha mẹ vợ và hỏi: Hiện tại vợ con đang ở đâu?

“Mẹ vợ đáp: Vợ con đang dệt dưới bóng râm ngoài vách.

“Người kia liền đến chỗ vợ, hỏi vợ rằng: Rằng cha mẹ nàng muốn đoạt nàng để gả cho người khác phải không?

“Vợ đáp: Không sai, có lời này. Nhưng tôi không thích nghe lời này vậy.

“Bấy giờ, người kia liền rút dao bén đâm chết vợ, rồi lấy dao bén tự đâm vào bụng mình và nói lời này: ‘Cả hai ta cùng chọn lấy cái chết.’

“Này Bà-la-môn, hãy bằng phương tiện này để biết, ân ái biệt ly, oán ghét gặp nhau khổ. Đó là điều sâu ưu, thật không thể nào nói được.”

Bây giờ, Bà-la-môn Trúc Bác bạch Thế Tôn:

“Thật vậy, bạch Thế Tôn. Có những điều bức não này thật khổ, không vui. Vì sao vậy? Xưa con có một đứa con cũng vì vô thường mà nó bỏ con, ngày đêm thương nhớ canh cánh bên lòng. Vì nhớ con nên tâm ý cuồng điên, rong ruổi khắp nơi, gặp người liền hỏi: ‘Ai thấy con tôi?’ Nay những gì Sa-môn Cù-đàm đã nói thật đúng như vậy. Vì việc nước bận rộn đa đoan, con muốn trở về chỗ mình.”

Thế Tôn bảo:

“Nay thật đúng lúc.”

Bà-la-môn Trúc Bác từ chỗ ngồi đứng dậy, nhiễu quanh Phật ba vòng, rồi ra đi. Về chỗ Ma-lợi phu nhân, ông đem nhân duyên này tâu lại đầy đủ cho phu nhân. Lúc ấy, Ma-lợi phu nhân lại đến chỗ vua Ba-tư-nặc, tâu đại vương rằng:

“Hôm nay tôi có điều muốn hỏi, nguyện xin Đại vương nghe qua rồi trả lời cho từng việc:

“Thế nào Đại vương, có tướng đến Vương tử Lưu-ly¹² không?”

Vua trả lời:

“Rất nhớ, thương yêu canh cánh bên lòng.”

Phu nhân hỏi:

¹² Lưu-ly Vương tử 琉璃王子. T26: Tỳ-lưu-la Đại tướng 鞞留羅羅大將. Pāli: Viḍḍabha-senapati.

“Nếu Vương tử có biến đổi gì, Đại Vương có lo không?”

Vua lại trả lời:

“Thật vậy, Phu nhân. Như những gì Bà nói.”

Phu nhân hỏi:

“Đại vương nên biết, ân ái biệt ly đều dẫn đến sầu khổ. Thế nào, tâu Đại vương, có tương đến Vương tử Y-la¹³ không?”

Vua trả lời:

“Ta rất yêu quý.”

Phu nhân hỏi:

“Đại vương. Nếu Vương tử có biến đổi gì, Đại vương có sầu ưu không?”

[572c01]Vua trả lời:

“Rất là sầu ưu.”

Phu nhân bảo:

“Nên bằng phương tiện này để biết ân ái biệt ly không mang lại hoan lạc. Thế nào, Đại vương có tương đến Bà Tát-la-đà Sát-lợi¹⁴ không?”

¹³ Theo sử liệu Pāli, Pasenadi có hai con trai, một là Viḍḍabha sau này cướp ngôi, và một nữa là Brahmadata, xuất gia, thành A-la-hán. Hình như còn một người nữa là vương tử Kỳ-đà (Jetakumāra), chủ của khu vườn Kỳ-hoàn, sau bị Viḍḍabha giết. Không rõ Y-la 伊羅 đồng nhất với ai. Hoặc giả đây là con gái

vua, tên là Vajirā, tức vương nữ mà bản Hán đọc thành vương tử?
¹⁴ Tát-la-đà Sát-lợi chủng 薩羅陀刹利種. T26: Vũ Nhật Cái 兩日蓋. Pāli: Vāsabhā-khattiyā, một phu nhân khác của Panesadi, gốc họ Thích.

Tặng nhất A-hàm

Vua trả lời:

“Thật là yêu quý thương nhớ.”

Phu nhân nói:

“Thế nào, tâu Đại vương, giả sử nếu Tát-la phu phân có biến đổi gì, Đại vương có sầu lo không?”

Vua trả lời:

“Ta có sầu lo.”

Phu nhân nói:

“Đại vương nên biết, ân ái biệt ly, điều này là khổ.”

Phu nhân nói:

“Vua nhớ thiếp không?”

Vua nói:

“Yêu nhớ khanh.”

Phu nhân nói:

“Giả sử thân thiếp có biến đổi gì, Đại vương có sầu ưu không?”

Vua nói:

“Giả sử thân khanh có mất đi, thì ta rất sầu ưu.”

“Đại vương, nên bằng phương tiện này để biết ân ái biệt ly, oán ghét gặp nhau, không có gì hoan lạc.”

Phu nhân nói:

“Thế nào, Đại vương có tưởng đến dân chúng Ca-thi và Câu-tát-la không?”

Vua nói:

“Ta rất yêu nhớ nhân dân Ca-thi và Câu-tát-la.”

Phu nhân nói:

“Giả sử nhân dân Ca-thi và Câu-tát-la có biến đổi gì, Đại vương có sầu ưu không?”

Vua nói:

“Nếu nhân dân Ca-thi và Câu-tát-la có biến đổi gì, thì mạng ta cũng không còn; huống chi nói đến sầu ưu. Vì sao vậy? Vì ta nhờ vào sức nhân dân nước Ca-thi và Câu-tát-la nên được tồn tại. Bằng phương tiện này mà biết mạng cũng không còn, huống chi là không sinh sầu ưu.”

Phu nhân nói:

“Do đây để biết, ân ái biệt ly đều có khổ này, mà không có hoan lạc.”

Bấy giờ, vua Ba-tư-nặc, quỳ gối phải sát đất, chấp tay hướng về Thế Tôn, nói như vậy:

“Kỳ diệu thay! Kỳ diệu thay! Thế Tôn kia đã nói pháp này. Mong sao Sa-môn Cù-đàm kia đến đây, tôi sẽ cùng bàn luận.”

Vua lại bảo phu nhân:

“Từ nay về sau ta sẽ xem trọng khanh hơn thường ngày, cho phép phục sức không khác ta.”

Bấy giờ, Thế Tôn nghe Ma-lợi phu nhân lập ra luận cứ này cho Đại vương, liền bảo các Tỷ-kheo:

“Ma-lợi Phu nhân thật rất là thông minh. Giả sử nếu Vua Ba-tư-nặc hỏi Ta những lời này, thì Ta cũng dùng nghĩa này để nói cho Vua kia, như những gì Phu nhân đã nói cho Vua, không có khác.”

Phật lại bảo các Tỳ-kheo:

“Trong hàng Thanh văn của Ta, ưu-bà-di chúng chí tín kiên cô bậc nhất, chính là Ma-lợi Phu nhân.”

Các Tỳ-kheo, sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 4¹⁵

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật trú tại vườn Nai trong rừng Quỷ,¹⁶ núi Thi-mục-ma-la,¹⁷ nước Bạt-kỳ.¹⁸

Bấy giờ, gia chủ, ông của Na-uru-la,¹⁹ đi đến chỗ Thế Tôn, đánh lễ sát chân, ngồi lui qua một bên. Giây lát ông rời khỏi chỗ ngồi, bạch Thế Tôn rằng:

“Tuổi con ngày đã suy yếu, lại mang tật bệnh, có nhiều điều ưu não. Nguyện xin Thế Tôn tùy thời dạy dỗ khiến cho chúng sanh được lâu dài an ổn.”

Bấy giờ, Thế Tôn bảo gia chủ rằng:

“Như những gì ông đã nói, thân có nhiều lo sợ, đau đớn, nào đáng để cậy nương. Nó chỉ có lớp da mỏng bao phủ lên. Gia chủ nên biết, ai ý tựa vào thân này, để có thể

¹⁵ Tham chiếu, Pāli, S. 22. 1. Nakula (R iii. 1); Hán, *Tạp 5 T99* (107, tr. 33a6).

¹⁶ Quỷ lâm Lộc viên 鬼林鹿園. T99: Lộc dã thâm lâm 鹿野深林. Pāli: *Bhesakalāvane migadāya*.

¹⁷ Thi-mục-ma-la 尸牧摩羅. T99: Thiết-thù-bà-la 設首婆羅.

Pāli: *Susumāragira*

¹⁸ Bạt-kỳ 拔祇; T99: Bà-kỳ 婆祇. Pāli: *Bhagga*.

¹⁹ Na-uru-la Công 那憂羅公. T99: Na-câu-la 那拘羅. Pāli: *Nakulapitā*.

thấy được cái vui trong chốc lát, đó là tâm niệm của kẻ ngu, chứ không phải là điều quý của người trí. Cho nên, này Gia chủ, dù thân²⁰ có bệnh, nhưng không để tâm bệnh. Như vậy, này Gia chủ, hãy học điều này.”

Gia chủ, sau khi nghe Phật nói những điều này, từ chỗ ngồi đứng dậy, làm lễ sát chân Thế Tôn, rồi ra về.

Bấy giờ, gia chủ lại tự nghĩ: “Nay ta có thể đến chỗ Tôn giả Xá-lợi-phất để hỏi nghĩa này.”

Lúc đó, Xá-lợi-phất đang ngồi tại một gốc cây cách đó không xa. Ông của Na-uru-la đến chỗ Xá-lợi-phất, đánh lễ sát chân, rồi ngồi sang một bên.

Bấy giờ, Xá-lợi-phất hỏi gia chủ:

“Hôm nay, Gia chủ nhan sắc tươi vui, các căn tịch tĩnh,ắt có lý do. Này Gia chủ, chắc ông đã nghe pháp từ Phật phải không?”

Lúc đó, gia chủ bạch Xá-lợi-phất rằng:

“Thế nào, Tôn giả Xá-lợi-phất, làm sao mặt mày không tươi vui được? Vì sao vậy? Vì con đã được Thế Tôn đem pháp cam lồ tưới rót vào lòng.”

Gia chủ thưa tiếp:

“Bạch Tôn giả Xá-lợi-phất, con đến chỗ Thế Tôn, đánh lễ sát chân, rồi ngồi sang một bên. Lúc ấy con bạch Thế Tôn rằng: ‘Tuổi con đã lớn, suy yếu, thường mang tật bệnh, khổ đau nhiều điều không thể kể xiết. Nguyên xin Thế Tôn phân biệt thân này khiến tất cả chúng sanh đều được sự an ổn này.’ Lúc ấy, Thế Tôn liền bảo con rằng: ‘Thật vậy, Gia chủ! Thân này nhiều sợ hãi, khổ đau, chỉ

²⁰ Đề bản: Tâm 心. Nên sửa lại là thân.

có lớp da mỏng bao phủ. Gia chủ nên biết, ai ý tựa vào thân này để có thể thấy được cái vui trong chốc lát, không biết lâu dài phải chịu vô lượng khổ. Cho nên, này Gia chủ, ở đây dù thân có hoạn, nhưng không để tâm tai hoạn. Như vậy, này Gia chủ, hãy học điều này.’ Thế Tôn đem pháp cam lồ này [573b01] tưới rót vào lòng con.”

Xá-lợi-phất nói:

“Thế nào, Gia chủ, sao không hỏi thêm Như Lai nghĩa này? Thế nào là thân có hoạn, tâm không hoạn? Thế nào là thân có bệnh, tâm không bệnh? “

Gia chủ bạch Xá-lợi-phất rằng:

“Đúng là con đã không đem việc này hỏi thêm Thế Tôn, thân có hoạn, tâm có hoạn; thân có bệnh, tâm không bệnh. Tôn giả Xá-lợi-phất, chắc ngài biết việc này, mong phân biệt đầy đủ.”

Xá-lợi-phất nói:

“Hãy lắng nghe, lắng nghe và suy nghĩ kỹ! Tôi sẽ vì ông mà diễn rộng nghĩa này.”

Đáp:

“Xin vâng.”

Xá-lợi-phất bảo gia chủ:

“Này Gia chủ, người phạm phu không gặp Thánh nhân, không lãnh thọ Thánh giáo, không theo lời giáo huấn, cũng không gặp thiện tri thức, không theo hầu thiện tri thức; nên chúng chấp sắc là ngã, sắc là của ngã, ngã là của sắc; trong sắc có ngã, trong ngã có sắc; sắc kia, sắc ta cùng hòa hợp một chỗ. Sắc kia sắc ta vì đã tập hợp một chỗ, bấy giờ sắc bị bại hoại, di chuyển không dừng, ở đó lại sinh khởi sầu lo, khổ não. Đối với thọ*, tướng, hành,

thức đều nhận thấy ngã có ... thức, trong thức có ngã, trong ngã có thức; thức kia, thức ta hòa hợp một chỗ. Thức kia, thức ta vì đã hòa hợp một chỗ, nên khi thức bị bại hoại, di chuyển không dừng, ở đó lại sinh khởi sầu lo, khổ não. Như vậy, này Gia chủ, thân cũng có hoạn, tâm cũng có hoạn.”

Gia chủ hỏi Xá-lợi-phất:

“Thế nào là thân có bệnh, tâm không bệnh?”

Xá-lợi-phất nói:

“Gia chủ, ở đây đệ tử Hiền Thánh thừa sự Thánh Hiền, tu hành cấm pháp, cùng theo hầu thiện tri thức, gần gũi thiện tri thức. Vị ấy không quán thấy ngã có sắc, không thấy trong sắc có ngã, trong ngã có sắc, không thấy sắc là của ngã, ngã là của sắc; mà sắc kia di chuyển không dừng. Khi sắc kia chuyển dịch, vị ấy không sinh ra sầu lo khổ não đối với tai hoạn của sắc. Cũng lại không thấy thọ*, tưởng, hành, thức; không thấy trong thức có ngã, trong ngã có thức; cũng không thấy thức là của ngã, cũng không thấy ngã là của thức. Thức kia, thức ta hội hợp một chỗ; mà khi thức bị bại hoại, ở đây không sinh khởi sầu lo, khổ não. Như vậy, này Gia chủ, thân có bệnh mà tâm không bệnh.

“Như vậy, này Gia chủ, nên tu tập điều này, quên thân, trừ tâm, cũng không nhiễm đắm. Này Gia chủ, hãy học điều đó.”

Ông của Na-Uu-la, sau khi nghe những gì Xá-lợi-phất nói, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 5²¹

[573c01] Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn thuyết pháp cho hàng vạn người đang vây quanh trước sau. Lúc ấy, có Bà-la-môn bên sông²² vai gánh một gánh nặng đi đến chỗ Thế Tôn. Đến nơi, ông đặt gánh, đứng im lặng một bên Thế Tôn. Khi ấy, Bà-la-môn này suy nghĩ như vậy: “Hôm nay Sa-môn Cù-đàm thuyết pháp cho hàng vạn nghìn người vây quanh trước sau. Hiện tại ta thanh tịnh không khác gì Sa-môn Cù-đàm. Vì sao vậy? Vì Sa-môn Cù-đàm ăn lúa gạo cùng các loại thức ăn tốt, hiện tại ta chỉ ăn trái cây để tự nuôi mạng sống.”

Bấy giờ, Thế Tôn đã biết những ý nghĩ trong tâm Bà-la-môn, nên bảo các Tỳ-kheo:

“Nếu có chúng sanh nào mà tâm bị nhuộm dính với hai mươi một kết, thì nên quán sát rằng người đó chắc chắn sẽ đọa đường dữ, không sinh về thiện xứ. Những gì là hai mươi một kết? Sân tâm kết, nhuế hại tâm kết, thụy miên tâm kết, trạo cử²³ tâm kết, nghi tâm kết, nộ tâm kết, ky tâm kết, não tâm kết, tật tâm kết, tăng tâm kết, vô tầm tâm kết, vô quý tâm kết, huyễn tâm kết, gian tâm kết, ngụy tâm kết, tránh tâm kết, kiêu tâm kết, mạn tâm kết, đô tâm kết, tăng thượng mạn tâm kết, tham tâm kết.”²⁴

²¹ Tham chiếu, Pāli: M. 7 Vatthūpama (R. i. 36); Hán: *Trung kinh* 93; T99(1185), T100(99).

²² Giang Trắc 江側. Có lẽ từ mô tả chứ không phải tên riêng.

Cuối kinh, tên ông được gọi là Tôn-đà-la-đế-lợi. T26: Thủy Tịnh 水淨.

²³ Điều hý 調戲.

²⁴ *Trung kinh* 93: 21 tâm uế. So sánh Pāli, M. 7:

Này các Tỳ-kheo, nếu người nào mà tâm bị nhuộm dính với hai mươi một kết, thì nên quán sát rằng người đó chắc chắn sẽ đọa đường dữ, không sinh về thiện xứ.

“Giống như tấm lụa trắng mới, để lâu ngày nên mục nát, có nhiều bụi bặm. Dù có muốn nhuộm thành màu xanh, vàng, đỏ, đen, rốt cuộc cũng không thành được. Vì sao? Vì có bụi bặm. Cũng vậy, này các Tỳ-kheo, nếu người mà tâm bị nhuộm dính với hai mươi một kết, thì nên quán sát rằng người đó chắc chắn sẽ đọa đường dữ, không sinh về thiện xứ.

“Giả sử lại có người mà tâm không bị nhuộm bởi hai mươi một kết này, thì nên biết, người này chắc sẽ sinh lên cõi trời, không đọa vào trong địa ngục. Giống như tấm lụa mới, trắng sạch, tùy theo ý muốn thành gì, màu xanh, vàng, đỏ, đen, thì chắc sẽ thành những màu này, không hề hư hại. Vì sao vậy? Vì sự tinh sạch của nó. Ở đây, cũng như vậy, người nào mà tâm không bị nhuộm bởi hai mươi một kết này, thì nên biết, người đó chắc chắn sinh lên cõi trời, không đọa vào đường ác.

“Nếu đệ tử Hiền Thánh kia khởi sân tâm kết; quán sát biết rồi, liền dứt trừ chúng. Hoặc khởi nhuế hại tâm kết, [574a01] khởi thuy miên tâm kết, khởi trạo cử tâm kết, khởi nghi tâm kết, khởi nộ tâm kết, khởi kỵ tâm kết, khởi

abhijjhavisamalobho (tham lam và bất chánh tham), *vyāpādo* (sân), *kodho* (phẫn nộ), *upanāho* (oán hận), *makkho* (phú tàng hay ngụy thiện), *palāso* (nảo hay ác ý, ác cảm), *issā* (tật đố), *macchariyam* (xan hay bòn sẻn), *māyā* (cuống hay huyễn hoặc), *sātheyyam* (siêm hay gian trá), *thambho* (ngoan cố hay ngạo mạn), *sārambho* (cấp tháo hay dễ kích động), *māno* (mạn), *atimāno* (quá mạn), *mado* (kiêu hay say sưa), *pamādo* (phóng túng hay buông lung). Bản danh sách đầy đủ và giải thích chi tiết, xem *Pháp uẩn* 9 (tr.494c).

não tâm kết, khởi tật tâm kết, khởi tăng tâm kết, khởi vô tâm tâm kết, khởi vô quý tâm kết, khởi huyễn tâm kết, khởi gian tâm kết, khởi nguy tâm kết, khởi tránh tâm kết, khởi kiêu tâm kết, khởi mạn tâm kết, khởi đồ tâm kết, khởi tăng thượng mạn tâm kết, khởi tham tâm kết; quán biết rồi liền có thể dứt trừ chúng.

“Nếu đệ tử Hiền Thánh kia không sân, không nhuế, không có ngu si, tâm ý hòa vui, đem tâm từ trải khắp một phương mà tự an trú*; hai phương, ba phương, bốn phương cũng như vậy; bốn góc, trên dưới, ở trong tất cả cũng như tất cả thế gian, với tâm không oán, không hận, vô lượng, vô hạn, không thể tính biết, mà tự an trú, đem tâm từ này rải khắp tràn đầy, ở trong đó được hoan hỷ rồi, tâm ý liền chính.

“Lại đem tâm bi trải khắp một phương mà tự an trú*; hai phương, ba phương, bốn phương cũng như vậy; bốn góc, trên dưới, ở trong tất cả cũng như tất cả thế gian, với tâm không oán, không hận, vô lượng, vô hạn, không thể tính biết, mà tự an trú, đem tâm bi này trang trải đầy khắp, ở trong đó được hoan hỷ rồi, thì tâm ý liền chính.

“Lại đem tâm hỷ trải khắp một phương mà tự an trú*; hai phương, ba phương, bốn phương cũng như vậy; bốn góc, trên dưới, ở trong tất cả cũng như tất cả thế gian, với tâm không oán, không hận, vô lượng, vô hạn, không thể tính biết, mà tự an trú, đem tâm hỷ này rải khắp tràn đầy, ở trong đó được hoan hỷ rồi, tâm ý liền chính.

“Lại đem tâm xả* trải khắp một phương mà tự an trú*; hai phương, ba phương, bốn phương cũng như vậy; bốn góc, trên dưới, ở trong tất cả cũng như tất cả thế gian, với tâm không oán, không hận, vô lượng, vô hạn, không thể

tính biết, mà tự an trú, đem tâm xả* này trang trải đầy khắp, ở trong đó được hoan hỷ rồi, thì tâm ý liền chính.

“Bấy giờ, người ấy thành tựu tín căn nơi Như Lai, gốc rễ không di dời,²⁵ dựng ngọn cờ cao hiển mà chur thiên, long thần, a-tu-la, sa-môn, bà-la-môn, hay người đời, đều không thể làm cho lay động; ở trong đó mà sinh tâm hoan hỷ, chân chánh tin tưởng rằng đây là bậc Chí chơn, Đẳng chánh giác, Minh hạnh túc*, Thiện thế, Thế gian giải, Vô thượng sĩ, Điều ngự trượng phu*, Thiên Nhân sư, Phật Thế Tôn*. Người ấy ở trong đó được hoan hỷ rồi, tâm ý liền chính.

“Người ấy cũng lại [574b01] thành tựu tín tâm không thể di động đối với Pháp của Như Lai,²⁶ pháp ấy thật là thanh tịnh, được mọi người người yêu kính, được bậc trí như thật quán sát. Người ấy liền ở trong đó mà sinh tâm hoan hỷ.

“Người ấy lại thành tựu tín tâm đối với Thánh Chúng. Thánh chúng của Như Lai rất là thanh tịnh, tánh hạnh thuần hòa, thành tựu pháp tùy pháp²⁷, thành tựu mọi giới, thành tựu tam-muội, thành tựu trí tuệ, thành tựu giải thoát, thành tựu giải thoát kiến tuệ. Thánh chúng ấy gồm có bốn đôi tám bậc. Đó là Thánh chúng của Như Lai, đáng yêu đáng quý, thật đáng thừa sự. Người ấy ở trong đó mà được hoan hỷ, tâm ý liền chính.

²⁵ Đây nói về Phật bất hoại tịnh, tức tín tâm bất động đối với Phật (Pāli: *buddhe aveccappasādena samannāgato*).

²⁶ Thành tựu pháp bất hoại tịnh, tín tâm bất động đối với Pháp của Phật. (Pāli: *dhamme aveccappasādena samannāgato*).

²⁷ Pháp pháp thành tựu 法法成就; tức pháp tùy pháp hành, hành pháp theo thuận tự của pháp. Pāli: *dhammānudhammapaṭipanna*.

“Vị ấy lại bằng tâm tam-muội này,²⁸ thanh tịnh không ô uế, các kết dứt sạch, cũng không còn cấu bần, tánh hạnh nhu nhuyễn, chứng đắc thân thông, liền tự biết mọi việc trong vô lượng đời trước. Từ nơi nào đến, không đâu là không biết; hoặc là một đời, hai đời, ba đời, bốn đời, năm đời, mười đời, hai mươi đời, ba mươi đời, bốn mươi đời, năm mươi đời, một trăm đời, một nghìn đời, trăm nghìn đời; kiếp thành, kiếp bại, kiếp không thành bại, kiếp thành bại, không thành bại; vô số kiếp thành bại, vô số kiếp không thành bại; ta đã từng ở nơi kia hiệu gì, tên gì, họ gì, sống như vậy, ăn như vậy, cảm thọ khổ lạc như vậy, thọ mạng có ngắn dài; chết từ chỗ kia sinh chỗ nọ, chết từ chỗ kia sinh chỗ này. Tự biết mọi việc trong vô lượng đời trước.

“Vị ấy lại bằng tâm tam-muội này, thanh tịnh không vết nhơ, biết mọi suy nghĩ trong tâm của chúng sanh. Vị ấy lại bằng thiên nhãn quán sát các loài chúng sanh, kẻ này sinh, kẻ kia chết, sắc đẹp, sắc xấu, đường lành, đường dữ; hoặc tốt, hoặc xấu tùy hành vi chúng sanh đã tạo đưa đến quả báo; thấy đều biết tất cả. Hoặc có chúng sanh thân hành ác, khẩu hành ác, tâm hành ác, phi báng Thánh Hiền, tạo ra hành tà kiến, thân hoại mạng chung sinh trong địa ngục, ba đường dữ. Hoặc lại có chúng sanh thân hành thiện, khẩu hành thiện, tâm hành thiện, không phi báng Thánh Hiền, chánh kiến, không có tà kiến, thân hoại mạng chung sinh về thiện xứ trên trời. Đó gọi là thiên nhãn thanh tịnh quán sát các loài chúng sanh, kẻ này sinh, kẻ kia chết, sắc đẹp, sắc xấu, đường lành, đường dữ; hoặc tốt, hoặc xấu tùy hành vi chúng sanh đã tạo đưa đến quả báo; thấy đều biết tất cả.

²⁸ Với tâm định tĩnh.

“Vị ấy lại bằng tâm tam-muội này, thanh tịnh không vết nhơ, không có kết sử, tâm tánh nhu nhuyễn, chứng đắc thần thông. Lại với lậu tận thông mà tự an trú*. Vị ấy quán biết như thật đây là khổ. Lại quán tập khởi khổ. [574c01] Lại quán diệt tận khổ. Lại quán xuất yếu của khổ. Vị ấy quán biết như thật rồi, tâm giải thoát dục lậu; tâm giải thoát hữu lậu, vô minh lậu. Đã được giải thoát rồi, liền được trí giải thoát, biết rằng: ‘Sinh* đã hết, phạm hạnh đã lập, những việc cần làm đã làm xong, không còn tái sinh đời sau nữa.’”

“Nhu vậy, Tỳ-kheo, đệ tử Hiền Thánh tâm được giải thoát, dù có ăn lúa gạo tốt nhất, các loại thức ăn ngon lành nhiều như Tu-di, thì rốt cuộc cũng không có tội. Vì sao vậy? Vì không dục, ái diệt tận, không sân, hết nhuế, không ngu si, ngu si đã diệt tận. Đó gọi là Tỳ-kheo trong Tỳ-kheo, bên trong đã tắm rửa sạch sẽ rồi.”

Bấy giờ, Bà-la-môn bên sông bạch Thế Tôn:

“Thưa Sa-môn Cù-đàm, Ngài nên đến bên sông Tôn-đà-la²⁹ tắm rửa.”

Thế Tôn bảo:

“Bà-la-môn, thế nào gọi là nước sông Tôn-đà-la?”

Bà-la-môn thưa:

“Nước sông Tôn-đà-la, đó là vực sâu của phước, là ánh sáng của đời. Nếu có người hay vật nào tắm nước sông này, thì tất cả các ác đều được trừ hết.”

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ này:

²⁹ Tôn-đà-la giang 孫陀羅江. *Trung* kinh 93: Sông Đa thủy 多水河. Pāli: *bāhukā nadī*, có lẽ từ chung, chỉ nhiều sông chứ không phải một sông.

*Thân này vô số kiếp,
Đã từng tắm sông này;
Cùng các vũng hồ nhỏ,
Không đâu không trải qua.*

*Người ngu thường thích chúng,
Hạnh tôi không thanh tịnh.
Trong thân đây tội cũ,
Sông kia sao rửa được.*

*Người tịnh luôn vui sướng.
Vui sướng vì giới tịnh.
Người sạch tạo hạnh sạch,
Nguyện kia chắc quả thành.*

*Cẩn thận, chớ lấy cắp;
Hành từ, không sát sinh;
Thành thật, không nói dối,
Tâm bình không tăng giảm.
Nay người tắm ở đây,
Chắc được nơi an ổn;
Sông kia đưa đến đâu?
Như mù đi vào tối.*

Bấy giờ, Bà-la-môn bạch Thế Tôn:

“Bạch Cù-đàm, thôi, thật quá đủ! Giống như người lưng còng được thẳng, người tối thấy được sáng, người lạc lối được chỉ đường, nhà tối được thắp đèn, người không mắt được cho mắt. Cũng vậy, Sa-môn Cù-đàm đã dùng vô số phương tiện nói diệu pháp này. Xin cho phép con hành đạo.”

Lúc ấy, Bà-la-môn bên sông liền được hành đạo, lãnh thọ giới cụ túc, vì mục đích mà thiện gia nam tử xuất gia [575a01] học đạo, tu phạm hạnh vô thượng, cho đến như thật biết rằng, ‘Sanh* đã dứt, phạm hạnh đã lập, những

việc cần làm đã làm xong, không còn tái sinh đời sau nữa.' Tôn giả Tôn-đà-la-đế-lợi³⁰ đăc A-la-hán."

Tôn giả Tôn-đà-la-đế-lợi, sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 6³¹

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật trú tại núi Kỳ-xà-quật, tại thành La-duyệt cùng với năm trăm vị đại Tỳ-kheo.

Bấy giờ, ngày đã tàn, đêm đang đến, Thích Đề-hoàn Nhân đi đến chỗ Thế Tôn, đánh lễ sát chân rồi ngồi qua một bên. Bấy giờ, Thích Đề-hoàn Nhân liền dùng kệ tụng hỏi nghĩa Như Lai:

*Thường thuyết thường tuyên bố,
Qua dòng, thành vô lậu;
Qua vực sâu sinh tử.
Nay hỏi nghĩa Cù-đàm.*

*Con quán chúng sanh này,
Nghiệp phước đức đã tạo,³²
Tạo hành bao nhiêu thứ,
Thí ai, phước tối tôn?*

*Thế Tôn, trên Linh thú,
Nguyện xin diễn nghĩa này.
Biết ý hướng Đế Thích,*

³⁰ Tôn-đà-la-đế-lợi 孫陀羅諦利. Pāli: Sundarikabhāradvāja.

³¹ Pāli, S.11.2.6 Yajamāna (R i.233).

³² Hán: Phước hựu nghiệp 福祐業. Cf. Pāli: *yajamānānaṃ manussānaṃ, puññapekkhāna pāṇinaṃ*, loài người ưa tế đàn, chúng sinh mong phước đức.

Cũng nói cho người thí.

Bấy giờ Thế Tôn dùng kệ đáp:

*Bốn đường³³ không tạo phước,
Bốn quả thành đầy đủ;
Hữu học, hàng kiến đạo,
Chân thật tin pháp này.*

*Không dục cũng không sân,
Ngu diệt, thành vô lậu;
Qua hết tất cả vực:
Thí kia thành quả lớn.*

*Những loại chúng sanh này,
Nghệp phước đức đã tạo,
Tạo hành bao nhiêu thứ,
Thí Tăng phước được nhiều.*

*Chúng này độ vô lượng,
Như biển cho trân bảo;
Thánh chúng cũng như vậy,
Nói pháp tuệ quang minh.*

*Cù-đàm chỗ thiện kia,
Người thường thí chúng Tăng;
Được phước không thể kể,
Là điều Tối thắng nói.*

Bấy giờ, Thích Đề-hoàn Nhân sau khi nghe những gì Phật dạy rồi, làm lễ sát chân Phật, liền lui đi.

Thích Đề-hoàn Nhân, sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

³³ Bốn đường: Địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh và a-tu-la. Nhưng S. 11. 2. 6: *cattāro ca paṭipannā, cattāro ca phale ʼthitā*, những vị đang hưởng bốn đạo, và những vị an trú trong bốn quả.

KINH SỐ 7

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật trú tại núi Kỳ-xà-quật, tại thành La-duyệt [575b01] cùng với năm trăm vị đại Tỳ-kheo.

Bấy giờ Tôn giả Tu-bồ-đề cũng ở sườn núi Kỳ-xà-quật, thành Vương-xá, làm riêng một chòi tranh để tự thiền tu.

Bấy giờ Tôn giả Tu-bồ-đề thân bị bệnh khổ rất là trầm trọng, liền tự nghĩ: “Khổ đau này của ta từ đâu sinh, từ đâu mất, và sẽ đi về đâu?” Rồi Tôn giả Tu-bồ-đề liền trải tọa cụ nơi đất trống, chánh thân chánh ý, chuyên tinh nhất tâm, ngồi kiết già, tư duy về các xứ³⁴, để trấn áp cơn đau.

Khi ấy, Thích Đề-hoàn Nhân biết ý nghĩ của Tôn giả Tu-bồ-đề, liền ra lệnh Ba-giá-tuần³⁵ bằng bài kệ rằng:

*Thiện Nghiệp³⁶, thoát trói buộc,
Ở nơi núi Linh Thứu;
Nay bị bệnh rất nặng,
Quán Không, các căn định.
Hãy nhanh đi thăm bệnh,
Chăm sóc bậc Thượng tôn
Sẽ thu hoạch phước lớn.
Trông phước không đâu hơn.*

Ba-giá-tuần thưa rằng:

“Xin vâng, Tôn giả!”

³⁴ Nhập 入, hay xứ. Pāli: *āyatana*.

³⁵ Ba-giá-tuần 波遮旬; Pāli: *Pañcasikha*, Ngũ Kế Càn-thát-bà, vị thần âm nhạc của Thiên đế Thích.

³⁶ Thiện Nghiệp 善業, chỉ ngài Tu-bồ-đề.

Rồi Thích Đề-hoàn Nhân dẫn năm trăm chư thiên cùng Ba-giá-tuần, trong khoảnh khắc như lực sĩ co duỗi cánh tay, biến mất từ trời Tam thập tam, hiện đến núi Linh thú, cách Tôn giả Tu-bồ-đề không xa, lại dùng kệ này bảo Ba-giá-tuần rằng:

*Nay ngươi biết Thiện Nghiệp,
Đang vui thiên, tam-muội.
Hãy dùng âm du dương,
Khiến ngài xuất thiên tọa.*

Ba-giá-tuần thưa rằng:

“Xin vâng!”

Ba-giá-tuần vâng theo lời Thích Đề-hoàn Nhân, chỉnh dây đàn lưu ly, đến trước Tu-bồ-đề, dùng kệ này tán thán Tu-bồ-đề rằng:

*Kết sử đã diệt tận;
Các niệm không thác loạn;
Mọi trần cấu đều sạch:
Nguyện mau tỉnh giác thiên!*

*Tâm tịch, vượt sông Hữu;
Hàng ma, vượt kết sử;
Công đức như biển cả”
Nguyện mau rời khỏi định!*

*Mắt tịnh như hoa sen;
Uế trước không còn dính;
Chỗ tựa cho bờ vờ:
Xin rời Không tam-muội!*

Vượt bốn dòng³⁷, vô vi;

³⁷ Tứ lưu 四流, chỉ bốn bậc lưu: Dục, hữu, kiến và vô minh. Pāli, *cattāro oghā: kāmogho, bhavogho, ditthogho, avijjogho.*

*Khéo tỏ không già, bệnh;
[575c01] Vì thoát nạn hữu vi:
Nguyện Tôn rời giấc định.*

*Năm trăm trời ở trên,
Thích Chủ, tự thân đến;
Muốn hầu Tôn nhan Thánh,
Bạc giải Không, xin dậy!*

Bấy giờ, Tôn giả Tu-bồ-đề liền từ chỗ ngồi đứng dậy, rồi khen Ba-giá-tuần rằng:

“Lành thay, Ba-giá-tuần! Nay tiếng ông cùng tiếng đàn giao hòa với nhau không khác. Nhưng vì tiếng đàn không rời tiếng ca, tiếng ca không lìa tiếng đàn, cả hai cùng hòa hiệp nên mới thành tiếng hay.”

Khi ấy, Thích Đề-hoàn Nhân mới đi đến chỗ Tôn giả Tu-bồ-đề, đánh lễ sát chân, rồi ngồi qua một bên. Thích đề-hoàn Nhân bạch Tu-bồ-đề rằng:

“Thế nào, bạch Thiện Nghiệp, bệnh mà ngài đang mang có thêm bớt gì chăng? Nay thân bệnh này từ đâu sinh? Từ thân sinh chăng? Từ ý sinh chăng?”

Bấy giờ, Tôn giả Tu-bồ-đề bảo Thích Đề-hoàn Nhân rằng:

“Lành thay, Câu-dục! Pháp pháp tự sinh, pháp pháp tự diệt, pháp pháp động nhau, pháp pháp tự dừng. Nay Câu-dục, giống như có thuốc độc, lại có thuốc giải độc. Thiên đế Thích, ở đây cũng vậy, pháp pháp loạn nhau, pháp pháp tự dừng. Pháp phát sinh pháp, pháp đen dùng pháp trắng để trị, pháp trắng dùng pháp đen để trị. Nay Thiên đế Thích, bệnh tham dục dùng bất tịnh để trị. Bệnh sân nhuế dùng tâm từ để trị. Bệnh ngu si dùng trí tuệ để trị. Như vậy, Thích Đề-hoàn Nhân, tất cả mọi sở hữu đều qui về không, không ngã, không nhân, không thọ, không

mạng, không sĩ, không phu, không hình, không tượng, không nam, không nữ. Nay Thích Đề-hoàn Nhân, giống như gió thì hại đến cây cối, cành, lá, gãy đổ. Mưa đá thì hại đến mầm non, hoa quả. Hoa quả vừa ra tốt, mà không nước, sẽ bị héo. Nhờ lúc trời mưa xuống, sinh mầm non sống trở lại. Cũng vậy, Thiên đế Thích, pháp pháp loạn nhau, pháp pháp tự định. Những bệnh hoạn, đau nhức, khổ não của tôi trước đây, nay đã trừ hết, không còn bệnh khổ nữa.”

Bấy giờ, Thích Đề-hoàn Nhân bạch Tu-bồ-đề:

“Tôi cũng có sầu lo, khổ não. Nay nghe pháp này, không còn sầu lo nữa. Nay tôi muốn trở về trời lại, vì bận việc đạ đoan, việc mình cũng có và cả các việc trời, tất cả đều nhiều.”

Tôn giả Tu-bồ-đề nói:

“Bây giờ là lúc thích hợp.”

Bấy giờ, Thích Đề-hoàn Nhân liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ sát chân Tu-bồ-đề, nhiễu quanh ba vòng rồi đi.

Bấy giờ, Tôn giả Tu-bồ-đề liền nói kệ này:

[576a] *Năng Nhân nói lời này,
Căn bốn đều đầy đủ;
Người trí được an ổn,
Nghe pháp dứt các bệnh.*

Thích Đề-hoàn Nhân, sau khi nghe những gì Tôn giả Tu-bồ-đề nói, hoan hỷ phụng hành.

Kệ tóm tắt:

*Điều-đạt, và hai kinh,
Da, và Lợi-sur-la;
Trúc Bác, Tôn-đà-lợi,
Thiện Nghiệp, Thích Đề-hoàn.³⁸*

³⁸ Bản Hán, hết quyển 6.

14. PHẨM NGŨ GIỚI

KINH SỐ 1

[576a14] Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Ở trong chúng này Ta không thấy một pháp nào đã tu, tu nhiều,¹ mà không² thành hạnh địa ngục, không* thành hạnh súc sanh, không* thành hạnh ngạ quỷ, nếu sinh vào cõi người mà thọ mạng không* ngắn ngủi: Đó là sát sinh.

“Này các Tỳ-kheo, nếu có người nào có ý thích sát sinh, liền bị đọa vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh; nếu sinh vào cõi người thì thọ mạng ngắn ngủi. Vì sao vậy? Vì họ đã dứt sinh mạng kẻ khác. Cho nên, này các Tỳ-kheo, hãy học chớ sát sinh.

“Như vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này.”

Tỳ-kheo, sau khi nghe những gì đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 2

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

¹多修已 *đa tu dĩ*; trên kia dịch là 廣布 *quảng bá*; xem phẩm 10 kinh 1 cht.1.

² Theo ý mạch văn, để bản chép thiếu chữ 不.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Ở trong chúng này Ta không thấy một pháp nào đã tu hành, tu hành nhiều, mà không* hưởng phước cõi người, không* hưởng phước cõi trời, không* chứng đắc Niết-bàn: đó là không sát sinh.”

Phật bảo các Tỳ-kheo:

“Nếu có người nào không hành sát sinh, cũng không nghĩ đến sát sanh, thọ mạng sẽ dài lâu. Vì sao vậy? Vì không bức hại. Cho nên, này các Tỳ-kheo, hãy học chớ sát sinh.

“Như vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này.”

[576b01] Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 3

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Ở trong chúng này Ta không thấy một pháp nào đã tu, tu nhiều, mà không* thành hạnh địa ngục, không* thành hạnh súc sanh, không* thành hạnh ngạ quỷ; nếu sinh vào cõi người mà không* nghèo túng, áo đủ³ che thân, ăn đầy* miệng: đó là trộm cướp.

“Này các Tỳ-kheo, nếu có người nào có ý thích trộm cướp, lấy tài vật của người khác, liền bị đọa vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh; nếu sinh vào cõi người rất là nghèo túng. Vì sao vậy? Vì đã dứt sinh nghiệp người khác. Cho

³ Theo ý mạch văn, dư chữ bất 不

Tăng nhất A-hàm

nên, này các Tỳ-kheo, hãy học xa lia lấy của không được cho.

“Nhu vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này.”

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 4

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Ở trong chúng này Ta không thấy một pháp nào đã tu hành, tu hành nhiều, mà không* hưởng phước cõi người, không* hưởng phước cõi trời, không* chứng đắc Niết-bàn: Đó là bố thí rộng rãi.”

Phật bảo các Tỳ-kheo:

“Nếu có người nào hành bố thí rộng rãi, trong đời hiện tại được sắc đẹp, được sức khỏe, được đầy đủ tất cả; cõi trời, cõi người, hưởng phước vô lượng.

“Cho nên, này các Tỳ-kheo, hãy hành bố thí, chớ có lòng keo lẩn.

“Nhu vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này.”

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 5

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Ở trong chúng này Ta không thấy một pháp nào đã tu, tu nhiều, mà không* thành hạnh địa ngục, không* thành hạnh súc sanh, không* thành hạnh ngạ quỷ; nếu sinh vào cõi người, sống tại gia không* gian dâm, có⁴ tịnh hạnh, không* bị người chê bai, và thường không* bị phi báng. Một pháp gì? Đó là tà dâm.”

Phật bảo các Tỳ-kheo:

“Nếu có người nào dâm dật⁵ vô độ, thích xâm phạm vợ người, liền bị đọa vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh; nếu sinh vào cõi người thì khuê môn dâm loạn.

“Cho nên, này các Tỳ-kheo, hãy thường chánh ý, chớ khởi ý tưởng dâm. Cần thận chớ xâm phạm vợ người.

“Như vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này.”

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 6

[576C01] Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

⁴ Theo ý mạch văn, dư chữ vô 無

⁵ 淫泆 *dâm dật*; các từ dâm dật trong kinh này đều có nghĩa là tà dâm.

“Ở trong chúng này Ta không thấy một pháp nào đã tu hành, tu hành nhiều, mà không* hưởng phước cõi người, không* hưởng phước cõi trời, không* chứng đắc Niết-bàn: Đó là không tà dâm vợ người.”

Phật bảo các Tỳ-kheo:

“Nếu có người nào trinh khiết, không tà dâm, thân thể hương khiết, cũng không có tướng tà vạy, sẽ hưởng được phước cõi người, cõi trời.

“Cho nên, này các Tỳ-kheo, chớ hành tà dâm, khởi ý dâm loạn.

“Như vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này.”

Các Tỳ-kheo, sau khi nghe những gì đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 7

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Ở trong chúng này Ta không thấy một pháp nào đã tu, tu nhiều, mà không* thành hạnh địa ngục, không* thành hạnh súc sanh, không* thành hạnh ngựa quý; nếu sinh vào cõi người, thì hơi miệng không* hôi hám, không* làm người chán ghét: Đó là nói dối vạy.

“Này các Tỳ-kheo, nếu có người nào nói dối, nói ý ngữ, gây loạn đầu phải quấy,⁶ thì liền bị đọa vào địa ngục, ngã quý, súc sinh. Vì sao vậy? Vì sự nói dối ấy.

“Cho nên, này các Tỳ-kheo, phải chí thành không được nói dối.

“Như vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này.”

Các Tỳ-kheo, sau khi nghe những gì đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 8

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Ở trong chúng này Ta không thấy một pháp nào đã tu hành, tu hành nhiều, mà không* hưởng phước cõi người, không* hưởng phước cõi trời, không* chứng đắc Niết-bàn. Một pháp gì? Đó là không nói dối.

“Này các Tỳ-kheo, người nào không nói dối, thì hơi miệng thơm tho, tiếng tốt đồn xa.

“Cho nên, này các Tỳ-kheo, hãy thực hành không nói dối.

“Như vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này.”

Các Tỳ-kheo, sau khi nghe những gì đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

⁶ Có lẽ đoạn Hán dịch thiếu: Ác khẩu.

KINH SỐ 9

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Ở trong chúng này Ta không thấy một pháp nào đã tu, tu nhiều, mà không* chịu tội địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ; nếu sinh vào cõi người thì không* cuồng si, ngu muội, biết⁷ chân ngụy: Đó là uống rượu.

“Này các Tỳ-kheo, nếu có người nào tâm ham uống rượu, thì sẽ sinh vào nơi [577a01] không có trí tuệ, thường chịu ngu si.

“Cho nên, này các Tỳ-kheo, cẩn thận chớ uống rượu.

“Như vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này.”

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 10

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Ở trong chúng này Ta không thấy một pháp nào hơn pháp này, nếu đã tu hành, tu hành nhiều, mà không* hưởng phước cõi người, không* hưởng phước cõi trời,

⁷ Theo mạch văn, dư chữ bất 不.

không* chứng đắc Niết-bàn. Một pháp gì? Đó là không uống rượu.

“Này các Tỳ-kheo, nếu có người nào không uống rượu, sinh ra liền thông minh, không có ngu muội, biết rộng kinh sách, ý không lầm lẫn.

“Như vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này.”

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Kệ tóm tắt:

*Thứ năm, kinh địa ngục,
Đây gọi hành bất thiện;
Năm là trời cùng người,
Hãy biết theo thứ tự.*

THIÊN HAI PHÁP

15. PHẨM HỮU VÔ

KINH SỐ 1

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Nên biết, có hai kiến này. Thế nào là hai? Đó là hữu kiến, vô kiến.¹ Các sa-môn, bà-la-môn nào đã tập, đã đọc tụng ở nơi hai kiến chấp này, mà trọn không hề theo pháp đó, không như thật biết; thì nên biết đó không phải là sa-môn, bà-la-môn. Với sa-môn thì phạm pháp sa-môn, với bà-la-môn thì phạm pháp bà-la-môn. Các sa-môn, bà-la-môn này không bao giờ tự thân tác chứng mà tự an trú.²

“Các sa-môn, bà-la-môn nào đã tập, đã đọc tụng ở nơi hai kiến chấp này, mà đáng xả thì biết xả, như thật biết, thì đó là sa-môn tri hạnh sa-môn; là bà-la-môn biết hạnh bà-la-môn, tự thân tác chứng mà tự an trú, và biết như thật rằng, ‘Sinh tử đã dứt, phạm hạnh đã lập, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sinh đời sau nữa.’

¹ Tham chiếu Pāli, A. II. 9. 5 (R i. 83): *bhavadiṭṭhi ca vibhavadiṭṭhi ca*, hữu kiến và phi hữu kiến.

² Hán: Thân tác chứng nhi tự du hý 身作證而自遊戲, tức là, tự thân chứng ngộ (chứng tri) và an trú (trong pháp đó). Ở trên kia, Hán dịch: Nhi tự ngu lạc 而自娛樂; xem cht. 12 kinh 1, phẩm 12. Pāli: *kāyena sacchikaraṇīyā*, cf. A. ii. 182.

“Cho nên, này các Tỳ-kheo, đối với hai kiến này không nên tập hành, không nên đọc tụng, nên liả bỏ tất cả. Như vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này.”

Các Tỳ-kheo, sau khi nghe những gì đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 2

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, [577b01] rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có hai kiến này. Thế nào là hai kiến? Đó là hữu kiến, vô kiến. Thế nào là hữu kiến? Thấy đục có thật; thấy sắc có thật; thấy vô sắc có thật³. Thế nào là thấy đục có thật? Đó là năm đục. Năm đục là những gì? Sắc được thấy bởi mắt, rất khả ái, rất khả niệm mà người đời tôn thờ chưa từng liả bỏ. Thanh được nghe bởi tai, hương được ngửi bởi mũi, vị được nếm bởi lưỡi, mọt láng được xúc chạm bởi thân, pháp được nhận biết bởi ý. Đó là hữu kiến.

“Thế nào là vô kiến? Thấy có thường, thấy vô thường; thấy có đoạn diệt, thấy không đoạn diệt; thấy có biên, thấy không biên; thấy có thân, thấy không thân; thấy có mạng, thấy không mạng; thấy thân khác, thấy mạng khác. Sáu mươi hai kiến này gọi là vô kiến, và cũng chẳng phải là chân kiến. Đó gọi là vô kiến.

³ Hán: Dục hữu kiến, sắc hữu kiến, vô sắc hữu kiến 欲有見 . 色有見 . 無色有見.

“Cho nên, này các Tỳ-kheo, hãy xả bỏ hai kiến này. Như vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này.”

Các Tỳ-kheo, sau khi nghe những gì đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 3⁴

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có hai thí này. Những gì là hai? Pháp thí, tài thí. Trên hết trong bố thí, không gì hơn pháp thí.

“Cho nên, này các Tỳ-kheo, thường nên học pháp thí. Như vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này.”

Các Tỳ-kheo, sau khi nghe những gì đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 4⁵

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có hai nghiệp này. Thế nào là hai nghiệp? Có pháp nghiệp, có tài nghiệp.⁶ Trên hết trong nghiệp, không gì hơn pháp nghiệp.

⁴ Tham chiếu Pāli. A. II. 13. 1 (R i. 91).

⁵ Tham chiếu Pāli, như trên.

Tăng nhất A-hàm

“Cho nên, này các Tỳ-kheo, nên học pháp nghiệp, không học tài nghiệp. Như vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này.”

Các Tỳ-kheo, sau khi nghe những gì đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 5⁷

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có hai ân này. Thế nào là hai? Pháp ân, tài ân.⁸ Trên hết trong ân, không gì hơn pháp ân.

“Cho nên, này các Tỳ-kheo, nên tu hành pháp ân. Như vậy, này các [577c01] Tỳ-kheo, hãy học điều này.”

Các Tỳ-kheo, sau khi nghe những gì đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 6

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

⁶ Pháp nghiệp 法業, tài nghiệp 財業. Pāli, ibid. : *āmisayāgo ca dhammayāgo*, hiến tế tài vật, và hiến tế pháp.

⁷ Tham chiếu Pāli, như trên.

⁸ Pháp ân 法, tài ân 財. Pāli: *āmisacāgo ca dhammacāgo ca*, thi ân (huệ thí) bằng tài vật và thi ân bằng pháp.

“Người ngu có hai tướng để nhận diện mạo. Những gì là hai? Ở đây, với người ngu những việc không thể làm xong mà vẫn làm, những việc làm sắp xong thì chán bỏ.⁹ Nay các Tỳ-kheo, đó gọi là người ngu có hai thứ tướng mạo.

“Lại nữa, Tỳ-kheo, người trí có hai tướng để nhận diện mạo. Những gì là hai? Ở đây, với người trí những việc không thể làm xong được thì không làm, những việc làm sắp xong, cũng không chán bỏ.

“Cho nên, này các Tỳ-kheo, hãy gạt bỏ hai tướng của người ngu; hãy nương hai tướng của người trí mà tu hành. Như vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này.”

Các Tỳ-kheo, sau khi nghe những gì đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 7

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có hai pháp này, mà bên trong tự tư duy, và chuyên tinh nhất ý lễ kính Như Lai. Thế nào là hai pháp? Một là trí tuệ, hai là diệt tận. Tỳ-kheo, đó gọi là bên trong tự tư duy, và chuyên tinh nhất ý lễ kính Như Lai. Như vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này.”

⁹ Tham chiếu Pāli, A. ii. 10.1 (R i. 84): *yo ca anāgataṃ bhāraṃ vahati, yo ca āgataṃ bhāraṃ na vahati*, gánh nặng chưa đến thì mang, gánh nặng đã đến lại không mang.

Tăng nhất A-hàm

Các Tỳ-kheo, sau khi nghe những gì đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 8

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có hai pháp này, bên trong tự tư duy, và chuyên tinh nhất ý kính lễ pháp bảo, hay kính lễ thần miếu Như Lai.¹⁰ Thế nào là hai pháp? Có lực, có vô úy. Tỳ-kheo, đó gọi là có hai pháp này, bên trong tự tư duy, và chuyên tinh nhất ý kính lễ pháp bảo, hay thần miếu Như Lai. Như vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này.”

Các Tỳ-kheo, sau khi nghe những gì đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 9

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

¹⁰ Như Lai thần miếu 如來神廟. Skt. Caitya (Pāli: cetiya), thường âm là chi-đề, chế-đề, chế-đa. Dịch là miếu hay linh miếu. Luật *Tăng-kỳ* 33 (tr. 498b20): “Có xá-lợi, gọi là tháp. Không có xá-lợi, gọi là chi-đề 枝提”

“Có hai pháp này, bên trong tự tư duy, và chuyên tinh nhất ý kính lễ chùa Như Lai.¹¹ Thế nào là hai pháp? Như Lai không đồng đẳng với người thế gian, Như Lai có đại từ, đại bi, [578a01] thương tưởng mười phương. Tỳ-kheo, đó gọi là có hai pháp này, bên trong tự tư duy, và chuyên tinh một ý lễ kính chùa Như Lai. Như vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này.”

Các Tỳ-kheo, sau khi nghe những gì đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 10

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có hai nhân, hai duyên khởi lên chánh kiến. Những gì là hai? Lãnh thọ pháp giáo hóa, bên trong tư duy chỉ quán.¹² Tỳ-kheo, đó gọi là có hai nhân, hai duyên này khởi lên chánh kiến. Như vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này.”

Các Tỳ-kheo, sau khi nghe những gì đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

¹¹ Như Lai tự 如來寺, đồng nghĩa với tháp miếu Như Lai; xem ch. 10 trên.

¹² Tham chiếu Pāli, A. II. 15. 10 (R i. 95): *samatho* và *vipassanā*.

Tăng nhất A-hàm

Kệ tóm tắt:

*Hai kiến, và hai thí
Kẻ ngu có hai tướng,
Lễ pháp, miếu Như Lai,
Chánh kiến, kinh sau cùng.*

16. PHẨM HỎA DIỆT

KINH SỐ 1¹

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Tôn giả Nan-đà ở trong vườn Tượng hoa,² tại thành Vương xá. Lúc ấy, Tôn giả Nan-đà ở nơi vắng vẻ, tự nghĩ: “Nhu Lai xuất hiện ở đời, thật là khó gặp; ức kiếp mới xuất hiện, thật không thể gặp. Một thời thật lâu dài, Nhu Lai mới xuất hiện. Giống như hoa Ưu-đàm-bát thính thoảng mới xuất hiện. Cũng vậy, Nhu Lai xuất hiện ở đời, thật là khó gặp; ức kiếp mới xuất hiện, nên thật là khó gặp. Trường hợp này cũng khó gặp: Tất cả các hành đều tinh chỉ, ái diệt tận không còn, cũng không nhiễm ô, diệt tận, Niết-bàn.”

Bấy giờ có một thiên tử Ma Hành,³ biết những ý nghĩ trong tâm Tôn giả Nan-đà, liền đến chỗ cô gái Thích Tôn-đà-lợi⁴; bay trên hư không, dùng kệ tán thán rằng:

¹ Tham chiếu, Thera 279.

² Tượng hoa viên 象華園. Không thấy tên Pāli tương đương về khu vườn này trong thành Vương xá. Đoạn dưới nói 華象池 Hoa tượng trì. Không thấy nơi nào khác nói đến hai từ này.

³ Ma Hành thiên tử 魔行天子. Cf. There 179: *Mārapakkha*; Sớ giải: do phạm phu u tối, không tư duy chân chánh, phiền não ma tăng trưởng, do đó thiên ma thừa cơ xâm nhập.

⁴ Tôn-đà-lợi 孫陀利. Skt. = Pāli: Sundarī. Truyền thuyết phương Bắc nói cô là người vợ huyệt của Nan-đà. Truyền thuyết Pāli gọi cô này là Janapadakalyāṇī Nandā. Về sau cô cũng theo Di mẫu Pajāpati xuất gia và cuối cùng thành A-la-hán. Các truyền thuyết

*Nay cô hãy vui mừng,
Trang điểm, tấu ngũ nhạc.
Nan-đà bỏ pháp phục,
Sẽ đến cùng hưởng vui.*

Cô gái họ Thích Tôn-đà-lợi, sau khi nghe những lời này của vị trời, vui mừng phấn khởi khôn xiết, liền tự trang sức, sửa sang dọn dẹp nhà cửa, trải tọa cụ tốt, trỗi kỹ nhạc như lúc Nan-đà còn ở nhà không khác.

Bấy giờ, vua Ba-tư-nặc tập họp tại giảng đường Phổ hội, nghe đồn Tỳ-kheo Nan-đà trả lại pháp phục sống đời gia nghiệp. Vì sao vậy? Vì có vị trời ở không trung mách bảo cho [578b01] vợ ông biết. Vua Ba-tư-nặc sau khi nghe những lời này xong, trong lòng ưu sầu, liền đóng xe bạch tượng, đi đến khu vườn kia. Đến nơi rồi, vua đi vào trong ao Hoa tượng. Từ xa, vua thấy Tôn giả Nan-đà, liền đến trước chỗ Nan-đà, đánh lễ sát chân, ngồi lui qua một bên.

Bấy giờ, Tôn giả Nan-đà hỏi vua Ba-tư-nặc:

“Đại vương, vì sao đến đây mà mặt mày đổi sắc? Lại có việc gì đến chỗ tôi vậy?”

Vua Ba-tư-nặc đáp:

“Tôn giả nên biết, nơi giảng đường Phổ hội, tôi nghe Tôn giả xả bỏ pháp phục trở về làm bạch y. Nghe xong những lời này, nên tôi đến đây. Không biết Tôn giả chỉ dạy thế nào?”

Lúc đó Tôn giả mỉm cười, rồi từ từ bảo vua:

“Không thấy, không nghe, có gì Đại vương nói những lời này? Đại vương, há không nghe từ Như Lai rằng tôi đã

cũng có thể lẫn lộn cô với Sundarī-Nandā, em gái của Trưởng lão Nandā, con gái vua Sudodhana với bà Gotami.

trừ các kết, sinh tử đã dứt, phạm hạnh đã lập, những việc cần làm đã làm xong, không còn tái sinh nữa, đã biết như thật, nay thành A-la-hán, tâm được giải thoát sao?”

Vua Ba-tư-nặc nói:

“Tôi chưa nghe từ Như Lai nói Tỳ-kheo Nan-đà sinh tử đã dứt, đắc A-la-hán, tâm được giải thoát. Vì sao vậy? Vì có vị trời đến báo cho cô gái họ Thích Tôn-đà-lợi như vậy. Phu nhân Tôn-đà-lợi sau khi nghe những lời này rồi, liền trỗi kỹ nhạc, sửa sang phục sức, trải các tọa cụ. Tôi nghe những lời này rồi liền đến chỗ Tôn giả.”

Nan-đà bảo:

“Vua không biết, không nghe, sao Đại vương lại nói những lời này? Các sa-môn, bà-la-môn, không ai là không vui thú với cái vui do tịch tĩnh, cái vui thiện thế⁵, cái vui của sa-môn, cái vui Niết-bàn, mà không tự quán sát cái dâm này như hầm lửa, lại phải đi đến đó! Việc này không đúng. Dâm dục như bộ xương⁶, như miếng thịt, như đồng đá,⁷ như mặt bôi trên dao, chỉ mắc phải tham cái lợi nhỏ, không lo cái tai họa về sau. Cũng như trái xum xuê làm cho cành gãy; cũng như đồ vay mượn không bao lâu rồi sẽ phải bồi hoàn; cũng như rừng kiếm, cũng như thuốc độc hại, cũng như lá độc, như hoa quả độc. Đã quán sát dâm dục này cũng lại như vậy, mà ý còn nhiễm trước; việc này không xảy ra. Từ dục như hầm lửa

⁵ 善逝樂 Có lẽ tương đương Pāli: *sugati*, lạc thiên giới, nhưng Hán dịch đồng nhất với *sugata*, một hiệu của Phật.

⁶ 骨猶如鎖 để bản chép lộn; cần đảo lại: 猶如骨鎖. Cf. *Trung* 54: các thí dụ về những tai họa do bởi dục: 欲如骨鎖 dục như cốt tủy.

⁷ 肉如聚石 để bản chép nhầm, cần sửa lại. Cf. *Trung*, dẫn trên: 欲如肉鬘... 欲如把炬... 欲如火坑...

cho đến quả độc, không quán sát những điều này mà muốn vượt qua được dục lưu, hữu lưu, kiến lưu, vô minh lưu⁸ mà muốn được nhập vào vô dư Niết-bàn giới mà Bát-niết-bàn, thì việc này không xảy ra. Đại vương, [578c01] nên biết, những sa-môn, bà-la-môn nào đã quán sát đây là cái vui của tịch tĩnh, vui thiện thế*, vui sa-môn, vui Niết-bàn, thì điều ấy tất xảy ra. Những vị ấy do quán sát như vậy, hiểu rõ dâm dục như hầm lửa, giống như bộ xương, đông thịt, mật bôi đao bén, trái xum xuê làm cành gãy, vật mượn không lâu phải trả; cũng như rừng kiếm, như thuốc độc hại; đã quán sát, đã biết rõ, trường hợp ấy có xảy ra; tức là, đã hiểu rõ, biết chỗ nổi dậy của lửa dâm, thì liền có thể vượt qua được dục lưu, hữu lưu, kiến lưu, vô minh lưu, điều này tất xảy ra. Các vị ấy đã vượt qua dục lưu, hữu lưu, kiến lưu, vô minh lưu, việc này tất như vậy.

“Vậy thế nào Đại vương, lấy gì để thấy, lấy gì để biết mà nói như vậy? Nay Đại vương, nay tôi đã thành A-la-hán, sinh tử đã dứt, phạm hạnh đã lập, những việc cần làm đã làm xong, không còn tái sinh đời sau nữa, tâm được giải thoát.”

Bấy giờ, vua Ba-tư-nặc lòng tràn đầy vui vẻ, tâm thiện phát sinh, bạch Tôn giả Nan-đà rằng:

“Nay tôi không còn chút mảy may hồ nghi nào nữa, mới biết Tôn giả thành A-la-hán. Nay xin cáo từ, vì việc nước đã đoạn.”

Nan-đà đáp:

“Nên biết đúng thời.”

Vua Ba-tư-nặc liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ sát chân, rồi cáo lui ra về.

⁸ Bốn bực lưu.

Vua Ba-tư-nặc đi chưa bao lâu, Ma thiên kia đến chỗ Tôn giả Nan-đà, đứng giữa hư không, lại dùng kệ này nói với Nan-đà rằng:

*Phu nhân, mặt như trăng;
Thân đeo vàng, chuỗi ngọc;
Nhớ dung nhan dáng kia,
Ngũ nhạc hằng vui hưởng.*

*Gảy đàn, đánh trống ca,
Âm vang thật uyển chuyển,
Khiến trừ các sầu lo.
Vui gì trong rừng này?*

Bấy giờ, Tôn giả Nan-đà liền tự nghĩ: “Đây là trời Ma Hành.” Biết vậy rồi, lại dùng kệ đáp:

*Xưa ta có tâm ấy,
Dâm dật không biết chán;
Bị dục trói vào trong,
Không biết già, bệnh, chết.*

*Ta qua vực ái dục,
Không ô, không nhiễm trước;
Tươi thắm kia rồi khổ;
Nay vui pháp chân như.*

*Ta đã trừ các kết,
Dâm, nộ, si đều sạch;
Không sống pháp ấy nữa.
Người ngu nên biết rõ.*

[579a01]Sau khi trời Ma Hành nghe những lời này, trong lòng ưu sầu, liền biến mất.

Lúc ấy, các Tỳ-kheo đem nhân duyên này bạch đầy đủ lên Thế Tôn. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Tỳ-kheo đoan chánh đẹp đẽ không ai hơn Tỳ-kheo Nan-đà. Có các căn trầm lặng cũng chính là Tỳ-kheo Nan-đà. Không có dục tâm cũng là Tỳ-kheo Nan-đà. Không có sân nhuế cũng là Tỳ-kheo Nan-đà. Không có ngu si cũng là Tỳ-kheo Nan-đà. Thành A-la-hán cũng là Tỳ-kheo Nan-đà. Vì sao vậy? Vì Tỳ-kheo Nan-đà đẹp trai, các căn tịch tĩnh.”

Thế Tôn lại bảo các Tỳ-kheo:

“Trong hàng Thanh văn của Ta, đệ nhất⁹ đoan chánh đẹp đẽ, đó chính là Tỳ-kheo Nan-đà; các căn tịch tĩnh cũng là Tỳ-kheo Nan-đà.”

Các Tỳ-kheo, sau khi nghe những gì đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 2

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có hai Niết-bàn giới này.¹⁰ Những gì là hai? Hữu dư Niết-bàn giới, vô dư Niết-bàn giới. Kia sao gọi là hữu dư Niết-bàn giới? Ở đây, Tỳ-kheo đã diệt năm hạ phần kết, rồi bát-niết-bàn ở kia,¹¹ không còn trở lại thế gian nữa. Đó gọi là hữu dư Niết-bàn giới.¹² Kia, sao gọi là vô

⁹ Đệ nhất: Đệ tử 弟子. TNM: Đệ nhất 第一.

¹⁰ Tham chiếu Pāli. Itiv. 44: *dveme... nibbānadhātuyo... sa-upādisesā ca nibbānadhātu, anupādisesā ca nibbānadhātu.*

¹¹ Thánh A-na-hàm nhập Niết-bàn tại một trong năm cõi trời Tịnh cư.

¹² Pāli, ibid., nói khác: A-la-hán lậu tận (*arahaṃ hoti khīṇāsavo*),

đư Niết-bàn giới? Cũng vậy, Tỳ-kheo đã diệt tận hữu lậu, thành vô lậu, tâm giải thoát,¹³ tuệ giải thoát,¹⁴ tự thân tác chứng mà tự an trú, biết như thật rằng, ‘Sinh tử đã dứt, phạm hạnh đã lập, những việc cần là đã làm xong, không còn tái sinh đời sau nữa.’ Đó gọi là vô đư Niết-bàn giới.¹⁵ Đây là hai Niết-bàn giới.

“Cho nên, này các Tỳ-kheo, hãy tìm cầu phương tiện để đến vô đư Niết-bàn giới. Như vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này.”

Các Tỳ-kheo, sau khi nghe những gì đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 3

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Nay Ta sẽ nói thí dụ về quạ, cũng sẽ nói thí dụ về heo. Hãy suy nghĩ kỹ, Ta sẽ nói cho các người nghe.”

Các Tỳ-kheo thưa:

“Kính vâng, Thế Tôn!”

Sau khi các Tỳ-kheo vâng lời Phật dạy, Thế Tôn bảo:

nhưng các căn còn tồn tại (*tiṭṭhanteva pañcidriyāni*), vị ấy còn có cảm thọ lạc và khổ (*sukhadukkhaṃ paṭiāṃvedeti*).

¹³ Nguyên Hán: ý giải thoát 意解脫. Pāli: *cetovimutti*.

¹⁴ Nguyên Hán: trí tuệ giải thoát 智慧解脫. Pāli: *paññāvimutti*.

¹⁵ Pāli, *ibid.*, A-la-hán lậu tận, ... tất cả cảm thọ không còn hoan hỷ, trở thành nguội lạnh (*sabbavedayitāni anabhinanditāni sīti bhavissanti*).

“Kia, sao gọi là người ví như quạ? Ở đây có người sống nơi vắng vẻ, thường tập hành dâm dục, có hành vi xấu ác; sau đó hổ thẹn, tự hối lỗi, [579b01] đem những việc đã làm trình bày cho người. Vì sao vậy? Hoặc bị những vị đồng phạm hạnh thấy mà chê trách rằng, ‘Người này tập hành dâm dục, có hành vi xấu ác. Nó sau khi làm hành vi xấu ác, tự biết hổ thẹn, hối lỗi với người.’

“Giống như con quạ kia thường xuyên bị khổ vì đói, bèn ăn đồ bất tịnh, sau đó quệt mỏ, sợ có các loài chim khác thấy nói rằng quạ này ăn đồ bất tịnh. Ở đây cũng như vậy, có một người ở nơi vắng vẻ, tập hành dâm dục, làm các hành vi bất thiện. Sau đó hổ thẹn, tự hối lỗi, đem những việc đã làm trình bày cho người. Vì sao vậy? Hoặc bị những vị đồng phạm hạnh thấy mà chê trách rằng, ‘Người này tập hành dâm dục, có hành vi xấu ác.’ Đó gọi là người giống như quạ.

“Kia, sao gọi là người như heo? Hoặc có một người sống nơi vắng vẻ, lâu dài tập hành dâm dục, có hành vi xấu ác, cũng không hổ thẹn, lại không hối lỗi. Đối với người thì tự khen mình, công cao, tự đắc, nói rằng ‘Tôi có được ngũ dục tự vui chơi, còn những người kia không có được ngũ dục.’ Nó tạo ác mà không biết hổ thẹn. Người này dụ như heo, thường ăn đồ bất tịnh, nằm chỗ bất tịnh, chạy theo chân các con heo khác. Ở đây cũng vậy, có một người lâu dài tập hành dâm dục, có hành vi xấu ác, cũng không hổ thẹn, lại không hối lỗi. Đối với người thì tự khen mình, công cao, tự đắc, nói rằng ‘Tôi có được ngũ dục tự vui chơi, còn những người kia không có được ngũ dục.’ Đó gọi là người như heo.

“Cho nên, này các Tỳ-kheo, hãy trừ bỏ, hãy tránh xa. Như vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này.”

Các Tỳ-kheo, sau khi nghe những gì đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 4

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Nay Ta sẽ nói về thí dụ có người giống lừa, có người giống bò. Hãy lắng nghe, lắng nghe và suy nghĩ kỹ.”

Các Tỳ-kheo thưa:

“Kính vâng, Thế Tôn.”

Sau khi các Tỳ-kheo vâng lời Phật dạy, Thế Tôn bảo:

“Kia, sao gọi là người giống lừa? Có người cạo bỏ râu tóc, mặc ba pháp y, vì lòng tin kiên cố, xuất gia học đạo. Bấy giờ người ấy các căn không định, khi mắt thấy sắc thì theo đó khởi lên sắc tưởng, dong ruồi vạn mỗi, lúc bấy giờ mắt không thanh tịnh, sinh ra các loạn tưởng, không thể ngăn giữ các ác khắp nơi đến, và cũng không thể phòng hộ được [579c01] nhãn căn. Tai nghe tiếng, mũi ngửi mùi, lưỡi nếm vị, thân biết trơn nhuyễn, ý biết pháp, theo đó khởi lên bệnh thức, dong ruồi vạn mỗi, lúc bấy giờ ý căn không thanh tịnh, sinh ra các loạn tưởng, không thể ngăn giữ các ác khắp nơi đến, cũng lại không thể giữ được ý căn, không có oai nghi lễ tiết, bước lên, dừng lại, co duỗi, cúi ngược; khoác y, ôm bát, đều trái cấm giới, bị đồng phạm hạnh bắt gặp chê trách rằng: ‘Ôi, người ngu này giống như sa-môn!’ Nó liền bị hạch tội: ‘Nếu là sa-môn, đáng ra không nên như vậy.’ Nó lại nói như vậy: ‘Tôi cũng là Tỳ-kheo! Tôi cũng là Tỳ-kheo!’

Giống như con lừa vào trong bầy bò mà tự xưng là: ‘Tôi cũng là bò! Tôi cũng là bò!’ Nhưng hai lỗ tai của nó xem ra lại không giống bò, sừng cũng không giống, đuôi cũng không giống, âm thanh đều khác.

“Bấy giờ, bầy bò hoặc dùng sừng húc, hoặc dùng chân đá, hoặc dùng miệng cắn. Nay Tỳ-kheo này cũng lại như vậy, các căn bất định; khi mắt thấy sắc, theo đó khởi lên sắc tưởng, đuôi theo vạn mỗi, bấy giờ nhãn căn không thanh tịnh, sinh ra các loạn tưởng, không thể ngăn giữ các ác khắp nơi đến, lại cũng không thể giữ được nhãn căn. Tai nghe tiếng, mũi ngửi mùi, lưỡi nếm vị, thân rõ trơn nhuyển, ý biết pháp, theo đó khởi lên bệnh thức, đuôi theo vạn mỗi, bấy giờ ý căn không thanh tịnh, sinh ra các loạn tưởng, không thể chế ngự các ác khắp nơi đến; lại cũng không thể giữ được ý căn, không có oai nghi lễ tiết, bước lên, dừng lại, co duỗi, cúi ngược, khoác y, ôm bát, đều trái cấm giới,¹⁶ liền bị đồng phạm hạnh bắt gặp quở trách chỉ trích rằng: ‘Ồi, người ngu này giống như sa-môn!’ Nó bị chỉ trích, hạch tội: ‘Nếu là sa-môn đáng ra không nên như vậy!’ Nhưng nó tự nói: ‘Tôi là sa-môn!’ Giống như con lừa vào trong bầy trâu. Đó gọi là người giống lừa.

“Kia, sao gọi là giống bò? Có một người cạo bỏ râu tóc, mặc ba pháp y, vì lòng tin kiên cố xuất gia học đạo. Bấy giờ người kia các căn tịch định, ăn uống biết tiết chế, kinh hành cả ngày chưa từng lìa bỏ, ý nghĩ đến pháp ba mươi bảy đạo phẩm. Khi mắt thấy sắc, người ấy không khởi sắc tưởng, niệm cũng không dong ruổi. Bấy giờ nhãn căn thanh tịnh, sinh ra các tướng thiện, cũng có thể chế ngự không còn các thứ ác nữa, thường phòng hộ

¹⁶ Hán: Chấp trì cấm giới 執持禁戒, đoạn văn bị nhày sót. Y theo văn mạch trên, sửa lại.

nhãn căn. Tai đối tiếng, mũi đối mùi, lưỡi đối vị, thân đối trơn nhuyễn, ý đối [580a01] pháp, không khởi lên bệnh thức, bấy giờ ý căn thanh tịnh. Người kia liền đến chỗ các vị đồng phạm hạnh. Các vị đồng phạm hạnh từ xa trông thấy đến, ai cũng đều kêu lên: ‘Thiện lai, đồng học!’ Tùy thời cúng dường không để thiếu. Giống như bò tốt vào trong đàn bò, mà tự xưng: ‘Hiện tại ta là bò.’ Vì lông, đuôi, tai, sừng, âm thanh của nó tất cả đều đúng là bò. Những con bò khác thấy đều đến liếm mình nó. Ở đây, cũng như vậy, người ấy cạo bỏ râu tóc, mặc ba pháp y, vì lòng tin kiên cố xuất gia học đạo. Bấy giờ, các căn người ấy tịch định, ăn uống biết tiết chế, kinh hành cả ngày chưa từng lìa bỏ, ý nghĩ đến pháp ba mươi bảy đạo phẩm. Khi mắt thấy sắc, không khởi sắc tướng, niệm cũng không dong ruồi. Bấy giờ nhãn căn được thanh tịnh, sinh ra các tướng thiện, cũng có thể chế ngự không còn các thứ ác nữa, thường ủng hộ nhãn căn. Tai đối tiếng, mũi đối mùi, lưỡi đối vị, thân đối trơn nhuyễn, ý [580a01] đối pháp, không khởi lên bệnh thức, bấy giờ ý căn được đầy đủ. Người này gọi là giống bò.

“Nhu vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học như bò, chớ giống như lừa. Như vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này.”

Các Tỳ-kheo, sau khi nghe những gì đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 5

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Nay Ta sẽ nói về thiện hành, bất thiện hành. Hãy lắng nghe, lắng nghe, hãy suy nghĩ kỹ.”

Các Tỳ-kheo thưa:

“Xin vâng, Thế Tôn!”

Thế Tôn bảo:

“Kia, sao gọi là bất thiện? Sao gọi là thiện? Sát sinh là bất thiện, không sát sinh là thiện. Không cho mà lấy là bất thiện, cho mới lấy là thiện. Dâm dật là bất thiện, không dâm dật là thiện. Nói dối là bất thiện, không nói dối là thiện. Nói thêu dệt là bất thiện, không nói thêu dệt là thiện. Hai lưỡi là bất thiện, không hai lưỡi là thiện. Gây loạn đấu kia đây là bất thiện, không gây loạn đấu kia đây là thiện. Tham của người là bất thiện, không tham của người là thiện. Khởi sân nhuế là bất thiện, không khởi sân nhuế là thiện. Tà kiến là bất thiện, chánh kiến là thiện. Như vậy, các Tỳ-kheo, hành những điều ác này sẽ đọa vào trong địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh. Nếu người nào hành thiện sẽ sinh về cõi người, cõi trời, cùng các đường thiện trong A-tu-la.

“Cho nên, này các Tỳ-kheo, hãy lia xa ác hành, tu tập thiện hành. Như vậy, này các Tỳ-kheo, hãy [580b01] học điều này.”

Các Tỳ-kheo, sau khi nghe những gì đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 6

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Ta sẽ nói pháp vi diệu cho các người, đầu thiện, giữa thiện, cho đến cuối cũng thiện, có nghĩa, có vị, dẫn đến tu tập pháp phạm hạnh đầy đủ. Đó là hai pháp. Hãy lắng nghe, lắng nghe, và suy nghĩ kỹ, Ta sẽ nói đầy đủ cho các người nghe.”

Các Tỳ-kheo thưa:

“Kính vâng, bạch Thế Tôn!”

Sau khi các Tỳ-kheo vâng lời Phật dạy xong, Thế Tôn bảo:

“Kia, sao gọi là hai pháp? Tà kiến, chánh kiến; tà tư duy*, chánh tư duy; tà ngữ, chánh ngữ; tà nghiệp, chánh nghiệp; tà mạng, chánh mạng; tà tinh tấn*, chánh tinh tấn; tà niệm, chánh niệm; tà tam-muội, chánh tam-muội. Nay các Tỳ-kheo, đó gọi là hai pháp. Nay Ta đã nói hai pháp này cho các người.

“Những điều cần làm, nay Như Lai đã chu toàn xong. Các người hãy khéo nhớ nghĩ, quán sát, phóng tụng chớ có lười mỏi. Hiện tại, nếu người nào không hành, sau này hối không kịp.”

Các Tỳ-kheo, sau khi nghe những gì đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 7

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Nay, Ta sẽ nói về pháp đuoốc sáng, cũng sẽ nói về nhân đưa đến nghiệp đạo đuoốc sáng. Hãy lắng nghe, lắng nghe, hãy suy nghĩ kỹ!”

Các Tỳ-kheo thưa:

“Kính vâng, bạch Thế Tôn!”

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Kia, sao gọi là đuoốc sáng? Diệt tận tham dâm, sân nhuế, ngu si. Kia, sao gọi là nhân đưa đến nghiệp đạo đuoốc sáng? Chánh kiến, chánh tư duy*, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn*, chánh niệm, chánh tam-muội. Đó là nhân đưa đến nghiệp đạo sáng. Ta cũng nhân đây, đã nói về đuoốc sáng, cũng đã nói về nhân đưa đến nghiệp đạo đuoốc sáng.

“Những việc cần làm, nay Như Lai đã chu toàn. Các người hãy khéo nhớ nghĩ, phúng tụng, chớ có lười biếng. Hiện tại nếu không hành, sau này hối không kịp.”

Các Tỳ-kheo, sau khi nghe những gì đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 8

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có hai lực này. Thế nào là hai lực? Nhẫn lực, tư duy lực.¹⁷ Nếu Ta không có hai lực này, đã không thành Vô thượng, Chánh chơn, Đẳng chánh giác.

“Lại nữa, nếu không có hai lực này, [580c01] Ta đã không hề có sáu năm khổ hạnh ở xứ Ưu-lưu-tỳ, lại cũng không thể hàng phục ma oán, thành đạo Vô thượng Chánh chơn ngôi nơi đạo tràng. Vì Ta có nhẫn lực, tư duy lực này, nên mới có thể hàng phục chúng ma, thành đạo Vô thượng Chánh chơn ngôi nơi đạo tràng.

“Cho nên, này các Tỳ-kheo, hãy tìm cầu phương tiện tu hai lực này: Nhẫn lực, tư duy lực, để thành đạo Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, ở vô dư Niết-bàn giới mà Bát-niết-bàn. Như vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này.”

Các Tỳ-kheo, sau khi nghe những gì đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 9

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Tôn giả A-na-luật trú tại Bản sinh địa,¹⁸ nước Câu-thi-na-yết.¹⁹ Lúc ấy, Thích, Phạm, Tứ thiên vương

¹⁷ Cf. A. II. 2 (R. i. 52): *dvemāni balāni: paṭisaṃkhānabalañ ca bhāvanābalañ ca*, có hai lực: tư trạch lực và tu tập lực.

¹⁸ Bản sở sinh xứ 本所生處, tức Lực sĩ Sinh xứ, hay Sinh địa (Pāli: Upavattana), quê hương của người Mạt-la (Malla), một bộ tộc, chủ nhân của Câu-thi-na (Pāli: Kusinārā), nơi Phật Niết-bàn. Sinh xứ (địa) hay Upravattana cũng là tên gọi của khu rừng Sala, nơi Phật nhập Niết-bàn.

cùng năm trăm chư thiên, và hai mươi tám đại quý thần vương đến chỗ Tôn giả A-na-luật. Đến nơi, họ đánh lễ sát chân, rồi đứng qua một bên, lại dùng kệ này tán thán A-na-luật:

*Quy mạng bậc trên người,
Đáng mọi người tôn kính;
Nay chúng tôi không biết,
Ngài đang trú thiền nào?*

Khi ấy, có bà-la-môn* tên Xà-bạt-tra²⁰ là đệ tử của Phạm-ma-dụ²¹, lại đi đến chỗ Tôn giả A-na-luật, đánh lễ sát chân, ngồi qua một bên. Bà-la-môn kia hỏi A-na-luật rằng:

“Xưa kia tôi sinh tại vương cung, chưa từng nghe mùi hương tự nhiên này. Có người nào đến nơi này? Là trời rồng quý thần, người, phi nhân?”

A-na-luật nói với ông bà-la-môn rằng:

“Mới đây có Thích, Phạm, Tứ thiên vương cùng năm trăm chư thiên, hai mươi tám đại quý thần vương vừa đến chỗ tôi, đánh lễ sát chân, đứng qua một bên, lại dùng kệ này tán thán tôi:

*Quy mạng bậc trên người,
Đáng mọi người tôn kính;
Nay chúng tôi không biết,
Ngài đang trú thiền nào?*

¹⁹ Câu-thi-na-kiệt 拘尸那竭國. Pāli: Kusinārā.

²⁰ Xà-bạt-tra 闍拔吒. Xem cht. 21 tiếp theo dưới.

²¹ Phạm-ma-dụ 梵摩, xem *Trung kinh* 161: Phạm-ma 梵摩 (Pāli: Brahmāyu), người ở Di-tát-la (Pāli: Mithila). Ông có đệ tử là Ưu-đa-la 優多羅 (Pāli: Uttara). Cf. Pāli, M. ii. 133. Brahmāyusutta.

Bà-la-môn hỏi:

“Sao nay tôi không thấy bóng dáng họ? Thích, Phạm, Tứ thiên vương đang ở chỗ nào?”

A-na-luật đáp:

“Vì ông không có thiên nhãn cho nên không thấy Thích, Phạm, Tứ thiên vương cùng năm trăm chư thiên, hai mươi tám đại quý thần vương.”

Bà-la-môn hỏi:

“Nếu tôi được thiên nhãn, có thể thấy Thích, Phạm, Tứ thiên vương cùng năm trăm chư thiên, hai mươi tám đại quý thần vương không?”

A-na-luật đáp:

“Nếu ông được thiên nhãn, ông có thể thấy Thích, Phạm, Tứ thiên vương cùng năm trăm chư thiên, hai mươi tám đại quý thần vương. Nhưng, này Bà-la-môn, thiên nhãn này nào đủ để cho là lạ. Có Phạm thiên tên là Thiên Nhãn. Ông ấy thấy nghìn thế giới này. Như người có mắt tự xem mũi báu của mình trong lòng bàn tay. Phạm thiên vương này cũng như vậy, thấy nghìn thế giới này không có chướng ngại. Nhưng vị Phạm thiên này không tự thấy y phục mặc trên người mình.”

Bà-la-môn hỏi:

“Vì sao Phạm thiên Thiên Nhãn không tự thấy đồ phục sức mang trên người mình?”

A-na-luật đáp:

“Vì vị Thiên kia không có con mắt trí tuệ vô thượng, nên không thể tự thấy đồ phục sức mang ở trên người mình.”

Bà-la-môn hỏi:

Tăng nhất A-hàm

“Nếu tôi được con mắt trí tuệ vô thượng, có thấy đồ phục sức mang trên thân này hay không?”

A-na-luật đáp:

“Nếu ông có được con mắt trí tuệ vô thượng, ông có thể thấy đồ phục sức mang trên thân mình.”

Bà-la-môn hỏi:

“Xin Tôn giả nói pháp cực diệu cho tôi nghe, để tôi đạt được mắt trí tuệ vô thượng.”

A-na-luật bảo:

“Ông có giới không?”

Bà-la-môn hỏi:

“Thế nào là giới?”

A-na-luật nói:

“Không tạo các tội, không phạm phi pháp.”

Bà-la-môn thưa:

“Nếu giới như vậy, tôi kham vâng giữ giới này.”

A-na-luật nói:

‘Này Bà-la-môn, nay ông hãy giữ giới cấm không một mảy may khuyết thất, và cũng nên từ bỏ kết sử kiêu mạn, chớ chấp ngô, ngã, sinh tướng đắm nhiễm.’

Lúc đó, Bà-la-môn lại hỏi A-na-luật:

“Sao là ngô? Sao là ngã? Sao là kết sử kiêu mạn?”

A-na-luật nói:

“Ngô là thân thức. Ngã là đầy đủ hình thể.²² Ở trong đó khởi thức sinh ngô ngã, đó là kết kiêu mạn.

“Cho nên, này Bà-la-môn, hãy tìm cầu phương tiện loại trừ các kết này. Này Bà-la-môn, hãy học điều này như vậy.”

Bà-la-môn liền rời chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ sát chân A-na-luật, nhiễu quanh ba vòng rồi ra đi. Trên đường chưa đến nhà, ông tư duy về nghĩa này, tức thì các trần cấu sạch hết, được con mắt pháp thanh tịnh.

Bấy giờ, có vị trời xưa kia là bạn thân của bà-la-môn này, biết trong tâm của bà-la-môn mọi trần cấu đã được dứt sạch, được con mắt pháp [581b01] thanh tịnh. Vị trời kia lại đến chỗ Tôn giả A-na-luật, đánh lễ sát chân, đứng qua một bên, liền dùng kệ này tán thán A-na-luật:

*Bà-la-môn chưa đến nhà,
Giữa đường được dấu đạo;
Trần cấu, pháp nhãn tịnh,
Không nghi, không do dự.*

Bấy giờ, Tôn giả A-na-luật dùng kệ báo vị trời kia:

*Ta trước quán tâm kia,
Trung gian ứng dấu đạo;
Kia, thời Phật Ca-diếp,
Từng nghe dạy pháp này.*

Bấy giờ Tôn giả A-na-luật rời khỏi nơi ấy, du hành trong nhân gian, lần hồi đến chỗ Thế Tôn. Đánh lễ sát chân, rồi ngồi lui qua một bên. Thế Tôn dùng pháp ngữ dạy A-na-

²² Có lẽ đây là lối diễn giải thêm của dịch giả chứ không phải trực tiếp dịch từ nguyên bản Phạn.

luật đầy đủ. A-na-luật sau khi thọ trì lời Phật dạy, từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ sát chân rồi thối lui.

Bấy giờ, Phật bảo các Tỳ-kheo:

“Đệ tử trong hàng Thanh văn của Ta, người được thiên nhãn đệ nhất, đó chính là Tỳ-kheo A-na-luật.”

Các Tỳ-kheo, sau khi nghe những gì đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 10

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Tôn giả La-hầu-la²³, phụng trì giới cấm, không điều vi phạm, tội nhỏ còn tránh huống là lớn; nhưng tâm không giải thoát khỏi hữu lậu. Bấy giờ các Tỳ-kheo đến chỗ Thế Tôn, đánh lễ sát chân, ngồi lui qua một bên. Các Tỳ-kheo bạch Thế Tôn:

“Tỳ-kheo La-hầu-la phụng trì giới cấm, không điều vi phạm; nhưng tâm không giải thoát khỏi hữu lậu.”

Bấy giờ Thế Tôn liền nói kệ này:

*Pháp giới cấm đầy đủ;
Các căn cũng thành tựu;
Dần dần sẽ đạt được,
Sạch hết cả kết sử.*

“Cho nên, này các Tỳ-kheo, hãy luôn nhớ nghĩ tu tập chánh pháp không có sơ sót. Như vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này.”

²³ Nguyên trong bản: La-vân 羅雲.

Các Tỳ-kheo, sau nghe những gì đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Kệ tóm tắt:

*Nan-đà, Niết-bàn, quạ,
Lừa, bất thiện có hai,
Xúc, và nhân tư duy,
Bà-la-môn và La-hầu-la.*

17. PHẨM AN-BAN

KINH SỐ 1¹

[581c01] Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, đã đến giờ, Thế Tôn khoác y ôm bát, dẫn La-hầu-la² vào thành Xá-vệ để khát thực³. Khi ấy Thế Tôn quay qua bên phải bảo La-hầu-la:

“Người nay hãy quán sắc là vô thường.”

La-hầu-la thưa:

“Kính vâng, bạch Thế Tôn, sắc là vô thường.”

Thế Tôn bảo:

“Này La-hầu-la, thọ*, tướng, hành, thức đều là vô thường.”

La-hầu-la thưa:

“Kính vâng, bạch Thế Tôn, thọ, tướng, hành, thức đều là vô thường.”

Khi ấy, Tôn giả La-hầu-la lại tự nghĩ: “Ở đây có nhân duyên gì, hôm nay mới đi vào thành để khát thực, đang trên đường đi, có sao Thế Tôn trực tiếp dạy dỗ ta? Bây giờ ta hãy trở về trú xứ, không nên vào thành khát thực.”

¹ Tham chiếu Pāli, M. 62. Rāhulovāda (R i. 421).

² La-vân 羅雲. Pāli: Rāhula.

³ Nguyên Hán: 分衛 phân-vệ. Pāli: *piṇḍapāta*.

Khi ấy, Tôn giả La-hầu-la, đang giữa đường liền trở về tinh xá Kỳ-hoàn, cầm y bát đến dưới một bóng cây, chánh thân, chánh ý, ngồi kiết già, chuyên tinh nhất tâm suy niệm sắc vô thường; suy niệm thọ*, tướng, hành, thức vô thường.

Bấy giờ, Thế Tôn khát thực ở thành Vương-xá xong. Sau khi ăn rồi, một mình kinh hành tại tinh xá Kỳ-hoàn, lần hồi đến chỗ La-hầu-la. Đến đó rồi, Phật bảo La-hầu-la rằng:

“Ngươi hãy tu hành pháp an-ban⁴. Tu hành pháp này, có tâm tưởng sâu ưu đều sẽ trừ diệt hết. Nay ngươi lại nên tu hành tướng bất tịnh ghê tởm, nếu có tham dục, thì sẽ trừ diệt hết. Nay La-hầu-la, nay ngươi phải tu hành từ tâm. Đã hành từ tâm rồi, nếu có sân nhuế, thì sẽ trừ diệt hết. Nay La-hầu-la, nay ngươi phải tu hành bi tâm. Đã hành bi tâm rồi, nếu có tâm hại, thì sẽ trừ diệt hết. Nay La-hầu-la, nay ngươi phải tu hành hỷ tâm. Đã hành hỷ tâm rồi, nếu có tâm tật đố, thì sẽ trừ diệt hết. Nay La-hầu-la, nay ngươi phải tu hành tâm xả.⁵ Đã hành tâm xả* rồi, nếu có kiêu mạn, thì sẽ trừ diệt hết.”

Bấy giờ, Thế Tôn hướng về La-hầu-la, liền nói kệ này:

*Chớ luôn khởi tướng đấm,
Thường phải y thuận pháp.
Người hiền trí như vậy,
Danh đồn vang khắp nơi.*

*Cầm đuốc sáng cho người,
Phá màn vô minh lớn;
Trời, rồng thầy phụng kính,
Tôn thờ bậc sư trưởng.*

⁴ An-ban 安般. Pāli: *ānāpāna*, hơi thở ra vào.

⁵ Nguyên Hán: Hộ tâm 護心.

Lúc ấy Tỳ-kheo La-hầu-la dùng kệ này thưa Thế Tôn rằng:

*Con không khởi tướng đắm,
Hằng tùy thuận theo pháp.
[582a01] Người hiền trí như vậy
Kính thờ là sư trưởng.*

Sau khi Thế Tôn dạy bảo xong, trở về tinh thất. Lúc ấy, Tôn giả La-hầu-la lại tự nghĩ: “Tu hành an-ban như thế nào để trừ bỏ sầu ưu, không có các tướng?” Rồi La-hầu-la từ chỗ ngồi đứng dậy, đi đến chỗ Thế Tôn. Đến nơi rồi, đánh lễ sát chân, ngồi qua một bên. Ngay sau đó, ngồi lui, bạch Thế Tôn rằng:

“Tu hành an-ban như thế nào để trừ bỏ sầu ưu, không có các tướng, được quả báo lớn, được vị cam lồ?”

Thế Tôn bảo:

“Lành thay, lành thay, La-hầu-la! Người có thể ở trước Như Lai rống tiếng rống sư tử mà hỏi nghĩa này: ‘Tu hành an-ban như thế nào để trừ bỏ sầu ưu, không có các tướng, được quả báo lớn, được vị cam lồ?’ Nay La-hầu-la, nay người hãy lắng nghe, hãy lắng nghe, suy nghĩ kỹ, Ta sẽ phân biệt nói đầy đủ cho người.’

Thưa:

“Kính vâng, Thế Tôn!”

Tôn giả La-hầu-la vâng lời dạy từ Thế Tôn. Thế Tôn bảo:

“Này La-hầu-la, ở đây Tỳ-kheo ưa thích ở nơi vắng vẻ không người, chánh thân chánh ý, ngồi kiết già, không có niệm khác, buộc ý trên chóp mũi. Thở ra dài, biết hơi thở dài. Thở vào dài, cũng biết hơi thở dài. Thở ra ngắn, cũng biết hơi thở ngắn. Thở vào ngắn, cũng biết hơi thở ngắn. Hơi thở ra lạnh, cũng biết hơi thở lạnh. Hơi thở vào lạnh,

cũng biết hơi thở lạnh. Hơi thở ra ấm, cũng biết hơi thở ấm. Hơi thở vào ấm, cũng biết hơi thở ấm. Quán toàn thân, hơi thở vào, hơi thở ra; thấy đều biết rõ. Có lúc có hơi thở, cũng lại biết là có. Có lúc không có hơi thở, cũng lại biết là không. Hoặc hơi thở từ tâm ra,⁶ cũng lại biết từ tâm ra; hoặc hơi thở từ tâm vào*, cũng lại biết từ tâm vào.

“Nhu vậy, La-hầu-la, ai tu hành an-ban, sẽ không có tướng sâu ưu, não loạn, được quả báo lớn, được vị cam lồ.”

Sau khi nghe Thế Tôn nói pháp vi diệu đầy đủ xong, La-hầu-la từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ sát chân Phật, nhiễu quanh ba vòng rồi đi. Đến một gốc cây trong rừng An-đà⁷, chánh thân, chánh ý ngồi kiết già, không có một niệm nào khác, buộc tâm trên chóp mũi. Thở ra dài, biết hơi thở dài. Thở vào dài, cũng biết hơi thở dài. Thở ra ngắn, cũng biết hơi thở ngắn. Thở vào ngắn, cũng biết hơi thở ngắn. Hơi thở ra lạnh, cũng biết hơi thở lạnh. Hơi thở vào lạnh, cũng biết hơi thở lạnh. [582b01] Hơi thở ra ấm, cũng biết hơi thở ấm. Hơi thở vào ấm, cũng biết hơi thở ấm. Quán toàn thân, hơi thở vào, hơi thở ra; thấy đều biết rõ. Có lúc có hơi thở, cũng lại biết là có. Có lúc không có hơi thở, cũng lại biết là không. Hoặc hơi thở từ tâm ra, cũng lại biết từ tâm ra; hoặc hơi thở từ tâm vào*, cũng lại biết từ tâm vào.

Bấy giờ, La-hầu-la tư duy như vậy, tâm được giải thoát khỏi dục,⁸ không còn các thứ ác, có tâm, có tứ,⁹ có hỷ lạc

⁶ Tức từng tâm xuất 息從心出, Hán dịch mơ hồ. Tất nhiên đây không có nghĩa từ trái tim. Tham chiếu Pāli: *cittapaṭisaṃvedī assasissāmi*, với cảm giác nhận biết tâm, tôi sẽ thở ra.

⁷ An-đà viên 安陀園. Pāli: Andhavana. Cf. M. 147 Cūla-Rāhulovāda-sutta.

⁸ Đây chỉ lý dục của sơ thiên, trừ ngũ dục của dục giới, không

do viễn ly sinh,¹⁰ chứng và an trú¹¹ sơ thiên. Tâm tứ đã dứt,¹² nội tâm tịch tĩnh,¹³ chuyên tinh nhất tâm*; không tâm, không tứ, có hỷ lạc do định sinh,* chứng nhập và an trú* nhị thiên. Lìa hỷ, an trú xả,¹⁴ giác tri thân lạc, điều mà các Hiền Thánh nói, xả, niệm, an trú lạc,* chứng nhập và an trú* tam thiên. Khổ và lạc kia đã diệt, ưu hỷ trước cũng đã diệt, không khổ không lạc; xả, niệm thanh tịnh,* chứng nhập và an trú* tứ thiên.

Với tâm tam-muội¹⁵ này, thanh tịnh không bụi nhơ, thân thể nhu nhuyễn,¹⁶ La-hầu-la biết mình từ đâu đến, nhớ

phải ly dục vô lậu của A-la-hán. Xem kinh 1 phẩm 12 trên.

⁹ Hữu giác hữu quán, về sơ thiên cho đến tứ thiên, định cú, và các cht. liên hệ, xem Phẩm 12, kinh 1, từ cht. 42 và tiếp.

¹⁰ Hán: Niệm trì hỷ an 念持喜安. Trên kia, kinh 1 phẩm 12, Hán dịch: Hữu ý niệm lạc 有猗念樂.

¹¹ Hán: Du 遊. Nơi khác dịch: Tự ngu lạc; hiểu là an trú. Pāli: *vihāraṭi*.

¹² Trạng thái không tâm (giác) không tứ (quán) của thiên thứ hai.

¹³ Nên hiểu là nội đẳng tịnh. Xem cht. 42-50 kinh 1 phẩm 12 trên.

¹⁴ 護喜念. Trên kia, *ibid.*, Hán dịch, xả ưu niệm, tu ưu hộ 捨於念修於護. Xem cht. 42-50 kinh 1 phẩm 12 trên.

¹⁵ Hán: Tam-muội tâm 三昧心; chỉ tâm định tĩnh do chứng tứ thiên; y tâm này mà chứng tam minh. Lưu ý ngắt chữ không đúng trong đề bản. Pāli, định cú: *so evaṃ samāhite citte parisuddhe...*

¹⁶ Bản Hán có thể nhầm, do từ tương đương Pāli: *kammaṇiye*, kham nhiệm tính, chỉ trạng thái dễ sử dụng. Có hai trạng thái kham nhiệm tính: trạng thái dễ sử dụng của tâm, và của thân (*Câu-xá 4*, tr. 19b6). Trong ngữ cảnh ở đây, nên hiểu là kham nhiệm tính của tâm. Tham chiếu Pāli (D.i.80): *so evaṃ samāhite citte parisuddhe pariyodāte anaṅgane vigatūpakkilese mudubhūte kammaṇiye...* vị ấy, với tâm định tĩnh như vậy, thanh tịnh, tinh khiết, không cấu uế, dứt trừ các tùy phiền não, nhu nhuyễn, kham nhiệm...

những việc đã làm trước kia, tự biết đời trước, những việc trong vô số kiếp trước; cũng biết một đời, hai đời, ba đời, bốn đời, năm đời, mười đời, hai mươi đời, ba mươi đời, bốn mươi đời, năm mươi đời, một trăm đời, nghìn đời, vạn đời, hàng nghìn vạn đời, kiếp thành, kiếp bại, vô số kiếp thành, vô số kiếp bại, ức năm không thể kể xiết: Ta đã từng sinh nơi kia, tên gì, họ gì, ăn thức ăn như vậy, cảm thọ khổ lạc như vậy, thọ mạng dài ngắn, chết kia sinh đây, chết đây sinh kia.

Với tâm tam-muội này,* thanh tịnh không tì vết, La-hầu-la cũng không còn các kết, cũng biết chỗ khởi của tâm chúng sanh. Bằng thiên nhãn thanh tịnh không tì vết, La-hầu-la quán biết như thật các loài chúng sanh, người sống, kẻ chết, sắc đẹp, sắc xấu, đường lành, đường dữ, hoặc tốt, hoặc xấu, điều đã làm, điều đã tạo. Hoặc có chúng sanh thân hành ác, miệng hành ác, ý hành ác, phi báng Hiền Thánh, thường hành tà kiến, tạo hạnh tà kiến, thân hoại mạng chung, sinh vào địa ngục. Hoặc lại có chúng sanh thân hành thiện, miệng hành thiện, ý hành thiện, không phi báng Hiền Thánh, thường hành chánh kiến, tạo hạnh chánh kiến, thân hoại mạng chung sinh lên trời cõi thiện. Đó gọi là thiên nhãn thanh tịnh không tì vết, quán biết như thật các loài chúng sanh, người sống, kẻ chết, sắc đẹp, sắc xấu, đường lành, đường dữ, hoặc tốt, hoặc xấu, điều đã làm, điều đã tạo.

Rồi lại vận dụng ý, thành tâm vô lậu. La-hầu-la lại quán biết như thật đây là khổ; lại quán biết như thật đây là tập khởi của khổ, cũng quán biết như thật đây là [582c01] sự diệt tận khổ, cũng quán biết như thật đây là xuất yếu của khổ. La-hầu-la quán biết như thật như vậy, tâm được giải thoát khỏi dục lậu; được giải thoát khỏi hữu lậu, vô minh lậu. Đã được giải thoát, nên liền được trí giải thoát, biết

rằng: ‘Sinh tử đã dứt, phạm hạnh đã lập, những việc cần làm đã làm xong, không còn tái sinh đời sau nữa.’ Bây giờ, Tôn giả La-hầu-la thành A-la-hán.

Sau khi Tôn giả La-hầu-la thành A-la-hán rồi, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa lại y phục đến chỗ Thế Tôn, đánh lễ sát chân, ngồi lui qua một bên, bạch Thế Tôn rằng:

“Sở cầu của con đã đạt được, các lậu đã tận trừ.”

Bây giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Trong những vị đắc A-la-hán, không có ai bằng La-hầu-la. Luận về người mà các hữu lậu đã dứt cũng là Tỳ-kheo La-hầu-la. Luận về người trì giới cấm cũng là Tỳ-kheo La-hầu-la. Vì sao vậy? Vì chư Như Lai Đẳng Chánh giác đời quá khứ cũng có Tỳ-kheo La-hầu-la này. Muốn nói con Phật cũng là Tỳ-kheo La-hầu-la, đích thân từ Phật sinh, là người thừa tỳ pháp.”

Bây giờ, Phật bảo các Tỳ-kheo:

“Trong hàng Thanh văn của Ta, đệ tử bậc nhất trì giới cấm chính là Tỳ-kheo La-hầu-la.”

Bây giờ Thế Tôn liền nói kệ này:

*Pháp cấm giới đầy đủ,
Các căn cũng thành tựu;
Dần dần sẽ cũng được,
Sạch tất cả kết sử.*

Các Tỳ-kheo, sau khi nghe những gì đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.¹⁷

¹⁷ Bản Hán, hết quyển 7.

KINH SỐ 2¹⁸

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có hai con người xuất hiện ở đời, thật là khó có được. Hai người ấy là ai? Như Lai, Chí chơn, Đẳng chánh giác xuất hiện ở đời, thật là khó có được, và Chuyển luân Thánh vương xuất hiện ở [583a01] đời thật là khó có được. Hai người này xuất hiện ở đời thật là khó có được...”

Các Tỳ-kheo, sau khi nghe những gì đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 3¹⁹

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có hai con người xuất hiện ở đời, thật là khó có được. Hai người ấy là ai? Bích-chi-phật xuất hiện ở đời, thật là khó có được, và A-la-hán lậu tận đệ tử của Như Lai, xuất hiện ở đời, thật là khó có được. Nay các Tỳ-kheo, đó gọi là hai người này xuất hiện ở đời thật là khó có được.”

Các Tỳ-kheo, sau khi nghe những gì đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

¹⁸ Tham chiếu Pāli, A. II. 6. 2 (R.i. 77)

¹⁹ Tham chiếu A. II. 6.5.

KINH SỐ 4

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có hai pháp này ở thế gian thật là phiền não. Hai pháp gì? Tạo các gốc rễ ác, khởi lên các oán thù, và lại không tạo hạnh lành, gốc của các đức. Nay các Tỳ-kheo, đó gọi là hai pháp thật là phiền não.

“Cho nên, nay các Tỳ-kheo, hãy giác tri pháp phiền não này, và cũng nên giác tri pháp không phiền não. Các pháp phiền não thì hãy đoạn trừ, pháp không phiền não, thì nên tu hành. Như vậy, nay các Tỳ-kheo, hãy học điều này.”

Các Tỳ-kheo, sau khi nghe những gì đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 5

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Tà kiến, mà chúng sanh niệm tưởng, hướng đến, cùng các hành khác, tất cả đều không có gì đáng quý, là những điều mà người thế gian không đáng ham thích. Vì sao vậy? Vì tà kiến này là bất thiện. Giống như những hạt quả đắng, nghĩa là những hạt quả đắng, hạt rau đắng, hạt rau đay, hạt tất-địa bàn-trì,²⁰ cùng các loại hạt đắng khác, mà đem những loại hạt này trồng nơi đất tốt, sau đó sẽ

²⁰ Tất-địa-bàn-trì 畢地槃持. Không rõ loại cây gì. Các hạt giống đắng thường được kể trong Pāli: *nimba*, *kosātaki*, *tittikālabu* (A. i. tr. 32).

sinh ra mầm cũng đắng như xưa. Vì sao vậy? Vì những hạt này vốn đã đắng. Ở đây, tà kiến chúng sanh cũng lại như vậy. Những gì được làm bởi thân hành, khẩu hành, ý hành, những gì hướng đến, những gì được niệm tưởng, cùng các hành ác khác, tất cả đều không đáng quý, là những điều mà người thế gian không đáng ham thích. Vì sao vậy? Vì tà kiến ác này là bất thiện.

“Cho nên, này các Tỳ-kheo, hãy [583b01] trừ tà kiến, tập hành chánh kiến. Như vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này.”

Các Tỳ-kheo, sau khi nghe những gì đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 6

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Chánh kiến, mà chúng sanh niệm tưởng, hướng đến, cùng các hành khác, tất cả đều đáng quý kính, là những điều mà người thế gian đáng ham thích. Vì sao vậy? Vì chánh kiến này là diệu. Giống như những quả ngọt, như mía, quả bò-đào, cùng tất cả những quả ngon ngọt khác, có người sửa sang đất tốt đem trồng chúng, sau đó sẽ sinh ra con, tất cả đều ngon ngọt, khiến người ham thích. Vì sao vậy? Vì những hạt quả này vốn đã ngon ngọt. Ở đây chánh kiến chúng sanh cũng lại như vậy. Những gì được nghĩ đến, hướng đến, cùng các hành khác, tất cả đều đáng quý kính, là những điều mà người thế gian đáng ham thích. Vì sao vậy? Vì chánh kiến này là diệu.

“Cho nên, này các Tỳ-kheo, hãy tập hành chánh kiến. Như vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này.”

Các Tỳ-kheo, sau khi nghe những gì đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 7

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Tôn giả A-nan ở nơi vắng vẻ, một mình tư duy, nảy sinh ý niệm này: “Có những chúng sanh khơi dậy tưởng ái dục, liền sinh dục ái, rồi tập hành ngày đêm không hề nhàm chán.” Bấy giờ vào buổi chiều, Tôn giả A-nan từ chỗ ngồi đứng dậy, khoác y, sửa lại y phục, đi đến chỗ Thế Tôn. Đến nơi rồi, đánh lễ sát chân, ngồi qua một bên, Tôn giả A-nan bạch Thế Tôn rằng:

“Con ở nơi vắng vẻ phát sinh ý nghĩ này: ‘Có những chúng sanh khơi dậy tưởng ái dục, liền sinh dục ái, rồi tập hành ngày đêm không hề nhàm chán.’”

Thế Tôn bảo:

“Thật vậy, A-nan, như những gì người đã nói: ‘Có những chúng sanh khơi dậy tưởng ái dục, liền sinh dục ái, rồi tập hành ngày đêm không hề nhàm chán.’ Vì sao vậy? Này A-nan, vào thời quá khứ xa xưa có Chuyển luân Thánh vương tên là Đánh Sanh,²¹ dùng pháp mà trị hóa, không có gian dối, thành tựu bảy báu. Bảy báu là: bánh xe báu, voi báu, ngựa báu, ngọc báu, nữ báu, cư sĩ báu, điện binh báu. Đó là bảy báu. Lại có nghìn người con

²¹ Đánh Sanh 頂生. Pāli: Mandhātā. Truyện kể tương tự, xem *Trung*, kinh 60: Tứ châu.

dũng mãnh cường tráng, có thể hàng phục các kẻ ác; thống lãnh bốn thiên hạ mà không cần đao [583c01] trượng. A-nan, nên biết, bấy giờ Thánh vương Đánh Sanh phát sinh ý niệm này: ‘Nay ta có đất Diêm-phù-đề này, dân chúng đông đúc, các loại trân báu nhiều. Ta cũng đã nghe các vị trưởng lão kỳ cựu nói, phía Tây có nước Cù-da-ni, nhân dân đông đúc, các loại trân bảo rất nhiều. Nay ta hãy đến thống lãnh quốc độ kia.

‘Này A-nan, bấy giờ Thánh vương Đánh Sanh mới nảy sinh ý nghĩ này: ‘Ta đem bốn bộ binh rời khỏi Diêm-phù, đi qua nước Cù-da-ni.’ Lúc đó người dân nước kia thấy Thánh vương đến, tất cả đều ra trước nghinh đón, quỳ lễ chào hỏi: ‘Thiện lai! Đại vương! Nay nhân dân nước Cù-da-ni này đông đúc, nguyện xin Thánh vương nên ở đây cai trị giáo hóa nhân dân, khiến theo giáo lệnh như pháp.’

‘Này A-nan, bấy giờ Thánh vương Đánh Sanh liền thống lãnh nhân dân ở nước Cù-da-ni trải qua hàng trăm nghìn năm. Rồi thì, Thánh vương Đánh sanh tự nghĩ như vậy: ‘Ta có Diêm-phù-đề, nhân dân đông đúc, các loại trân bảo lại nhiều, cũng có mưa bảy báu ngập đến gối. Nay cũng lại có Cù-da-ni này, nhân dân đông đúc, các loại trân bảo lại nhiều. Ta cũng từng nghe các trưởng lão nói, còn có Phất-vu-đãi, nhân dân đông đúc, các loại trân bảo lại nhiều. Nay ta hãy đến thống lãnh quốc độ kia, dùng pháp mà trị hóa.’

‘Này A-nan, bấy giờ, Thánh vương Đánh Sanh mới nảy sinh ý nghĩ này: ‘Ta đem bốn bộ binh rời khỏi Cù-da-ni, đi qua nước Phất-vu-đãi.’ Lúc đó người dân nước kia thấy Thánh vương đến, tất cả đều ra trước nghinh đón, quỳ lễ hỏi thăm, khác miệng nhưng đồng thanh nói như vậy: ‘Thiện lai! Đại vương! Nay nhân dân nước Phất-vu-đãi này đông đúc, các loại trân bảo lại nhiều, nguyện xin

Đại vương nên ở đây cai trị giáo hóa nhân dân, khiến theo giáo lệnh như pháp.

“Này A-nan, bấy giờ Thánh vương Đánh Sanh liền thống lãnh nhân dân ở nước Phát-vu-đãi trải qua hàng trăm nghìn vạn năm. Rồi thì, Thánh vương Đánh Sanh tự nghĩ như vậy: ‘Ta ở Diêm-phù-đề, nhân dân đông đúc, các loại trân bảo lại nhiều, cũng có mưa bảy báu ngập đến gôi. Nay cũng lại có Cù-da-ni này, nhân dân đông đúc, các loại trân bảo lại nhiều. Nay cũng lại có Phát-vu-đãi này nhân dân đông đúc, các loại trân bảo lại nhiều. Ta cũng từng nghe các trưởng lão nói còn có Uất-đơn-việt, nhân dân đông đúc, các loại trân bảo lại nhiều, việc làm tự do, không cần cất giữ, tuổi thọ không bị yếu, tuổi thọ chính là nghìn tuổi. Hết tuổi thọ ở đây [584a02] sẽ sinh lên trời, không đọa vào đường khác, mặc áo kiếp-ba-dục,²² ăn loại lúa gạo tự nhiên. Nay ta hãy đến thống lãnh quốc độ kia, dùng pháp mà trị hóa.

“Này A-nan, bấy giờ, Thánh vương Đánh Sanh mới nảy sinh ý nghĩ này: ‘Ta đem bốn bộ binh rời khỏi Phát-vu-đãi, đi qua nước Uất-đơn-việt.’ Từ xa nhìn thấy đất kia màu xanh rậm rạp. Thấy rồi, liền hỏi quần thần tả hữu rằng: ‘Các người có thấy khắp cả đất này một màu xanh rậm rạp chăng?’”

“Đáp rằng: Vâng, chúng tôi thấy.

“Vua bảo quần thần rằng: ‘Cỏ ở đây mềm mại, mịn như thiên y không khác. Chư hiền ở đây thường ngồi nơi này.

²² Kiếp-ba-dục 劫波育. Pāli: *kappāsika*, được làm bằng bông gòn.

“Đi về phía trước một tí nữa, từ xa nhìn thấy đất này màu vàng rực rỡ, vua liền hỏi quần thần rằng: Các người có thấy khắp cả đất này màu vàng rực rỡ không?”

“Đáp rằng: Chúng tôi đều thấy vậy.”

“Đại vương nói: Đây gọi là lúa tự nhiên. Chư hiền ở đây thường ăn thức ăn này. Hiện tại các khanh cũng sẽ ăn lúa gạo này.”

“Bấy giờ, Thánh vương tiến về phía trước một tí nữa, lại thấy khắp cả đất kia đều bằng phẳng, từ xa nhìn thấy đài cao nổi lên một cách đặc biệt. Lại bảo quần thần: Các người có nhìn khắp đất này đất đai bằng phẳng không?”

“Đáp rằng: Thưa vâng, chúng tôi đều thấy vậy.”

“Đại vương bảo rằng: Đó gọi là áo cây kiếp-ba-dục*, các người cũng sẽ mặc áo cây này.”

“Này A-nan, bấy giờ nhân dân nước kia thấy Đại vương đến, đều tiến lên phía trước nghinh đón, quỳ lễ chào hỏi, nhiều tiếng cùng vang lên: ‘Thiện lai, Thánh vương! Dân chúng nước Uất-đơn-việt này đông đúc, các loại trân bảo lại nhiều, nguyện xin Đại vương nên ở đây cai trị giáo hóa nhân dân khiến theo giáo lệnh như pháp.’”

“Này A-nan, bấy giờ Thánh vương Đánh Sanh liền thống lãnh nhân dân ở Uất-đơn-việt, trải qua trăm nghìn vạn năm. Rồi thì, Thánh vương Đánh Sanh lại sinh ý nghĩ này: ‘Nay ta có đất Diêm-phù, nhân dân đông đúc, các loại trân bảo lại nhiều, cũng có mưa bảy báu ngập đến gối. Nay cũng lại có Cù-da-ni, Phất-vu-đãi cùng Uất-đơn-việt này, nhân dân đông đúc, các loại trân bảo lại nhiều. Ta cũng từng nghe các trưởng lão nói, còn có trời Tam thập tam thiên khoái lạc không đâu bằng, tuổi thọ rất lâu, y thực tự nhiên, ngọc nữ vây quanh không thể kể xiết.’”

Nay ta nên đến thống lãnh thiên cung kia, dùng pháp mà trị hóa.’

“Này A-nan! Bấy giờ, Thánh vương Đánh Sanh mới nảy sinh ý nghĩ này: ‘Ta đem bốn bộ binh rời khỏi Uất-đơn-việt, [584b02] đi lên Tam thập tam thiên. Lúc ấy, Thiên đế Thích từ xa trông thấy Thánh vương Đánh Sanh đến, liền nói như vậy: ‘Thiện lai, Đại vương! Xin đến ngồi đây.’”

“Này A-nan, bấy giờ Thánh vương Đánh Sanh cùng Thích Đề-hoàn Nhân ngồi một chỗ. Cả hai cùng ngồi, không thể phân biệt được, từ tướng mạo, cử động, cho đến âm vang lời nói, chỉ là một không khác.

“Này A-nan, bấy giờ Thánh vương Đánh Sanh ở đó trải qua hàng nghìn trăm năm, rồi nảy sinh ý niệm này: ‘Nay ta có đất Diêm-phù này, nhân dân đông đúc, các loại trân bảo lại nhiều, cũng có mưa bảy báu ngập đến gối, cũng có Cù-da-ni, cũng lại có Phát-vu-đãi, cũng lại có Uất-đơn-việt này, nhân dân đông đúc, các loại trân bảo lại nhiều. Nay ta lại đến Tam thập tam thiên, bây giờ, ta phải hại Thiên đế Thích này, để ở đây một mình làm Vua chư thiên.’”

“Này A-nan, bấy giờ, Thánh vương Đánh Sanh vừa nảy sinh ý niệm này, liền từ trên chỗ ngồi tự đọa xuống đến đất Diêm-phù, cùng với bốn bộ binh, tất cả đều rơi xuống. Lúc này, bánh xe báu cũng mất, không biết ở đâu? Voi báu, ngựa báu chết cùng lúc, châu báu thì tự mất; ngọc nữ báu, cư sĩ báu, điển binh báu, chúng đều mạng chung. Bấy giờ, Thánh vương Đánh Sanh thân mắc bệnh nặng, tông tộc, thân quyến, tất cả đều vân tập thăm hỏi bệnh vua: Thế nào, Đại vương, giả sử sau khi đại vương mệnh chung, có người đến hỏi điều này: ‘Lúc đại vương Đánh Sanh mệnh chung, có dạy lời nào không?’ Nếu có ai hỏi như vậy, thì nên trả lời thế nào?’”

“Thánh vương Đánh Sanh đáp: Nếu giả sử ta mệnh chung; sau khi ta mệnh chung nếu có người hỏi thì nên đáp như vậy: ‘Vua Đánh Sanh thống lãnh bốn châu thiên hạ không biết đủ và nhàm tởm, lại đến Tam thập tam thiên, ở tại đó trải qua hàng trăm nghìn năm, mà ý còn sinh tham, muốn hại Thiên đế, nên tự đọa lạc, liền nhận lấy cái chết.’

“Này A-nan, trong lòng ngươi chớ hồ nghi: Vua Đánh Sanh bây giờ là ai vậy? Chớ có quán sát như vậy! Vì sao vậy? Vì vua Đánh Sanh lúc đó chính là thân Ta. Bây giờ, Ta thống lãnh bốn châu thiên hạ, cùng đến Tam thập tam thiên ở trong ngũ dục mà không biết đủ và nhàm tởm.

“Này A-nan, hãy bằng phương tiện này chứng biết nơi mà tâm tham dục hưng khởi hướng đến, niệm tưởng càng tăng gấp bội, ở trong ái dục mà không biết đủ và nhàm tởm. Muốn cầu biết đủ và nhàm tởm, thì phải cầu từ trong trí tuệ Thánh Hiền.”

Bây giờ, [584c01] Thế Tôn ở giữa đại chúng, liền nói kệ này:

*Tham, dâm như mưa mùa,
Vớ dục không biết đủ;
Vui ít mà khổ nhiều,
Những điều người trí bỏ.*

*Giả sử hưởng dục trời,
Vui hưởng với ngũ nhạc;
Không bằng đoạn tâm ái,
Là đệ tử Chánh giác.*

*Tham dục dài ức kiếp,
Phước hết trở lại ngục;
Hưởng lạc há bao lâu,
Liền chịu khổ địa ngục.*

Tăng nhất A-hàm

“Cho nên, này A-nan, hãy bằng phương tiện này để biết đục mà từ bỏ đục, vĩnh viễn không khởi tướng²³ này. Hãy học điều này.

Các Tỳ-kheo, sau khi nghe những gì đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 8

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, có Bà-la-môn Sanh Lậu²⁴ đến chỗ Thế Tôn, cùng nhau hỏi thăm, rồi ngồi qua một bên. Bà-la-môn Sanh Lậu bạch Thế Tôn:

“Nên xem người ác tri thức như thế nào?”²⁵

Thế Tôn bảo:

“Nên xem như xem trăng.”

Bà-la-môn hỏi:

“Nên xem thiện tri thức như thế nào?”

Thế Tôn bảo:

“Nên xem như xem trăng.”

Bà-la-môn hỏi:

²³ Hán: Bất hưng kỳ tướng 不興其想. Nơi khác nói: Bất khởi thế gian tướng. Pāli, định cú: *na kiñci loke upādiyati*, không còn chấp thủ bất cứ gì trên thế gian.

²⁴ Sanh Lậu 生漏; xem phẩm 6 kinh 2.

²⁵ Xem *Trung* 36 (T2n125, tr. 584c12).

“Những gì Sa-môn Cù-đàm nói hôm nay chỉ lược nói cốt yếu, chứ chưa giải rộng nghĩa, nguyện xin Cù-đàm nói rộng hết nghĩa khiến cho người chưa hiểu được hiểu.”

Thế Tôn bảo:

“Này Bà-la-môn, hãy lắng nghe, lắng nghe, và suy nghĩ kỹ, Ta sẽ vì ông mà diễn rộng nghĩa này.”

Bà-la-môn thưa:

“Xin vâng, thưa Cù-đàm!”

Bà-la-môn Sanh Lậu vâng lời Phật dạy. Thế Tôn bảo:

“Này Bà-la-môn, giống như trăng cuối tháng, ngày đêm xoay vần, nó chỉ có giảm chứ không có đầy. Vì nó tồn giảm, hoặc có khi trăng không hiện nên không có ai thấy. Này Bà-la-môn, ở đây cũng vậy, như ác tri thức, trải qua ngày đêm, dần dần không có tín, không có giới, không có văn, không có thí, không có trí tuệ. Lúc đó ác tri thức kia thân hoại mạng chung, sanh vào trong địa ngục. Cho nên, Bà-la-môn, nay Ta nói người ác tri thức này giống như mặt trăng cuối tháng.

“Này Bà-la-môn, giống như mặt trăng đầu tháng, trải qua ngày đêm, ánh sáng dần tăng lên, từ từ tròn đầy, [585a01] cho đến ngày mười lăm là sung mãn đầy đủ, tất cả chúng sanh không ai là không thấy. Này Bà-la-môn, cũng vậy, như thiện tri thức, trải qua ngày đêm, tăng trưởng tín, giới, văn, thí, trí tuệ. Vì họ nhờ tăng trưởng tín, giới, văn, thí, trí tuệ, nên thiện tri thức lúc bấy giờ thân hoại mạng chung, sinh lên trời, thiện xứ. Cho nên, Bà-la-môn, nay Ta nói chỗ hướng đến của người thiện tri thức này, giống như mặt trăng tròn đầy.”

Bấy giờ Thế Tôn liền nói kệ này:

*Như người có tham dục,
Sân nhuế, si không hết;
VớI thiện có giảm dần,
Như trăng đang thời khuyết.*

*Như người không tham dục,
Sân nhuế, si cũng hết;
VớI thiện có tăng dần,
Giống như trăng tròn đầy.*

“Cho nên, Bà-la-môn, hãy học như trăng đầu tháng.”

Bấy giờ, Bà-la-môn Sanh Lậu bạch Thế Tôn:

“Lành thay, Cù-đàm, giống như người gù được thẳng, người tối được sáng, người mê thấy đường, nơi tối tăm được thấp sáng. Ở đây cũng như vậy, Sa-môn Cù-đàm dùng vô số phương tiện vì con mà nói pháp. Nay con tự quy y Thế Tôn, Pháp, cùng chúng Tăng. Từ nay cho phép con làm Ưu-bà-tắc, suốt đời không sát sanh.”

Sanh Lậu, sau khi nghe những gì đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 9

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Nay Ta sẽ nói về pháp thiện tri thức, cũng sẽ nói về pháp ác tri thức. Hãy lắng nghe, hãy lắng nghe, hãy suy nghĩ kỹ!”

Các Tỳ-kheo thưa:

“Kính vâng, thưa Thế Tôn.”

Các Tỳ-kheo vâng lời Phật dạy. Thế Tôn bảo:

“Kia, sao gọi là pháp ác tri thức? Nay Tỳ-kheo, ở đây người ác tri thức tự sinh tâm niệm này: ‘Ta thuộc dòng hào tộc xuất gia học đạo. Các Tỳ-kheo khác thuộc dòng tiện xuất gia.’ Ý vào dòng họ mình mong chê bai người khác. Đó gọi là pháp ác tri thức.

“Lại nữa, người ác tri thức tự sinh tâm niệm này: ‘Ta rất siêng năng phụng hành chánh pháp. Các Tỳ-kheo khác thì không siêng năng trì giới.’ Lại bằng nghĩa này chê bai người khác mà tự công cao. Đó gọi là pháp ác tri thức.

“Lại nữa, người ác tri thức lại tự nghĩ: ‘Ta thành tựu tam-muội, các Tỳ-kheo khác không có tam-muội, tâm [585b01] ý thác loạn không nhất định.’ Người ấy ý vào tam-muội này thường tự công cao chê bai người khác. Đó gọi là pháp ác tri thức.

“Lại nữa, người ác tri thức lại tự nghĩ: ‘Ta trí tuệ bậc nhất. Ở đây các Tỳ-kheo khác không có trí tuệ.’ Người ấy ý vào trí tuệ này mà tự công cao hủy báng người khác. Đó gọi là pháp ác tri thức.

“Lại nữa, người ác tri thức lại tự nghĩ: ‘Hiện tại ta thường được thức ăn, giường mềm, ngựa cưỡi, thuốc thang trị bệnh. Ở đây, các Tỳ-kheo khác không được các vật cúng dường này.’ Người này ý vào vật cúng dường này mà tự công cao, chê bai người khác. Đó gọi là pháp ác tri thức.

“Nay Tỳ-kheo, đó gọi là người ác tri thức, hành tà nghiệp này.

“Kia, sao gọi là pháp thiện tri thức? Nay Tỳ-kheo, ở đây người thiện tri thức không tự nghĩ: ‘Ta sinh thuộc dòng hào tộc. Ở đây các Tỳ-kheo khác không phải là dòng hào

tộc.’ Vì thân mình cùng người không có khác. Đó gọi là pháp thiện tri thức.

“Lại nữa, người thiện tri thức không tự nghĩ: ‘Nay ta tri giới. Ở đây các Tỳ-kheo khác không tri giới hạnh,’ Vì thân mình cùng họ không có hơn kém. Tuy người ấy nương vào giới này, nhưng không tự cống cao, không chê bai người khác. Đó gọi là pháp thiện tri thức.

“Lại nữa, người thiện tri thức lại không tự nghĩ: ‘Ta thành tựu tam-muội. Ở đây các Tỳ-kheo khác ý loạn không định.’ Vì thân mình cùng người cũng không hơn kém. Người ấy tuy nương vào tam-muội này, nhưng không tự cống cao, cũng không chê bai người khác. Đó gọi là pháp thiện tri thức.

“Lại nữa Tỳ-kheo, người thiện tri thức cũng không tự nghĩ: ‘Ta thành tựu trí tuệ. Ở đây các Tỳ-kheo khác không có trí tuệ. Vì thân mình cùng người cũng không hơn kém. Người ấy tuy nương vào trí tuệ này, nhưng không tự cống cao, cũng không chê bai người khác. Nay Tỳ-kheo đó gọi là pháp thiện tri thức.

“Lại nữa Tỳ-kheo, người thiện tri thức không tự nghĩ: ‘Ta có thể được y phục, đồ ăn thức uống, giường mền, ngựa cù, thuốc thang trị bệnh. Ở đây các Tỳ-kheo khác không thể được y phục, đồ ăn thức uống, giường mền, ngựa cù, thuốc thang trị bệnh.’ Vì thân mình cùng người cũng không hơn kém. Người ấy tuy nương vào những lợi dưỡng này, nhưng không tự cống cao, cũng không chê bai người. Nay Tỳ-kheo, đó gọi là pháp thiện tri thức.”

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Nay Ta phân biệt cho các người pháp ác tri thức, cũng nói cho các người pháp thiện tri thức. Cho nên, [585c01] này các Tỳ-kheo, hãy tránh xa pháp ác tri thức, và nhớ

hãy cùng tu hành pháp thiện tri thức. Như vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này."

Các Tỳ-kheo, sau khi nghe những gì đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 10

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật trú tại vườn Ni-câu-lưu,²⁶ của Thích-sí,²⁷ cùng với năm trăm đại Tỳ-kheo. Bấy giờ, có năm trăm người quý tộc thuộc dòng họ Thích ở trong nước, có điều muốn bàn luận nên tập họp tại giảng đường Phổ nghĩa.²⁸ Lúc ấy, Bà-la-môn Thế Điền²⁹ đến chỗ những người họ Thích kia, nói với họ rằng:

"Thế nào các vị, ở đây có sa-môn, bà-la-môn cùng người thế tục nào có thể cùng luận nghị với tôi không?"

Bấy giờ, số đông người họ Thích bảo bà-la-môn Thế Điền rằng:

"Hôm nay, ở đây có hai người tài cao học rộng, ở tại nước Ca-tỳ-la-việt. Hai người này là ai? Một là Tỳ-kheo Châu-lợi-bàn-đặc, hai là Cù-đàm họ Thích, Như Lai, Chí chơn, Đẳng chánh giác. Người mà trong các đám đông ít được nghe đến, người không có trí tuệ, lời nói vụng về,

²⁶ Ni-câu-lưu viên 尼拘留園; vườn cây đa, ở ngoài thành Ca-tỳ-la-vệ (Pl. Kapilavattu). Pāli: Nigrodhārāma.

²⁷ Thích-sí 釋翅, phiên âm, nghĩa: "Giữa những người họ Thích". Pāli: Sakkesu.

²⁸ Phổ Nghĩa giảng đường. Pāli: Santhāgārasālā (Sandhāgāra), hội trường của họ Thích. cf. M. i. 91.

²⁹ Có lẽ đồng nhất với Lokāyatika của Pāli, cf. S. ii. 77. Đoạn sau, kinh 9 phẩm 44, phiên âm là Lô-ca-diên 盧迦延.

không phân biệt được nên bỏ hay nên lấy; đại loại như Châu-lợi-bàn-đặc. Còn người mà trong cả nước Ca-tỳ-la-việt này không ai biết đến, không ai nghe, người không trí tuệ, người quê mùa xấu xí, đại loại như Cù-đàm. Bây giờ, ông có thể luận nghị cùng họ. Nếu Bà-la-môn có khả năng luận nghị mà thắng được hai người này, thì năm trăm người chúng tôi liền tùy thời cúng dường mọi thứ cần dùng, và cũng sẽ đền ơn một nghìn thỏi vàng ròng.”

Bấy giờ, bà-la-môn liền tự nghĩ: “Dòng họ Thích ở Ca-tỳ-la-việt này, tất cả đều thông minh, có nhiều kỹ thuật, gian xảo, hư ngụy, không có chánh hạnh. Nếu ta cùng hai người kia luận nghị mà thắng được, thì đâu có đủ là lạ! Còn nếu người kia thắng ta, thì ta liền bị người ngu chiết phục. Nghĩ về hai lẽ này, ta không kham cùng họ luận nghị.” Sau khi nghĩ vậy xong, liền rút lui ra về.

Bấy giờ, đã đến giờ, Châu-lợi-bàn-đặc cầm bát vào thành Ca-tỳ-la-việt khát thực. Lúc này, bà-la-môn Thế Điển từ xa trông thấy Châu-lợi-bàn-đặc đi đến, liền tự nghĩ: “Bây giờ, ta nên đến hỏi nghĩa người kia.” Rồi bà-la-môn Thế Điển đi đến chỗ Tỳ-kheo, nói với Châu-lợi-bàn-đặc rằng:

“Sa-môn tên gì?”

Châu-lợi-bàn-đặc nói:

“Thôi, Bà-la-môn, cần gì hỏi tên? Sở dĩ ông đến đây là muốn hỏi nghĩa. Giờ thì nên hỏi [586a01] đi!”

Bà-la-môn nói:

“Sa-môn có thể luận nghị cùng tôi không?”

Châu-lợi-bàn-đặc nói:

“Nay ta còn có khả năng luận nghị cùng Phạm thiên, huống chi cùng với người mù không mắt như ông ư?”

Bà-la-môn nói:

“Người mù tức không phải là người không mắt? Không mắt tức không phải mù? Đây chỉ có một nghĩa há chẳng phải là lập lại phiền phức sao?”

Châu-lợi-bàn-đặc, bấy giờ liền bay lên không trung hiện ra mười tám cách biến hóa. Lúc này, Bà-la-môn liền tự nghĩ: “Sa-môn này chỉ có thần túc, chứ không biết luận nghị. Nếu ai giải nghĩa này cho ta, ta sẽ tự thân làm đệ tử người ấy.”

Lúc ấy, Tôn giả Xá-lợi-phất, bằng thiên nhĩ thông, nghe được những lời này: ‘Châu-lợi-bàn-đặc đang luận nghĩa với bà-la-môn Thế Điển.’ Tôn giả Xá-lợi-phất liền biến thân thành hình Bàn-đặc, và làm ẩn hình Bàn-đặc khiến không cho hiện ra, rồi nói với Bà-la-môn rằng:

“Này Bà-la-môn nếu ông tự nghĩ rằng: ‘Sa-môn này chỉ có thần túc, chứ không kham luận nghị.’ Bấy giờ, ông nên lắng nghe, tôi sẽ nói, sẽ đáp lại nghĩa mà ông vừa hỏi và sẽ dựa vào gốc luận cứ này dẫn thêm thí dụ.”

“Này Bà-la-môn, hiện tại ông tên gì?”

Bà-la-môn đáp:

“Tôi tên Phạm Thiên.”

Châu-lợi-bàn-đặc hỏi:

“Ông là đàn ông phải không?”

Bà-la-môn nói:

“Tôi là đàn ông.”

Lại hỏi:

“Đó là người phải không?”

Bà-la-môn đáp:

“Là người.”

Châu- lợi- bàn- đặc hỏi:

“Thế nào, Bà-la-môn, đàn ông cũng là người, người cũng là đàn ông, đây cũng là một nghĩa, há chẳng phải là lập lại phiền phức sao? Nhưng này Bà-la-môn, mù cùng với không mắt, nghĩa này không giống nhau.”

Bà-la-môn nói:

“Sa-môn, thế nào gọi là mù?”

Châu- lợi- bàn- đặc nói:

“Giống như không thấy đời này, đời sau, người sinh, người diệt, sắc tốt, sắc xấu, hoặc đẹp, hoặc xấu, chúng sanh đã tạo các hành vi thiện, hành vi ác, mà không biết như thật, vĩnh viễn không thấy, nên gọi đó là mù.”

Bà-la-môn nói:

“Thế nào là người không mắt?”

Châu- lợi- bàn- đặc nói:

“Mắt là mắt của trí tuệ vô thượng. Người kia không có mắt của trí tuệ vô thượng này, nên gọi là không mắt.”

Bà-la-môn nói:

“Thôi, thôi, Sa-môn, bỏ thứ tạp luận này đi. Nay tôi muốn hỏi nghĩa sâu. Thế nào, này Sa-môn, có trường hợp không nương vào pháp mà được Niết-bàn chăng?”

Châu- lợi- đáp:

“Không cần nương vào năm thủ uẩn mà được Niết-bàn.”

Bà-la-môn nói:

“Thế nào, Sa-môn, năm thủ uẩn này là có duyên mà sinh hay là không duyên mà sinh?”

[586b01] Châu-lợi-bàn-đặc đáp:

“Năm thủ uẩn này là có duyên mà sinh chứ chẳng phải không duyên mà sinh.”

Bà-la-môn hỏi:

“Duyên của năm thủ uẩn là gì?”

Tỳ-kheo đáp:

“Ái là duyên.”

Bà-la-môn hỏi:

“Gì là ái?”

Tỳ-kheo đáp:

“Chính là sinh.”

Bà-la-môn hỏi:

“Gì gọi là sinh?”

Tỳ-kheo đáp:

“Chính là ái.”

Bà-la-môn hỏi:

“Ái có đạo nào?”³⁰

Tỳ-kheo đáp:

“Chính là tám phẩm đạo Hiền Thánh; đó là chánh kiến, chánh nghiệp, chánh ngữ, chánh mạng, chánh tư duy,³¹

³⁰ Bản Hán có thể nhảy sót. Nên hiểu: Có con đường nào dẫn đến diệt tận ái không?

³¹ Chánh hành 正行; tức chánh tư duy. Trên kia có nơi nói là

chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định. Đó gọi là tám phẩm đạo Hiền Thánh.”

Sau khi Châu-lợi-bàn-đặc rộng nói pháp cho Bà-la-môn rồi, và Bà-la-môn nghe giáo nghĩa mà Tỳ-kheo đã nói như vậy xong, các trần cấu sạch hết, được pháp nhãn tịnh, liền tại chỗ trong thân khởi lên ngọn gió đạo mà qua đời.

Lúc bấy giờ Tôn giả Xá-lợi-phất hiện nguyên hình trở lại, bay trên hư không, trở về chỗ ở. Lúc đó Tôn giả Tỳ-kheo Châu-lợi-bàn-đặc đến giảng đường Phô Nghĩa, chỗ những người dòng họ Thích đang tụ tập, bảo những người họ Thích kia rằng:

“Mọi người hãy nhanh chóng sửa soạn tô dầu, củi đuốc, đem đến trà-tỳ bà-la-môn Thế Điển.”

Bấy giờ, dòng họ Thích sửa soạn tô dầu đến trà-tỳ³² bà-la-môn Thế Điển, và khởi công xây tháp ở ngã tư đường. Mọi người cùng theo nhau đến chỗ Tôn giả Tỳ-kheo Châu-lợi-bàn-đặc, đến rồi đánh lễ sát chân, ngồi qua một bên. Rồi những người họ Thích hướng về Tôn giả Châu-lợi-bàn-đặc nói bằng bài kệ này, rằng:

Trà-tỳ khởi dựng tháp,
Không trái lời Tôn giả;
Chúng tôi được lợi lớn,
Gặp được phước đức này.*

Bấy giờ, Tôn giả Châu-lợi-bàn-đặc nói kệ này đáp lại dòng họ Thích:

Nay chuyển Tôn Pháp luân,³³

chánh trị.

³² Da-duy 耶維 trong Hán dịch, ta quen nói là trà-tỳ. (Pāli:

jhāpeti)

³³ Đây chỉ Xá-lợi-phất.

*Hàng phục các ngoại đạo;
Trí tuệ như biển cả,
Đến đây hàng bà-la-môn.
Đã làm hành thiện ác,
Khử, lai, và hiện tại;
Ức kiếp không quên mất,
Cho nên phải tạo phước.*

Sau khi Tôn giả Châu-lợi-bàn-đặc rộng nói pháp cho những người dòng họ Thích kia xong. Những người dòng họ Thích bạch Châu-lợi-bàn-đặc rằng:

“Nếu Tôn giả cần, y phục, đồ ăn thức uống, chăn giường, ngọa cụ, thuốc thang trị bệnh, chúng tôi sẽ cung cấp hết mọi sự. Nguyên xin nhận lời thỉnh cầu, chớ từ chối một chút tình.”

Lúc ấy, Tôn giả Châu-lợi-bàn-đặc im lặng nhận lời.

[586c01] Bấy giờ, những người dòng họ Thích sau khi nghe những gì Tôn giả Châu-lợi-bàn-đặc dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 11

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật ở tại Ca-lan-đà trong Trúc viên, thành La-duyệt, cùng với năm trăm vị đại Tỳ-kheo. Bấy giờ, con người ác Đề-bà-đạt-đa* đi đến chỗ Vương tử Bà-la-lu-chi,³⁴ bảo Vương tử rằng:

³⁴ Bà-la-lu-chi 婆羅留支, Skt. Vāraluci (?), Hán dịch: Chiết Chi 折指, Vô Chi 無指. Tên hiệu của A-xà-thế (Pāli: Ajātasattu), theo truyền thuyết phương Bắc. Pāli không thấy nói đến tên hiệu này.

“Xưa kia, người dân thọ mạng rất dài, nhưng nay tuổi thọ con người không quá một trăm. Vương tử nên biết, mạng người vô thường, nếu không lên ngôi, mà giữa chừng mạng chung thì không đau lắm sao? Vương tử nay có thể đoạn mạng Phụ vương mà thống lãnh người trong nước. Còn tôi sẽ giết Sa-môn Cù-đàm để làm Vô thượng Chí chơn, Đẳng chánh giác. Làm Vua mới, Phật mới ở quốc độ Ma-kiệt, không khoái lắm sao? Như mặt trời xuyên qua mây, không chỗ nào là không chiếu. Như mặt trăng, mây tan, sáng rõ giữa muôn sao.”

Bấy giờ, Vương tử Bà-la-lưu-chi liền bắt phụ vương giam vào trong lao sắt, lập thêm thần phụ tá, thống lãnh nhân dân. Lúc bấy giờ, có các Tỳ-kheo vào thành La-duyệt khát thực, nghe Đề-bà-đạt-đa xúi dục Vương tử bắt phụ vương giam vào trong lao sắt, lập thêm thần phụ tá. Sau khi các Tỳ-kheo khát thực xong, trở về nơi ở, thu cất y bát, đến chỗ Thế Tôn, đánh lễ sát chân, bạch Thế Tôn:

“Sáng nay chúng con vào thành khát thực, nghe người ngu Đề-bà-đạt-đa dạy bảo Vương tử, bắt phụ vương giam vào lao ngục, lập thêm thần phụ tá. Rồi dạy vương tử rằng: ‘Ông giết phụ vương, ta hại Như Lai. Làm Vua mới, Phật mới ở quốc độ Ma-kiệt này, không khoái lắm sao?’”

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Nếu vua cai trị giáo hóa mà không dùng chánh lý, thì bấy giờ vương thái tử cũng thi hành phi pháp. Thái tử đã thi hành phi pháp, bấy giờ quần thần, trưởng quan lại cũng thi hành phi pháp. Quần thần, trưởng quan lại đã thi hành phi pháp, thì nhân dân quốc độ cũng thi hành phi pháp. Nhân dân quốc độ đã thi hành phi pháp, bấy giờ binh chúng nhân mã cũng thi hành phi pháp. Binh chúng đã thi hành phi pháp, bấy giờ trời, trăng đảo lộn, chuyển

vận không đúng giờ. Trời, trăng đã không đúng giờ, liền không có năm tháng. Đã không có năm tháng, ngày sai tháng lộn, không còn tinh quang. Ngày tháng đã không có tinh quang, bấy giờ tinh tú hiện quái. Tinh tú đã hiện ra biến quái, liền có gió dữ nổi lên. Gió dữ đã nổi lên, thần kỳ giận dữ. Thần kỳ đã giận dữ, bấy giờ mưa gió thất thường, [587a01] khi ấy hạt lúa ở dưới đất liền không tăng trưởng. Nhân dân, và các loài bò, bay, máy, cựa, nhan sắc biến đổi, tuổi thọ cực ngắn.

“Khi nào có vị vua cai trị bằng pháp, bấy giờ quần thần cũng thi hành chính pháp. Quân thần đã thi hành chính pháp, vương thái tử cũng thi hành chính pháp. Vương thái tử đã thi hành chính pháp, bấy giờ trưởng quan lại cũng thi hành chính pháp. Trưởng quan lại đã thi hành chính pháp, quốc độ nhân dân cũng thi hành chính pháp; trời trăng luôn thuận, gió mưa đúng thời, tai quái không hiện, thần kỳ hoan hỷ, ngũ cốc đầy dẫy; vua tôi hòa mục, nhìn nhau như anh như em không bao giờ thêm bớt; các loài có hình nhan sắc tươi sáng; thức ăn tự tiêu hóa, không có tai hại; tuổi thọ rất dài, được người yêu kính.”

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ này:

*Giống như trâu lội nước,
Đẫn đầu mà không ngay,
Tất cả đều không ngay;
Là do gốc dẫn đường.*

*Chúng sanh cũng như vậy;
Quần chúng cần người dẫn.
Dẫn đường hành phi pháp,
Huống là người thấp bé.*

*Dân chúng đều chịu khổ,
Do phép vua không chính;*

*Vì vua hành phi pháp,
Tất cả dân làm theo.*

*Giống như trâu lội nước,
Dẫn đầu mà đi ngay,
Đàn theo cũng đều ngay;
Là do gốc dẫn đường.*

*Chúng sanh cũng như vậy,
Quần chúng cần người dẫn;
Dẫn đường đi đúng pháp,
Huống chi người thấp bé.*

*Dân chúng đều hưởng vui,
Do phép vua dạy chánh;
Vì vua hành chánh pháp,
Tất cả dân làm theo.*

“Cho nên, này các Tỳ-kheo, hãy bỏ phi pháp mà hành chánh pháp. Như vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này.”

Các Tỳ-kheo, sau khi Tỳ-kheo nghe những gì đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.³⁵

³⁵ Bản Hán, hết quyển 8.